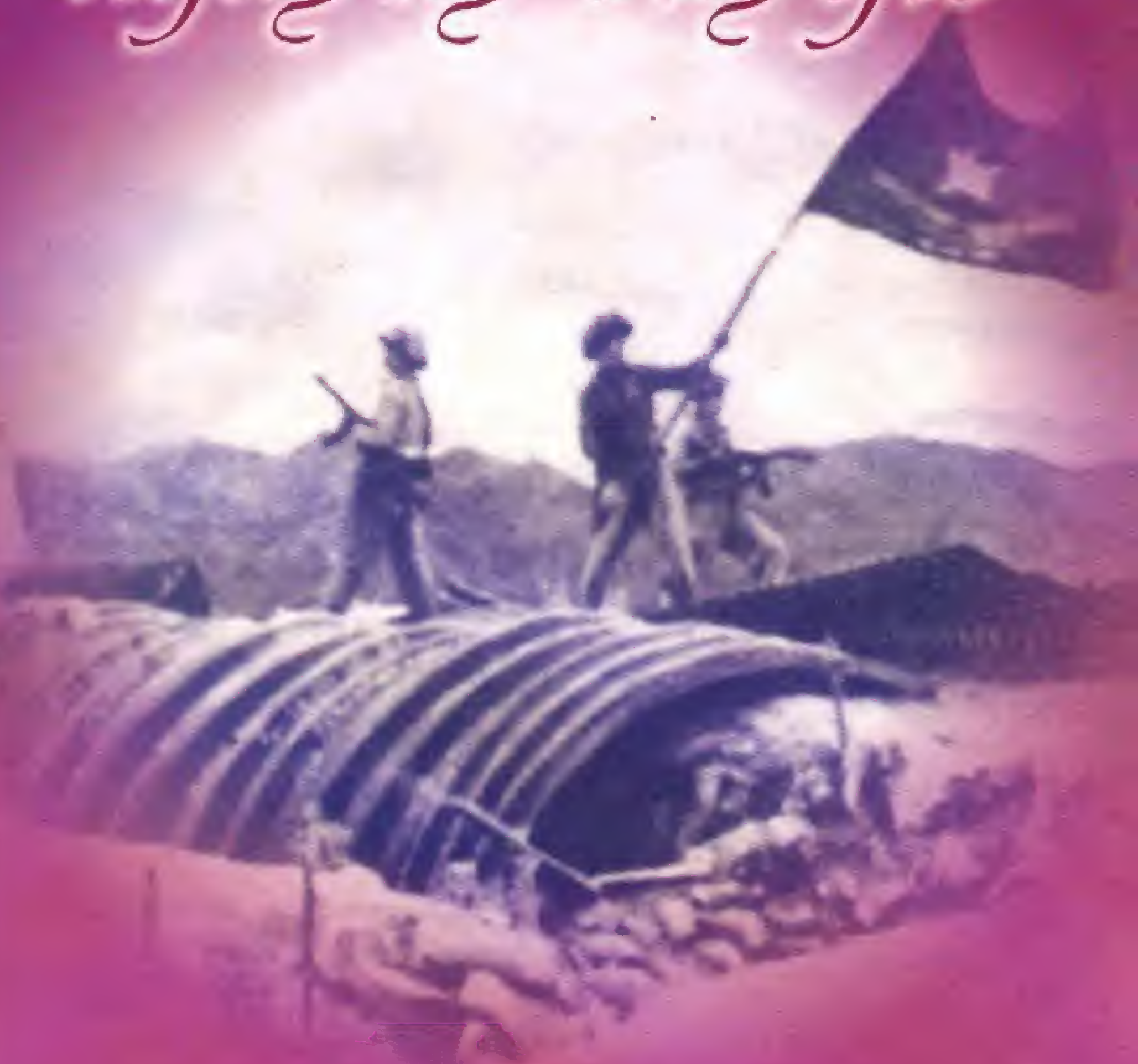


50 năm
chiến thắng Điện Biên Phủ

Đồng đội Điện Biên Phủ?

ngày ấy - bây giờ

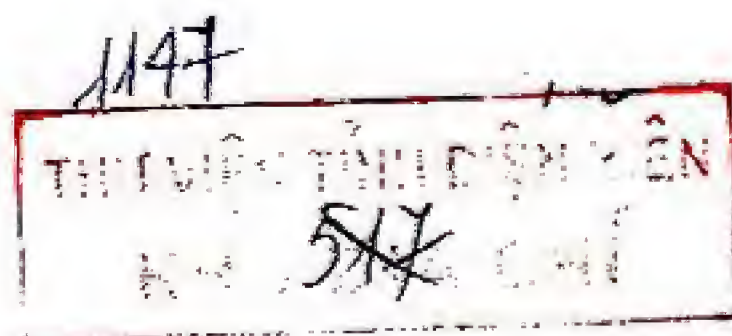


NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

v23 48/146 - CXB
CAND - 2004

NHIỀU TÁC GIẢ

ĐỒNG ĐỘI
ĐIỆN BIÊN PHỦ
Ngày ấy, Bây giờ



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Khen ngợi thành tích xuất sắc
của lực lượng cấp An ninh dân
trên cương vị như "Xã sĩ bản"
"Công An nhân dân"
cho nhận tập huy và
Chức vụ lý sự ĐIỂM BIÊN PHỦ.

Xuân giáp Thìn 2004

Võ Nguyên Giáp
Đã hưởng Võ Nguyên Giáp

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

50 năm đã trôi qua, Điện Biên Phủ chấn động địa cầu năm xưa vẫn in đậm trong tâm trí mỗi người lính, cán bộ, dân công tham gia chiến dịch Trần Đình. Mỗi sự kiện, mỗi trận đánh cho đến từng sợi dây thép gai, từng đường hào... họ còn nhớ như in. Làm sao quên được những tháng ngày đầy gian khổ hiểm nguy nhưng thật hào hùng và bi tráng ấy! Nửa thế kỷ, có biết bao thăng trầm trong cuộc đời mỗi người, nhưng với họ, Điện Biên Phủ mãi mãi là một kỷ ức đẹp đẽ, oai hùng.

50 năm qua đi, giờ đây mỗi người nhớ lại với những cảm xúc khác nhau. Không khí chuẩn bị khẩn trương cho chiến dịch, những cuộc tấn công dũng mãnh... những lo âu trăn trở, những kỷ niệm vui buồn... của mỗi người từng cùng nhau xông pha, lăn lộn trong khói lửa chiến tranh, trong lần

ranh giữa cái sống và cái chết - từng mảnh, từng mảnh ký ức như những cuộn phim quay lại.

Tất cả được giải bày trong những trang viết của các cựu chiến binh từng trực tiếp tham gia chiến dịch. Những trang viết ấy không mượt mà, trau chuốt như của các nhà văn chuyên nghiệp song đọc nó, bạn đọc hôm nay dường như thấy lòng mình trào dâng trước những tình cảm chân thành, thấy mình nhỏ bé trước những công hiến to lớn của thế hệ cha anh, càng có ý thức trân trọng và giữ gìn những giá trị lịch sử mà mình được thừa hưởng.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Nhà xuất bản Công an Nhân dân tổ chức và cho xuất bản cuốn sách **“Đồng đội Điện Biên Phủ - Ngày ấy, Bây giờ”** với mong muốn sẽ là món quà nhỏ của một số cựu chiến binh (hiện đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh) góp chung cùng các hoạt động kỷ niệm sự kiện trọng đại này của dân tộc.

Nhà xuất bản Công an Nhân dân



ĐIỆN BIÊN PHỦ CHIẾN THẮNG CỦA LÒNG YÊU NƯỚC VÀ TÀI THAO LƯỢC VIỆT NAM

Đại tá HOÀNG MINH PHƯƠNG

Nguyên Trưởng phòng tổng kết kinh nghiệm chiến tranh

Trưởng Khoa lý luận chung Viện Khoa học Quân sự Bộ Quốc phòng

Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân đoàn 4

Có những sự kiện lịch sử mà bụi thời gian không thể phủ mờ... Có những chiến công hiển hách tồn tại mãi với dân tộc, với loài người tiên bộ. Chiến thắng Điện Biên Phủ mùa xuân năm Giáp Ngọ (1954) là một chiến công như thế!

Nửa thế kỷ đã trôi qua. Đã có hàng vạn bài báo và hàng

trăm cuốn sách trong và ngoài nước viết về sự kiện trọng đại này. Tuyệt đại đa số tác giả đã phản ánh lịch sử một cách khách quan, trung thực, cung cấp nhiều tư liệu quý, được bạn đọc hoan nghênh, mặc dù có tác giả không tránh khỏi những sai sót về chi tiết. Điều đáng tiếc là hơn 10 năm lại đây, một số ít người nước ngoài đã viết quá sai sự thật về một số sự việc xảy ra 50 năm về trước.

Là một cựu chiến binh từng công tác ở Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Chỉ huy chiến dịch, tôi xin góp một số tư liệu, nhằm làm sáng tỏ thêm quá trình hình thành chủ trương “đánh nhanh thắng nhanh” và chủ trương “đánh chắc tiến chắc”, những chủ trương liên quan trực tiếp đến thất bại hay thành công của trận quyết chiến chiến lược này. Trong quá trình đó, ấn tượng sâu sắc nhất còn lưu mãi trong tôi là những năm ngải cứu trên đầu vị Tổng Tư lệnh kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch, sau 11 ngày đêm trăn trở và một đêm thức trắng, trước khi hạ được một quyết tâm sáng suốt và táo bạo ở thời điểm cuối cùng!

Hồi đó tôi là cán bộ cấp trung đoàn, làm Trưởng đoàn cán bộ phiên dịch Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam, trực tiếp làm phiên dịch và sĩ quan liên lạc giữa Tổng tư lệnh và Thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu với Trưởng và Phó đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc. Tôi được giao nhiệm vụ này vì biết tiếng Trung Quốc và có trình độ nhất định về chính trị - quân sự, nhất là sau khi được Đảng cử sang học tập ở Học viện Mác-Lênin Bắc Kinh năm 1949-1950.

Cũng cần nói rõ: Theo đề nghị của Trung ương Đảng ta, Đoàn Cố vấn quân sự đã được Trung ương Đảng Cộng sản

Trung Quốc cử sang Việt Nam từ tháng 8 năm 1950 để giúp quân đội ta kinh nghiệm tiến hành tác chiến tập trung, đưa cuộc kháng chiến chuyển mạnh sang giai đoạn mới. Trưởng đoàn là đồng chí Vi Quốc Thanh, một cán bộ cách mạng lâu năm, lịch lãm và chín chắn, từng lãnh đạo, chỉ huy binh đoàn (cấp trên quân đoàn) của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Phó đoàn kiêm Tham mưu trưởng là đồng chí Mai Gia Sinh, từng là Quân đoàn trưởng, một cán bộ quân sự nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm. Theo cách xưng hô của bạn, cán bộ ta thường gọi là Vi đoàn trưởng, Mai phó đoàn trưởng, hoặc đồng chí Vi, đồng chí Mai...

Cơ quan Tổng hành dinh đặt giữa rừng đại ngàn Việt Bắc. Nơi đây, mùa thu 1953, bộ óc cuộc kháng chiến đang phân tích kế hoạch quân sự mang tên viên Tổng chỉ huy thứ 7 của đội quân viễn chinh xâm lược Pháp ở Đông Dương. Với sự phối hợp và giúp đỡ của tình báo Trung Quốc, ta đã có trong tay bản kế hoạch vào hạ tuần tháng 9: Navarre đề ra mục tiêu trong vòng 18 tháng tiêu diệt phần lớn chủ lực của quân đội ta, giành một thắng lợi chiến lược quyết định, buộc Chính phủ ta phải đàm phán theo những điều kiện do Pháp đề ra, nhằm kết thúc chiến tranh mà vẫn duy trì được quyền lợi thực dân của chúng.

Kế hoạch Navarre chia làm hai bước:

Bước 1: Trong Đông Xuân 1953-1954, trên chiến trường Bắc Đông Dương, tránh giao chiến lớn với chủ lực Việt Minh, duy trì thế phòng ngự chiến lược, giữ vững đồng bằng Bắc

Bộ, bảo vệ Thượng Lào (trước hết là Luang Prabang và cánh đồng Chum). Trên chiến trường Nam Đông Dương, thực hành tiến công chiến lược, đánh chiếm các căn cứ kháng chiến của đối phương, trước hết là vùng tự do Liên khu V và Khu 9. Đi đôi với hoạt động tác chiến, ra sức bình định các vùng chiếm đóng, đẩy mạnh bắt lính, đồn quân, đồng thời tăng quân từ Pháp sang để khẩn trương xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đủ sức đè bẹp đối phương vào năm tới.

Bước 2: Từ mùa thu năm 1954, sau khi đã giành được ưu thế về lực lượng cơ động chiến lược, thực hành tổng giao chiến trên chiến trường miền Bắc (từ vĩ tuyến 18 trở ra), giảng cho chủ lực Việt Minh những đòn nặng nề, tạo thế mạnh đi vào đàm phán, tìm “lối thoát danh dự” cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Để thực hiện kế hoạch chiến lược nói trên, mùa thu năm 1953, Navarre tập trung một lực lượng cơ động lớn gồm 44 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc Bộ. Với lực lượng đó, y vừa sẵn sàng đối phó được với cuộc tiến công Thu Đông của chủ lực ta mà y phán đoán là có nhiều khả năng xảy ra ở đồng bằng; vừa đối phó được với chiến tranh du kích trong vùng chúng chiếm đóng ở Bắc Bộ, lại vừa tạo được thế uy hiếp các vùng tự do rộng lớn của ta ở Thanh - Nghệ - Tĩnh, Trung du và Việt Bắc. Dưới khẩu hiệu “luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công”, Navarre cho quân tập kích sâu vào hậu phương ta ở Lạng Sơn, thả hàng ngàn biệt kích xuống Tây Bắc, mở các cuộc càn quét dữ dội ở các vùng tạm chiếm.

Lúc bấy giờ đồng chí Vi Quốc Thanh về nước mới sang, đã cùng Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp - mà chúng tôi quen dùng tên gọi thân mật là anh Văn - lên gặp Bác Hồ ở Khuổi Tát. Đây là một bản nhỏ của người Dao trên đỉnh núi, ở vùng giáp ranh 2 tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Bác ở và làm việc trong một nhà sàn nhỏ trên sườn núi, có rừng tre che khuất.

Sau khi nghe báo cáo kế hoạch của địch, Bác nói: “Navarre có rất nhiều tham vọng, muốn giành thắng lợi lớn về quân sự. Địch muốn chủ động, ta buộc chúng phải lâm vào bị động. Địch muốn tập trung quân cơ động thì ta có kế hoạch buộc chúng phải phân tán ra mà đánh”.

Theo sự chỉ đạo của Bác, anh Văn và đồng chí Vi Quốc Thanh bàn bạc và nhất trí đề nghị với Tổng quân ủy và Bộ Chính trị: dùng một bộ phận quân chủ lực phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương chủ động mở các cuộc tiến công trên những hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối yếu và sơ hở, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán quân cơ động để đối phó. Tiếp tục khoét sâu mâu thuẫn cơ bản giữa tập trung và phân tán binh lực của địch, tạo nên thế trận mới, thời cơ mới. Theo dõi sát tình hình để khi thời cơ xuất hiện thì nhanh chóng tập trung chủ lực, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, làm chuyển biến cục diện chiến tranh.

Sau khi chủ trương tác chiến Đông Xuân được Tổng quân ủy và Bộ Chính trị thông qua, Bộ Tổng tham mưu đã khẩn trương xây dựng kế hoạch tác chiến:

Trong Đông Xuân 1953-1954, *lấy Tây Bắc làm hướng chính*. Bước 1: dùng Đại đoàn 316 tiến công tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc. Bước 2: Đại đoàn 316 phối hợp với Trung đoàn 148 của khu Tây Bắc, cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam và quân giải phóng Pathét Lào giải phóng tỉnh Phong Xa Lỳ của bạn. Hướng này do các đồng chí Lê Quảng Ba, Chu Huy Mân, Tư lệnh và Chính ủy Đại đoàn 316 phụ trách.

Hướng Trung và Hạ Lào, sử dụng Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, Trung đoàn 101 của Đại đoàn 325 do đồng chí Hoàng Sâm, Tư lệnh Đại đoàn 304 và đồng chí Trần Quý Hai, Tư lệnh kiêm Chính ủy Đại đoàn 325 phụ trách, phối hợp với bộ đội tình nguyện Việt Nam và lực lượng của bạn, tiến công vào các vị trí xung yếu, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh thông hành lang Nam Bắc Đông Dương.

Hướng Tây Nguyên, sử dụng 2 Trung đoàn 108 và 803, chủ lực của Liên khu V, do đồng chí Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu V trực tiếp chỉ huy, đánh chiếm khu vực Bắc Tây Nguyên, phá âm mưu bình định miền Nam Việt Nam của địch.

Hướng đồng bằng Bắc Bộ: Đại đoàn 320 và các trung đoàn chủ lực của Liên khu III có nhiệm vụ chiến đấu thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, đánh phá giao thông, phá hỏng các phương tiện vận chuyển đường bộ, đường thủy và đường không của địch.

Ở các vùng địch tạm chiếm từ Trung du, đồng bằng

Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ đến Nam Bộ, Lào và Campuchia, sẽ đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao rộng rãi sinh lực địch, giành đất, giành dân, buộc địch phải căng mỏng lực lượng ra đối phó.

Khối chủ lực còn lại (gồm các Đại đoàn bộ binh 308, 312, 304 (thiếu Trung đoàn 66), Đại đoàn công binh - pháo binh 351 và Trung đoàn bộ binh 246) giấu quân bí mật tại vùng trung du, sẵn sàng cơ động lên Tây Bắc và đánh địch tiến công ra vùng tự do của ta.

Đối với Đại đoàn bộ binh 325 (thiếu Trung đoàn 101) thì để lại Trung đoàn 18 hoạt động ở Bình Trị Thiên, Trung đoàn 95 ra Nghệ An chỉnh huấn, sẵn sàng làm lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh.

Kế hoạch tác chiến Đông Xuân của ta chưa triển khai thì ngày 15 và 16.10.1953, Navarre đã ra tay trước bằng cuộc hành binh Hải Âu (Mouette) đánh ra Tây Nam Ninh Bình và cuộc hành binh Con bồ nông (Pélican) đánh vào vùng ven biển Thanh Hóa. Nhưng sau hơn 20 ngày chiến đấu, đòn tiến công thăm dò của địch hòng phá kế hoạch chuẩn bị của ta đã hoàn toàn thất bại.

Ngày 19.11.1953, trong một khu rừng thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Bộ Tổng tư lệnh triệu tập hội nghị quân chính từ cấp trung đoàn trở lên để phổ biến kế hoạch tác chiến Đông Xuân. Hội nghị đang họp thì được tin ngày 20.11 địch nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ. Sau mấy phút hội ý với Thiếu tướng Phó Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp

tạm dừng cuộc họp một lúc để kịp thời xử trí tình hình:

- Chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu đôn đốc Đại đoàn 316 hành quân gấp lên Lai Châu. Chậm nhất ngày 6.12.1953, đại bộ phận lực lượng của đại đoàn phải có mặt ở Tuần Giáo.

- Lệnh cho Đại đoàn 304 hành quân nghi binh lên Tây Bắc rồi bí mật luôn rừng về Phú Thọ, giấu quân kín đáo, sẵn sàng đánh địch tiến công ra vùng tự do hoặc cơ động đi hướng khác khi tình hình đòi hỏi.

- Các Đại đoàn 308, 312, 351 sẵn sàng chuẩn bị để khi có lệnh là lên đường.

- Bộ Tổng tham mưu cử ngay bộ phận tiền trạm đi trước lên Tây Bắc bằng ô tô để bố trí Sở chỉ huy tiền phương.

Ngày 23.11, để chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ trước tình hình mới, khi kết luận hội nghị, anh Văn nói đại ý:

“Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dù ta không phán đoán được cụ thể địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong dự kiến trước của ta là: Nếu Tây Bắc và Thượng Lào bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là Navarre đã bắt đầu bị động. Ta cần tìm hiểu thêm ý đồ của địch. Rồi đây, chúng có thể tăng cường lực lượng, xây dựng tập đoàn cứ điểm, và cũng không loại trừ khả năng địch rút. Nhưng vô luận tình hình thay đổi thế nào, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ căn bản cũng có lợi cho ta”.

Hội nghị sắp kết thúc thì Bác Hồ đến thăm. Không khí cuộc họp sôi nổi và càng thêm ấm cúng. Từ lâu, đã thành thói quen là mỗi lần có hội nghị để chuẩn bị cho một chiến dịch lớn, Bác Hồ thường đến thăm và dặn dò cán bộ trước

khi lên đường ra trận. Bác khen ngợi các đại biểu đã thảo luận sôi nổi và nhất trí với phương án tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh. Bác nhấn mạnh: “Vì tình hình địch có thể còn thay đổi, nên các chú phải luôn luôn nắm vững phương châm chỉ đạo tác chiến mà Bộ Chính trị đã đề ra là: Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”.

Lời động viên và dặn dò của Bác đã tăng thêm niềm tin và quyết tâm của cán bộ trước khi bước vào một cuộc chiến đấu mà mọi người thấy trước là sẽ ác liệt hơn trước rất nhiều. Đó là vì, sau khi đình chiến ở Triều Tiên, Mỹ đã tăng cường can thiệp vào Đông Dương, viện trợ ồ ạt cả về tài chính và vũ khí cho quân đội Pháp. Kế hoạch Navarre chính là sản phẩm của sự cầu kết giữa 2 tên đế quốc.

Sau khi làm việc cụ thể với cán bộ các chiến trường xa, anh Văn, anh Thái cùng mấy cán bộ tham mưu tập trung nghiên cứu tình hình Tây Bắc. Tiếp đó anh Văn hội ý với đồng chí Vi. Vấn đề đặt ra là: Địch sẽ giữ cả Lai Châu và Điện Biên Phủ, hoặc rút quân từ Lai Châu về, tăng cường xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm để duy trì sự có mặt của quân đội Pháp ở Tây Bắc và che chở cho Thượng Lào? Hoặc sau khi đón được địch ở Lai Châu, địch ở Điện Biên Phủ cũng có khả năng rút chạy? Khi đại bộ phận chủ lực ta đã tiến sâu vào Tây Bắc, liệu địch có khả năng đánh ra vùng tự do ở Trung du và Việt Bắc hay không? Sau khi bàn bạc, hai người nhận định: Navarre là một viên tướng có tầm nhìn chiến lược và những chủ trương rất táo bạo, ta phải tỉnh táo đề phòng. Việc điều động các đơn vị

chủ lực phải được tiến hành từng bước. Trước mắt, cần cho ngay Đại đoàn 308 tiến lên Tây Bắc, nhanh chóng bao vây Điện Biên Phủ, đề phòng địch rút chạy, đồng thời chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm nếu chúng chấp nhận giao chiến với ta. Các Đại đoàn khác như 304, 312, 351 vẫn giấu quân ở Tuyên Quang, Phú Thọ rồi tùy tình hình mà xử trí.

Ngày 16.11.1953, bộ phận nhẹ đi trước của tiền phương Bộ Tổng tư lệnh lên đường đi Tây Bắc. Cơ quan tham mưu do anh Hoàng Văn Thái - Phó Tổng tham mưu trưởng phụ trách, lấy bí danh là anh Thành. Cùng đi có anh Cao Pha - Cục phó Cục Quân báo và các bộ phận Tác chiến, thông tin, cơ yếu, bảo đảm sinh hoạt. (Anh Đỗ Đức Kiên, Cục phó Cục Tác chiến đã được cử đi trước mấy hôm để chuẩn bị Sở chỉ huy tiền phương). Cơ quan chính trị do anh Lê Liêm, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị phụ trách, lấy bí danh là anh Lê. Cơ quan cung cấp do anh Đặng Kim Quang, Phó chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp¹ phụ trách, lấy bí danh là anh Đặng. Về phía bạn có đồng chí Mai Gia Sinh và một số cố vấn tham mưu. Tôi cũng được phân công đi trước để giúp hai đồng chí Thái và Mai làm việc.

Bộ phận đi trước của tiền phương Bộ Tổng tư lệnh đi bằng ô tô ra trận. Trừ mấy chiếc xe Jeep của các đồng chí lãnh đạo, còn lại là xe vận tải Mô-lô-tô-va do Liên Xô viện trợ. Chỉ riêng điều đó cũng nói lên một bước trưởng thành đáng

1. Sau này gọi là Tổng cục Hậu cần

phần khởi của quân đội ta. Nhớ lại thời chiến dịch Biên Giới mùa thu năm 1950, khi Bác Hồ ra trận, Bác ngồi xe vận tải và cũng chỉ đi được từng đoạn, vì đường chưa thông suốt, lại rất nhiều ổ gà, Bác bảo đi bộ còn sướng hơn!

Để tránh máy bay và giữ bí mật, chúng tôi ngày nghỉ, đêm đi, từ căn cứ núi Hồng qua Đèo Khế, vượt sông Lô ở bên Bình Ca quen thuộc. Qua cây số 5 và Đoan Hùng, chúng tôi quật lên Yên Bái rồi vượt sông Thao ở bên Âu Lâu. Tại đây anh Thái và đồng chí Mai gặp anh Vương Thừa Vũ đang chuẩn bị cho Đại đoàn 308 tiến vào Tây Bắc. Sau khi nghe tình hình chuẩn bị chiến đấu của Đại đoàn, anh Thái dặn anh Vũ khi qua Nà Sản, nhớ cho cán bộ nghiên cứu kỹ cách tổ chức phòng ngự của tập đoàn cứ điểm. Nếu đánh Điện Biên Phủ, 308 chắc chắn sẽ là đơn vị chủ công...

Vượt sông Thao, chúng tôi bắt đầu đi sâu vào Tây Bắc bao la, qua những vùng vừa được giải phóng cuối năm 1952. Lúc này đường từ Âu Lâu qua Ba Khe, qua đèo Lũng Lô mới mở để đến Vạn Yên đã được sửa xong. Đường từ Vạn Yên đến Tạ Khoa đã được mở rộng. Bến Tạ Khoa đã có phà cho ô tô vượt sông Đà. Nhìn những đoạn đường ngoằn ngoèo mới sửa, những thành cao vách đứng bên bờ vực thẳm trên đèo Lũng Lô, chúng tôi nghĩ đến bao mồ hôi và cả máu của bộ đội công binh, dân công và các cán bộ giao thông công chính đã đổ xuống trên tuyến đường hiểm trở này. Đây là đường 13 nối liền Yên Bái với Cò Nòi trên đường 41. Trung ương Đảng và Chính phủ đã chỉ thị phải bảo đảm thông suốt cho cả xe vận tải và xe kéo pháo trước khi bước vào

chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954.

Vượt qua ngã ba Cò Nòi, ngày 30.11, đoàn chúng tôi đến Nà Sản. Anh Thái và đồng chí Mai dừng lại đây 1 ngày để nghiên cứu tập đoàn cứ điểm mà địch mới rút bỏ chưa đầy 4 tháng.

Thu Đông 1952, quân ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng gần hết vùng Tây Bắc, gồm các tỉnh Yên Bái, Sơn La và Lai Châu (trừ thị xã và khu vực xung quanh). Địch phải thu thập tàn quân và các lực lượng ở Tạ Khoa, Cò Nòi, Sơn La về Nà Sản, lập thành tập đoàn cứ điểm. Sang đợt 3 chiến dịch, ta chủ trương tiến công Nà Sản.

Đêm 30.11.1952, ta tiêu diệt Pú Hồng và Bản Hối, nhưng sau đó địch phản kích chiếm lại Pú Hồng. Đêm 1.12.1952, ta đánh Nà Xi và Bản Vây đều không thành công. Nguyên nhân là bộ đội đã đuối sức sau gần 2 tháng chiến đấu liên tục, địch lại có ưu thế về pháo binh và không quân, ta chưa có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm.

Nghiên cứu xong Nà Sản, đồng chí Mai bàn với anh Thái: “Một nguyên nhân quan trọng khiến năm ngoái ta chưa thành công là do chưa có khả năng kiềm chế pháo binh và hạn chế hoạt động của không quân địch. Năm nay bộ đội Việt Nam đã có lựu pháo 105 ly và pháo cao xạ 37 ly, lại đã qua nghiên cứu cách đánh tập đoàn cứ điểm, nên nhất định là chúng ta đánh được. Tập đoàn cứ điểm cũng có nhiều sơ hở. Ta cần khẩn trương lên mặt trận nắm tình hình và chuẩn bị sẵn phương án tác chiến”.

Lúc bấy giờ, ta chỉ mới có bản đồ Tây Bắc tỷ lệ 1/100.000, khu vực Điện Biên Phủ vẫn còn để trắng. Sau khi địch nhảy dù, theo yêu cầu của ta, tên sĩ quan bị bắt hồi tháng 11.1952 khi ta giải phóng Điện Biên Phủ lần đầu, đang ở trại tù binh Chiêm Hóa, đã vẽ tay một sơ đồ Điện Biên Phủ. Ngoài dòng sông Nậm Rốm và các ngọn đồi phía Đông, các chi tiết khác còn sơ sài.

Đêm 4.12.1953, đoàn xe vượt đèo Pha Đin dài hơn 30km, qua những dãy núi cao sừng sững che kín cả một vùng trời. Máy bay địch đã tăng cường đánh phá. Sáng 5.12, anh Thái được Bộ Tổng tham mưu điện cho biết: địch đang rút các đơn vị Âu Phi ở Lai Châu về Điện Biên Phủ bằng đường không. Anh lệnh ngay cho Đại đoàn 316 đang trên đường tiến lên Tuần Giáo đẩy nhanh tốc độ hành quân, không để cho bọn địch còn lại ở Lai Châu rút chạy.

Sáng 6.12, đoàn đến Sở chỉ huy tiền phương đầu tiên của Bộ Tổng tư lệnh ở hang Thẩm Púa, ngang cây số 15 trên đường Tuần Giáo đi Mường Thanh. Bộ Tổng tham mưu điện cho biết thêm: địch đã lệnh cho các đơn vị linh nguy ở Lai Châu rút về Điện Biên Phủ theo đường bộ qua Mường Pồn. Ngày 7.12, anh Thái trực tiếp giao nhiệm vụ cho Đại đoàn 316 tiêu diệt quân địch rút chạy, giải phóng Lai Châu. Lệnh cho Đại đoàn 308 gấp rút tiến về Điện Biên Phủ, cho đơn vị đi đầu nhanh chóng vòng theo đường tắt xuống chốt chặn ở phía nam Hồng Cúm, đề phòng địch rút chạy về hướng Thượng Lào.

Ngày hôm sau, anh triệu tập cán bộ công binh, giao nhiệm

vụ cùng với thanh niên xung phong và dân công gấp rút mở rộng đường Tuần Giáo đi Mường Thanh, bảo đảm cho xe kéo pháo và xe vận tải có thể vào sát chiến trường. Cục Quân báo được giao nhiệm vụ khẩn trương tổng hợp các nguồn tin để báo cáo cụ thể tình hình địch.

Lúc này, căn cứ vào báo cáo và bản vẽ của các mũi trình sát tiền phương và các đơn vị thuộc Trung đoàn 148 đã bám sát và đánh địch từ đầu, kết hợp với tin trình sát kỹ thuật, ta đã nắm được tương đối cụ thể địa hình và các vị trí đóng quân của địch. Binh lực địch đã lên đến 9 tiểu đoàn. Chúng đã san bằng thị trấn Mường Thanh để xây dựng Sở chỉ huy và trận địa pháo. Sân bay Mường Thanh đã được sửa chữa và sử dụng. Hàng ngày, máy bay vận tải liên tục chở các loại trang bị kỹ thuật thả dù hoặc hạ cánh. Địch đang tập trung xây dựng các cụm cứ điểm Him Lam, đồi A1 và các ngọn đồi khác ở phía Đông, ở Nam Bắc sân bay. Ở phía Tây đã có cứ điểm Cang Na và một vài nơi đang đào công sự. Sau đó, địch đóng thêm Bản Kéo và một vị trí tiền tiêu ở đồi Độc Lập. Trình sát phát hiện ở Hồng Cúm cũng đã có địch và máy bay trực thăng lên xuống. Tuy nhiên, phần lớn công sự còn làm theo kiểu dã chiến, phòng ngự địch ở phía Tây còn nhiều sơ hở. Anh em báo cáo: Một chiến sĩ trình sát có lần vào gần sân bay lấy dù tiếp tế và phục bắt tù binh, đến sáng không ra được, đã giấu mình trong đồng dù nằm ăn đồ hộp và ngủ cả ngày mà địch không hề hay biết!

Ngày 9.12.1953, căn cứ vào tình hình địch và địa hình, hai đồng chí Thái, Mai cùng một số cán bộ và Cố vấn tham

mưu bàn cách đánh. Có hai phương án được đề ra:

- Một là: Dùng toàn bộ lực lượng chia làm nhiều hướng đánh cùng một lúc, có sự chi viện và hợp đồng chặt chẽ của pháo binh và cao xạ. Một mũi đột kích mạnh của bộ binh sẽ từ phía Tây và Tây Nam thọc sâu vào Sở chỉ huy, giống như một lưỡi gươm đâm thẳng vào tim, tạo nên sự rối loạn ở trung tâm phòng ngự địch ngay từ đầu, rồi từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tiêu diệt địch trong thời gian tương đối ngắn.

- Hai là: Bao vây địch dài ngày rồi đánh dần từng bước một, lần lượt tiến công từng trung tâm đề kháng bằng nhiều trận công kiên kế tiếp, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

Đồng chí Mai gọi cách đánh thứ nhất là “chiến thuật moi tim” (Oa tâm tạng chiến thuật), cách đánh thứ hai là: “Chiến thuật bóc vỏ” (bóc bì chiến thuật). Đồng chí phân tích: Năm ngoai đánh Nà Sản, ta dùng chiến thuật bóc vỏ, lần lượt đánh từng vị trí, lại không có trọng pháo tầm xa để chế áp pháo binh và Sở chỉ huy địch, nên chúng tập trung được toàn bộ hỏa lực của tập đoàn cứ điểm chi viện cho từng vị trí bị tiến công. Ta thương vong nhiều mà không dứt điểm được. Mà có dứt điểm thì cũng không giữ được, như vị trí Pú Hồng. Ở Điện Biên Phủ hiện nay, địch còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, công sự chưa vững chắc, lại có nhiều sơ hở ở phía Tây. Ta nên tranh thủ đánh sớm, đánh nhanh bằng sức mạnh mới của bộ pháo hiệp đồng (hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh), dùng chiến thuật moi tim để tiêu diệt địch. Nếu không đánh sớm, địch tăng thêm binh lực, hỏa lực, củng cố công sự và hoàn chỉnh thể

bổ phòng thì e sẽ gặp khó khăn.

Anh Thái đặt vấn đề: làm thế nào để đưa pháo vào trận địa khi ta chủ trương đánh sớm, đánh nhanh mà chưa kịp làm đường cho xe kéo pháo? Làm thế nào để hạn chế tác dụng của máy bay, pháo binh, giảm bớt thương vong khi ta đánh liên tục cả ban ngày?

Đồng chí Mai giải đáp: “Sau khi hoàn thành việc mở rộng đường Tuần Giáo - Mường Thanh, ta chỉ cần đốn cây, phạt cỏ rồi dùng sức người kéo pháo vào trận địa. Việc này chúng tôi đã từng làm, tuy có khó khăn vất vả, nhưng sẽ tạo được bất ngờ lớn. Về việc đối phó với máy bay và pháo địch, ta có khả năng làm được: trận đánh sẽ bắt đầu bằng một trận pháo cấp tập dữ dội, làm cho pháo địch và máy bay thường trực ở sân bay bị tổn thất nặng ngay từ đầu. Tiếp đó là các mũi đột kích của bộ binh thọc sâu vào chia cắt đội hình, *mũi chủ yếu đánh thẳng vào Sở chỉ huy và trung tâm thông tin theo kiểu “nở hoa trong lòng địch” (tâm trung khai hoa)*. Ta làm được như vậy thì các trận đánh ban ngày sẽ diễn ra trong thế địch ta xen kẽ. Máy bay và pháo địch không dễ dàng bắn trúng đội hình chiến đấu của ta mà không gây thương vong cho quân của chúng. Tôi được thông báo là các tiểu đoàn pháo cao xạ của Liên Xô viện trợ và đưa qua Trung Quốc huấn luyện đã tiến bộ khá nhanh. Trước khi về nước, cán bộ và chiến sĩ đã nắm vững chiến thuật và kỹ thuật. Đây là một lực lượng đáng tin cậy để hạn chế hoạt động của không quân địch”.

Sau khi cân nhắc thuận lợi và khó khăn về cách đánh cũng như về khả năng đảm bảo hậu cần, hai đồng

chí nhất trí chọn phương án đánh nhanh thắng nhanh để chuẩn bị báo cáo với anh Văn.

Trong khi đó thì ở hậu phương, ngày 6.12.1953, tờ trình của Tổng quân ủy gửi lên Bộ Chính trị đã dự kiến: “Thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày, không kể thời gian tập trung bộ đội và làm công tác chuẩn bị. Trận đánh có thể bắt đầu vào trung tuần tháng 2.1954¹. Dự kiến này đã được tính toán theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”.

Hạ tuần tháng 12, anh Văn báo cáo tiếp tình hình mới, Bộ Chính trị hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Như vậy là, sau khi buộc địch phải bị động phân tán khối chủ lực của chúng, phải vội vã ném những đơn vị lính dù và bộ binh tinh nhuệ nhất xuống một vị trí cô lập ở vùng rừng núi, cách xa các căn cứ lớn của chúng ở đồng bằng, ta đã chủ động tạo ra thời cơ và tích cực nắm lấy thời cơ, buộc địch phải “tổng giao chiến” sớm hơn một năm so với ý định ban đầu của chúng.

Ngày 1.1.1954, Bộ Chính trị chỉ định cơ quan lãnh đạo và chỉ huy chiến dịch. Anh Văn được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy chiến dịch kiêm Bí thư Đảng ủy, anh Thái làm Tham mưu trưởng, anh Liêm làm Chủ nhiệm chính trị, anh Giang làm Chủ nhiệm cung cấp. Cả 3 anh đều được chỉ định là ủy

1. Xem “Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Pháp” - BTTM xuất bản 1991 trang 730.

viên Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ.

Anh Văn lên Khuổi Tát chào Bác trước khi lên đường. Bác hỏi:

- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại không?

- Các đồng chí Tổng Tham mưu phó, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Tổng cục Cung cấp đều đã có mặt ở trên đó. Sẽ tổ chức cơ quan tiền phương Bộ Tổng tư lệnh. Việc ở nhà có anh Nguyễn Chí Thanh và anh Văn Tiên Dũng. Chỉ trở ngại là ở xa, không thường xuyên xin được ý kiến Bác và Bộ Chính trị.

Bác nói:

- Tổng tư lệnh ra mặt trận. “Tướng quân tại ngoại”. Trao cho chú toàn quyền quyết định... Và Bác không quên dặn kỹ: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh. Không chắc thắng không đánh”.

Ngày 5.1, anh Văn cùng Sở chỉ huy tiền phương Bộ Tổng tư lệnh lên đường đi Tây Bắc. Cùng đi có các anh Trần Văn Quang - Cục trưởng Cục Tác chiến, Lê Trọng Nghĩa - Cục trưởng Cục Quân báo, Hoàng Đạo Thúy - Cục trưởng Cục Thông tin. Về phía bạn có đồng chí Vi Quốc Thanh và một số cố vấn.

Qua Tuyên Quang, anh Văn ghé thăm vị trí trú quân của đơn vị pháo đã lên đường trước đó mấy hôm. Qua địa phận Phú Thọ giáp với Yên Bái, anh ghé thăm Đại đoàn 304, lệnh cho Trung đoàn 57 gấp rút hành quân lên Điện Biên Phủ, chỉ

để Trung đoàn 9 ở lại bảo vệ hậu phương¹. Như vậy, tiếp theo 3 Đại đoàn 316, 308, 312 đã lần lượt tiến lên Tây Bắc, Đại đoàn công pháo 351 và Trung đoàn 57 cũng đã lên đường.

Sau khi vượt đèo Pha Đin để lên Tuần Giáo, anh Văn ghé thăm cán bộ chỉ huy các tuyến vận tải tiếp tế cho Điện Biên Phủ và thân mật nói: “Minh đi chiếc xe Jeep cộc cạch trên những con đường mới mở, vượt sông Lô, sông Thao lại vượt sông Đà, hết đèo Lũng Lô lại đến Pha Đin, càng đi sâu vào Tây Bắc càng thấy đường sá hiểm trở. Ngã ba Cò Nòi là nơi tiếp giáp của hai con đường huyết mạch: từ Việt Bắc, Trung du sang, từ Thanh Nghệ Tĩnh và đồng bằng Bắc Bộ lên Tây Bắc. Thế nào địch cũng biến nơi này thành một túi bom!... Nghĩ tới vấn đề tiếp tế cho mặt trận, đường quá dài, người ở tiền tuyến cần gạo, nhưng người vận chuyển cũng cần gạo... Nhiệm vụ tiếp vận của các cậu sẽ trở nên gay go gian khổ khi chiến dịch kéo dài. Các cậu phải cố gắng lắm mới hoàn thành được”².

Sáng 12.1.1954, anh Văn đến Tuần Giáo. Chợp mắt được một lúc thì anh Thái đã từ Sở chỉ huy ra đón. Anh Thái tranh thủ báo cáo tình hình địch, ta, địa hình Điện Biên Phủ

1. Trung đoàn 9 cuối tháng 4.1954 lên Điện Biên Phủ, Trung đoàn 66 hoạt động ở Trung Lào.

2. Theo hồi ức của Thiếu tướng Nguyễn An, nguyên cán bộ Trung đoàn, phụ trách một tuyến tiếp vận cho mặt trận Điện Biên Phủ, sau này là Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.

và phương án đánh nhanh thắng nhanh đã bàn với đồng chí Mai và anh Liêm, anh Giang. Anh Văn cảm thấy phương án này không ổn, trái hẳn với dự kiến của Tổng Quân ủy trình lên Bộ Chính trị ngày 6.12.1953. Anh muốn vào sớm để gặp cán bộ và nghe thêm tình hình cụ thể. Chiều 12.1, anh Văn đi tiếp vào Sở chỉ huy ở hang Thảm Púa, tranh thủ triệu tập hội nghị Đảng ủy. Trong cuộc họp, tất cả các đảng ủy viên đều nhất trí chọn phương châm “đánh nhanh thắng nhanh”. Mọi người cho rằng, quân ta đang sung sức, quyết tâm chiến đấu rất cao, lại có trọng pháo và cao xạ lần đầu xuất trận, ta có thể tạo bất ngờ và đánh thắng. Nếu không đánh sớm, để tập đoàn cứ điểm được tăng cường quá mạnh, ta sẽ bỏ lỡ cơ hội đánh tiêu diệt lớn trong Đông Xuân này. Đánh dài ngày sẽ rất khó giải quyết vấn đề tiếp tế: Tại khu vực Điện Biên Phủ, mỗi ngày tiêu thụ gần 50 tấn gạo. Nếu tính từ Sơn La trở lên, binh quân phải có 90 tấn gạo ngày cho cả bộ đội và dân công. Dịch sẽ tăng cường đánh phá đường tiếp tế vận chuyển độc đạo của ta. Nếu chiến dịch kéo dài thì làm sao có đủ gạo ăn mà đánh được? Đó là chưa tính đến đạn dược, thuốc men. Về tư tưởng, bộ đội vốn thích về đánh ở đồng bằng, nay thì đã bước đầu thông suốt, hăng hái, quyết tâm; nhưng nếu ở chiến trường rừng núi quá lâu, ăn uống kham khổ, bệnh tật phát sinh thì cả thể lực cũng như ý chí đều có thể dần dần giảm sút...

Anh Văn không nhất trí với những ý kiến đó. Dĩ nhiên đánh nhanh thắng nhanh có nhiều điều lợi, nhưng vấn đề

mẫu chốt là có bảo đảm chắc thắng hay không? Bộ đội ta, tuy đã được chuẩn bị về tư tưởng và chiến thuật để đánh tập đoàn cứ điểm, nhưng chưa có kinh nghiệm thực tế. Ta còn phải mất thêm một thời gian nữa để làm đường và kéo pháo. Địch còn có thể tăng quân, xây dựng công sự và bố phòng ngày càng vững chắc. Ngay bây giờ đánh nhanh đã khó. Rồi đây, chắc chắn lại càng khó hơn. Anh Văn sang bàn với đồng chí Vi Quốc Thanh, hy vọng sẽ có sự đồng tình của Trưởng đoàn Cô vắn. Anh Văn đặt vấn đề: “Đồng chí nghĩ gì về chủ trương đánh sớm, đánh nhanh?”. Đồng chí Vi nói: “Tôi đã gặp đồng chí Mai Gia Sinh và các Cô vắn cùng đi



Bác Hồ và Tổng Quân ủy bàn, quyết định phương án tác chiến Đông Xuân năm 1953 - 1954

chuẩn bị chiến trường với cán bộ Việt Nam, trong đó có một ngày dừng lại ở Nà Sản để nghiên cứu kỹ tập đoàn cứ điểm mà quân Pháp vừa rút bỏ. Qua bài học Nà Sản, tất cả đều nhất trí là ở Điện Biên Phủ lần này ta nên tranh thủ đánh sớm đánh nhanh và có nhiều khả năng đánh thắng". Anh Văn trình bày những suy nghĩ của mình về trình độ tác chiến của bộ đội ta và so sánh binh hỏa lực của hai bên trên chiến trường, cho rằng khó có khả năng tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong thời gian ngắn. Suy nghĩ một lúc, đồng chí Vi nói: "Nếu không tranh thủ đánh sớm khi địch còn đứng chân chưa vững, để nay mai chúng tăng quân và củng cố công sự thì không đánh được, ta sẽ bỏ mất thời cơ".

Tuy vẫn không tin vào phương án đánh nhanh thắng nhanh, nhưng anh Văn tự thấy mình vừa mới đến chiến trường, chưa có đủ cơ sở thực tế để bác bỏ phương án đã được các đồng chí đi trước lựa chọn, lại là đa số trong Đảng ủy và được tất cả các đồng chí bạn đồng tình. Cũng không còn thời gian xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị, vì không thể trao đổi vấn đề tuyệt mật này qua điện đài; viết thư cho cán bộ cầm về thì không thể kịp. Anh đồng ý triệu tập hội nghị cán bộ vào ngày 14.1. Anh dặn anh Cao Pha cho điều tra thật kỹ những vị trí địch ở cánh đồng phía Tây, trên hướng đột kích chủ yếu vào Sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Anh yêu cầu báo cáo tình hình địch mỗi ngày 2 lần, đặc biệt là hiện tượng tăng quân và củng cố công sự. Khi có hiện tượng đột xuất thì phải báo cáo ngay, bất kể ngày hay đêm. Anh trao đổi riêng những suy nghĩ của mình với đồng chí

Hiếu, chánh văn phòng; dặn là biết vậy để giúp anh theo dõi, không được nói với bất cứ ai.

Anh Nguyễn Văn Hiếu nguyên là chính ủy trung đoàn được điều về văn phòng Tổng chính ủy - đồng thời là Văn phòng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh khoảng giữa năm 1949. Từ chiến dịch Biên Giới đến chiến dịch Điện Biên Phủ, anh luôn theo anh Văn ra mặt trận. Anh có lần tâm sự với tôi: “Đi giúp việc anh Văn trong thời gian khá dài, tôi học được rất nhiều điều: anh luôn luôn bình tĩnh, lạc quan, tin tưởng, kể cả trong những trường hợp rất khó khăn. Tôn trọng tổ chức, nhân nại chờ đợi để tạo sự nhất trí trong cơ quan lãnh đạo, phát huy sức mạnh của tập thể. Tác phong gần gũi với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Nghị lực và cường độ làm việc rất cao, năng lực tư duy sáng tạo. Xử lý công việc lúc thì kiên quyết, táo bạo, khẩn trương; lúc thì cân nhắc hết sức thận trọng. Anh có cách nhìn toàn diện của một nhà lãnh đạo chính trị đồng thời là nhà chỉ huy quân sự. Trong chỉ huy tác chiến, tôi thấy anh luôn luôn kiên định, có lúc lại thấy anh rất nhạy bén và linh hoạt. Khi suy nghĩ phương án tác chiến, anh nghiên cứu kỹ tình hình hiện tại và dự kiến những khả năng biến động trong các bước tiếp theo, cả về phía ta và phía địch, cả trường hợp thuận lợi và trường hợp khó khăn, không dừng lại ở những điều đã định. Tới 12.1.1954, sau cuộc họp của Đảng ủy mặt trận, anh cho triển khai quyết định của tập thể, nhưng nói riêng với tôi rằng: đánh như vậy là mạo hiểm. Vì vậy cần theo dõi sát tình hình để khi có đủ căn cứ thì kịp thời

đặt lại vấn đề...¹.

Ngày 14.1.1954, phương án đánh nhanh thắng nhanh và nhiệm vụ của các đơn vị, các binh chủng đã được phổ biến trên một sa bàn lớn ở hang Thẩm Púa. Thời gian tác chiến dự kiến là 3 đêm 2 ngày. Trước mắt, cần tập trung lực lượng làm gấp đường kéo pháo, rồi dùng sức người kéo pháo vào trận địa dã chiến, bí mật, an toàn.

Không khí hội nghị phấn khởi và tin tưởng, chỉ huy các đại đoàn đều biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Không một ai có ý kiến khác.

Khi kết thúc hội nghị, để chuẩn bị tư tưởng phần nào cho cán bộ, anh Văn nói: “Hiện nay tình hình địch chưa có triệu chứng thay đổi lớn. Chúng ta cần hết sức chú ý theo dõi ý đồ và hành động của chúng để một khi tình hình thay đổi thì kịp thời xử trí”.

Trong quá trình chuẩn bị chiến dịch, một khó khăn lớn của công tác tham mưu là chỉ có bản đồ tỉ lệ 1/100.000 và sơ đồ vẽ tay của trinh sát, không có bản đồ tỉ lệ lớn hơn để chỉ huy tác chiến. Anh Thái lệnh cho các đơn vị tìm mọi cách lấy bản đồ của địch. Khó khăn đó đã được kịp thời giải quyết. Một tổ trinh sát của Bộ khi ra đoạt dù tiếp tế ở Tây Mường Thanh, đã lấy được một thùng hàng vừa đựng “xúc xích”,

1. Anh Hiếu năm 1967 về làm Phó hiệu trưởng trường Quân sự trung cao rồi Phó Viện trưởng Học viện Lục quân Đà Lạt, nay đã nghỉ hưu.

(phiên âm theo tiếng Pháp của từ “Saucisse”), vừa có 1 tập bản đồ khu vực Điện Biên Phủ, tỉ lệ 1/25.000. Bản đồ được sử dụng ngay trong cuộc họp ngày 14.1 để xác định tọa độ và tổ chức hiệp đồng giữa các đơn vị, giữa bộ binh và pháo binh; đồng thời được chuyển về hậu phương, gấp rút in thành nhiều bản. Tổ trình sát được tặng thưởng ngay huân chương chiến công.

Theo báo cáo của Cục Quân báo, lúc này binh lực địch ở Điện Biên Phủ đã có từ 6 tiểu đoàn lúc đầu, tăng lên 11 tiểu đoàn bộ binh và dù. Hàng ngày máy bay địch, kể cả máy bay C119 do phi công Mỹ lái, tiếp tục vận chuyển và thả dù hàng trăm tấn lương thực, vũ khí, đạn dược, dây kẽm gai và cọc sắt xuống sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm. Đồi Độc Lập lúc đầu chỉ là một cứ điểm tiền tiêu, nay đã trở thành một trung tâm đề kháng vững chắc. Cụm cứ điểm Him Lam đã được tăng cường.

Đêm 17 rạng ngày 18.1.1954, Sở chỉ huy chiến dịch từ cây số 15 chuyển vào ngang cây số 62¹, trong một khu rừng có suối thuộc địa phận bản Nà Tấu. Các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch chia nhau đi kiểm tra đôn đốc các đơn vị: Việc làm đường kéo pháo từ cửa rừng Nà Nham (cột số 67

1. Thời kỳ chiến dịch Điện Biên Phủ, từ Tuần Giáo đi Mường Thanh là 84km. Nay đường đã được nắn lại, chỉ còn 80km. Lối rẽ vào hang Thẩm Púa Giò là km 14,468 gần cầu Bản Bó; lối rẽ vào bản Nà Tấu ngang cây số 62, bây giờ là km55.

cũ, cách Mường Thanh 17km) qua núi Pha Song cao 1.150m, xuống Bản Tổ tới Bản Nghiu (Tây Bắc Điện Biên Phủ) dài 15km, rộng 3m, đã được hoàn thành sớm hơn dự kiến. Nhưng việc kéo pháo phải kéo dài. Phải cần hàng trăm người kết hợp tới kéo dần từng khẩu nặng hàng tấn, qua những đoạn có dốc cao vực thẳm, trung bình mỗi giờ chỉ nhích được từ 150 đến 200m. Đến ngày 19.1, pháo vẫn chưa vào tới vị trí.

Ngày nổ súng trước định là 20.1, nay được quy định lại là 25.1.1954, giờ G là 17 giờ.

Tại Sở chỉ huy chiến dịch, ngoài việc thường xuyên theo dõi tình hình địch qua báo cáo của các đơn vị, của trinh sát mặt đất và trinh sát kỹ thuật, anh Văn chỉ thị cho anh Hoàng Xuân Tuy, Trưởng ban tuyên huấn mặt trận¹ tổ chức nghe các đài phương Tây, đặc biệt là đài con Nhạn, đài Pháp Á, để có thêm cơ sở phán đoán ý đồ của địch. Ta được biết: trong thông điệp đầu năm, Navarre tuyên bố: “Điều kiện chiến thắng đã đầy đủ, chỉ còn tùy thuộc vào ý chí của tất cả chiến binh hải lục không quân, để làm cho năm 1954 là năm thắng lợi rõ rệt của quân đội Pháp!”.

Ngày 20.1 Cục Quân báo báo cáo tiếp: Sau khi củng cố hệ thống phòng ngự trên các ngọn đồi phía Đông, địch đóng thêm một số vị trí ở phía Tây Bắc Mường Thanh. Có khả

1. Anh Tuy năm 1956 chuyển ngành ra làm Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa, năm 1965-1990 làm Thứ trưởng Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

năng hình thành một trung tâm đề kháng mạnh ở đây. Dịch ráo riết củng cố công sự và hệ thống vật cản. Xung quanh các cứ điểm đều có bãi mìn dày đặc, kết hợp với nhiều hàng rào kẽm gai rộng từ 50 đến 70m, có nơi rộng đến gần 200m. Đặc biệt, trinh sát phát hiện có một loại súng 4 nòng đặt gần Sở chỉ huy của De Castries, có thể quay bắn về nhiều hướng.

Như vậy, qua lời nói cũng như việc làm, Navarre đã quyết tâm giữ vững Điện Biên Phủ bằng mọi giá.

Sáng 23.1, sau khi kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của Đại đoàn 312 qua điện thoại, nghe đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn báo cáo là đơn vị phải đột phá liên tục 3 phòng tuyến của địch mới vào được trung tâm, anh Văn gọi anh Cao Pha sang giao nhiệm vụ. Anh nói: “Địch đã tăng cường lực lượng, công sự và vật cản, mà ta thì chưa hiểu rõ cách bố trí phòng ngự bên trong của chúng ở phía Nam sân bay và Mường Thanh. Sắp tới, Đại đoàn 312 từ phía Bắc sẽ phải đánh một mạch từ đồi Độc Lập, Bản Kéo, Căng Nă, qua sân bay vào tới trung tâm, mình lo là anh em sẽ thương vong nhiều và khó hoàn thành nhiệm vụ. Cậu phải xuống cùng đi theo mũi của 312, mang điện đài theo hay dựa vào mạng điện thoại của anh Tấn là tùy. Đi đến đâu, đánh đến chỗ nào, cậu nắm ngay tình hình địch, chú ý khai thác tù binh và báo cáo về ngay”.

Anh Cao Pha cùng một cán bộ và một liên lạc xuống sở chỉ huy Đại đoàn 312 báo cáo với anh Tấn và yêu cầu giúp đỡ.

Cũng trong ngày 23.1, hai ngày trước khi nổ súng, anh Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ được cử làm phái viên Bộ Tổng tư lệnh theo dõi việc kéo pháo vào trận địa phía Tây Bắc sân bay, đề nghị gặp anh Văn qua điện thoại. Anh Kiệt nói: “Pháo của ta đều bố trí trên trận địa đã chiến, địa hình rất trống trải, nếu bị phản pháo hoặc không quân đánh phá sẽ khó tránh khỏi tổn thất. Một số pháo vẫn chưa kéo được vào vị trí. Đề nghị anh cân nhắc”. Sau này, anh Văn cho biết: Lời của anh Lê Trọng Tấn mặc dù không nhân mạnh khó khăn mà vẫn biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, nhưng đã làm cho anh suy nghĩ rất nhiều... Đặc biệt lời của anh Phạm Kiệt, người duy nhất phát hiện khó khăn, đã củng cố thêm quyết tâm của anh là không thể mạo hiểm đánh theo kế hoạch đã đề ra.

Ngày 24.11 một chiến sĩ của Đại đoàn 312 không may bị địch bắt. Qua tin trình sát kỹ thuật, ta lại biết địch đã nắm được thời gian ta nổ súng là 17 giờ ngày 25.1 và thông báo cho nhau¹. Anh Văn quyết định hoãn giờ nổ súng lại 24 tiếng.

Tảng sáng 26.1, trời rét đậm, sương mù dày đặc trong khu rừng Nà Tấu. Tôi đang ra suối rửa mặt thì liên lạc xuống gọi lên gặp anh Văn gấp. Anh đang ngồi nghiên cứu tình hình qua tám bản đồ trải trên bàn nứa, đầu quần đầy lá ngải

1. Tài liệu của phương Tây sau này cho biết: sở dĩ địch nắm được thời gian nổ súng của ta là do thu được một số bức điện của cơ quan cung cấp mặt trận.

cứu¹. Tôi ngạc nhiên hỏi: “Anh nhức đầu hay sao mà đắp ngải cứu nhiều như thế?”. Anh thân mật đáp: “11 ngày qua mình suy nghĩ rất nhiều và suốt đêm qua không ngủ được. Chiều nay trận đánh sẽ bắt đầu, nhưng những yếu tố thắng lợi thì ta chưa hoàn toàn nắm chắc. Cậu sang báo đồng chí Vi là tôi có việc cần bàn gấp sáng nay. Chỉ hẹn làm việc thôi, chứ không nói gì về việc đêm qua mình không ngủ!”.

Tôi dịch cho anh Văn trong cuộc trao đổi ý kiến với đồng chí Vi Quốc Thanh. Gặp anh Văn, đồng chí Vi ngạc nhiên nhìn nắm ngải cứu trên đầu, ân cần hỏi thăm tình hình sức khỏe rồi nói:

- Trận đánh sắp bắt đầu, đề nghị Võ Tổng cho biết tình hình mới nhất ra sao?.

- Đó cũng là vấn đề tôi muốn trao đổi với đồng chí. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm kiên cố. Vì vậy không thể đánh theo kế hoạch đã định. Có 3 khó khăn lớn mà bộ đội Việt Nam chưa thể vượt qua:

Một là: Các đơn vị chủ lực của chúng tôi cho đến nay chỉ mới có khả năng cao nhất là tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch tăng cường trong công sự vững chắc. Chưa có khả năng, trong một thời gian ngắn, tiêu diệt cả chục tiểu đoàn địch phòng

1. Năm 1994 tôi trở lại vùng này, cây ngải cứu vẫn mọc đầy nương rẫy quanh Sở chỉ huy chiến dịch năm xưa.

ngự trong tập đoàn cứ điểm. Ở Nà Sản cuối năm 1952, một trung đoàn đánh một tiểu đoàn địch trong công sự dã chiến mà chưa thành công. Nay địch có 49 cứ điểm, binh lực hỏa lực mạnh hơn, có công sự vững chắc và hệ thống vật cản dày đặc, lại càng khó thắng, mặc dù một năm qua bộ đội có nhiều tiến bộ.

Hai là: Trong trận này ta có thêm lựu pháo và cao xạ, đã được các đồng chí giúp đỡ huấn luyện, có kết quả tốt, nhưng bộ pháo hiệp đồng qui mô lớn mới là lần đầu, lại chưa qua diễn tập. Cán bộ còn lúng túng trong việc chỉ huy. Có trung đoàn trưởng đã đề nghị trả bớt hỏa lực trợ chiến về cho Bộ!

Ba là: Như đồng chí đã biết, không quân Pháp mạnh hơn không quân Tưởng Giới Thạch khi các đồng chí tiến hành chiến tranh giải phóng. Nay lại có thêm không quân Mỹ tăng cường. Bộ đội chúng tôi lâu nay mới quen tác chiến ban đêm ở những địa hình dễ ẩn náu để hạn chế chỗ mạnh của địch về không quân và pháo binh. Nay phải chiến đấu liên tục trong 3 đêm 2 ngày với kẻ địch có ưu thế về máy bay, pháo và xe tăng trên địa hình trống trải, nhất là trên cánh đồng Mường Thanh khá rộng, thì rất khó tránh thương vong, khó hoàn thành nhiệm vụ.

Tất cả những khó khăn này ta đều chưa bàn kỹ cách giải quyết, chỉ mới dựa vào khả năng tiêu diệt pháo và máy bay địch trong đêm đánh đầu tiên bằng đòn cấp tập hỏa lực của ta. Ngày 12.1, khi thấy đa số tán thành phương châm đánh nhanh, thắng nhanh, tôi không nhất trí và đã nói với đồng

chí. Nhưng có lẽ đồng chí cũng như tôi, chúng ta là những người vừa mới đến chiến trường, tình hình nắm chưa thật chắc, nên chưa tiện bác bỏ ý kiến của các đồng chí đã lên trước hơn một tháng. Đến nay, tình hình đã khác. Tôi đã cử cán bộ trực tiếp đi kiểm tra các trận địa pháo, phần lớn đều nằm ở nơi trống trải. Nếu trong đêm đầu ta không diệt được pháo địch, ban ngày địch dùng không quân oanh tạc, dùng pháo binh bắn phá, dùng bộ binh và xe tăng phản kích thì không có đường và xe kéo, pháo ta sẽ rút đi đâu?

Nói tóm lại: theo tôi, nếu đánh theo kế hoạch cũ là thất bại. Trung ương Đảng chúng tôi từng nhắc nhở: “Chiến trường ta hẹp, người của ta không nhiều, cho nên chỉ được thắng không được bại, vì bại thì hết vốn”. Qua 8 năm kháng chiến, chúng tôi mới xây dựng được 6 đại đoàn bộ binh chủ lực, mà phần lớn đều có mặt trong chiến dịch này...

Đồng chí Vi suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Vậy theo ý Võ Tổng thì nên xử trí như thế nào?
- Ý định của tôi là ra lệnh hoãn cuộc tiến công chiều hôm nay; kéo pháo ra, thu quân về vị trí tập kết. Chuẩn bị lại theo phương châm đánh chắc tiến chắc. Thời gian chiến dịch kéo dài, khó khăn sẽ không ít, nhất là về mặt tiếp tế. Nhưng tôi tin tưởng vững chắc rằng, với sự cố gắng của cán bộ và chiến sĩ, sự chi viện của toàn Đảng, toàn dân ở hậu phương, với sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí, chiến dịch này nhất định thắng!

Sau lát giây suy nghĩ, đồng chí Vi nói:

- Tôi đồng ý với Võ Tổng. Tôi sẽ làm việc với các đồng chí trong Đoàn Cỏ vằn.

- Thời gian gấp. Tôi sẽ họp ngay Đảng ủy để quyết định. Tôi đã có dự kiến cho Đại đoàn 308 tiến về hướng Luang Prabang, cố ý bộc lộ lực lượng chừng nào để kéo không quân địch về hướng đó, không để chúng gây khó khăn khi ta lui quân và kéo pháo ra.

Hơn nửa giờ sau, các đồng chí trong Đảng ủy mặt trận đã có mặt đủ ở Sở chỉ huy, anh Hiếu ghi biên bản. Anh Văn trình bày những suy nghĩ từ lâu về cách đánh tập đoàn cứ điểm, về 3 khó khăn chưa thể vượt qua như đã nói với đồng chí Vi, rồi tóm lại: Ta vẫn giữ vững quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhưng phải thay đổi cách đánh.

Mọi người im lặng một lúc.

Lát sau, đồng chí Chủ nhiệm Chính trị phát biểu:

- Ta đã động viên sâu rộng bộ đội về nhiệm vụ rồi, cán bộ chiến sĩ đều rất tin tưởng, quyết tâm chiến đấu rất cao. Các đơn vị, các binh chủng đều trong tư thế sẵn sàng nổ súng. Nay phải lui quân và kéo pháo ra, khác nào như dội nước lạnh vào đầu, thì giải thích làm sao? Sau này động viên lại để có quyết tâm và tin tưởng như bây giờ, không phải dễ.

Đồng chí Chủ nhiệm Cung cấp nói: Tôi thấy cứ nên giữ vững quyết tâm. Tới bây giờ, gạo đạn chuẩn bị đã khó khăn. Nếu không đánh ngay, sau này lại càng không đánh được. Gạo không đưa lên được, bộ đội đói thì sức đâu mà đánh?

Bài học Khâu Vác trong chiến dịch Tây Bắc¹ nhắc chúng ta: Đánh cách nào thì cũng phải tính đến khả năng bảo đảm tiếp tế. Nhiều khi gạo là Tư lệnh, là yếu tố quyết định!

Anh Văn nói:

- Tinh thần bộ đội là rất quan trọng, nhưng quyết tâm phải có cơ sở. Hậu cần là điều kiện tiên quyết, nhưng để giành^{*} thắng lợi, quyết định cuối cùng phải là có cách đánh đúng.

Đồng chí Tham mưu trưởng nói:

- Anh Văn cần nhắc cũng phải... Nhưng lần này, ta có ưu thế binh lực, hỏa lực, có lựu pháo, cao xạ kiêm chế pháo binh và không quân địch, có kinh nghiệm của bạn, bộ đội đã qua huấn luyện, tôi thấy nếu đánh, vẫn có thể thắng.

Cuộc họp chưa kết luận được, phải tạm dừng một lát.

Khi cuộc họp tiếp tục, anh Văn nói:

- Tình hình khẩn trương, cần sớm có quyết định. Vô luận tình hình nào, chúng ta cũng phải nắm vững nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”. Trước khi tôi lên đường, Bác giao nhiệm vụ: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”.

1. Trước đợt 2 chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952, tuyến tiếp tế từ Mậu A vào Nghĩa Lộ không hoàn thành nhiệm vụ. Quãng đường này phải qua đèo Khâu Vác cao 1.500m, nhiều suối quanh co, bị mưa bất ngờ, đường trơn như mỡ, dân công đau ốm, một số bỏ về. Chỉ tiêu là 15 tấn/ngày mà chỉ chuyển được một nửa, có ngày chưa được một tấn.

Với tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ Chính trị, trước sinh mệnh của hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, tôi đề nghị các đồng chí trả lời câu hỏi:

- Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không?

Đồng chí Chủ nhiệm Chính trị nói:

- Anh Văn nêu câu hỏi thật khó trả lời. Ai dám bảo đảm là sẽ chắc thắng trăm phần trăm?

Đồng chí Chủ nhiệm Hậu cần nói tiếp:

- Làm sao dám bảo đảm như vậy?

- Tôi nghĩ, với trận này ta phải bảo đảm chắc thắng trăm phần trăm.

Bấy giờ, đồng chí Tham mưu trưởng mới nói:

- Nếu yêu cầu phải chắc thắng trăm phần trăm thì khó...

Cuối cùng Đảng ủy đi đến nhất trí là trận đánh có thể gặp nhiều khó khăn mà ta chưa có biện pháp cụ thể để khắc phục.

Anh Văn kết luận:

- Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là: “Đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm chiến dịch từ “Đánh nhanh, thắng nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn mặt trận lui về vị trí tập kết và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm chấp hành triệt để mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới.

Lúc đó là 11 giờ trưa ngày 26.1.1954.

Sau đó anh Văn nói với anh Thái: “Tôi sẽ ra lệnh cho

pháo binh và giao nhiệm vụ mới cho 308. Anh ra lệnh cho các đơn vị còn lại. Anh chỉ thị cơ quan tham mưu cho một bộ phận nhỏ, mang theo 1 đài vô tuyến điện đi về phía Mộc Châu, mỗi ngày lên máy mấy lần, giống cung cách làm việc của điện đài 308, điện mật xen kẽ một vài tiếng lóng, đại ý nói: “Sáng... đơn vị đã về tới... bộ đội an toàn...”.

Do những bức điện này mà mấy ngày đầu, địch đã tưởng 308 bỏ cuộc, đang quay về đồng bằng. Địch đặc biệt chú ý theo dõi động tĩnh của Đại đoàn 308, vì 308 đi đâu thì nơi đó có nhiều khả năng là hướng tiến công chính của chủ lực ta.

Không khí ở Sở chỉ huy chiến dịch lúc này đặc biệt sôi động, vừa phải gấp rút truyền lệnh cho các đơn vị, triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị như làm lại từ đầu; vừa phải tự giải quyết những vấn đề tư tưởng nổi cộm lên do kế hoạch thay đổi quá đột ngột. Và cũng chính lúc này, trong ánh mắt của vị chỉ huy chiến dịch sáng lên vẻ quyết đoán và bình tĩnh lạ thường. Trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bí thư Tổng Quân ủy, Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ, nét mặt đầy tự tin, anh Văn đã có một quyết định sáng suốt và quả đoán ở giờ phút cuối cùng.

Trên toàn mặt trận, mặc dù còn có những băn khoăn, suy nghĩ khác nhau nhưng cán bộ và chiến sĩ các đơn vị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của anh với một niềm tin, một tinh thần kỷ luật tuyệt vời...

Giao nhiệm vụ xong cho các cơ quan và đơn vị, anh Văn viết ngay một bức thư hỏa tốc, cho một cán bộ đi xe Jeep mang về hậu phương báo cáo với Bác và Bộ Chính trị về việc thay đổi phương châm chiến dịch. Ít ngày sau, đã có thư trả lời của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, báo tin Bộ Chính trị nhất trí cho rằng quyết định thay đổi phương châm là hoàn toàn đúng đắn. Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ động viên toàn dân, dốc toàn lực chỉ viện mặt trận Điện Biên Phủ cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

*

* *

Sau quyết định ngày 26.1, vào những ngày giáp Tết (31.1.1954), Sở chỉ huy chiến dịch chuyển vào khu vực Mường Phăng, cách trung tâm Mường Thanh theo đường chim bay gần 15km. Đây là Sở chỉ huy thứ 3 và cũng là Sở chỉ huy chính thức của chiến dịch Điện Biên Phủ. Cũng như hai Sở chỉ huy trước, đây cũng đồng thời là Sở chỉ huy tiền phương của Tổng Tư lệnh. Vì tại đây, anh Văn còn chỉ đạo hoạt động tác chiến của các chiến trường Bình Trị Thiên, Liên khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ và của quân tình nguyện Việt Nam trên chiến trường hai nước bạn. Đồng bằng Bắc Bộ và các nhiệm vụ khác ở hậu phương, do các đồng chí Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng; Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị trực tiếp chỉ đạo.

Ở khu vực Mường Phăng, đứng trên đỉnh núi gần Sở chỉ huy, qua ống nhòm, có thể nhìn rõ cánh đồng Mường Thanh và toàn cảnh tập đoàn cứ điểm. Một đài quan sát đã được đặt ở đây để các đồng chí chỉ huy có thể lên trực tiếp xem xét tình hình mặt trận.

Phong cảnh thiên nhiên ở Mường Phăng thật đẹp. Hoa ban trắng bắt đầu nở rộ trên các sườn đồi. Mùa xuân đã đến! Nhưng tại mặt trận, mọi người hầu như quên Tết vì bị cuốn hút vào những công việc khẩn trương. Nói vậy, chứ không ít người cũng có những giây phút chạnh lòng nghĩ tới gia đình, vì Tết cổ truyền là những ngày đoàn tụ... Nhiều đồng chí đã 7, 8 năm không có điều kiện về ăn Tết với vợ con. Cả dân tộc đang trong vòng lửa đạn...

Suốt đêm giao thừa 29 Tết (âm lịch năm ấy (Quý Ty), 29 là ngày cuối năm, không có ngày 30), anh Văn thao thức theo dõi việc kéo pháo ra. Đến gần sáng, anh Phạm Ngọc Mậu gọi điện báo cáo là đã hoàn thành nhiệm vụ, toàn bộ pháo đã an toàn về vị trí. Anh Mậu không quên báo cáo với Tổng Tư lệnh là đêm hôm qua, do anh Tấn¹ nhắc, do sáng

1. Khi kéo pháo ra, anh Lê Trọng Tấn - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 được chỉ định làm chỉ huy trưởng, anh Phạm Ngọc Mậu - Chính ủy đại đoàn công pháo 351 được chỉ định là Chính ủy lực lượng kéo pháo.

kiến của anh Phạm Kiệt¹, các đồng chí chỉ huy kéo pháo đã mừng thắng lợi và đón giao thừa bằng một “bữa tiệc tất niên”, mỗi người được lưng bát chè và nửa điều thuốc lá! Anh Văn xúc động gửi lời mừng Xuân và mừng bộ đội đã lập được một kỳ tích đáng khen.

Sáng mùng 1 Tết (3.2.1954), sương lạnh còn trùm khắp núi rừng. Trời chưa sáng hẳn, nhưng tiếng pháo địch đã từ Mường Thanh vọng tới.

Sau khi sang lán tác chiến chúc Tết cơ quan tham mưu chiến dịch, anh Văn sang lán đồng chí Vi Quốc Thanh chúc Tết đoàn Cổ văn và báo tin thắng lợi trên các chiến trường. Đây là lần thứ tư, vì sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam, các đồng chí Cổ văn Trung Quốc phải tiếp tục ăn một cái Tết xa Tổ quốc, xa gia đình, và lần này, ở ngay mặt trận tại miền Tây Bắc Việt Nam xa xôi... Đồng chí Vi vui vẻ chúc mừng năm mới và những thắng lợi mới của quân và dân ta. Đồng chí cho biết: sau khi được phân tích đầy đủ về chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và ta, các Cổ văn ở cơ quan và đơn vị đều nhất trí với chủ trương thay đổi phương châm chiến dịch. Mọi người đều bày tỏ quyết tâm đồng cam cộng

1. Anh Phạm Kiệt là một trong những người chỉ huy du kích Ba Tư (Quảng Ngãi) trước Cách mạng tháng Tám, biệt danh là đồng chí Tê Đơ (T2). Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, anh là Cục phó Cục Bảo vệ, được anh Văn cử đi kiểm tra các trận địa pháo trước ngày 26/1. Chính anh là người báo cáo rằng: Pháo bố trí theo kiểu dã chiến như vậy là không bảo đảm an toàn.

khổ, đem hết trí tuệ và năng lực giúp bộ đội Việt Nam giành toàn thắng. Đồng chí đã đề nghị Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc gửi gấp những tài liệu tổng kết kinh nghiệm chiến đấu mới nhất ở Triều Tiên, nhất là kinh nghiệm xây dựng trận địa và chiến đấu đường hầm, kể cả cuốn truyện “Thượng cam linh” để bộ đội Việt Nam tham khảo.

Những ngày đầu xuân Giáp Ngọ cũng là những ngày các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai mọi mặt công tác chuẩn bị chiến dịch theo phương châm mới. Xung quanh Điện Biên Phủ là cả một công trường lao động khổng lồ, tập nập ngày đêm. Các trận chiến đấu nhỏ vẫn diễn ra trên các hướng: địch nòng ra, ta phản kích đẩy lùi chúng để giữ vững các điểm cao không chế.

Từ khi bước vào chiến cuộc Đông Xuân, trên các chiến trường phối hợp, các đòn tiến công chiến lược đã được thực hiện đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt. Ở Trung Lào, Hạ Lào và Bắc Tây Nguyên, ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, buộc địch phải tiếp tục phân tán lực lượng, lập thêm tập đoàn cứ điểm, hòng chặn đà tiến công của chủ lực ta. Ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh chưa từng thấy, tiêu hao, tiêu diệt và kiềm chế lực lượng địch, làm rối loạn hậu phương của chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lực ta vây hãm và tiến công địch ở Điện Biên Phủ. Trong các hoạt động phối hợp đó, riêng Đại

đoàn 308 đã thực hiện một nhiệm vụ ngoài dự kiến ban đầu, bất ngờ mở cuộc tiến công chiến lược sang Thượng Lào, sau khi rút khỏi trận địa phía Tây Điện Biên Phủ ngay chiều 26.1, chỉ mấy giờ sau khi đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nhận lệnh qua điện thoại của anh Văn. Mặc dù khi xuất quân, tình hình địch và địa hình đều chưa nắm chắc, trên lưng mỗi chiến sĩ chỉ còn hai ngày gạo, nhưng đại đoàn đã chấp hành mệnh lệnh vô điều kiện, vượt suối băng rừng và những dãy núi đá tai mèo sắc nhọn, liên tục tiến công, truy kích và tiêu diệt địch, giải phóng một vùng rộng lớn dọc sông Nậm Hu, uy hiếp thủ đô Luang Prabang. “Đòn tiến công chiến lược thứ tư” theo sáng kiến của anh Văn và do đại đoàn thực hiện thành công đã có nhiều tác dụng: đánh lạc hướng phán đoán của Bộ chỉ huy quân đội Pháp, buộc địch phải tiếp tục phân tán binh lực lên thủ đô nước Lào và Mường Sài; phá vỡ phòng tuyến sông Nậm Hu, làm cho quân địch ở Điện Biên Phủ càng thêm cô lập. đại đoàn còn thu hút được không quân địch về hướng Thượng Lào, buộc chúng phải lập thêm cầu hàng không Hà Nội - Luang Prabang, giảm bớt khó khăn cho bộ đội ta ở Điện Biên Phủ khi lui quân và kéo pháo ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xúc tiến công tác chuẩn bị chiến dịch theo phương châm mới.

Tính đến ngày 18.2.1954, khi Đại đoàn 308 được lệnh trở lại Điện Biên Phủ thì trên chiến trường toàn Đông Dương, ta đã điều động phần lớn lực lượng cơ động chiến lược của địch theo ý định của ta, gồm 48 tiểu đoàn dù và bộ binh tinh

nhuệ, buộc Navarre phải lần lượt tổ chức thành 7 “con nhím” ở các chiến trường Tây Bắc, Trung-Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên rồi Thượng Lào. (Điện Biên Phủ: 12 tiểu đoàn¹, Xê Nô: 10, Pắcxê: 4, Pleiku: 11, An Khê: 3, Luang Prabang: 5, Mường Xai: 3). Trong các “con nhím” đó, Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất mà cả Pháp lẫn Mỹ đều coi là “pháo đài bất khả xâm phạm”.

Các cuộc tiến công thắng lợi của ta đã làm cho kế hoạch của Navarre bị đảo lộn và bắt đầu phá sản. Nhưng đến tháng 3.1954, thấy quân ta vẫn chưa tiến công Điện Biên Phủ, Navarre cho rằng: *“Ngọn trào tiến công của Việt Minh đã đến đỉnh cao và bắt đầu tàn lụi. Quân đội Pháp, mặc dù có những tổn thất nhất định, nhưng bằng hình thái phòng ngự tập đoàn cứ điểm, đã kịp thời chặn đứng được các mũi tiến công lớn của chủ lực Việt Minh. Đối phương không đánh được, tất phải sớm quay về, quân đội Pháp sẽ chiếm lại các vùng bị mất”*. Với nhận định chủ quan đó, y chủ trương giành lại quyền chủ động, tiếp tục cuộc tiến công chiến lược ở miền Nam. Ngày 12.3.1954, với một binh lực tập trung tương đối lớn, Navarre cho quân đổ bộ lên Quy Nhơn, tiếp tục chiến dịch chiếm Liên khu V mang tên Át Lăng (Atlante).

1. Khi bắt đầu chiến dịch, địch có ở Điện Biên Phủ 12 tiểu đoàn bộ binh và dù, về sau tăng thêm 5, chưa kể 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh và 10 đại đội lẻ.

Y không ngờ rằng, chỉ một ngày sau, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị chìm trong bão lửa.

Về phía ta, với hơn một tháng rưỡi chuẩn bị thêm theo phương châm đánh chắc, tiến chắc, ta đã làm được nhiều công việc: Làm hơn 60km đường cho xe cơ giới kéo pháo vào trận địa; xây dựng trận địa kiên cố cho các loại pháo, đặc biệt là lựu pháo 105 ly (có bệ bắn, có hầm ẩn nấp đủ sức chịu đựng đạn pháo 105, 155 ly, kể cả đạn xuyên); xây dựng trận địa bao vây và xuất phát tiến công, xuất phát xung phong cho bộ binh; chuẩn bị hậu cần cho một chiến dịch dài ngày...

Chiều và đêm 13.3.1954, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu bằng một chiến thắng giòn giã: sau hơn 5 giờ chiến đấu quyết liệt, ta tiêu diệt hoàn toàn trung tâm đề kháng Him Lam ở phía Đông Bắc Mường Thanh. Cụm cứ điểm này do một tiểu đoàn Lê dương phòng thủ trên 3 điểm cao kiên cố, được bao quanh bằng hệ thống mìn và dây thép gai dày đặc.

Đại đoàn 312 có vinh dự lớn lập công đầu. Anh Văn cử anh Cao Pha xuống đơn vị để khai thác tù binh, nắm thêm tình hình địch. Đến Sở chỉ huy Đại đoàn, anh Tấn mang đồ hộp và rượu chiến lợi phẩm ra “chiêu đãi” và vui vẻ nói: “Ăn uống thoải mái đi cậu ạ! Để mừng thắng lợi trận đầu chiến dịch, mừng cả đại đoàn và mừng riêng cho “tớ”! Nhớ lại hôm cậu được cử đi theo mũi đột kích của 312 theo phương án đánh nhanh, nếu không có quyết định ngày 26 tháng giêng thì đơn vị mình đã “phơi áo”. Và mình cũng “về theo

các cụ" ở ngang Bản Kéo hay sân bay rồi! Còn đâu để gặp cậu hôm nay!".

Tiếp theo chiến thắng Him Lam, ta tiêu diệt đội Độc Lập và bức hàng Bản Kéo. Chỉ sau 5 ngày chiến đấu, cánh cửa phía Bắc tập đoàn cứ điểm đã được mở toang. Lần đầu xuất trận, lựu pháo 105 của ta đã bắn rất chính xác, phối hợp chặt chẽ với bộ binh tiêu diệt địch. Dạn pháo đã rớt trúng sở chỉ huy Him Lam, giết chết thiếu tá tiểu đoàn trưởng Pêgô (Pegaux) cùng ba sĩ quan và phá hỏng điện đài, khiến Him Lam mất liên lạc với Mường Thanh ngay từ đầu trận đánh. Lựu pháo cũng đã bắn trúng sở chỉ huy phân khu trung tâm, giết chết trung tá Gô-sê (Gaucher), chỉ huy trưởng phân khu và một số sĩ quan. Ở sân bay Mường Thanh, pháo ta đã làm cháy một kho xăng, phá hỏng 6 máy bay chiến đấu và nhiều đoạn đường băng. Bắn vào trận địa pháo binh địch, ta phá hỏng 12 khẩu trọng pháo và súng cối lớn. Trong đêm 13.3, sau khi hoàn hồn, pháo địch đã bắn 6 ngàn viên đạn xuống Him Lam và những nơi nghi là trận địa pháo binh ta, nhưng Him Lam vẫn thất thủ, và pháo của ta vẫn an toàn, địch không sao phát hiện được. Không làm "cầm hòng được pháo binh Việt Minh" như đã tuyên bố trước khi vào trận đánh, để tập đoàn cứ điểm bị tổn thất quá nặng, đại tá Pirôt (Piroth), Tư lệnh phó tập đoàn cứ điểm kiêm chỉ huy trưởng pháo binh đã tự sát bằng một quả lựu đạn vào sáng 15.3.1954, sau khi không ngăn cản được quân ta tiêu diệt đội Độc Lập.

Thắng lợi của đợt 1 chiến dịch và cái chết của Pirôt chứng

tổ ta đã tìm ra cách đánh đúng. Dù kẻ địch đã hết sức đề phòng, chúng vẫn không tránh khỏi bị tiêu diệt. Pháo binh địch đã tỏ ra bất lực trước pháo binh ta!

Tiếp tục quán triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, để chuẩn bị cho đợt 2, anh Văn cùng Đảng ủy Mặt trận đề ra 3 nhiệm vụ cho các đơn vị:

1. Nhanh chóng tiếp cận, bao vây địch bằng một hệ thống trận địa tiền công và bao vây vững chắc, trong tầm bắn có hiệu quả của tất cả các loại pháo, súng, lớn, nhỏ của ta; chia cắt phân khu Hồng Cúm với phân khu Trung tâm của địch.

2. Theo nguyên tắc bảo đảm chắc thắng, tiếp tục diệt thêm một số cứ điểm ở ngoại vi tập đoàn cứ điểm.

3. Không chế có hiệu quả cả hai sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm; chuẩn bị đánh địch phản kích; tăng cường các hoạt động tiêu hao, quấy rối.

Trong 3 nhiệm vụ trên, xây dựng trận địa tiền công và bao vây là quan trọng nhất. Đồng chí Vi Quốc Thanh và đoàn Cổ văn đã nhiệt tình giới thiệu kinh nghiệm của bạn và hướng dẫn cụ thể cho cán bộ ta.

Chúng ta đã xây dựng hai loại đường hào: Một là đường hào trục dùng cho việc cơ động bộ đội, cơ động pháo, vận chuyển thương binh, hình thành một đường vòng rộng bao quanh trận địa địch ở phân khu Trung tâm. *Hai là đường hào tiếp cận của bộ binh*, xuất phát từ vị trí trú quân của các đơn vị trong rừng rồi đổ ra cánh đồng, cắt ngang đường hào trục, tiến vào những vị trí địch mà ta định tiến công tiêu

diệt. Dọc đường hào bộ binh, có hố phòng pháo, hầm trú ẩn, chiến hào và ụ súng để đối phó với những cuộc tiến công của đối phương.

Các loại hào phải có độ sâu 1,7m, đáy hào trực rộng 1,2m, đáy hào bộ binh rộng 0,5m. Về chiều dài, lúc đầu ước tính trên bản đồ khoảng 100 km, nhưng trong quá trình chiến dịch, bộ đội ta đã đào đến hơn 200km đường hào. Phải lao động cật lực, khoảng 14 đến 18 tiếng mỗi ngày, khắc phục vô vàn trở ngại!

Việc xây dựng trận địa phải tiến hành chủ yếu vào ban đêm, đào đến đâu nguy trang đến đấy, và phải triển khai cùng một lúc trên toàn mặt trận để phân tán sự chống phá của địch. Nhưng khi các đường hào đã vươn dài hàng chục km trên cánh đồng thì không còn cách nào che mắt được kẻ thù! Chúng đã dùng pháo binh và không quân bắn phá ngày đêm, đưa quân ra những trận địa ở gần để san lấp và gài mìn, ngăn quân ta đào tiếp. Từ đây, mỗi mét đường hào không chỉ phải đào bằng mồ hôi mà cả bằng xương máu.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình xây dựng trận địa, ngày 20.3.1954, anh Văn viết một thư thân mật gửi cán bộ chiến sĩ. Anh so sánh những khó khăn vất vả của bộ đội ta với sự khốn quẫn và khó khăn gấp 10 lần của địch bị vây hãm trong tập đoàn cứ điểm. Anh động viên cán bộ chiến sĩ nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chiến đấu anh dũng của quân đội ta để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc trận địa tiến công và bao

vây, bảo đảm thắng lợi cho đợt tiến công sắp tới. (Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, anh Văn đã 4 lần viết thư cho bộ đội trước khi bắt tay vào nhiệm vụ mới, không kể thư mừng thắng lợi và thăm hỏi thương binh, khiến quan hệ giữa người chỉ huy và chiến sĩ vô cùng gắn bó. Nhà văn Nguyễn Đình Thi từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ trên cương vị chính trị viên phó tiểu đoàn để tiện thâm nhập thực tế, sau này đã nói với tôi: “Một vị Tổng Tư lệnh viết thư tâm tình với cán bộ và chiến sĩ như vậy là một nét đẹp nói lên bản chất cách mạng của bộ đội Cụ Hồ, và cũng là điều hiếm thấy trong chiến tranh các nước”).

Hạ tuần tháng ba, để đảm bảo an toàn cho Sở chỉ huy Mường Phăng trong một chiến dịch dài ngày, ác liệt, đại đội vệ binh đã đào một đường hầm dài hơn 50m xuyên một ngọn đồi. Sau đó mở rộng ở đoạn giữa, làm thành mấy phòng đủ bố trí nơi hội họp, phòng tác chiến, nơi tạm nghỉ của cán bộ Sở chỉ huy. Trên trần hầm, ken sát từng cây gỗ tròn chắc nịch để đủ sức chống bom chống pháo. Do các đơn vị công binh phải ưu tiên đi bảo đảm đường cho xe kéo pháo, xe vận tải... nên đại đội vệ binh vừa gác vừa đào hầm, thế mà hầm Sở chỉ huy vẫn khàng trang, vững chắc. Gần cửa hầm phía Đông là lán ở và làm việc của anh Văn, gần cửa hầm phía Tây là lán ở và làm việc của anh Thái. Anh Liêm và các đồng chí bạn cũng có lán ở và làm việc như vậy, bên cạnh có hầm tránh bom và pháo, có hào giao thông nối liền với đường hầm lớn của Sở chỉ huy.

Một sáng cuối tháng 3.1954, anh Văn gọi tôi lên làm việc rồi mời cùng ăn bưởi Đoan Hùng của đồng bào Tuyên Quang gửi tặng. Ăn xong, anh khen bưởi ngọt và bảo đào giúp anh mấy lỗ trên mảnh đất rừng cạnh lán, để anh thử gieo hạt bưởi xem sao... Bốn mươi năm sau, tôi cùng nhóm làm phim “Ký ức Điện Biên Phủ” trở lại Mường Phăng thì cạnh lán người chỉ huy chiến dịch năm xưa đã mọc lên 3 cây bưởi. Một cây đã bị chặt nhưng còn gốc và đã lên chồi mới; còn 2 cây cao hơn 10 mét, cành lá sum xuê, quả khá ngọt nhưng không to lắm vì bị tán cây rừng che mất một phần ánh nắng.

Như vậy là, qua thử thách của thời gian, của gió núi mưa rừng và sự chèn ép của các loại cỏ dại, mấy cây bưởi Đoan Hùng hiếm có ở Mường Phăng vẫn vươn cao và cho đời vị ngọt! Thiết nghĩ, đây cũng có thể coi là một di tích của Sở chỉ huy chiến dịch, nếu không bảo tồn và chăm sóc thì thật vô cùng đáng tiếc!

18 giờ ngày 30.3.1954, quân ta bắt đầu mở đợt tiến công thứ hai. Nhiệm vụ của đợt này là đánh chiếm các ngọn đồi phía Đông, chiếm sân bay, triệt đường tiếp tế, tiếp viện, thắt chặt vòng vây, từng bước thu hẹp phạm vi chiếm đóng và vùng trời của địch.

Đây là đợt đánh dài ngày và ác liệt nhất của chiến dịch. Qua nhiều ngày đêm giành đi giật lại quyết liệt, ta đã chiếm giữ được phần lớn các ngọn đồi phía Đông, nhưng chỉ chiếm được một nửa đồi A1. Đồi C1 được đánh chiếm hoàn toàn

đêm 30.3, đến sáng ngày 9.4, địch tổ chức phản kích chiếm lại. Cuộc chiến đấu ở đây lại tiếp diễn trong 4 ngày đêm; cuối cùng mỗi bên chiếm giữ một nửa. Ở mặt trận phía Tây, đêm 1.4 quân ta dựa vào trận địa tiến công và bao vây đã đào sát vị trí địch, dùng chiến thuật đánh lén, chiếm cứ điểm 106 ở phía Tây sân bay, tiêu diệt một đại đội Lê dương. Đêm 2.4 dũng sĩ ta đột nhập sân bay Mường Thanh, tiêu diệt và bắt sống một số lính Âu Phi. Vị trí 311 bị uy hiếp, một bộ phận địch ra hàng, một bộ phận rút chạy. Đêm 4.4 ta tiến công cứ điểm 105 trực tiếp bảo vệ sân bay từ phía Bắc, nhưng không thành công. Vận dụng và phát triển kinh nghiệm đánh lén, đêm 18.4 ta tiêu diệt được cứ điểm này và đêm 22.4, ta đánh chiếm cứ điểm 206 bảo vệ phía Tây sân bay¹. Sau những thắng lợi đó, trận địa của ta từ phía Đông, phía Tây và phía Bắc tiến vào, như con bạch tuộc vươn vòi xiết chặt dạ dày của địch. Các đơn vị từ 3 hướng liên lạc được với nhau, cắt ngang và đánh chiếm sân bay trung tâm. Quân địch liên tiếp tổ chức phản kích dữ dội, có xe tăng và pháo binh, không

1. Đánh lén là sáng tạo đầu tiên của trung đoàn 36 đại đội 308. Bộ đội ta dùng những "con cúi" bện bằng rơm, dài 2 mét, đường kính 1,5 mét để che chắn đạn bắn thẳng, bảo đảm an toàn cho những người ở phía sau đào chiến hào lén dần về phía địch. Đến cự ly thích hợp, ta dùng DKZ bắn sập dần những ụ súng ở tiền duyên, dùng bộc phá phá dần từng mảng vật cản, thậm chí đào hầm xuyên qua hàng rào kẽm gai và bãi mìn của địch, rồi bất ngờ nổ súng tiến công, không qua giai đoạn pháo bắn chuẩn bị, khiến kẻ địch trở tay không kịp.

quân yểm trợ, nhưng tất cả đều thất bại.

Đến hạ tuần tháng 4, phạm vi đóng quân của địch ở khu trung tâm ngày càng bị thu hẹp, mỗi chiều chỉ còn 2km. Bộ phận chủ yếu của tập đoàn cứ điểm đã nằm trong tầm bắn của các cỡ hỏa lực ta. Các trận địa cao xạ ta được chuyển xuống cánh đồng, thu hẹp và khống chế vùng trời của địch. Kết hợp với các trận đánh cứ điểm, đánh phản kích, là phong trào thi đua bắn tỉa của các chiến sĩ súng trường, súng máy, súng cối, pháo binh... làm cho địch càng tiêu hao, tinh thần càng căng thẳng.

Sau khi sân bay bị chiếm, địch chỉ còn cách tiếp tế, tiếp viện duy nhất là thả dù. Nhưng vì vùng đất và vùng trời quá hẹp, máy bay địch lại không dám bay thấp vì sợ cao xạ ta bắn trúng, nên một bộ phận ngày càng lớn dù tiếp tế đã rơi vào trận địa ta. Ta đã tranh đoạt tiếp tế với địch, lấy lương thực đạn dược của chúng để bổ sung tại chỗ. Một số lính nhảy dù đã bị bắt sống ngay từ khi chạm đất. Địch đã huy động 2/3 máy bay chiến đấu và 100% máy bay vận tải quân sự ở Đông Dương để cứu nguy cho Điện Biên Phủ, không kể những phi đội máy bay C119 của Mỹ. Có ngày chúng đã xuất kích 250 lần/chiếc máy bay oanh tạc và chiến đấu, trút hàng trăm tấn bom nặng, bom bi, bom bướm bướm, bom nổ chậm, bom na-pan... xuống trận địa ta. Nhưng những cố gắng của không quân địch đều vô hiệu.

Ở mặt trận phía Nam, phân khu Hồng Cúm (Isabelle) của địch có một lực lượng khá mạnh với 2.000 quân, có đủ

bộ binh, pháo binh, xe tăng và sân bay; ta chỉ có một trung đoàn làm nhiệm vụ kiềm chế, nhưng trận địa tiến công và bao vây vẫn ngày càng xiết chặt. Từ đầu tháng 4.1954, trận địa của trung đoàn 57 đã lấn vào hàng rào của địch, vươn tới các lô cốt tiền duyên. Địch đã nhiều lần phản kích giải tỏa nhưng đều thất bại, với hơn 200 tên bị diệt. Tranh đoạt dù tiếp tế, chỉ tính từ 30.3 trở đi, trung đoàn đã thu được khoảng 60 tấn hàng gồm đạn pháo, cối, đồ hộp, thuốc men..., trong đó có 600 viên đạn pháo 105 ly.

Đợt tiến công thứ hai đã thu nhiều thắng lợi nhưng ta chưa hoàn toàn đánh chiếm được A1 và C1 là hai điểm cao mà cả địch và ta đều cho là quan trọng nhất. Chiến dịch phải kéo dài. Máy bay Pháp và Mỹ tăng cường đánh phá các tuyến đường tiếp tế vận chuyển của ta. Rồi những trận mưa đầu mùa ập đến. Việc bảo đảm gạo, đạn cho mặt trận gặp khó khăn nghiêm trọng. Trên vách liếp lán làm việc của anh Văn, ngoài bản đồ Điện Biên Phủ, bản đồ chiến sự toàn Đông Dương, còn có một bản biểu đồ theo dõi tình hình tiếp tế gạo, đạn hàng ngày cho mặt trận. Một buổi sáng trung tuần tháng 4, đường chỉ đỏ trên biểu đồ tụt xuống gần số không. Do trời mưa to, đêm hôm trước gạo nhập kho chiến dịch chưa đầy 1 tấn! Về đạn pháo 105 ly, tuy đã có thêm nguồn bổ sung tại chỗ do địch thả dù, nhưng có ngày có khẩu chỉ còn dăm ba viên đạn. Bộ binh rất tin tưởng pháo nên hay yêu cầu bắn chi viện. Bộ chỉ huy chiến dịch giáo dục ý thức tiết kiệm, chống tư tưởng ỷ lại vào hỏa lực và quản lý

nghiêm ngặt việc dùng đạn pháo: xin bắn trên 3 viên phải có ý kiến của Tham mưu trưởng, trên 10 viên phải có sự phê chuẩn của Tổng Tư lệnh kiêm Chỉ huy chiến dịch.

Anh Văn phải tạm giao việc chỉ huy tác chiến cho anh Thái, dành liền mấy ngày để chỉ đạo công tác hậu cần, cùng các đồng chí chỉ huy cung cấp bàn biện pháp đưa nhanh gạo, đạn ra chiến trường. Anh viết gấp một điện khẩn báo cáo Bác và Trung ương. Đồng chí Trường Chinh điện trả lời: Bộ Chính trị đã chỉ thị tăng cường động viên sức người sức của cho tiền tuyến. Đã tạm thời đình chỉ các lớp huấn luyện, cho cán bộ về các địa phương vận động nhân dân và lãnh đạo công tác chi viện cho mặt trận.

Mùa mưa năm 1954 hình như đến sớm. Ngoài việc gây trở ngại lớn cho công tác tiếp vận, mưa xuống cũng làm cho cuộc sống và chiến đấu của hàng vạn bộ đội ta vất vả vô cùng. Theo báo cáo của các đơn vị, của anh Lê Quảng Ba, Đại đoàn trưởng 316 và nhất là của anh Vương Thừa Vũ, Chỉ huy Đại đoàn 308 ở cánh đồng phía Tây, các giao thông hào và chiến hào đã ngập nước. Nhiều chỗ bùn nhão, bước ngập tới ngang ống chân. Những hôm mưa to, nước ngập lên ngang bụng. Hai bên vách hào ẩm ướt. Mùi bùn tanh tươi, mùi rế cây rỉ nhựa hăng nồng, quện lẫn mùi mồ hôi và thuốc súng, tạo nên một mùi "tổng hợp" đặc biệt khó chịu. Sau trận mưa rào, nắng lại dữ dội hơn, không khí chiến trường oi ả, ngột ngạt. Bộ đội dễ sinh bệnh tật, nhất là sau hơn 4 tháng lao động và chiến đấu vất vả, khẩn trương.

Tại Sở chỉ huy, đêm đêm mỗi khi nghe tiếng sấm, anh Văn ra khỏi lán, thấy những đám mây đen ùn lên đầu núi và những ánh chớp lóe trên bầu trời, anh lại thao thức bồn chồn, không sao ngủ được. Anh lo gạo đạn lại không lên kịp, anh thương cán bộ chiến sĩ đang bị bỡm trong các chiến hào lầy lội, anh nghĩ đến thương binh đang nằm trong những căn hầm ẩm thấp... Rồi những biểu hiện tư tưởng hữu khuynh tiêu cực xuất hiện, như ngại gian khổ, ngại thương vong, kém sâu sát đơn vị, hoặc chủ quan khinh địch. Tuy không một ai trong lãnh đạo cũng như đội ngũ cán bộ bị Mỹ đe dọa ném bom nguyên tử làm cho “khiếp sợ” (!?), có chủ trương hoặc đề nghị: “Trước khi nước lũ dâng cao, rút thật nhanh bộ đội ra khỏi Điện Biên Phủ” như mấy cuốn sách nước ngoài đã viết, nhưng cuộc đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực nói trên cũng cực kỳ quyết liệt.

Như vậy là quyết định ngày 26.1.1954, tuy đã được thực tiễn chứng minh là đúng qua những trận thắng trong đợt 1 và đợt 2, nhưng vẫn còn đứng trước những thử thách cực kỳ to lớn.

Sau khi đi sâu chỉ đạo giải quyết cụ thể các vấn đề tồn tại về chiến thuật kỹ thuật, về bảo đảm tiếp tế, đặc biệt là tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh tư tưởng sâu rộng chống hữu khuynh tiêu cực, anh Văn cùng Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định mở đợt tiến công thứ 3, bắt đầu từ đêm 1.5. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, đợt tiến công phát triển thuận lợi. Đồi A1 trước cũng định đánh vào đêm

đầu. Nhưng do phải chờ công binh đào xong con đường hầm dài hơn 40m từ chân đồi phía Đông vào dưới hầm ngầm của địch để đặt gần 1.000 cân thuốc nổ, nên đến đêm 6.5 mới đánh.

8 giờ tối ngày 6.5.1954, tôi đang lấy tin trong hầm tác chiến thì anh Văn đến. Sau khi nghe báo cáo tình hình chuẩn bị chiến đấu của các đơn vị, anh bảo tôi đưa sổ để ra mệnh lệnh tiến công. Anh cầm bút viết:

Mệnh lệnh:

- 1. Thời gian quy định đúng 8 giờ 30, không được chậm.*
 - 2. Đến 8 giờ 30 thì:*
 - a) Đồi A1 bộc phá.*
 - b) Pháo và H6 bắn tập kích lần thứ nhất. (H6 là mật danh của hỏa tiễn 6 nòng do Trung Quốc vừa viện trợ).*
 - c) Bộ binh các hướng đều xung phong.*
 - d) Hang Cang lập tức chế áp pháo địch. (Hang Cang là tên Hồng Cúm).*
 - 3. Các nơi phải lấy giờ cho đúng.*
- 8 giờ 15*

Ngọc (Ngọc là bí danh anh Văn trong chiến dịch Điện Biên Phủ).

Anh chú thích thêm vào bên cạnh: Thời gian trên nhất định phải giữ cho đúng để thực hiện bộ pháo hiệp đồng chặt chẽ ¹.

1. 20 năm sau, tôi đã đưa anh Văn xem lại bản mệnh lệnh này. Anh chỉ thị cho sao chụp để đưa Bảo tàng Quân đội và đăng báo Nhân Dân ngày 7.5.1974.

Tôi đưa sổ cho trực ban tác chiến truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị.

Ta dự định dùng tiếng nổ của bộc phá đồi A1 làm hiệu lệnh nổ súng chung cho toàn mặt trận. Nhưng đã quá 10 phút mà vẫn chưa nghe tiếng nổ. Anh Văn cho gọi điện thoại hỏi đơn vị thì hóa ra bộc phá đã nổ, nhưng vì ở sâu trong lòng đất nên tiếng vang không lớn. Lợi dụng lúc quân địch đang bàng hoàng vì sức chấn động của ngót 1.000 cân thuốc nổ, bộ binh ta từ nhiều hướng đánh lên đồi A1, tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn Lê dương, bắt sống chỉ huy và 200 binh lính. Các đơn vị khác cũng nổ súng đúng giờ, đánh chiếm các vị trí còn lại trên dãy đồi phía Đông, ở phía Bắc cầu Mường Thanh. Đại đoàn 308 đã đánh chiếm vị trí Nà Noọng ở phía Tây Nam Sở chỉ huy De Castries 300m.

Cùng với các đồng chí khác theo dõi cuộc chiến đấu suốt đêm 6.5 trong hầm tác chiến, anh Văn thở phào nhẹ nhõm. Như vậy là từ đêm 30.3 đến đêm 6.5, trải qua 36 ngày đêm chiến đấu, qua 4 lần tiến công đồi A1, quân ta đã giành toàn thắng trên cao điểm cuối cùng. Vị trí Nà Noọng được coi là “con mắt” của phân khu trung tâm đã bị tiêu diệt. Thắng lợi cuối cùng đã ở trong tầm tay.

Sáng ngày 7.5, mặc dầu thấm mệt, anh Văn, anh Thái vẫn nán lại ở hầm tác chiến, chỉ thị cho quân báo và các tổ trinh sát theo dõi sát từng động tĩnh của địch. Trước đó ta được tin: sau khi kẻ hoạch mang tên “Cuộc hành binh chim kền kền” (Opération Vautour: chủ trương dùng không quân

Mỹ ném bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ để cứu nguy cho quân đội Pháp) không thực hiện được, Navarre đề ra kế hoạch “Chim hải âu” (Opération Albatros), cho một lực lượng từ Thượng Lào tiến lên phối hợp với tàn quân De Castries phá vây, mở một đường máu rút chạy.

Anh Văn trực tiếp gọi điện thoại, lệnh cho chỉ huy các đại đoàn phải bao vây thật chặt, không để một tên nào chạy thoát. Đồng ý cho các đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ trong đêm được tiếp tục đánh ban ngày.

14 giờ 30, anh Văn hội ý với đồng chí Vi: Tranh thủ lúc địch đang rối loạn, ra lệnh ngay cho các đơn vị đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào Mường Thanh.

17 giờ 30, Đại đội 312 báo cáo về, toàn bộ địch trong phân khu trung tâm đã đầu hàng. Đã bắt sống được tướng De Castries. Cả khu vực Sở chỉ huy Mường Phăng vốn rất nghiêm mật, bỗng sôi động hẳn lên, tiếng reo hò vang dội. Nhưng gương mặt anh Văn vẫn chưa lộ vẻ vui mừng. Anh gọi điện hỏi anh Lê Trọng Tấn:

- Có đúng là đã bắt được De Castries hay không?
- Báo cáo anh, anh em báo cáo lên là đã bắt được.
- Căn cứ vào đâu mà biết nó đúng là De Castries?

Cả anh Tấn và anh Độ đều chưa trả lời được. Anh Văn chỉ thị:

- Phải bắt cho được De Castries. Không để địch đánh tráo chỉ huy. Đề phòng nó đưa tên khác ra thay, còn nó tháo lon trốn chạy! Phải đối chiếu nhận dạng của nó với ảnh trên

căn cước. Phải kiểm tra cấp hiệu, phù hiệu. Tấn, Độ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc này đây nhé! Các đồng chí có ảnh của De Castries không?

Đơn vị trả lời không có. Anh Văn nói với anh Thái cho một cán bộ đi xe Jeep xuống ngay Đại đoàn 312, mang theo một tấm ảnh của De Castries.

Theo dõi mặt trận phía Nam, sau khi nghe anh Lê Chương và anh Nam Long báo cáo, anh Văn lệnh cho Đại đoàn 308 phái 1 đơn vị xuống ngay Hồng Cúm, phối hợp với Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân địch, không cho chúng chạy thoát về Thượng Lào.

Suốt chiều hôm đó, tôi luôn ở cạnh anh Văn. Anh bảo tôi điện giục 312 báo cáo nhanh về việc bắt De Castries.

Lát sau, anh Tấn gọi đây nói báo cáo đúng là đã bắt được De Castries cùng toàn bộ Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm. De Castries vẫn mang theo cấp hiệu. Ta đã đối chiếu người với ảnh, kiểm tra kỹ giấy tờ và chữ ký của y.

Anh Văn cẩn thận hỏi lại:

- Đồng chí đã tận mắt nhìn thấy De Castries chưa?
- Báo cáo anh, De Castries đã được dẫn về Sở chỉ huy Đại đoàn, hiện đang đứng trước mặt tôi cùng các sĩ quan tham mưu của tập đoàn cứ điểm. Hắn vẫn còn cầm cán và đội mũ đỏ.

Đến lúc này, anh Văn mới thực sự yên tâm. Anh phấn khởi nói:

- Chúc mừng các đồng chí! Tôi sẽ điện ngay về báo cáo

với Bác, với Trung ương và Chính phủ!

Anh chỉ thị cho Ban Tuyên huấn mặt trận thảo gấp một bản thông cáo đặc biệt của Bộ Tổng tư lệnh đưa anh sửa chữa bổ sung để Đài Tiếng nói Việt Nam kịp truyền đi trong đêm nay. Đồng thời báo ngay tin địch ở Mường Thanh đầu hàng cho các đơn vị bộ đội và dân công ở phía sau qua đường dây điện thoại.

Cuộc chiến đấu ở Mường Thanh đã kết thúc, nhưng anh còn phải cùng anh Thái chỉ huy bộ đội tiêu diệt gọn quân địch ở phân khu Nam. Qua máy điện đàm và hệ thống loa địch vận, ta kêu gọi chúng đầu hàng và sẽ được đối xử tử tế. Nhưng địch vẫn ngoan cố tìm cách tháo chạy.

8 giờ đêm ngày 7.5, bộ phận truy kích thuộc Trung đoàn 57 báo cáo đã bắt gặp địch. 12 giờ đêm, anh Lê Chương báo cáo về Bộ chỉ huy chiến dịch: Đã bắt sống toàn bộ 2.000 địch ở Hồng Cúm, kể cả tên chỉ huy là đại tá La-lăng (Lalande).

Thế là sau 56 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng: Sự phản kích và giãy giụa điên cuồng của địch đã chứng minh quyết định thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch ngày 26.1 của anh Văn là hoàn toàn đúng đắn. Kế hoạch Navarre đã hoàn toàn phá sản.

Đã quá khuya và quá mệt sau 1 ngày và 2 đêm căng thẳng, anh nở một nụ cười rạng rỡ rồi ngã mình thiếp đi trên chiếc giường tre...

Tôi tiếc rằng mình không phải là nhà văn để miêu tả lại

thật hay những phút giây hân hoan và xúc động đó. Giờ phút ấy, tôi bỗng nhớ lại hình ảnh Anh sáng ngày 26 tháng 1, tuy mệt mỏi nhưng gương mặt vẫn cương nghị trước khi hạ một quyết tâm táo bạo, kịp thời. Tôi nhớ lại những ngày tháng tư đầy trắc trở khó khăn, anh phải tập trung suy nghĩ; nhớ những đêm anh thao thức vì trời đổ mưa to, sấm chớp đầy trời...

Tiếng chuông điện thoại cắt đứt dòng cảm xúc của tôi. Đồng chí Vi gọi điện: “Chúc mừng Võ Tổng và các đồng chí Việt Nam!”. Anh Văn trả lời: “Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí Vi, các đồng chí Cố vấn và nhân dân Trung Quốc!”.

Lời cảm ơn của anh Văn rất chân thực: Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ở cơ quan chỉ huy cũng như ở các đại đoàn, trước cũng như sau khi thay đổi phương châm chiến dịch, các bạn Trung Quốc đã giúp đỡ ta một cách tích cực, nhiệt tình. Bạn coi cuộc chiến đấu của ta cũng như của bạn, không nề gian khổ. Bạn đã giới thiệu cho ta kinh nghiệm chiến đấu của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trong chiến dịch vây hãm quân Tưởng ở Hoài Hải, của Quân chí nguyện Trung Quốc ở Triều Tiên, đặc biệt là kinh nghiệm xây dựng công sự trận địa... Bộ đội ta đã vận dụng những kinh nghiệm đó một cách sáng tạo. Trong toàn chiến dịch, cùng 20 khẩu pháo, Trung Quốc đã viện trợ cho ta 3.600 viên đạn pháo 105 ly, chiếm 18% tổng số

đạn tiêu thụ trên mặt trận ¹. Bạn đã giúp ta 1.700 tấn lương thực, chiếm 6,8% tổng số gạo dùng trong chiến dịch. Tỷ lệ không cao, nhưng nghĩa tình rất sâu nặng. Chiến tranh Triều Tiên vừa kết thúc, bạn còn nhiều khó khăn. Đây là số gạo từ Vân Nam chuyển đến bản Nậm Cúm ở sát biên giới với Lai Châu. Ta đã kết hợp đường bộ với đường sông, dùng gồng gánh, dùng thuyền, dùng mủng vượt qua 102 ghềnh thác chở về Điện Biên Phủ trong tháng 4 năm 1954. Trong những ngày cuối chiến dịch, cùng với 1 tiểu đoàn pháo DKZ 75 ly, 1 tiểu đoàn gồm 12 giàn hỏa tiễn sáu nòng do các bạn Trung Quốc trang bị và huấn luyện cũng đã kịp đưa lên mặt trận, tham gia vào trận cấp tập hỏa lực đêm 6.5. Mặc dù độ tản mác còn cao, nhưng đuôi lửa, tiếng rít và tiếng nổ dữ dội của loại vũ khí mới này đã làm tăng thêm nỗi kinh hoàng của quân địch vốn đã kiệt sức và tuyệt vọng sau 54 ngày đêm chiến đấu.

Hôm sau, mùng 8 tháng 5, tại Mường Phăng, cơ quan Hậu cần tổ chức một bữa “tiệc” bánh cuốn với rượu vang

1. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta dùng khoảng 20.000 viên đạn pháo 105 ly, gồm 11.000 viên chiến lợi phẩm của chiến dịch Biên Giới, 3.600 viên do Trung Quốc viện trợ kèm theo pháo, 440 viên chiến lợi phẩm thu tháng 12.1953 ở mặt trận Trung Lào và khoảng 5.000 viên thu tại trận do địch thả. Sau chiến tranh Triều Tiên, đạn pháo 105 ly Trung Quốc rất khan hiếm. Trước yêu cầu cấp thiết của chiến dịch, bạn đã vét từ các kho được 7.400 viên để chuyển cho ta, nhưng đến giữa tháng 5.1954 mới tới, sau khi trận đánh đã kết thúc.

chiến lợi phẩm để ăn mừng chiến thắng. Hai đồng chí Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh và một số Cổ văn cùng liên hoan với Bộ chỉ huy chiến dịch. Anh Văn đã cùng đồng chí Vi hân hoan nâng cốc chúc mừng thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, chúc mừng tình hữu nghị chiến đấu giữa nhân dân và quân đội hai nước anh em...

Dĩ nhiên chiến thắng Điện Biên Phủ trước hết là chiến thắng của ý chí và trí tuệ Việt Nam, của những người trực tiếp chiến đấu và đổ máu trên chiến trường, của toàn dân ta ở hậu phương đã dốc sức chi viện cho tiền tuyến. Sự viện trợ quý báu về vật chất và kinh nghiệm của Trung Quốc, Liên Xô và các nước anh em, sự đồng tình ủng hộ của Đảng Cộng sản và nhân dân lao động Pháp, của nhân dân tiến bộ toàn thế giới tuy không phải là quyết định nhưng là yếu tố vô cùng quan trọng. Phát huy sức mạnh của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại luôn luôn là bài học thắng lợi của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam.

*

* *

35 năm sau, trong hồi ký về Điện Biên Phủ, anh Văn coi quyết định ngày 26.1.1954 thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình. Tôi nghĩ: Đây còn là một quyết định lịch

sử trong một chiến dịch lịch sử.

Bằng quyết định đó, Anh đã đưa mọi người trở về với chủ trương đúng đắn ban đầu của tập thể Tổng quân ủy trong tờ trình gửi lên Bộ Chính trị ngày 6.12.1953. Anh đã trải qua một quá trình cân nhắc thận trọng, xử lý khôn khéo và kiên trì thuyết phục để vừa giữ vững nguyên tắc, vừa bảo đảm đoàn kết nhất trí cao trong lãnh đạo trước khi bước vào một trận đánh một mất một còn với địch.

Bằng quyết định đó, ta đã không chấp nhận một trận quyết chiến để phân thắng bại trong 3 đêm 2 ngày với một đội quân tinh nhuệ và thiện chiến của địch, khi chúng còn sung sức, lại có ưu thế về trang bị kỹ thuật, đặc biệt là không quân và pháo binh, điều mà cả De Castries, Cogny và Navarre đều mong đợi để chúng có cơ hội “nghiền nát chủ lực Việt Minh”! Thử nghĩ: một khi các đại đoàn thiện chiến hàng đầu của quân đội ta thất trận và bị tổn thất nặng nề ở Điện Biên Phủ thì cục diện cuộc kháng chiến sẽ ra sao? Chắc chắn là sẽ khó khăn phức tạp khôn lường. Còn lâu ta mới giải phóng được miền Bắc để tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước! Làm sao có thể tiêu diệt nhanh gọn cả một tập đoàn 49 cứ điểm với trên 16 ngàn quân, khi mà diễn biến thực tế của chiến dịch đã chứng minh: chỉ riêng một ngọn đồi A1, ta đã phải trải qua 36 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, với không ít thương vong!

Bằng quyết định thay đổi phương châm và cách đánh, ta đã chủ động chuyển sang vây hãm dài ngày, nhằm từng bước

triệt đường tiếp viện, tiếp tế của địch cả trên bộ và trên không, rồi tập trung binh lực, hỏa lực, lần lượt tiến công tiêu diệt từng trung tâm đề kháng, để bảo đảm chắc thắng trong từng trận. Ta đã làm cho lực lượng của tập đoàn cứ điểm ngày càng tổn thất tiêu hao, khó khăn ngày càng chồng chất, ý chí chiến đấu của địch ngày càng sa sút để cuối cùng hoàn toàn đánh gục chúng khi quân số chúng vẫn còn đông, lập nên một chiến công lịch sử!

Chiến công lịch sử đó đánh dấu bước tiến nhảy vọt về khả năng chiến đấu của quân đội ta: Từ chỗ tiêu diệt được từng tiểu đoàn hoặc tiểu đoàn tăng cường của địch, phòng ngự trong từng cụm cứ điểm riêng lẻ, tiến lên tiêu diệt hàng vạn quân tinh nhuệ của chúng trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Ký giả Robert Guillaín đã viết: “Ngay cả trong đại chiến thứ hai vừa qua, trên chiến trường châu Âu, quân đội Pháp cũng chưa bao giờ dựng lên một hệ thống phòng ngự dã chiến lớn mạnh như ở Điện Biên Phủ ¹. *Ta đã đánh bại hình thức phòng ngự cao nhất của quân viễn chinh xâm lược Pháp*, đè bẹp ý chí xâm lược của bọn thực dân, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ, thủ đô Hà Nội và miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

1. Robert Guillaín: “La fin des illusions” (Hết ảo tưởng).

Với 16.200 quân tinh nhuệ của địch bị tiêu diệt và bắt sống cùng tất cả tướng tá chỉ huy và Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm, Điện Biên Phủ là trận đánh tiêu diệt lớn nhất, gọn nhất, điển hình nhất trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta và lịch sử đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. *Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới cận đại và hiện đại, quân đội một nước nhỏ, kinh tế chậm phát triển, vũ khí kém cỏi, đã đánh bại quân đội xâm lược của một cường quốc công nghiệp phương Tây.*

Trong tác phẩm “Trận Điện Biên Phủ” xuất bản năm 1963, tác giả người Pháp Jules Roy từng nhận xét: “Trên toàn thế giới, nơi trận Oa-téc-lô trước đây từng gây chấn động kém hơn, sự thất thủ Điện Biên Phủ đã gây nên nỗi kinh hoàng khủng khiếp. *Đây là một trong những thất bại lớn nhất của phương Tây, báo hiệu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa và sự cáo chung của một nền cộng hòa - Tiếng sấm của sự kiện còn tiếp tục rền vang...*”.

Kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 7.5.1964, Bác Hồ viết trên báo Nhân Dân: “*Điện Biên Phủ như là một cái mốc bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn*”¹.

1. Hồ Chí Minh toàn tập - NXB Chính Trị Quốc Gia. Tập 11, trang 261.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng của dân tộc Việt Nam và của cả loài người tiến bộ! Trước hết đó là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh: Với lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh quật khởi của dân tộc, từ năm 1925, Người đã sớm công bố “Bản án chế độ thực dân Pháp” để 29 năm sau, theo lệnh Người, quân và dân Việt Nam đã thi hành bản án ấy trên pháp trường Điện Biên Phủ! Bản án tử hình đó đã chấm dứt vĩnh viễn nền thống trị thực dân của Pháp trên toàn cõi Đông Dương, đồng thời gióng lên hồi chuông báo ngày tận số của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ!

Ba tiếng đó đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch đứng lên giành quyền sống. Ba tiếng đó còn vang vọng mãi đến mai sau...

Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, dân tộc ta đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại. Tổ quốc Việt Nam mãi mãi ghi công các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống ở Điện Biên Phủ và trên chiến trường ba nước Đông Dương, ghi công các vị chỉ huy, các cố vấn Trung Quốc, các cán bộ chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công và toàn dân toàn quân ta đã góp phần làm nên một một Đông Xuân thắng lớn trên cả nước và một Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Tháng 10.2003



ĐIỆN BIÊN PHỦ
THẮNG LỢI
LỊCH SỬ VÀ
TÌNH ĐOÀN KẾT
ĐẶC BIỆT
VIỆT - LÀO

Trung tướng

HOÀNG NGHĨA KHÁNH

Phó giáo sư, nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tham mưu

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi nguyên là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 400, Trung đoàn 9, Đại đoàn 304 nên được cử làm phái viên tác chiến của Bộ, xuống theo dõi tác chiến của Đại đoàn 304 chiến đấu ở khu vực Hồng Cúm, phía Nam Mường Thanh.

Tôi còn được giao trực tiếp chỉ huy một đại đội trinh sát đặc biệt của Bộ với trang bị tiểu liên đầy đủ, có thêm 1 khẩu

cối 60 ly, 3 khẩu trung liên và một đài thông tin liên lạc trực tiếp với Bộ.

Sau chiến dịch giải phóng Tây Bắc (đến Nà Sản) năm 1953, tôi cũng đã trực tiếp chỉ huy đại đội trinh sát này sang chuẩn bị cho chiến trường Sầm Nứa (Thượng Lào). Đại đội bố trí bám sát địch ở khu vực sân bay Noọng Khang và thị xã Sầm Nứa, để tiến hành chiến dịch giải phóng Sầm Nứa, Thượng Lào.

Lần này, chúng tôi cũng bố trí trinh sát bám sát địch xung quanh sân bay Hồng Cúm và cụm cứ điểm Hồng Cúm.

Khi phương châm chiến dịch thay đổi, từ “đánh nhanh, thắng nhanh”, sang “đánh chắc, tiến chắc”, Đại đoàn 308 được lệnh cơ động sang Thượng Lào để nghỉ binh; đại đội trinh sát chúng tôi cũng được lệnh đi cùng đại đoàn sang nắm tình hình địch và nghiên cứu bố trí lực lượng nguy quân Lào dọc sông Nậm U, Mường Ngòai, Nậm Bạc (Đông Bắc Luang Prabang).

Khi Đại đoàn 308 bí mật rút về chuẩn bị xây dựng trận địa tiến công bao vây phía tây cụm cứ điểm Mường Thanh, đại đội trinh sát cũng rút về vị trí cũ bố trí bám địch xung quanh cụm cứ điểm Hồng Cúm.

Là phái viên tác chiến của Bộ, tôi theo dõi tác chiến của Đại đoàn 304 (thiếu Trung đoàn 66 tác chiến ở Trung Lào), do đồng chí chính ủy Lê Chưởng và đồng chí Tham mưu trưởng đại đoàn Nam Long chỉ huy. Cứ mỗi buổi tối, tôi cùng Ban chỉ huy Trung đoàn 57 (do đồng chí Nguyễn Cận,

trung đoàn trưởng, đồng chí Hoàng Đan, trung đoàn phó), đi đôn đốc kiểm tra việc xây dựng trận địa tấn công ở phía đông; và sang Trung đoàn 9 (đồng chí Trần Thanh Từ làm trung đoàn trưởng) xây dựng trận địa tấn công bao vây phía tây cụm cứ điểm Hồng Cúm¹.

Đặc biệt có những ngày đêm, chúng tôi đi theo giao thông hào lớn chia cắt khu vực Hồng Cúm và nam Mường Thanh để kiểm tra việc đào giao thông hào có đúng với kích thước bề cao và rộng theo qui định không, cách 5-6 mét phải đào 1 hầm ếch ở chân giao thông hào để tránh bom và đạn pháo cối của địch. Còn đại đội trinh sát của Bộ thì bố trí bám địch cả đêm lẫn ngày ở xung quanh cụm cứ điểm Hồng Cúm.

Ban đêm, đại đội trinh sát thỉnh thoảng bắn một vài quả cối, một vài loạt trung liên để thu hút sự chú ý và hỏa lực của địch về phía mình nghi binh cho bộ đội đào giao thông hào và xây dựng trận địa bao vây tiếp cận địch.

Đồng chí Chính ủy Lê Chương còn giao cho tôi lựa chọn các chiến sĩ của đại đội trinh sát Đại đoàn 304 và của Bộ, tổ chức các tổ “dũng sĩ” ban ngày bám sát hàng rào cứ điểm, bắn tỉa quân địch, thu dù máy bay địch thả rơi ra ngoài hàng rào, gồm các thùng đồ hộp, đủ các loại thực phẩm, về “tiếp tế” một phần cho quân ta.

Khi cụm quân địch ở Mường Thanh sắp thất thủ và

1. Sư đoàn 304, ký sự tập I, NXB QĐND 1980.

chuẩn bị rút chạy, quân Pháp tổ chức và điều động một binh đoàn cơ động quân Ngụy Lào, có những tên chỉ huy người Pháp gọi là GML (groupement mobile Laos) vượt sông Mường Khoa sang đèo Tây Trang để tiếp ứng và đón quân địch ở Điện Biên Phủ rút về Thượng Lào. Được lệnh Bộ, đại đội trinh sát chúng tôi đưa bộ phận lớn lên chốt ở đèo Tây Trang. Đến khi quân địch ở Hồng Cúm rút chạy, hai Trung đoàn 57 và 9 của Đại đoàn 304 truy kích tiêu diệt quân địch ở Hồng Cúm, binh đoàn cơ động Ngụy Lào (GML) bị chặn ở đèo Tây Trang cũng rút chạy về Lào. Đại đội trinh sát được lệnh Bộ truy kích quân GML vượt sông ở Mường Khoa, qua một dãy núi đến một con suối gặp một bộ phận của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 148 do đồng chí Hoàng Lê chỉ huy ¹.

Truy kích địch qua đèo Calăngtap, thì chúng tôi được lệnh quay trở lại Điện Biên Phủ gặp đồng chí Trần Lương (Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị) và đồng chí Cao Văn Khánh (Phó đại đoàn trưởng Đại đoàn 308), được Tổng quân ủy giao ở lại giải quyết chiến trường và giao trả thương binh quân Pháp chở trực thăng về Vientiane. Vào hầm chỉ huy cũ của tướng De Castries, tôi nhận lệnh cùng đại đội trinh sát, được tăng cường thêm đồng chí Thận (tiểu đoàn phó tiểu đoàn trinh sát của Bộ) làm phó, chúng tôi sang lại Thượng Lào chuẩn bị chiến trường giải phóng Luang Prabang - Thượng

1. Đồng chí Thiếu tướng Hoàng Lê, Phó giám đốc Học viện lục quân Đà Lạt.

Lào. Để phát huy thắng lợi Điện Biên Phủ, ta và bạn dự định sẽ mở chiến dịch giải phóng Luang Prabang - Thượng Lào để nối liền hai vùng giải phóng Bắc Lào của bạn với vùng Điện Biên Phủ, Lai Châu của ta, cũng như để phát huy thắng lợi sau chiến dịch giải phóng Tây Bắc năm 1953, ta và bạn đã thống nhất mở chiến dịch Sầm Nưa để nối liền hai vùng giải phóng Luang Prabang Thượng Lào của bạn với vùng Mộc Châu, Sơn La Tây Bắc của ta.

*

* *

Đại đội trình sát nhận nhiệm vụ mới!

Sau khi được trang bị đầy đủ lương thực (chủ yếu là muối), mỗi chiến sĩ mang nặng “bao tượng gạo”, và nhiều đồ hộp chiến lợi phẩm, trở lại vượt đèo Tây Trang, Mường May, Mường Khoa tiến về hướng Luang Prabang. Khi hành quân đường bộ vượt qua nhiều đèo, nhiều suối; khi hành quân đường sông Nậm U theo các thuyền do dân Lào chở, chúng tôi tiến về Mường Ngòi, Nậm Bạc, vừa hành quân vừa tác chiến với những tập tàn quân hoặc toán biệt kích lẻ tẻ dọc đường. Nhân dân Lào ở các bản dọc sông Nậm U rất tốt, có truyền thống Cách mạng (là quê hương chủ tịch Souhanouvông - một lãnh tụ Pathet Lào), cho nên khi bộ đội hành quân qua các bản thì được dân đón tiếp vui vẻ có nơi cho thêm gạo nếp, rau và chuối, nhiệt tình cho bộ đội mượn

thuyền và lái thuyền chở bộ đội qua sông. Cũng nhờ nhân dân ở vùng này rất tốt với bộ đội Việt Nam, nên trong chiến dịch, khi Đại đoàn 308, được lệnh gấp cơ động nghi binh sang Thượng Lào, không có chuẩn bị trước vận tải hậu cần nhưng được nhân dân Lào tiếp tế một phần, nên đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ.

Đến Mường Ngòi, Nậm Bạc, đại đội trinh sát không cơ động tiếp theo dọc sông Nậm U nữa, để giữ bí mật. Sau khi được sự giúp đỡ của cán bộ tình nguyện Việt Nam xây dựng cơ sở ở Lào, chúng tôi quay sang hướng Đông, hành quân dọc sông Nậm Xeng, Nậm Suông qua các bản Xốp Vi, Xốp Chiệc, Phon Xay. Trên đường hành quân, qua các bản có nhiều tên địch thì vòng tránh, gặp những toán nhỏ thì đánh địch mở đường.

Đại đội trinh sát vượt qua các bản người Lào Lum (sống hai bên bờ sông) có nhiều thửa ruộng và ruộng bậc thang trồng lúa, ở đây có thuyền về các thị trấn thị xã buôn bán, nên đời sống sung túc hơn, văn minh hơn. Các cô gái Lào trắng trẻo với các váy lụa đen, áo màu may kiểu “vai bông”, với giải cúc bằng bạc trắng, hiểu biết nhiều về bộ đội Việt Nam nên niềm nở, và ủng hộ gạo, nếp, gà, rau. Dân bản cho bộ đội ngủ trong các nhà sàn bằng gỗ. Hành quân tiếp leo lên vùng lưng chừng núi, là các bản người Lào Thênh, ít suối, đất khô cằn, nhà sàn nhỏ bằng tre nứa, ban đêm bộ đội phải căng nilông trải lá ngủ trên các đôi con, ngoài rừng. Dân hiểu biết ít về bộ đội Việt Nam, đời sống nhân dân khó khăn hơn, nên bộ đội

phải san sẻ một vài lon muối cho dân nghèo.

Hành quân tiếp lên đỉnh các dãy núi đá, là các bản Mèo. Người Mèo (Lào Sùng) ở đây họ “tự hào là đàn anh” vì ở cao trên “đầu mọi người”.

Họ sống trong các nhà “trệt” (không có sàn) thưa thớt xa nhau, xen kẽ nhiều nương trồng cây thuốc phiện nên đời sống khá hơn người Lào Thê nh. Trong nhà có nhiều lợn, gà, ít cây cối. Đại đội leo lên một bản người Mèo trên đỉnh núi Luang Prabang. Bản này tương đối lớn, nhưng không có một ai tại nhà. Hình như nghe bóng dáng bộ đội Việt Nam tới, họ trốn vào các hang hốc đá xa nhà.

Ở đỉnh núi này rất tốt, tiếp cận thị xã Luang Prabang, lại có nhiều hang hốc đá và các lùn cây tiện cho việc quan sát và che giấu. Bộ đội phải “hạ ba lô” dừng lại ngoài bản, chúng tôi liền cho mở đài thông tin, bắt sóng phát thanh có nhạc của Lào (tuy không biết là nhạc gì, bài hát gì...). Tiếng nhạc vọng vào núi đá vang lên trong không khí vắng vẻ. Nghe cũng vui tai nên sau một lát thấy lẻ tẻ một vài em bé người Mèo, đeo vòng bạc to ở cổ, lò mò tới xem. Lúc đầu còn đứng xa, thấy bộ đội Việt Nam vui vẻ vẫy tay, các cháu dần dần lại gần nghe đài và nhạc. Được anh em chiến sĩ cho mỗi em một ít kẹo chiến lợi phẩm và một mảnh vải dù lụa đỏ đeo vào cổ (trẻ con người Mèo rất thích khăn quàng đỏ) nên các em mạnh dạn hơn, vui hơn và dần dần về đông hơn.

Tiếp sau các em nhỏ, là các cô gái Mèo quần áo cũng thơm mát hơn các cô “Lào Thênh”, ở trên núi cao khí hậu

lạnh nên hai má đỏ hồng, cổ đeo vòng bạc lớn, cả cổ tay, chân đều đeo vòng bạc nhỏ. Lúc đầu còn bẽn lẽn nép sau các tảng đá lớn, hoặc góc nhà. Nhưng sau thấy bộ đội Việt Nam hiền từ vui vẻ bế các em nhỏ vào lòng vừa vỗ tay vừa hát theo tiếng nhạc, các cô gái Mèo cũng từ từ tiến lại gần. Các chiến sĩ cũng tặng mỗi cô một mảnh vải dù lụa đỏ. Thấy cô này được tặng cô khác cũng mạnh dạn tiến lên tùm tùm cười để nhận quà! Thế là bộ đội đã gây cảm tình được hai “thành phần đại diện” đầu tiên của bản Mèo. Tiếp đến các “bà mẹ” cũng về bản, trên lưng vai gửi bẹ ngô hoặc bó củi khô, thấy bộ đội vui vẻ với các em nhỏ và cô gái người Mèo, lúc đầu còn bối ngỡ, nhưng rồi cũng lại ghé ngồi xem, móm mém ăn bánh lương khô của bộ đội đưa tặng.

“Thành phần thứ 4” trở về, tay cầm dao rựa là các chàng thanh niên Mèo, hơi khó tính, nghe tiếng nhạc và dân Mèo ngồi gần bộ đội Việt Nam, cũng ghé vào xem. Mặt lạnh như tiền, không biết có phải vì “ghen” với cô gái Mèo ngồi gần bộ đội Việt Nam không, lúc đầu còn đứng xa nhưng sau cũng tiến vào dần, xen lẫn với những người tới trước để nghe nhạc và các bài hát.

Các già làng, trưởng bản, những người đàn ông, chiều đến cũng về bản, nhưng không ra nghe nhạc. Chúng tôi phái cán bộ trung, tiểu đội vào trong bản tiếp xúc đưa thuốc lá, bánh lương khô, bánh qui chiến lợi phẩm mời các cụ và trò chuyện. Lúc đầu thái độ họ dửng dưng, nhưng nét mặt dần dần dịu lại, và cuối cùng cũng nhã nhặn đồng ý cho bộ

đội vào nhà nghỉ.

Thế là đại đội trinh sát đã gây được cảm tình bước đầu của đủ “thành phần”. Tình quân dân giữa bộ đội Việt Nam và nhân dân Lào nói chung và dân Mèo ở đây nói riêng trở nên đậm ấm! Ôm các em nhỏ vào lòng, tôi cảm hứng chợt nghĩ ra mấy dòng thơ của người chưa hề biết làm thơ bao giờ:

*“Chú từ Việt Nam vượt suối, băng đèo
Đến đây gặp cháu dân Mèo Mường Luông.
Chú với cháu không cùng dòng máu*



Trung tướng Hoàng Nghĩa Khánh cùng các em nhỏ người Lào tại chiến trường Luang Prabang - Thượng Lào năm 1954 (bên trái)

lạnh nên hai má đỏ hồng, cổ đeo vòng bạc lớn, cả cổ tay, chân đều đeo vòng bạc nhỏ. Lúc đầu còn bẽn lèn nép sau các tảng đá lớn, hoặc góc nhà. Nhưng sau thấy bộ đội Việt Nam hiền từ vui vẻ bế các em nhỏ vào lòng vừa vỗ tay vừa hát theo tiếng nhạc, các cô gái Mèo cũng từ từ tiến lại gần. Các chiến sĩ cũng tặng mỗi cô một mảnh vải dù lụa đỏ. Thấy cô này được tặng cô khác cũng mạnh dạn tiến lên tùm tùm cười để nhận quà! Thế là bộ đội đã gây cảm tình được hai “thành phần đại diện” đầu tiên của bản Mèo. Tiếp đến các “bà mẹ” cũng về bản, trên lưng vai gùi bẹ ngô hoặc bó củi khô, thấy bộ đội vui vẻ với các em nhỏ và cô gái người Mèo, lúc đầu còn bỡ ngỡ, nhưng rồi cũng lại ghé ngồi xem, móm mém ăn bánh lương khô của bộ đội đưa tặng.

“Thành phần thứ 4” trở về, tay cầm dao rựa là các chàng thanh niên Mèo, hơi khó tính, nghe tiếng nhạc và dân Mèo ngồi gần bộ đội Việt Nam, cũng ghé vào xem. Mặt lạnh như tiền, không biết có phải vì “ghen” với cô gái Mèo ngồi gần bộ đội Việt Nam không, lúc đầu còn đứng xa nhưng sau cũng tiến vào dần, xen lẫn với những người tới trước để nghe nhạc và các bài hát.

Các già làng, trưởng bản, những người đàn ông, chiều đến cũng về bản, nhưng không ra nghe nhạc. Chúng tôi phải cán bộ trung, tiểu đội vào trong bản tiếp xúc đưa thuốc lá, bánh lương khô, bánh qui chiến lợi phẩm mời các cụ và trò chuyện. Lúc đầu thái độ họ dửng dưng, nhưng nét mặt dần dần dịu lại, và cuối cùng cũng nhã nhặn đồng ý cho bộ

đội vào nhà nghỉ.

Thế là đại đội trinh sát đã gây được cảm tình bước đầu của đủ “thành phần”. Tinh quân dân giữa bộ đội Việt Nam và nhân dân Lào nói chung và dân Mèo ở đây nói riêng trở nên đậm ấm! Ôm các em nhỏ vào lòng, tôi cảm hứng chợt nghĩ ra mấy dòng thơ của người chưa hề biết làm thơ bao giờ:

*“Chú từ Việt Nam vượt suối, băng đèo
Đến đây gặp cháu dân Mèo Mường Luông.
Chú với cháu không cùng dòng máu*



Trung tướng Hoàng Nghĩa Khánh cùng các em nhỏ người Lào tại chiến trường Luang Prabang - Thượng Lào năm 1954 (bên trái)

lượng lự mãi. Sau đó lấy một quần đùi và một áo sơ mi cộc tay vải kaki của lính Pháp ở Điện Biên Phủ (mà anh em trinh sát mang theo lót vai hòm đạn và dùng để lau súng) mang lại mặc cho anh “nô bộc” trần truồng đó, anh ta giọng ngọng trầm trầm cười. Ông “già làng” ngoảnh cổ lại thản nhiên nhìn cảnh đó, rồi lại tiếp tục hút thuốc phiện, không có phản ứng gì, không tỏ ra bất bình tự ái.

Ngày hôm sau, chủ nhà quảng cho “nô bộc” đó mấy cái áo quần rách của người Mèo, nhưng anh ta không chịu thay quần áo cứ mặc bộ quần áo đồng chí Nam mặc cho tới hôm trước.

Những ngày sau, Đại đội trinh sát ở trong các nhà bản Mèo được dân Mèo cho thịt lợn, rau cải Mèo và các bông bắp vàng, củ su su (trồng trên đỉnh núi cao giá lạnh nên củ rất to) anh em bộ đội cho dân muối. Tin đồn lan truyền, dân Mèo các bản khác và các dân “Lào Thênh” ở dưới cũng lũ lượt mang ngô, rau, thịt lợn lên đổi lấy muối (là món hàng chiến lược của bộ đội mang theo).

Có địa bàn đứng chân, trên dãy núi bản Mèo, nhìn xuống thị xã Luang Prabang rất rõ. Chúng tôi đặt “cứ trinh sát” ở đó, xuống lưng chừng núi đặt “đài quan sát”, tìm được một vị trí có hang, đã dự định đặt “chỉ huy quan sát” của chiến dịch ở đó rất tốt, quan sát rất rõ các ngôi nhà, và từng người đi lại trong thị xã. Ban đêm các toán trinh sát đột nhập vào thị xã, vẽ sơ đồ bố trí địch. Chúng tôi báo cáo qua điện đài về Bộ Tổng tham mưu là công tác nắm tình hình địch cơ bản

xong, và gặp nhiều thuận lợi, đề nghị Thủ trưởng Bộ cử đoàn cán bộ các đơn vị sẽ tham gia chiến dịch, sang nghiên cứu chiến trường.

Bất ngờ một buổi sáng, tôi nhận được điện của đồng chí Trần Văn Quang, nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến: “Ta không mở chiến dịch giải phóng Luang Prabang Thượng Lào nữa, vì hiệp định đình chiến Geneve đã được ký kết, lệnh cho đại đội trình sát trở về Bộ và tôi cũng về Cục để tham gia vào đoàn “tiền trạm” cán bộ Bộ tổng tham mưu đi trước về chuẩn bị tiếp quản Thủ đô Hà Nội...”¹.

Thế là tôi họp ban chỉ huy đại đội trình sát phổ biến quyết định này. Mọi người sung sờ vừa mừng vừa tiếc! Mừng vì hòa bình sắp lập lại ở Đông Dương, miền Bắc Việt Nam được giải phóng. Nhưng rất tiếc là công tác chuẩn bị chiến trường đã được hoàn thành tốt đẹp. Nếu ta và bạn Lào tiếp tục mở chiến dịch này, thì nhất định sẽ giành thắng lợi. Một vùng giải phóng rất rộng lớn của đất nước Lào, từ đường số 7, bản Ban, cánh đồng Chum ra Xalaphukhum, đường 13, trở lên Sầm Nưa, Luang Prabang và cả Bắc Lào sẽ được giải phóng, liên hoàn với đất của ta, từ vùng tự do Thanh Hóa, tỉnh Hòa Bình, Liên khu III, nối liền vùng giải phóng Tây Bắc và căn cứ địa Việt Bắc Việt Nam.

1. Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp, Nhà in BTTM 1992, trang 752-795

Ban chỉ huy đại đội rút các tổ trinh sát hành quân trở về lại Việt Nam. Chia tay rời bản Mèo với sự lưu luyến của dân Mèo Mường Luông, nhất là các cháu bé, các cô gái Mèo cứ đứng vẫy tay nhìn mãi, đại đội trinh sát đi xa dần theo đường hành quân cũ, xuống các bản người “Lào Lum” bờ sông Nậm Suông. Qua các bản làng người Lào chúng tôi phổ biến hiệp định ngừng bắn đã được ký kết, hòa bình được trở lại trên đất Lào, và hình như cán bộ PhaThét Lào cùng các cán bộ tình nguyện Việt Nam xây dựng cơ sở cũng đã phổ biến tin này, nên đến đâu cũng được dân Lào đón tiếp nồng hậu, ủng hộ nhiều gạo nếp, gà lợn, mà không yêu cầu bộ đội Việt Nam cho “muối” như khi hành quân lên đỉnh núi Luang Prabang, nhưng anh em vẫn phát hết số muối còn lại cho dân nghèo ở các bản đi qua.

Trên đường về Việt Nam dừng chân nghỉ tại một bản người Lào trên sông Nậm Suông, thì một việc đau buồn xảy ra với đại đội! Đồng chí Thận, tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trinh sát của Bộ, được tăng cường đi theo đại đội trinh sát, lúc lau súng tiểu liên của mình vô ý bị “cướp cò” đạn xuyên qua cổ lên đầu chết tại chỗ. Cả đại đội và chúng tôi vô cùng thương tiếc một cán bộ dũng cảm, một đảng viên trung kiên, một người bạn chân tình, một đồng đội được tất cả anh em trong đại đội mến phục, đã đột ngột ra đi!

Thật đau đớn và tiếc thay! đồng chí đã ngã xuống sau 9 năm chiến đấu gian khổ, trước ngày ngừng tiếng súng trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu!

Đại đội trưởng sát của chúng tôi và toàn thể dân Lào trong bản, đã tổ chức truy điệu đồng chí trong niềm thương tiếc vô hạn! Sau lễ truy điệu, đồng chí Nam chính trị viên, đồng chí Lộc đại đội trưởng, 4 chiến sĩ và tôi cùng trưởng bản người Lào xuống một con thuyền độc mộc, bơi ngược dòng sông Nậm Suông. Trên bờ sông, anh em đại đội trưởng sát và nhân dân Lào của bản rung rung nước mắt nhìn theo con thuyền độc mộc chở thi hài đồng chí Thận lên mai táng trên bờ tả ngạn sông Nậm Suông, gần chỗ mấy cán bộ Phathét Lào đã hy sinh trước đây.

Đến nay, cũng đã 50 năm trôi qua! Chúng tôi không ai có điều kiện trở lại vùng đất xa xôi hẻo lánh này của nước bạn để viếng mộ người đồng chí thân yêu của mình. Nhưng chắc chắn “người xưa cảnh cũ” nay đã thay đổi nhiều, mà nếu được trở lại nơi đây thì thời gian, bão táp, mưa lũ đã xóa mất dấu vết năm mộ trước đây đắp bằng đất, một cán bộ quân tình nguyện Việt Nam dũng cảm, một đảng viên trung thành của Đảng, một chiến sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ quốc tế cao cả của mình trên đất bạn.

Đồng chí Thận cũng như nhiều cán bộ chiến sĩ quân tình nguyện khác của Việt Nam đã gửi thân mình mãi mãi trên đất nước bạn Lào, vun đắp thêm tình hữu nghị, tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào mãi mãi thắm tươi! Đời đời bền vững!

TRẦN TUYỀN
TIẾP VẬN LÊN
ĐIỆN BIÊN PHỦ



Thiếu tướng NGUYỄN AN

Nguyên Phó chủ nhiệm

Tổng cục Hậu cần, Phó Tư lệnh 559

Theo kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954, ngày 10.12.1953 ta tấn công Lai Châu, chỉ sau 10 ngày chiến đấu quân ta đã giải phóng toàn bộ khu vực địch còn chiếm đóng ở Lai Châu. Để tránh nguy cơ bị tiêu diệt, địch phải gấp rút nhảy dù tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến nơi đây thành nơi tập trung binh lực lớn “tiếp nhận chiến đấu với chủ lực ta tại Điện Biên Phủ”. Tình huống đúng như dự đoán, thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã đến, quân ta gấp

rút tiến hành bao vây tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Những ngày cuối tháng 12 năm 1954 các đại đoàn chủ lực thiện chiến được gấp rút điều động về đây, đưa quân số trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu lên hàng chục vạn người. Mặc dầu đã có sự chuẩn bị trước cho chiến dịch Lai Châu nhưng diễn biến chiến trường quá nhanh thì công tác tiếp vận bảo đảm hậu cần cho bộ đội trên một chiến trường xa hậu phương, trong một thời gian ngắn, quả là một vấn đề nóng bỏng. Thật vậy, đây là một vấn đề nhạy cảm một cuộc chiến đấu giằng co, quyết liệt giữa đôi bên đối địch kéo dài suốt cả thời gian từ khi bao vây Điện Biên cho đến khi kết thúc chiến dịch, ở hậu phương mỗi bên và cả trên các ngã đường vận tải về Điện Biên Phủ. Nó quyết liệt ở chỗ cả hai bên đều biết khá rõ điểm yếu chí mạng của nhau và phải tiếp vận một khối lượng vật chất khá lớn đến một chiến trường xa hậu phương, mà đường tiếp vận thì độc đạo. Ta chỉ có một trục đường bộ chủ yếu từ Sơn La vào Điện Biên, còn Pháp cũng chỉ có một phương thức tiếp vận duy nhất là hàng không thả dù và hạ cánh, nên cả hai bên đã tập trung sức mạnh có thể, ngày đêm rình rập, đánh vào các điểm yếu của nhau những đòn mãnh liệt nhất.

Trong cuộc đấu trí và đấu lực gay go trên tuyến tiếp vận của cả hai bên, nổi bật lên vai trò của hậu phương quốc gia, ai xây dựng được hậu phương thường xuyên vững chắc có khả năng huy động cao nhất, bền bỉ nhất cho tiền tuyến, thì người đó nắm chắc phần thắng lợi.

Ngày 12.1.1954 sau khi đã vượt qua đèo Pha Đin, trên đường vào chỉ huy sở, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gặp thân mật các đồng chí chỉ huy các tuyến hậu cần, vận tải quân đội, những người đã lặn lội cùng với anh đi phục vụ qua nhiều chiến dịch. Trong buổi gặp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã căn dặn, tâm tình nhiều hơn là chỉ thị: “Mình đi chiếc xe Zeep cộc cạch trên những con đường mới mở, từ Lũng Lô cho đến đèo Pha Đin càng đi xa càng thấy đường sá hiểm trở. Ngã ba Cò Nòi là đầu mối giữa hai con đường, thế nào địch cũng biến ngã ba này thành một túi bom. Nghĩ tới việc tiếp tế cho mặt trận, đường sá dài, người ở tiền tuyến cần gạo mà người vận chuyển cũng cần gạo; việc tiếp vận sẽ trở nên gay gắt, nhất là chiến dịch kéo dài, các cậu phải cố gắng lắm đấy”. Tầm nhìn của vị Tổng Tư lệnh kính yêu đã nhắc nhở cho các cán bộ hậu cần và vận tải thấy rõ vị trí trọng yếu và tình hình sẽ cực kỳ khó khăn của công tác tiếp vận trong chiến dịch này. Thời gian sau đó, khi công tác tiếp vận gặp trở ngại, lại chính vị Tổng chỉ huy của chúng ta đã bỏ hẳn một số ngày không theo dõi chỉ huy tác chiến mà chuyên tâm ân cần cùng với các cán bộ hậu cần, vận tải bàn các giải pháp để đẩy nhanh gạo lên tiền tuyến.

Trong khi đó, ở trận tuyến đối phương, tại sở chỉ huy của De Castries, trong đêm giáng sinh vui vẻ (24.12.1953) bên ánh lửa trại bập bùng ven sông Nậm Rốm, viên Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp Henri Navarre huyền hoang tuyên bố với ba quân: “Việt Minh đưa quân lên đây, nhưng họ

phải lo việc cung cấp quá lớn, trên một chặng đường khá dài, qua những vùng hiểm trở, nghèo xác xơ và đường giao thông hầu như không có. Vận tải của Việt Minh chỉ toàn bằng “cu ly” gánh bộ, nếu có bằng ô tô chẳng nữa thì phải đi trên những chặng đường rất xấu, luôn luôn bị không quân Pháp cắt đứt”⁴. Các sĩ quan Pháp dự đêm vui, đều hể hả với nhận định “cầm chắc phần thắng” của cấp trên, duy chỉ có một nỗi lo canh cánh bên lòng mà De Castries đã thay mặt họ phát biểu: “Chúng tôi chỉ còn sợ Việt Minh thấy miếng mồi Điện Biên Phủ quá to, nếu vì họ quá sợ mà không dám tấn công nữa, thì thật là tai họa đối với tinh thần binh sĩ!”.

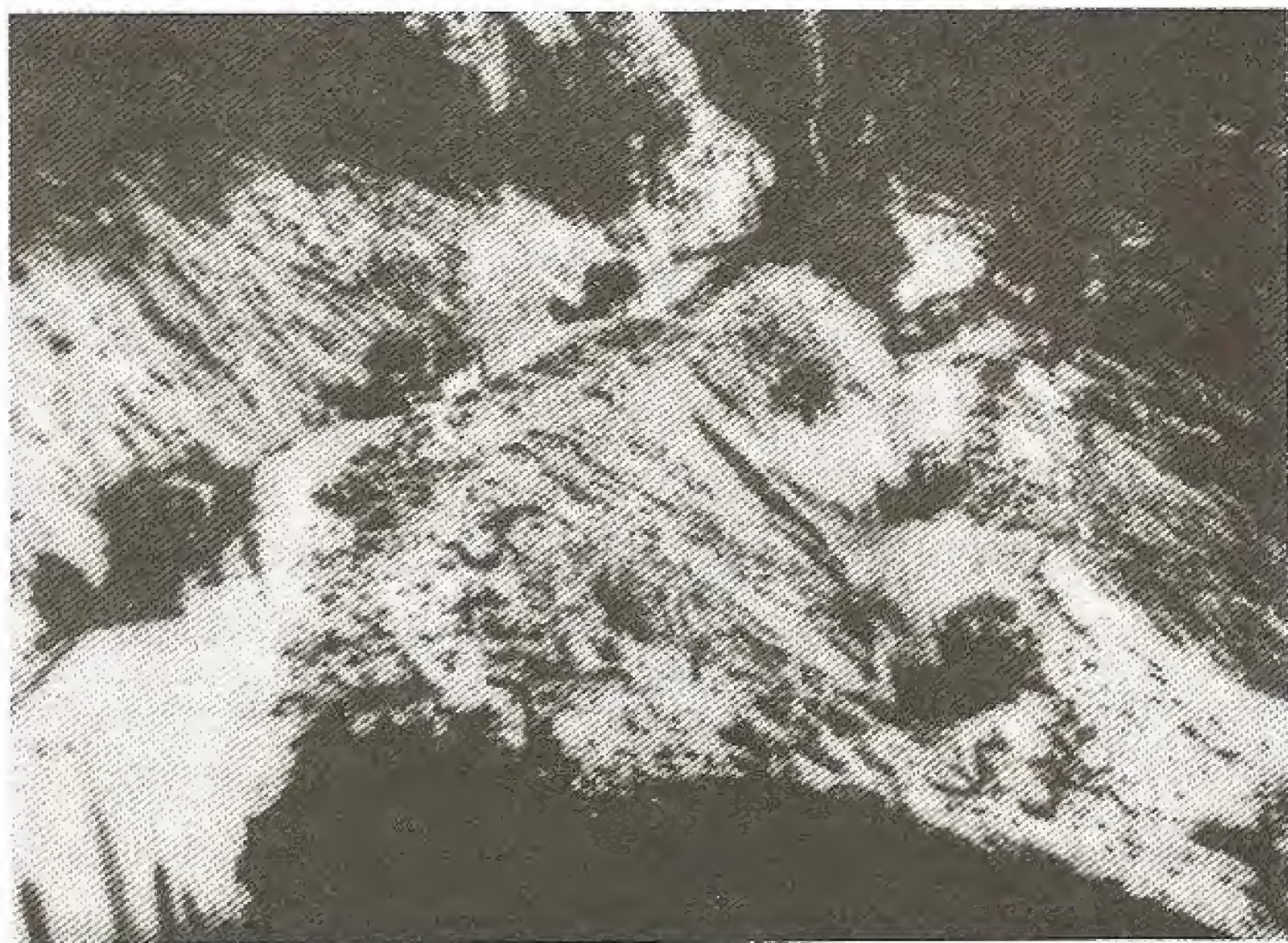
Phải chăng, sự đánh giá ban đầu chủ quan, mù quáng này của những người cầm đầu quân đội Pháp ở Đông Dương tại Điện Biên Phủ, sẽ là điểm khởi đầu cho những thất bại của họ sau này.

Thực hiện kế hoạch “bấm nát mạch máu” của ta, trên đường từ hậu phương ra mặt trận, địch đã tập trung đánh phá từng đoạn ở những nơi hiểm trở; có nơi còn kết hợp cả máy bay rải bom với đại bác bắn cầm canh từ những đồn địch gần đường vận chuyển, vào những giờ chúng biết có nhiều xe đi qua, như đồn Mỏ Thỏ (Bắc Giang), đã bắn vào khu vực đèo Cả, Bến Sỏi liên tục 1 tháng 10 ngày, nhằm chốt chặn xe ta trên đường số 1 từ Lạng Sơn về nhưng ta đã mở đường vòng tránh, bảo đảm vận chuyển thông suốt. Nhiều nơi, chúng vừa phá đường vừa cho máy bay săn đuổi xe ta, đánh thẳng vào sinh lực của vận tải. Tại ngã ba Cò Nòi, mỗi

ngày máy bay địch trút xuống trên 60 tấn bom mìn các loại: nổ ngay, nổ chậm vùi lẫn với bom bướm bướm, mìn đề nổ, mìn phá xe, chông ba cạnh. Mỗi khi máy bay đi bắn phá ở đâu về qua, cũng “tọa độ” xuống ngay ngã ba này một “bãi”, làm cho địa hình vùng này biến dạng hàng ngày, đến nỗi tổ quan sát công binh ở đây, chỉ trong vòng hai tháng 1 và 2/1954 đã phải vẽ lại sơ đồ qua vùng này tới 19 lần. Anh em công binh và thanh niên xung phong gọi Cò Nòi là “ngã ba sống-chết” vì đi qua đây, cái sống liền kề ngay cái chết, do bom mìn địch giương bày thường trực ngày đêm.

Để xiết chặt cái thông lọng khổng lồ quanh cái lòng chảo rộng lớn này, ta phải bố trí một lực lượng đủ mạnh, lúc cao điểm lên tới 86.800 người, gồm 53.800 quân và 33.000 dân công thanh niên xung phong; yêu cầu lương lương thực bình quân 90 tấn/ngày, tính từ Sơn La trở vào. Ngay tại Điện Biên Phủ, phải có gần 50 tấn/ngày, tức là mỗi ngày phải có gần 3.000 “dân công hỏa tuyến”, luồn rừng leo núi đưa vật phẩm đến từng trận địa. Theo số liệu ta biết đến nay thì lượng gạo cần cho chiến dịch này là 16.000 tấn, từ đó phải huy động các nguồn từ hậu phương lên trên 25.000 tấn. Với kinh nghiệm vận tải đã tổng kết ở chiến dịch Tây Bắc, việc vận chuyển hoàn toàn bằng sức người gánh bộ; muốn có gạo ở Nghĩa Lộ (Yên Bái) mà nguồn tiếp tế từ phía nam Thanh Hóa lên, đường dài hơn 900km, thì cứ 1 kg gạo đến đích, phải có 24 kg gạo ăn dọc đường. Vậy ở chiến dịch này, nếu phải vận chuyển toàn bằng dân công gánh bộ thì muốn có

16.000 tấn gạo đến đích, cũng phải nhân lên gấp 24 lần, tức là phải huy động trong dân 384.000 tấn gạo, chứ không phải là 25.000 tấn, mà muốn có 384.000 tấn gạo, phải thu cho được và tổ chức xay giã 640.000 tấn thóc; giả định nếu có thu được cũng không vận chuyển kịp vì đường quá xa, khối lượng quá lớn. Để giải quyết gạo cho chiến dịch này, Bộ Chính trị và Chính phủ ta đã có những giải pháp rất khoa học và cách mạng; động viên nhân dân hai tỉnh Sơn La, Lai Châu ra sức tiết kiệm để đóng góp 1 lượng gạo lớn nhất tại chỗ, làm giảm



Xe vận tải chở đạn vượt đèo lên mặt trận

thiếu đến mức thấp nhất khối lượng phải đưa từ xa đến, rồi nếu cần phải xin viện trợ gạo của Trung Quốc thì cũng chọn lấy ở nguồn gần nhất, còn thiếu đâu mới lấy từ các tỉnh hậu phương xa hơn.

Kết quả thật là ngoạn mục: nhờ vai trò hậu phương tại chỗ, đáp ứng kịp thời trước hết phải kể đến nhân dân Sơn La, Lai Châu vừa được giải phóng năm trước đã góp được 7.360 tấn gạo, bằng 27% tổng số phải huy động; gạo viện trợ của Trung Quốc từ Vân Nam xuống 1.700 tấn bằng 6,8% tổng số huy động; mua được 300 tấn gạo ở vùng Nậm Hu (Thượng Lào) sau giải phóng; còn lại 15.600 tấn đã chuyển từ các tỉnh hậu phương lên. Trong số 15.640 tấn này, đã đưa kịp tới mặt trận 6.640 tấn là đủ yêu cầu = 16.000 tấn; còn lại phải ăn dọc đường vận chuyển hết 9.000 tấn.

Riêng số 1.700 tấn gạo đưa từ biên giới Vân Nam Trung Quốc xuống, việc vận chuyển cực kỳ gian nan trên dòng sông Nậm Na phải vượt 102 thác ghềnh hung dữ, mới tới Lai Châu, dùng xe tiếp chuyển về Điện Biên Phủ. Dòng sông dài gần 95km, có đoạn Ba Nậm Cúm đi Pa Tần dài 35km phải chở gạo trên mảng ghép bằng nứa, đoạn Pu Tần về Lai Châu dùng thuyền ván và độc mộc. Công việc vận tải cực kỳ khó nhọc trên sông nước đó đã giao cho đại đội nữ dân công huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đảm nhận phần lớn. Các chị đã đóng 11.600 chiếc mảng ở thượng nguồn, chở gạo vượt thác về Pa Tần, lúc đầu chưa quen phải 4 người mới chở được một mảng có 100kg mà gạo vẫn bị ướt; sau phần

đầu 2 người, rồi mỗi người lái một mảng chở được 300kg xuống thác an toàn, hàng không bị ướt. Nhiều chị em khi giao xong, quần áo trên người còn ướt sũng, đã chạy bộ ven sông, ngược lên đầu nguồn để nhận mảng mới; vừa chạy cho nóng người, vừa dùng sức nóng của người mà hong khô quần áo.

Số gạo huy động ở các địa phương cho chiến dịch này thể hiện sự hy sinh lớn lao cho tiền tuyến, không gia đình nào nộp dưới mức yêu cầu, có nhiều hộ còn giao trước thời gian quy định, kể cả trong vùng tạm chiếm. Chỉ riêng tỉnh Thanh Hóa đã đóng góp hơn 9.000 tấn gạo. Đặc biệt, huyện Tuần Giáo chỉ có 11.000 dân đã góp được 1.270 tấn gạo, tức là gần 116kg/đầu người, so với năng suất canh tác lúa nương, chọc lỗ bở thóc giống, thì số gạo “vét tận đáy bồ” này biểu hiện lòng tin tưởng và sự hy sinh cực kỳ to lớn đối với cách mạng.

Đánh giá những sự kiện trên, một ký giả nhà binh Pháp, tướng Y. Gras trong cuốn “Lịch sử chiến tranh Đông Dương”, 25 năm sau Điện Biên thắng lợi đã viết: “Ông Giáp quan niệm rằng cả một dân tộc sẽ tìm ra giải pháp cho vấn đề hậu cần và giải pháp này đã làm thất bại mọi toan tính và dự kiến của Bộ Tham mưu Pháp...”.

Sau gạo là đạn, mà quan trọng nhất là đạn pháo 105 ly. Số đạn này đã tiêu thụ trong chiến dịch là trên 2 vạn viên, tuy chỉ có trọng lượng là 500 tấn trong tổng số 1.200 tấn vũ khí, đạn dược toàn chiến dịch, nhưng lại là loại vũ khí

mới sử dụng đầu tiên trong chiến dịch này, không những có uy lực lớn với địch mà còn uy tín mạnh mẽ với cán bộ và chiến sĩ ta.

Việc vận chuyển được số đạn này tới các trận địa pháo cũng là cả một kỳ công:

- Khối lượng lớn nhất: 11.715 viên lấy từ các kho quân khí ở hậu phương, cách xa mặt trận từ 500 đến 700km, là số lượng đạn dành dựm qua 4 năm tích lũy, suốt từ chiến dịch Biên Giới, gìn giữ cho trận đánh này.

- Đặc biệt có 400 viên đạn chiến lợi phẩm mới tinh của chiến thắng Bô Na Phào tháng 1.1954 đã được vận chuyển cấp tốc trên đường dài 1.105 km qua đường 12, 15, 41 bằng mọi phương tiện để có mặt kịp thời ở Điện Biên Phủ.

- Các chiến sĩ ở ngay mặt trận bao vây cũng đã giành giật với địch, cướp các dù đạn 105 ly do máy bay địch vội vàng thả xuống, lấy được hơn 5.000 viên, tặng lại pháo binh ta.

- Các bạn Trung Quốc cũng đóng góp cho chiến dịch này 3.600 viên, chiếm tỷ lệ 18% so với lượng đạn tiêu thụ, tuy ít nhưng cũng rất quý, đó là số đạn đi theo 24 khẩu pháo (mỗi cơ số 150 viên/khẩu) và cũng chỉ có một lần đó trong suốt chiến dịch không đúng như lời than của Navarre: "... Sự tăng viện bất ngờ và to lớn của Trung Quốc là một nguyên nhân thất bại của Điện Biên Phủ" ². Navarre thanh minh và than thở như thế, nhưng chính ông ta cũng đã có đủ tài liệu tình báo để biết rằng: gạo do Trung Quốc viện trợ chỉ bằng 6,8%, và đạn pháo 105 ly chỉ bằng 18% so với tổng nhu cầu

của chiến dịch thì không là to lớn được; còn 24 khẩu pháo 105 ly, khi đưa từ Vân Nam sang theo đường Lào Cai, quân ta đã đóng mảng xuôi sông Hồng từ năm 1953, đài địch nói sa sả, thì đâu có gì là bất ngờ đối với bộ chỉ huy Pháp ở Đông Dương nữa.

Trong cuộc kháng chiến này, mặc dù sự nỗ lực chủ quan của nhân dân ta là chính, chúng ta cũng không quên ơn bạn bè, đồng chí đã giúp đỡ ta, chỉ có điều là đánh giá thì nói cho chính xác và đúng mức. Một điều nữa cũng cần nói thêm là mặc dù chúng ta có trong tay một số lượng đạn pháo 105 ly bằng 134 cơ số nhưng không bao giờ có việc sử dụng pháo theo cách mà một tác giả người Tứ Xuyên là Sa Lực mẫn lực, tháng 2 năm 1992 đã viết trong quyển “9 lần xuất quân lớn của Trung Quốc”, đã trích dẫn bức điện nói là của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi đoàn cố vấn quân sự bên cạnh đồng chí Tổng tư lệnh của ta có đoạn viết: “... Không được bắn tiếc đạn, chúng ta (Trung Quốc) sẽ cung cấp đủ đạn”. Chúng ta rất trân trọng những lời khuyên bạn bè tình nghĩa, nhưng các bạn không thể hiểu ta bằng chính chúng ta, do đó việc sử dụng đạn pháo lớn trong chiến dịch này rất tiết kiệm và nghiêm túc: các trận đánh lớn có hiệp đồng binh chủng thì lượng đạn pháo đã được duyệt; ngoài ra nếu đơn vị bộ binh nào muốn xin pháo 105 ly bắn chi viện quá 3 viên phải xin phép Tham mưu trưởng mặt trận, Thiếu tướng Hoàng Văn Thái, nếu quá 10 viên thì phải được đại tướng Tổng tư lệnh

chuẩn y; nếu thực sự ta bắn “không tiếc đạn”, thì các khẩu pháo phải im tiếng từ lâu, trước khi tổng công kích.

Công tác tiếp vận ở chiến dịch, ngoài nhiệm vụ chuyển vật chất ra tiền tuyến, còn có nhiệm vụ cực kỳ quan trọng khác là kết hợp với ngành quân y và quân nhu, chuyển thương binh về phía sau. Yêu cầu chuyển thương từ hỏa tuyến về đội điều trị đại đoàn, sau khi sơ cứu, là phải chuyển thật nhanh để cứu lấy mạng sống của thương binh; còn từ đội điều trị về bệnh viện hậu phương là phải chuyển liên tục, vừa chuyển thương vừa điều trị hộ tống, thương binh nhanh chóng được đưa về nơi điều trị toàn diện hơn, đồng thời dành đội điều trị nhận thương binh mới, vì chiến dịch kéo dài, rất khác các chiến dịch cũ, đánh xong hết đợt mới chuyển một lần. Chiến dịch Điện Biên Phủ có tổng số gần 15.000 thương binh, đã chuyển về hậu phương 9.560 người, còn lại là thương binh nhẹ trả về chiến đấu. Đưa thương binh về hậu phương được tổ chức hết sức chu đáo kết hợp cả điều trị, nuôi quân và vận tải, với khẩu hiệu: “Mỗi ô tô là một bệnh xá lưu động” và “mỗi tổ cáng thương là một gia đình thân yêu”. Mỗi chuyển chuyển thương về bệnh viện, có khi phải cả tháng, có thương binh khi nhập viện thì sức khỏe đã gần được hồi phục.

Trên tuyến đường tiếp vận thì dân công là lực lượng đông nhất tổng số 261.135 lượt người, làm nên gần 11 triệu ngày công, chỉ tính riêng từ Sơn La trở vào đã có 33.000 người, bằng 4,72 triệu ngày công. Lượng xe đạp thồ cũng rất đồ sộ: gần 21.000 chiếc, có 2.500 xe trên tuyến quân đội,

mỗi xe trung bình chở được 180kg, cá biệt có xe của anh Cao Văn Ty ở Thanh Hóa chở được 320kg, anh Ma Văn Thắng ở Phú Thọ chở được 352kg. Về đường thủy có 2 tuyến phục vụ chiến dịch: Sông Hồng từ Phú Thọ, Vĩnh Phúc sang và sông Mã từ Thanh Hóa lên Vạn Mai, cả hai tuyến đã huy động tới 11.800 thuyền gỗ, thuyền nan đủ loại.

Dân công không những chỉ huy động ở vùng tự do, mà có người ở vùng tạm chiếm ra. Mỗi người dân, tuy ở vùng bị địch kiểm kẹp gắt gao, nhưng mỗi khi được thôn, xã bình tuyển đi dân công, nhất là đi bộ đội, thì coi đó là một vinh dự cho mỗi người công dân, là sự tin nhiệm của cách mạng đối với mỗi gia đình, nên không ai chối từ việc được đi phục vụ tiền tuyến.

Chính Navarre cũng đã phải công nhận: “Trong vùng quân ta kiểm soát thì Việt Minh vẫn có một uy quyền bí mật, họ thu thuế, tuyển mộ người, ở đây họ chở ra rất nhiều gạo, muối, vải, thuốc và cả những chiếc xe đạp có tác dụng rất lớn trong việc tiếp tế...”³.

Ngoài các lực lượng và phương tiện vận tải thô sơ, Điện Biên Phủ được trang bị một số lớn xe vận tải Liên Xô⁴, lúc cao nhất lên tới 628 chiếc. Riêng dùng trong tuyến hậu cần quân đội là 352 xe, còn lại sử dụng ở tuyến hậu phương Tổng cục cung cấp và Hội đồng chỉ viện tiền tuyến, kết hợp với các phương tiện huy động trong dân.

Việc phân chia ranh giới giữa hậu phương và tiền phương trong công tác tiếp vận, được chính phủ quy định tới trước

giờ nổ súng, như sau: từ các tỉnh hậu phương vận chuyển lên Sơn La, do Hội đồng chỉ viện tiền tuyến phụ trách; từ Sơn La vào Điện Biên Phủ giao quân đội phụ trách.

Hội đồng chỉ viện tiền tuyến còn gọi là Hội đồng cung cấp mặt trận do phó thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch. Ở các liên khu, một số nơi cũng có tổ chức Hội đồng ở địa phương.

Tổ chức tiếp vận ở tuyến hội đồng thường dùng dân công và xe thổ rút gạo ở các xã, huyện tập trung lên tỉnh, rồi dùng nhiều phương tiện lớn chuyển tiếp đến các kho của Hội đồng, từ đó dùng xe ô tô chuyển lên Sơn La.

Tuyến hậu cần quân đội dài 222km từ Sơn La vào Điện Biên, tổ chức thành 3 tuyến, lượng đầu xe ở mỗi tuyến tùy theo nhiệm vụ được giao, nhưng lúc nào cũng thấy thiếu hụt, nên các đại đội xe đều phải luôn luôn động viên nhau vượt vùng, tăng chuyển. Đội ngũ kỹ thuật xe phải vất vả chống lại hai bệnh hiểm nghèo của xe khi đó là: gãy nhíp xe, vì phải chở nặng trên đường quá xấu và nạn lốp xe bị vỡ quá nhiều vì chông, mìn của địch, anh em đã phát huy sáng kiến dùng thanh tre cật còn tươi, đem uốn nóng để thay cho nhíp xe và dùng bủ loong sắt để ép lốp lại thay cho nhựa vá. Những sáng kiến này được anh em lái xe khen là: “Đôi khi đã cứu được bàn thua trông thấy!”.

Thời gian xe chỉ chạy trong đêm không đủ, các lái xe phải tranh thủ: “chiều đi sớm, sáng về trưa, khi mưa lâm thâm đi cả ban ngày”. Đó là khẩu hiệu hành động đã thành

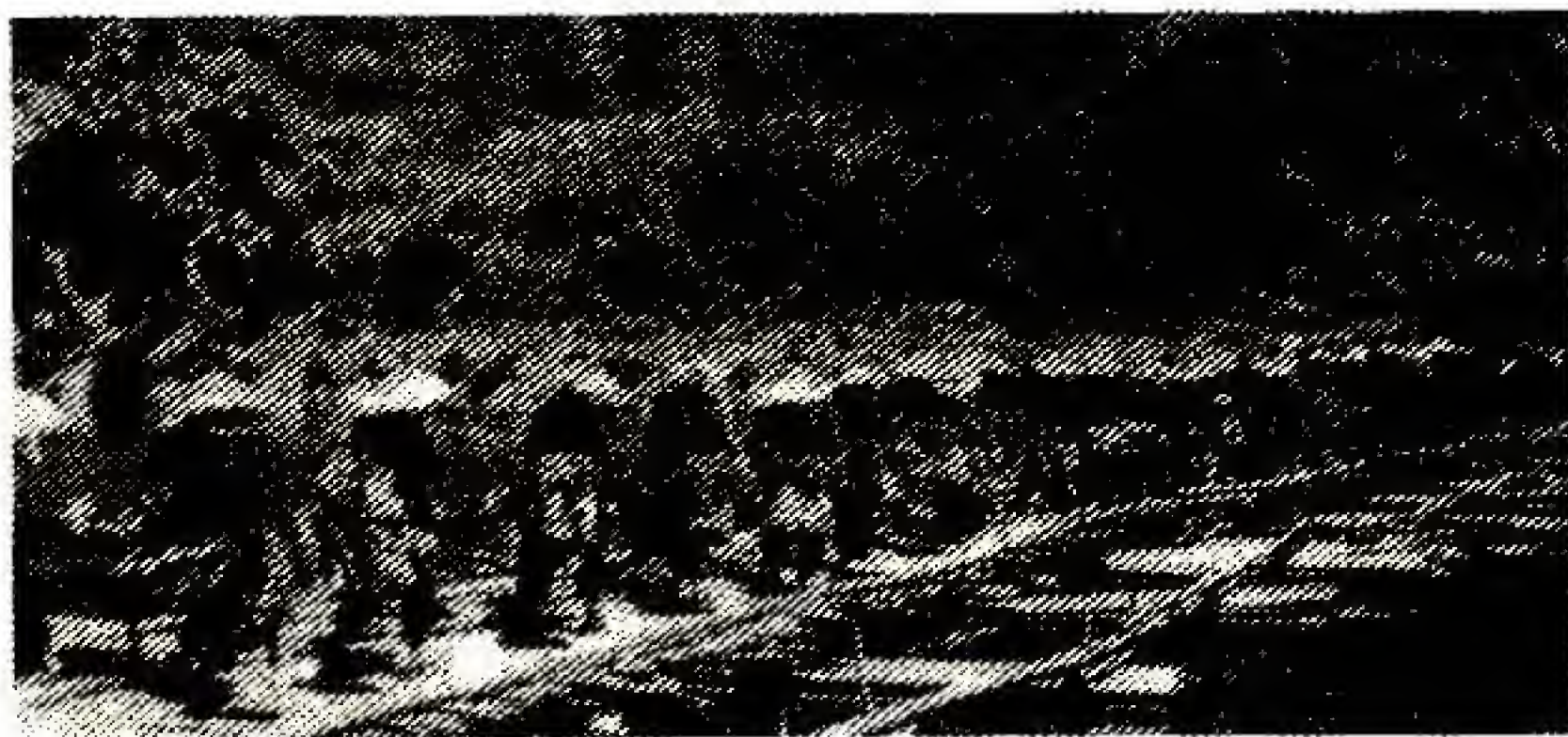
“thor” của các lái xe. Họ lợi dụng lúc ban chiều, buổi sáng mai, ở vùng núi Tây Bắc có sương mù kéo dài để cho xe chạy lẫn thêm một đoạn đường có ích. Nhưng thời tiết cũng có hôm dỏ chúng, có khi xe đang chạy giữa đường thì sương tan mạnh. Việc này đã xảy ra với đại đội xe 209 ngày 17.4.1954, có 12 xe chở đầy đạn pháo 105 ly đang cấp tốc ra mặt trận, xe vượt đèo Pha Đin lúc 8 giờ sáng thì sương tan, máy bay địch lao xuống dội bom, quét đại liên vào đoàn xe, nhưng các chiến sĩ lái xe dũng cảm đã bình tĩnh cho xe chạy phân tán, giấu xe sau những khúc đường quanh co. Đại đội súng máy cao xạ đã tập trung bắn quyết liệt vào những máy bay đang bỏ nhào. Một xe được lệnh tiếp tục chạy nhanh để hút mục tiêu của máy bay. Hai xe khác lao xuống suối cạn để giảm bớt mật độ. Chỉ một thời gian ngắn hoạt động không có hiệu quả, máy bay chuyển sang hướng khác. Lực lượng cứu thương, cứu xe đến kịp thời, người bị thương được săn sóc, đạn lại lên xe, tiếp tục vào trận địa.

Mùa mưa đã bắt đầu, nước tuôn xối xả nát nhão mặt đường. Thời gian nổ súng lui lại 46 ngày làm cho khối lượng vận tải tăng thêm. Cán bộ, chiến sĩ hậu cần, vận tải, dân công, thanh niên xung phong đã dầu dãi trên mặt đường trải qua 3 mùa mưa nắng: đông 1953, xuân 1954 và hè năm 1954, sức khỏe suy giảm rõ rệt, nhưng lượng gạo vào mặt trận vẫn chưa đạt mức có dự trữ.

Vào một ngày đầu tháng 4.1954, trên một tấm biểu đồ treo ở sở chỉ huy của Tổng tư lệnh Mường Phăng, theo dõi

tiền độ gạo nhập kho của mặt trận, mũi tên chỉ còn số gạo nhập hàng ngày cứ nhích dần xuống có ngày là số 0. Chủ nhiệm cung cấp mặt trận và các cán bộ chỉ huy tuyến được triệu tập cấp tốc về để bàn các phương án khắc phục. Xe của tuyến quân đội phải lùi về tuyến hậu phương vớt gạo lên. Cần phải huy động thêm gạo và tăng lượng dân công mới lên tuyến Hội đồng vì các kho phía sau cũng hết gạo và kiến nghị nhiều biện pháp khác nữa lên Đảng ủy mặt trận.

Đảng ủy mặt trận báo cáo cấp tốc về Bộ Chính trị. Ngày 19.4.1954, nghị quyết của Bộ Chính trị kèm theo thư của



Dân công gánh gạo vượt cầu phao

Tổng bí thư Trường Chinh gửi ra mặt trận có đoạn viết: “Toàn dân, toàn đảng và Chính phủ quyết định đem toàn lực chi viện cho chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để dành toàn thắng cho chiến dịch này”.

Các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng được cử về các địa phương đôn đốc việc tiếp vận. Bộ Chính trị và Chính phủ quyết định huy động thêm 10 vạn dân công mới, 1 vạn tấn gạo, 500 tấn thịt đưa gấp ra tiền tuyến.

Ngày 25.4.1954, báo Nhân Dân ra kêu gọi đối với hậu phương mà làm nức lòng cả những người đang ở tiền tuyến: “Mỗi khi tiền tuyến cần gì, chúng ta trả lời: có. Mỗi khi tiền tuyến đề ra việc gì, chúng ta trả lời: Làm được! Không thể trả lời: Không có, không được! Đó là cụ thể hóa: tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Những nghị quyết kiên cường và lời kêu gọi thiết tha của Đảng và đồng viên cả nước lại nô nức lên đường. Hậu phương quốc gia lại một phen chuyển động, một lần nữa tỏ rõ sức mạnh vững chắc của mình. Những khó khăn về tiếp vận nhanh chóng được khắc phục. Không ai nghĩ rằng chỉ chưa đầy 20 ngày sau đó trận đánh “chấn động địa cầu” đã kết thúc, nhưng nếu trên trận tuyến tiếp vận khi ấy, dù chỉ một ngày bị vỡ, thì hậu quả sẽ không ai lường trước được.

Trong khi tập trung tiếp vận lên mặt trận, quân và dân ta không ngừng triệt phá đường tiếp vận của đối phương bằng những đòn tấn công dồn dập ở cả hậu phương địch và trên chiến trường, đánh vào những nơi yếu và hiểm yếu của chúng.

Chúng ta được biết lượng máy bay của địch tiếp tế cho Điện Biên Phủ chiếm gần 75% số máy bay vận tải Đông Dương khi đó, có lúc lại đầu chủ yếu ở hai sân bay: Gia Lâm và Cát Bi, trong đó có một số máy bay của Mỹ giúp Pháp việc tiếp vận. Bộ Tổng Tư lệnh ta đã chỉ thị cho điều tra chính xác thời cơ tập trung máy bay đông nhất, để tập kích mãnh liệt vào hai sân bay, phá hủy nhiều máy bay địch, trong đó có những máy bay vận tải lớn, đúng vào lúc ở Điện Biên Phủ, địch đang cực khổ vì thiếu phương tiện tiếp cận.

Một mặt khác, tại ngay chiến trường, với chiến thuật vây lấn, đào hào, từng bước thắt chặt vòng vây, thu hẹp cả vùng đất và vùng trời của địch, tiến tới cắt đứt sân bay Mường Thanh, cái dạ dày của “con nhím” khổng lồ này. Khi các cỡ pháo lớn, nhỏ của ta đã áp sát sân bay, trận địa cao xạ 37 ly đã tiến ra cánh đồng Mường Thanh, những đồn bót cuối cùng bảo vệ sân bay lần lượt bị tiêu diệt, thì cái dạ dày phục vụ tiếp vận của tập đoàn cứ điểm hoàn toàn bị tê liệt, kể cả việc lấy thương binh, nếu bộ chỉ huy Pháp không xin phép ta, thì cũng không tài nào thực hiện được. Nếu chúng liều lĩnh cho quân nhảy dù “nhảy đại” xuống thì đại đa số lại được trở về trại tù binh của ta; nếu chúng cố tình thả dù lương thực, đạn dược thì đại bộ phận lại rơi xuống chiến hào của ta; có cái dù nào rơi gần địch, chúng cũng không dám lấy ngay, vì bị lực lượng ta bắn tỉa và giành giật. Đến cả lon cấp tướng của De Castries và rượu sam banh ăn mừng thắng cấp của hắn cũng bị rơi vào tay các chiến sĩ ta.

Cuối cùng là sự thất bại của tuyến tiếp vận của địch đã không sao tránh khỏi trước cách đánh toàn diện và triệt để của nhân dân và quân đội ta cả ở hậu phương địch và trên chiến trường. Sự thất bại về tiếp vận của chúng đã góp phần to lớn vào sự sụp đổ của toàn bộ tập đoàn cứ điểm mà chúng khoe là “không thể công phá nổi” của cái gọi là “Verdun ở châu Á” này.

Khi trận đánh vĩ đại đã lùi vào quá khứ, đủ thời gian cho những ký giả, các nhà chính khách phương Tây suy ngẫm tương đối khách quan, thì có người nhận xét rằng: “Chiến thắng Điện Biên Phủ trên hết và trước hết là những chiến thắng về tổ chức tiếp vận của Việt Minh”. Đó là ký giả Bernad Paul, viết trong cuốn “Việt Minh 1945-1960”. Chúng ta nên nhớ là Bernad Paul, một nhà báo Mỹ, ở hội nghị Paris đã từng hù dọa ta rằng: Tiềm lực quân sự Mỹ như một xe hủ lô cán đường, khi mà nó lăn qua, trên mặt đất không còn dấu hiệu của sự sống nữa!

Lại còn một chính khách quen thuộc khác, ông Navarre, cũng đã công nhận: “Bộ chỉ huy Việt Minh đã phác họa thật hay về công việc tiếp vận của họ. Chúng ta phải thừa nhận sự cố gắng lớn lao của nhân dân họ chi viện cho quân đội họ và khâm phục khả năng của Bộ chỉ huy và chính phủ đối phương đã biết cách đạt hiệu quả đó”⁵.

Tất nhiên, các chính khách và tướng lĩnh phương Tây, nhiều người chưa thể thấy được đầy đủ những nguyên nhân thắng lợi của công tác tiếp vận của chúng ta là bắt nguồn từ

chiến tranh nhân dân và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài giỏi của Đảng ta, đã xây dựng hậu phương thường xuyên vững chắc mà chính từ hậu phương vững chắc này đã huy động được sức mạnh của toàn dân chi viện cho tiền tuyến, trong đó có đông đảo lực lượng nông dân, sau thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất, đã hồ hởi xung phong trên các nẻo đường tiếp vận, cùng với những người nông dân mặc áo lính ở các chiến hào, đã góp sức làm nên chiến thắng này.

Chính là nhờ những tổng kết quý báu về kinh nghiệm xây dựng hậu phương và tổ chức công tác tiếp vận ở chiến dịch Điện Biên Phủ đã giúp chúng ta thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tiếp vận cho chiến trường miền Nam trên con đường mang tên Bắc kinh yêu, trong suốt 16 năm trường chống Mỹ từ tháng 9.1954, ngày mở đường mòn Hồ Chí Minh chống Mỹ, cho đến ngày thắng lợi cuối cùng.

1, 2, 3, 4, 5. Trích trong quyển *Agonie De Lindochni* của Henri Navarre, NXB Plon Paris 1956, các trang 256-258.

TRẬN ĐÁNH CHỌC THỦNG CHIẾC “DẠ DÀY VŨ KHÍ” CỦA ĐỊCH Ở CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG DUƠNG

*Đại tá Trần Trung Hiếu**

*Nguyên Trưởng ban Tham mưu kiêm Phó khoa giáo viên Trung tâm Tập
huấn cán bộ Trung Cao cấp Quân khu 7*

Trong cuốn “Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đánh giá thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ không thể tách rời các trận đánh phối hợp chiến trường lúc bấy giờ. Đại tướng nói: “*Trong trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ gắn liền với các trận tiêu diệt địch ở Lai Châu, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên, những mũi thọc sâu chiến dịch ở Trung Lào, Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia, các chiến trường hậu địch ở Bắc*

Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ... Địch đã mất những đơn vị ưu tú nhất ở Điện Biên Phủ. Nếu nói về số lượng quân địch bị tiêu diệt thì ở các chiến trường phối hợp còn lớn hơn nhiều”.

Hòa với chiến trường Điện Biên Phủ, Nam Bộ đẩy mạnh tấn công giành thế chủ động trên toàn chiến trường. Chỉ tính từ tháng 9.53 đến tháng 5.54 phân liên khu miền Đông đã đánh 2.133 trận, loại hơn 9.000 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện của chúng. (Theo hồ sơ 58 “Tình hình tổng quát phân liên khu miền Đông từ tháng 9.53 đến tháng 4.54” của Bộ Tư lệnh phân khu miền Đông phòng Nam Bộ, kho lưu trữ Bộ quốc phòng).

Tiểu đoàn chủ lực 32 chi viện chiến đấu ở chiến trường Campuchia thắng lợi lớn, giải phóng một vùng rộng lớn đất đai Campuchia. Lực lượng vũ trang Mộc Hóa diệt hàng loạt đồn bót địch, giải phóng vùng Soài Riêng. Các nơi liên tiếp chiến thắng, nhất là ở Mỹ Tho, Bà Chợ, Thủ Biên, Bến Cát, Lái Thiêu... đã diệt và bắt sống hàng ngàn tên địch giải phóng đất đai. Tiểu đoàn 33 lại tiến công đồn Câu Địch ở Châu Thành, trong đó nổi bật là chiến sĩ Ngô Chí Quốc đến 3 lần xung phong ôm bộc phá mở cửa. Đồng chí đã anh dũng hy sinh. (Ngô Chí Quốc được tuyên dương Anh hùng Lực lượng Vũ trang ngày 7.5.56).

Trước không khí thi đua lập công sôi nổi của quân dân miền Đông Nam Bộ, Đại đội đặc công 252 của Sài Gòn - Gia Định được giao nhiệm vụ đặc biệt: Đánh kho bom Phú Thọ Hòa. Đây là một trận đánh cực kỳ khó khăn, đòi hỏi mưu trí, sáng tạo và anh dũng lập công. Đặc biệt là yêu cầu của trên

phải thực hiện ngay để phối hợp chiến trường với Điện Biên Phủ. Tuy có khó khăn là địch tăng cường phòng thủ với nhiều phương tiện, nhiều vòng, nhiều lớp, sau lần tiến công dữ dội của ta vào cuối năm 1952. Nhưng thuận lợi cũng không ít vì lần trước các đồng chí Thanh, đồng chí Cử, đồng chí Đức Thu của đơn vị cũng đã qua một lần phá kho bom này, kinh nghiệm vẫn còn đó.

Thuận lợi thứ hai là phương tiện tiến công: Trước đây việc đánh công kiên thông thường ta dùng loại gậy nổ bằng dây cháy chậm hoặc kíp nổ trực tiếp. Nhưng cái khó là cái khôn, cán bộ ta đã tự tạo được kíp hẹn giờ và dùng kíp nổ cực mạnh. Sáng kiến này là của đồng chí Đỗ Đức Thu. Mỗi



Đồng chí Đỗ Đức Thu,
người tạo ra kíp nổ của quả B (bêta)

người mang theo chỉ vài chục kg trong một ba lô có thể phá hủy một mục tiêu lớn.

Vị trí kho nằm về phía Tây Bắc trường đua Phú Thọ và Đông Nam ngã tư Bảy Hiền, nay thuộc quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy gọi là kho bom, thực tế là một khu vực rộng lớn bao gồm nhiều kho, tổng hợp chứa bom đạn, súng pháo, ô tô, thiết giáp, xe tăng, xăng dầu, hóa chất và chất nổ... Nó là cái “dạ dày vũ khí” dự trữ cho toàn bộ chiến trường Đông Dương.

Diện tích kho rộng đến 2km². Vòng ngoài cách kho từ 300 đến 800 mét là một hệ thống tháp canh mang tên Phú Tùng, Cây Mai, Pilaca, Phú Lâm, Trường Đua, Thép Gió, Cao Phát, Tân Kỳ và Xóm Mới... Các tháp canh làm nhiệm vụ cảnh giới tiền tiêu và quét địch từ vòng ngoài cho kho khỏi bị tấn công. Bên trong hệ thống lô cốt, tháp canh là 7 vòng rào lưới chống B40 và các loại dây thép gai lũng nhùng trên mặt đất, có loại rào bám vào cọc thẳng đứng, có loại rào kiểu mái nhà. Giữa mỗi vòng rào là hào nước sâu, có bỏ dây thép gai bên dưới. Nhiều bãi mìn được bố trí sẵn chen lẫn trong các vòng rào. Một hệ thống đèn chiếu sáng có cường độ cao, 25 mét một bóng đèn. Đèn pha cực mạnh lắp trên 75 lô cốt cao 2 tầng. Khi bật lên ra chiếu như những mắt thần kiểm soát chặt chẽ từng ngóc ngách của kho, có thể phát hiện từng con chuột chạy qua. Mỗi lô cốt có ít nhất một tiểu đội phân công thường xuyên canh gác. Trang bị mỗi lô cốt một đại liên hoặc trọng liên, nhiều thùng lựu đạn, thủ pháo và vũ khí cá nhân. Hệ thống lô cốt hợp thành lưới hỏa lực dày đặc,

liên hoàn không chệch đến từng m² đất bên trong. Một tổ chức tuần tra lưu động hết sức chu đáo, thường xuyên liên tục với nhiều hình thức của các nhóm đi bộ, xe đạp, mô tô hoặc chó bécgiê. Mỗi nhóm cách 15 phút phải sục sạo một lần. Đội tuần tra bằng xe Zeep được trang bị hỏa lực mạnh, tuần tra độc lập với chu kỳ 30 phút.

Có khu riêng của nhà chỉ huy, nhà canh sát, lại có cả trận địa xe thiết giáp bố trí về phía Bắc. Trận địa xe tăng bố trí phía Nam và pháo DK, cối được đặt ở hướng Tây Nam. Các trận địa này sẽ nhạy cảm phản kích mỗi khi bị tấn công. Kho còn nằm trong trường che chở của các đơn vị bộ binh, pháo binh chung quanh và lực lượng bảo vệ sân bay Tân Sơn Nhất. Ngoài ra được phiên chế thêm một đại đội toàn người Pháp đã qua huấn luyện chu đáo về nghiệp vụ trình sát tình báo. Họ thường xuyên “dòm ngó” ra bên ngoài, làm nhiệm vụ kiểm soát từ xa. Phía Đông kho có đường ray xe lửa chạy về cổng phía Nam, vòng vào khu vực trung tâm giữa hai kho A và kho B. Các đường rải nhựa từ kho này sang kho khác rộng rãi phẳng phiu, đủ sức chịu tải lớn và tiện việc cơ động chiến đấu. Các cổng gác ngày đêm canh gác lực soát vô cùng nghiêm ngặt, không sót một người đi qua.

Lực lượng đồn trú cơ động chiến đấu gồm đến 4 đại đội lính Âu Phi cùng với một đại đội ngụy (gác vòng ngoài). Do tính chất quan trọng đặc biệt của kho nên được một quan tư người Pháp chỉ huy.

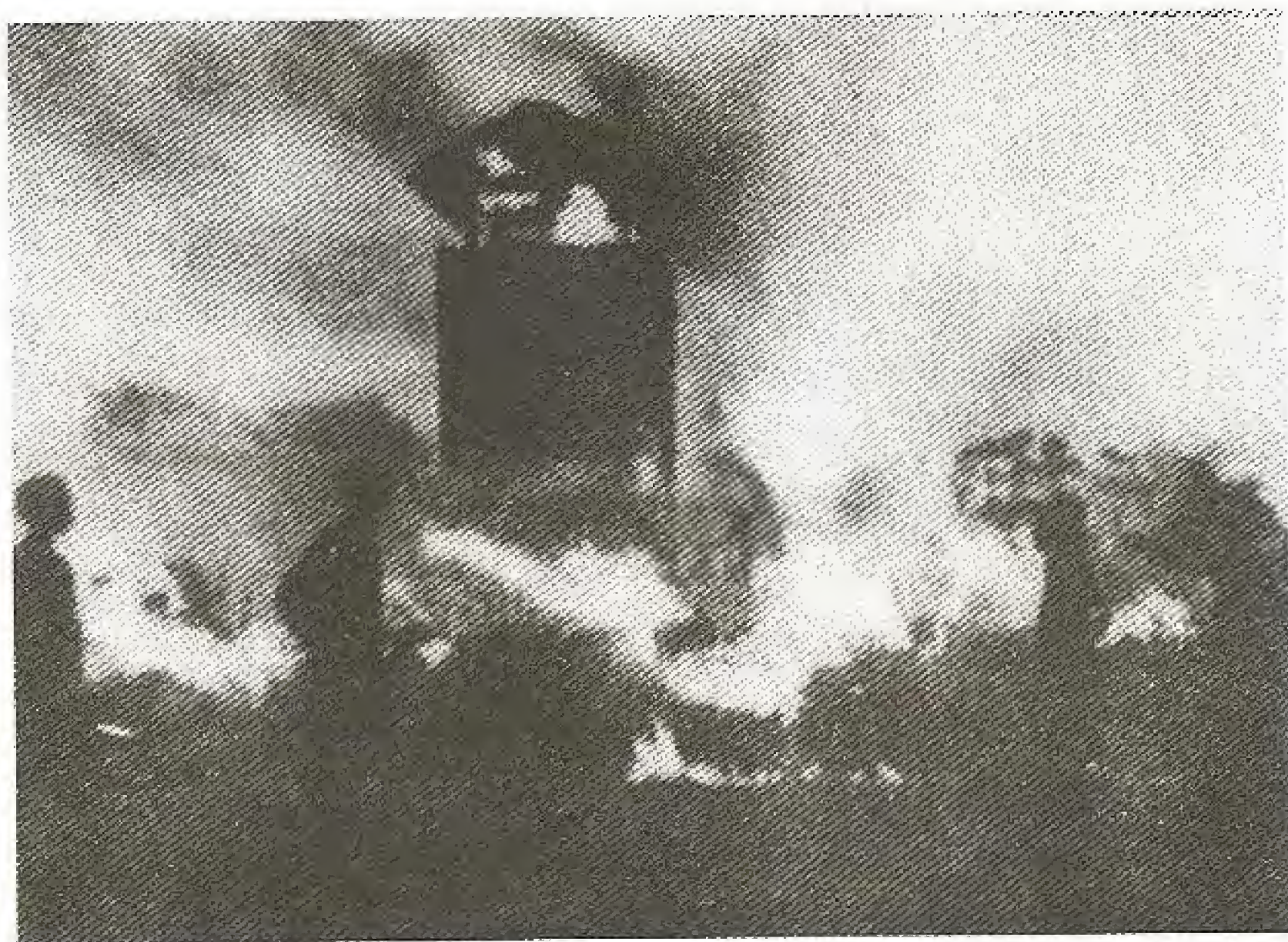
Với cách phòng thủ chu đáo, khoa học, hun đúc từ kinh nghiệm máu xương như vậy thì việc chỉ cần “sờ” được chân tường kho bom cũng phải giải quyết hàng loạt vấn đề nan giải:

- Làm thế nào vẽ được sơ đồ phòng thủ bên ngoài và sự sắp xếp bên trong? Không mở được “cái khóa” này thì làm sao đột nhập, làm sao đánh đúng cái “hiểm huyết” của kho?

- Làm thế nào vượt qua được hết vật cản, qua mắt mọi phiên tuần tra bằng đủ các phương tiện và vô hiệu hóa cả lỗ mũi của chú chó bécgiê.

- Làm thế nào giải quyết trận đánh chỉ trong đêm mà rút lui an toàn trong tình thế địch phòng thủ từ xa với nhiều tầng, nhiều lớp?...

Qua kinh nghiệm hàng nghìn năm bảo vệ tổ quốc và sớm góp nhặt kinh nghiệm chiến đấu, biệt động Sài Gòn - Gia Định nổi lên như “người đi trước” của binh chủng đặc



Phối hợp với Điện Biên Phủ, quân và dân Nam Bộ phá tan hàng loạt đồn bót địch

công Việt Nam.

Trận đánh xảy ra vào đêm 31.5.1954 với sự có mặt của các đồng chí mũi trưởng Bùi Văn Ba, Phạm Văn Hai cùng các đồng chí khác. Thực hiện đúng phương án khi đến vị trí hàng rào phía Tây, cách rào 150m, dừng lại kiểm tra trang bị và quan sát lần cuối cùng. Đồng chí trinh sát báo bên trong có một ổ địch đang phục kích. Nhanh chóng hai mũi trưởng liền cho vòng ra xa địch để tiếp cận. Lợi dụng kiểu tuần tra đi bộ của các toán lính ngự, có lúc ta cũng thản nhiên đi bộ trên đường. Địch nghi ngờ, quét đèn pha rà đi rà lại... ta cứ ung dung bước, có lẽ địch cho rằng quân cảnh đang đi tuần tra nên bỏ qua.

23 giờ, 2 mũi nhanh chóng cài chốt nổ vào cả 16 kho khu A và 16 kho khu B, rồi bí mật rút lui. 3 giờ 30 phút các đồng chí trong 2 mũi xuất kích có mặt đầy đủ nơi điểm hẹn giữa đồng hoang vắng, ngồi nghỉ xả hơi một lúc mà trong lòng ai nấy đều hồi hộp, mắt hướng thẳng về phía kho bom Phú Thụ Hòa để chờ đợi những giây phút kinh hoàng.

Đồng chí Hai thông báo: 4 giờ 10 phút. Anh em lo lắng. Nhưng chỉ sau vài phút, ánh chớp vụt lóe lên liên tục. Tiếng nổ rền vang, rung chuyển trời đất. Lửa bùng cao sáng rực thành phố. Vô số mảnh bom đạn văng ra, lớp lính chết, lớp bị thương. Còi hú liên hồi. Thành phố náo động. Các đơn vị bộ binh, quân cảnh ào ào về phía kho. Lính cứu hỏa xông tới. Cửa kính các nhà cao tầng trong vòng 3 cây số đều bị vỡ. Nhà lao Chí Hòa bị tốc ngói. Địch phải dùng đến 10 xe tải mới đưa xác ra. Khói phủ đen trời thành phố. Đám cháy kéo dài đến 16 giờ ngày hôm sau.

9345 tấn bom đạn, thuốc nổ, 1.000.000 lít xăng dầu cùng

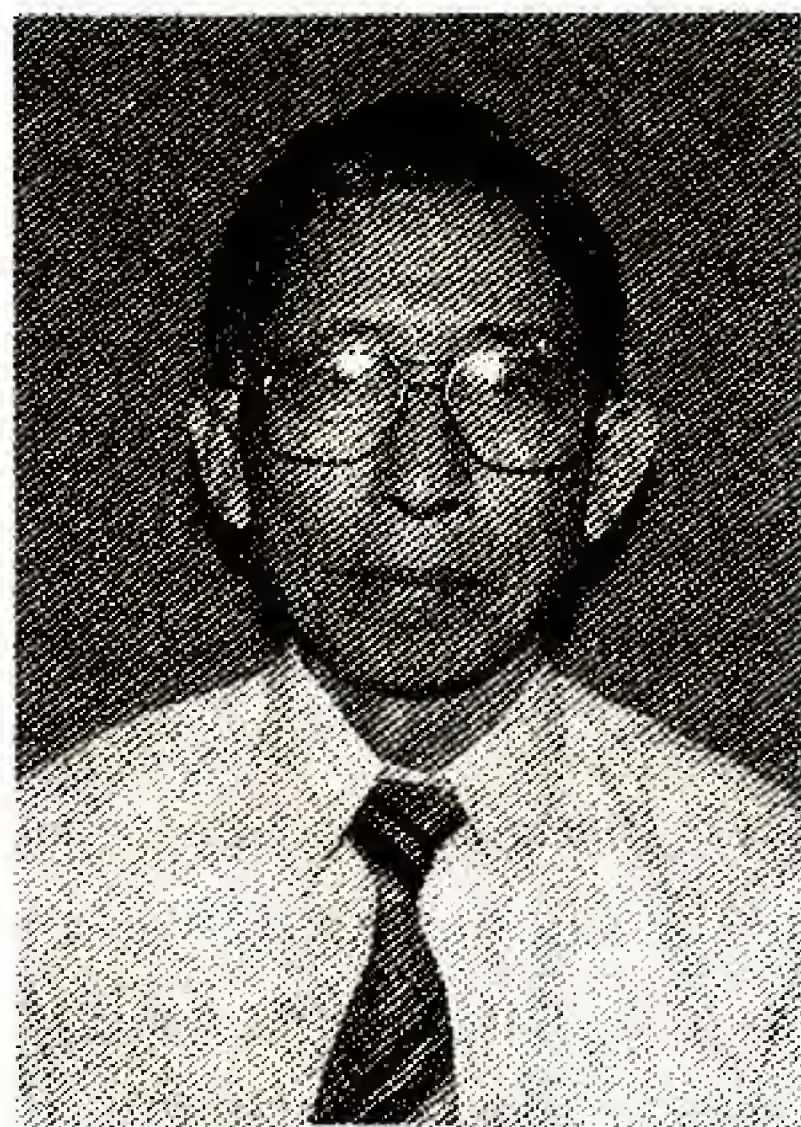
nhiều tấn vũ khí phương tiện chiến tranh khác bị tiêu hủy. Một đại đội lính Âu Phi cùng nhiều lính nguy bị tiêu diệt.

Với kết quả trên đây, trận Phú Thọ Hòa đã chọc thủng cái dạ dày vũ khí của địch, có tác dụng làm cho quân địch thêm suy yếu trên chiến trường Đông Dương. Đặc công Sài Gòn - Gia Định đã thực hiện đúng phương châm “đánh bắt thần, đánh xuất kỳ bất ý, lợi dụng nhược điểm của địch”. (Theo Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1945 - 1975, NXB QĐND). Đồng thời trận đánh thực hiện phương châm “lấy ít đánh nhiều” thật hoàn chỉnh. Việc tự chế tạo rồi cải tiến được ngòi nổ hẹn giờ bằng phương pháp thô sơ của người nông dân mặc áo lính – “kỹ sư nhân dân” Đỗ Đức Thu cũng chính là phát huy truyền thống “lấy trí nhân thắng cường bạo” trong dòng máu Việt Nam. “Trái nổ” của đồng chí chế tạo được gọi là quả β (bêta) chỉ nặng 2kg tham gia cả 2 lần đánh thắng kho bom và tiêu diệt nhiều địch ở Câu lạc bộ sĩ quan (Câu lạc bộ thiếu nhi thành phố hiện nay).

Sau trận đánh, đơn vị đặc công cảm tử 205 đã được Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam tặng thưởng huân chương Quân công hạng II. Chiến sĩ, cán bộ đều được tặng thưởng huân chương chiến công hạng I. Các đồng chí Bùi Văn Ba, Phạm Văn Hai được phong Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

Trận đánh kho bom Phú Thọ đã ghi một dấu vàng son vào lịch sử đấu tranh của quân dân Sài Gòn - Gia Định, cùng với các trận đánh khác ở miền Đông, đã góp phần xứng đáng vào chiến thắng của chiến dịch.

* (Tác giả là người không tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ)



VÌ SAO QUÂN PHÁP THUA Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ?

HOÀNG XUÂN TÙY

Nguyên Trưởng ban Tuyên huấn

Mặt trận Điện Biên Phủ

Đó là một câu hỏi mà sau Điện Biên Phủ, rất nhiều người trên thế giới - nhà báo, nhà văn, các học giả, các nhà chiến lược đặt ra và tìm lời giải đáp. Họ không hiểu nổi tại sao một quân đội nhà nghề được trang bị hiện đại có pháo hạng nặng, xe tăng, máy bay... và được đế quốc Mỹ viện trợ lại phải đầu hàng trong một trận đánh chính quy với Quân đội Nhân dân Việt Nam, một quân đội còn nghèo nàn về vũ khí, trang bị vật chất.

Khi cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ, tướng

Navarre - Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã tính toán khá kỹ. Điện Biên Phủ là một thung lũng, có cánh đồng Mường Thanh chiều dài độ 18km, chiều rộng 6-8km, xung quanh có đồi núi bao bọc, nằm sâu trong hậu phương Tây Bắc của Việt Nam. Quân Pháp đóng quân trên cánh đồng Mường Thanh theo từng cụm cứ điểm kiên cố, có hỏa lực trọng pháo, xe tăng và phi cơ yểm trợ, hình thành một tập đoàn 49 cứ điểm rất vững chắc, có hai sân bay: 1 ở Mường Thanh, 1 ở phía Nam. Với 14 chiếc máy bay thường trực và thường xuyên có cầu hàng không từ sân bay Gia Lâm (Hà Nội) hoặc Cát Bi (Hải Phòng) tiếp tế vũ khí, đạn dược, lương thực, chở quân tiếp viện, thương binh và khi cần sẽ sẵn sàng tham gia tác chiến. Tổng số quân đội trú ở Điện Biên Phủ lúc đầu là 6 tiểu đoàn, nhưng về sau địch tăng viện dần lên đến mức cao nhất là 21 tiểu đoàn, 10 đại đội độc lập, tổng cộng 16.200 tên.

Đóng quân cố thủ ở địa hình đồng bằng là thế mạnh của quân đội Pháp. Bộ đội ta muốn tiến công vào vị trí của Pháp đóng ở địa hình bằng phẳng thì thường lợi dụng đêm tối và cuộc chiến phải kết thúc thắng lợi trong đêm đó rồi rút quân mới tránh khỏi thương vong do không quân Pháp oanh tạc. Điện Biên Phủ tuy ở miền rừng núi nhưng quân Pháp lại đóng rải rác trên cánh đồng Mường Thanh, địa hình cũng bằng phẳng như ở đồng bằng.

Khi bố trí Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm hoàn chỉnh thì tướng Navarre cho đó là một pháo đài bất

khả xâm phạm, cho là quân ta không dám tiến công và nếu ta liều lĩnh tiến công thì là tự sát. Tướng De Castries chỉ huy quân đồn trú ở Điện Biên Phủ đã từng cho máy bay rải truyền đơn thách thức Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho quân đội Việt Nam giao chiến với quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Còn một yếu tố nữa mà các nhà quân sự Pháp chổ là ta không có khả năng mở chiến dịch Điện Biên Phủ đó là chiến trường Tây Bắc quá xa hậu phương khu 3, khu 4 (500km). Vì vậy ta khó mà cung ứng cho mấy vạn quân tại chiến trường, chỉ riêng lương thực chở được bao nhiêu ra mặt trận thì dọc đường dân công sẽ ăn hết, vì ta phải dùng sức người để chuyên chở, còn dùng cơ giới ta không có khả năng, đó là chưa kể dọc đường từ hậu phương ra tiền tuyến hàng ngày phi cơ của Pháp oanh tạc dữ dội.

Tướng Navarre lại còn tính toán: Điện Biên Phủ tuy có một cánh đồng nhưng lại được đồi núi bao bọc, vào trung tâm Mường Thanh chỉ có một con đường nhỏ độc đạo, cho nên dù quân đội Việt Nam mới được trang bị lựu pháo 105 ly nhưng không có đường đưa pháo vào gần vị trí địch để phát huy hỏa lực, đó là chưa kể nếu ta có cách đưa pháo vào được cánh đồng Mường Thanh để tác chiến thì sau loạt đạn đầu tiên, phía Pháp sẽ tính toán chính xác vị trí của pháo binh ta và sẽ phản pháo quyết liệt làm câm họng pháo của ta. Tên đại tá chỉ huy pháo binh của Pháp ở Điện Biên Phủ đã từng huênh hoang tuyên bố như vậy.

Tóm lại, khi đưa quân lên chiếm đóng Điện Biên Phủ,

Pháp có ý định biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ chiến lược nằm sâu trong hậu phương của ta, bảo vệ con đường quan Thượng Lào, khống chế vùng Tây Nam Trung Quốc. Sau này địch có thể mở rộng ra chiếm đóng Sơn La, Nà Sản, tạo một chỗ đứng vững chắc cho quân đội Pháp ở vùng này. Khi chiếm đóng Điện Biên Phủ, địch chỉ thấy chỗ mạnh của chúng và chỗ yếu của ta nên rất tin tưởng sẽ chiếm đóng lâu dài Điện Biên Phủ, đó là tất cả sự tính toán của các nhà quân sự Pháp ở Đông Dương.

Về phía ta, sau khi nghiên cứu tình hình địch, các mặt Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định trong Đông Xuân 1953-1954 chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược và động viên toàn Đảng toàn dân chi viện để quân đội ta ở Điện Biên Phủ chiến đấu thắng lợi. Khi quyết định như vậy, chúng ta thấy chỗ mạnh của địch, nhưng đồng thời cũng nắm được những chỗ yếu cơ bản của chúng để chúng ta khai thác. Chúng ta cũng tự đánh giá những chỗ yếu của chúng ta để khắc phục và những chỗ mạnh để phát huy.

Chỗ yếu của địch là gì? Địch đóng ở Điện Biên Phủ rất xa căn cứ của chúng. Mọi hoạt động tiếp tế, tiếp viện hoàn toàn dựa vào cầu hàng không từ Hà Nội hay Hải Phòng. Nếu chúng ta hạn chế và đi đến triệt đường hàng không của chúng thì quân đội của chúng ở Điện Biên Phủ sẽ rơi vào tình thế nguy ngập và sa sút tinh thần chiến đấu. Vấn đề là làm sao chúng ta đạt được mục tiêu đó. Điện Biên Phủ là một cánh

đồng trời trời, quân Pháp đóng ở Điện Biên Phủ phải căng lều bạt và sống dưới hầm hào, đến mùa mưa sẽ rất khó khăn, khốn khổ tinh thần chiến đấu sa sút. Chiến thuật là chúng ta cố gắng duy trì cuộc chiến đấu đến mức quân Pháp không chịu đựng nổi, sẽ đi đến thất bại.

Tuy quân Pháp có chỗ mạnh là uy lực của pháo binh, phi cơ, địa hình đồng bằng, nhưng chúng ta cũng có cách khắc phục: đào một hệ thống giao thông hào dài trên 100km gọi là trận địa tấn công và bao vây, nhờ đó hạn chế được rất nhiều thương vong của quân đội ta, tạo điều kiện cho quân ta duy trì và phát triển cuộc chiến đấu ở địa hình bằng phẳng, tiến lên uy hiếp các vị trí của địch và cả sân bay Mường Thanh. Thực tế diễn biến của chiến dịch đã chứng minh cách đánh giá của ta là chính xác. Chúng ta còn nhiều chỗ mạnh khác mà các nhà quân sự Pháp không thể đánh giá đầy đủ hết được.

Ngày 20.11 và 21.11.1953, địch cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ. Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam chấp hành quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ra lệnh cho các đại đoàn chủ lực hành quân lên bao vây Điện Biên Phủ. Lúc đầu chúng ta dự định ngày 26.1.1954 bắt đầu cuộc tấn công theo phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh vì địch mới chiếm đóng Điện Biên Phủ chưa bố trí phòng thủ kiên cố. Theo phương châm này chúng ta sẽ tập trung ưu thế binh lực có hỏa lực trọng pháo 105 ly cao xạ, pháo 37 ly yểm hộ đánh thẳng vào trung tâm

Mường Thanh, vào đầu não của địch, rồi từ đó phát triển ra ngoại vi. Cuộc chiến đấu cố gắng chỉ kéo dài trong 2 ngày 3 đêm. Nhưng sau khi nghiên cứu kỹ tình hình địch và cân nhắc lại, chỉ vài giờ trước khi nổ súng, các đơn vị chiến đấu đã sẵn sàng ở vị trí thì Bộ Chỉ huy chiến dịch ra lệnh hoãn cuộc tiến công, các đơn vị lui về vị trí tập kết và chuẩn bị cuộc chiến đấu theo phương châm đánh chắc tiến chắc. Quyết định này vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng đến toàn bộ chiến dịch. Nếu vận dụng phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh sau khi địch đã tăng cường phòng thủ có thể chúng ta sẽ đánh vào chỗ rắn, chỗ mạnh của địch, chưa chắc chúng ta đã thành công mà có khi bị thương vong lớn, tổn thất nặng là khác. Nhờ thay đổi phương châm chuyển sang đánh chắc tiến chắc, chúng ta hạn chế được chỗ mạnh của địch lại phát huy lợi thế của ta. Nhưng chúng ta phải kiên trì kéo dài cuộc chiến đấu. Sau hơn 2 tháng chuẩn bị thêm, 17 giờ chiều ngày 13.3.1954, chúng ta mở đầu chiến dịch đánh vào vị trí Him Lam ở phân khu Bắc. Him Lam là một cụm cứ điểm do một tiểu đoàn Âu Phi chiếm giữ, chúng ta đã tập trung ưu thế binh lực và trong đêm 13.3 rạng ngày 14.3.1954 tiêu diệt toàn bộ quân địch, bắt sống nhiều tù binh. Bằng cách đánh từng trận như vậy, chúng ta thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng của địch.

Để hỗ trợ cho các cuộc chiến đấu tiếp theo, như trên đã nói bộ đội ta đã đào một hệ thống giao thông hào dài hơn 100km có hầm tránh pháo, tránh phi cơ địch, có hầm nghỉ

ngôi, có ụ chiến đấu tạo điều kiện cho bộ đội ta di chuyển và chiến đấu ở địa hình đồng bằng. Hệ thống giao thông hào này gọi là trận địa tấn công và bao vây, là một sáng tạo của quân đội ta ở Điện Biên Phủ. Nhờ có trận địa tấn công và bao vây, chúng ta thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng của địch, diệt từng vị trí của chúng mà chúng không thể phản kích chiếm lại được, lần dần địch tiến lên uy hiếp sân bay và cắt đôi đường băng của sân bay Mường Thanh làm cho phi cơ địch không còn hạ cánh được nữa. Rõ ràng địch đã thấy nguy khốn, chỉ có thể tiếp tế tiếp viện bằng thả dù, nhưng phạm vi hoạt động của không quân cũng bị thu hẹp, rất nhiều dù tiếp tế lương thực, đạn dược rơi vào trận địa của ta. Địch đã tính chuyện mở một con đường máu tháo chạy về phía Thượng Lào nhưng bị quân ta vây chặt nên không dám mạo hiểm.

Trong các vị trí địch chiếm giữ ở Điện Biên Phủ có ngọn đồi A1 ở dãy đồi phía Đông địch phòng thủ rất kiên cố, lại có một hầm ngầm, quân ta đã mở nhiều cuộc tấn công mà vẫn không chiếm được, cuộc chiến đấu kéo dài suốt cả tháng 4.1954, địch vẫn giữ 2/3 ngọn đồi nhờ đó bảo vệ được khu trung tâm Mường Thanh. Trước tình hình như vậy, các chiến sĩ công binh của ta đã đào 1 đường hầm xuyên qua đồi dưới hầm ngầm của địch và đặt vào đây 1 tấn thuốc nổ. Đêm 6.5.1954, quân ta mở cuộc tấn công và lần này mới tiêu diệt được địch ở đồi A1, mở đường kết thúc chiến dịch vào ngày 7.5.1954. Pháo binh của ta hoạt động ở Điện Biên Phủ cũng

là một bất ngờ lớn đối với địch. Trái với mọi điều dự đoán của địch, ta vẫn đưa trọng pháo vào vị trí thích hợp và nã chính xác vào đồn của chúng. Trong trận Him Lam chiều 13.3.1954, lần đầu tiên pháo binh ta xuất trận, trong loạt đạn đầu đã phá hủy chỉ huy sở của địch, giết tên quan tư chỉ huy cụm cứ điểm Him Lam và tên quan năm chỉ huy phân khu Mường Thanh. Quân ta đã đưa pháo vào trận địa bằng một cách địch không hay biết và không ngờ tới: Hai trung đoàn bộ binh, một trung đoàn công binh đã xẻ núi vượt đồi mở con đường rồi dùng xe cơ giới kết hợp với sức người kéo pháo vào vị trí. Bộ đội ta lại không đặt pháo giữa trời mà khoét hầm vào sườn núi rồi đưa pháo vào đó. Khi chúng ta nổ súng, vì tiếng nổ của pháo bị nhiễu do đặt trong hầm nên địch không tài nào tính toán chính xác vị trí của pháo binh ta mà phản pháo lại. Thành ra pháo binh của địch trở nên bất lực. Sau trận thất bại đầu tiên ở Him Lam, tên quan năm chỉ huy pháo binh của địch ở Điện Biên Phủ đã xấu hổ tự tử.

Giải quyết vấn đề hậu cần, bảo đảm đủ lương thực, đạn dược cho bộ đội tấ chiến đấu cũng là một điều ngoài dự tính của các nhà quân sự Pháp.

Trước tiên nói vấn đề gạo, cơ quan hậu cần đã giải quyết:

- Vận động nhân dân Sơn La, Lai Châu gom góp được 7.300,60 tấn bằng 27/100 số gạo cần thiết (hậu cần tại chỗ).
- Trung Quốc viện trợ từ Vân Nam chở bằng thuyền được 1.700 tấn bằng 6,8/10 tổng số.
- Mua được 300 tấn ở Thượng Lào chở qua biên giới

bằng ngựa thồ. Còn lại 15.740 tấn đưa từ hậu phương lên. Trong số này đã đưa kịp tới mặt trận sáu nghìn tấn. 16.000 tấn còn lại phải dành cho dân công ăn dọc đường hết 9.000 tấn, một điều đặc biệt là trong số dân công tải gạo lên mặt trận có 1 đội quân xe đạp thồ rất có hiệu quả, mỗi xe chở được 200 đến 300 kg gạo.

Về vũ khí đạn dược, tuy trọng lượng không lớn như lương thực (2 vạn viên đạn pháo 105 ly, trọng lượng 500 tấn trong tổng số 12 nghìn tấn vũ khí đạn dược toàn chiến dịch) nhưng lại có những khó khăn phải khắc phục:

- Mười một nghìn bảy trăm mười lăm viên lấy ở các kho quân khí hậu phương cách xa mặt trận 500-700km, đây là số đạn thu được qua các trận chiến thắng của Quân đội Nhân dân Việt Nam kể từ chiến dịch Biên Giới 1950.

- Bốn trăm viên đạn thu được từ các chiến thắng của quân đội ta ở Trung Lào, phải vận chuyển trên đường dài 1.100km.

- Trung Quốc có viện trợ 3.600 đạn pháo 105 ly chiếm 18/100 tổng số, đó là cơ sở đi theo 24 khẩu trọng pháo 105 ly Trung Quốc vừa viện trợ cho Việt Nam.

- Các chiến sĩ ở mặt trận thu được từ các dù của địch thả lạc vào trận địa của ta được 5.000 viên đạn pháo 105 ly. Như vậy mặc dù không phải dồi dào nhưng hậu cần Việt Nam đã bảo đảm được nhu cầu lương thực, vũ khí, đạn dược cho mấy vạn quân ở Điện Biên Phủ ăn no đánh thắng.

Một thế mạnh khác của quân và dân Việt Nam mà các

nhà chỉ huy quân sự của Pháp ít tính đến nhưng lại vô cùng quan trọng. Đó là tinh thần, ý chí quyết chiến quyết thắng của quân đội và nhân dân ta vì độc lập tự do của tổ quốc. Khi được lệnh tiến quân vào Tây Bắc để bao vây và tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, biết là chiến trường sẽ gian khổ, ác liệt, nhưng hàng vạn bộ đội và dân công nô nức lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu như đi trẩy hội. Mới bắt đầu chiến dịch đã xuất hiện nhiều gương anh hùng rất tiêu biểu như liệt sĩ Bê Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng trong chiến đấu, liệt sĩ Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo để khỏi rơi xuống vực sâu, liệt sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai trong trận Hầm Lám... Các gương hy sinh đó đã cổ vũ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong toàn thể bộ đội và dân công tại mặt trận. Suốt dọc đường hành quân, vận chuyển tiếp tế, phi cơ địch oanh tạc suốt ngày đêm, nhưng tinh thần bộ đội, dân công không hề nao núng. Tinh thần chấp hành kỷ luật mệnh lệnh của bộ đội, dân công rất cao. Điển hình là ngày 26/1/1954 khi được lệnh hoãn cuộc tấn công, thay đổi phương châm tác chiến, toàn thể các đơn vị ở mặt trận đã chấp hành triệt để. Riêng Đại đoàn 308 đang đóng quân ở phía Tây Mường Thanh được lệnh cấp tốc di chuyển sang Thượng Lào, phối hợp với bộ đội Pathét Lào, đánh vào phòng tuyến sông Nậm Hu, giải phóng Phongxaly, uy hiếp Luang Prabang. Địch phải điều quân lên tăng viện cho Luang Prabang.

Chiến trường Điện Biên Phủ là một công trường vĩ đại.

Các chiến sĩ của ta không phải chỉ tổn xương máu trong chiến đấu mà còn đổ rất nhiều mồ hôi sức lao động. Như trên đã nói, trong nhiều ngày chỉ bằng hai bàn tay và cuốc xẻng, các chiến sĩ của ta đã mở hàng chục km đường qua đồi núi và đèo trên 100km giao thông hào kèm theo hầm ẩn nấp, tạo nên một hệ thống đường hào ngang dọc, dần dần cô lập các vị trí của địch ở cánh đồng Mường Thanh. Chỉ có một đội quân cách mạng như Quân đội Nhân dân Việt Nam mới làm được điều này, trước mũi súng của quân thù không có cách gì ngăn cản nổi và đi lần vào chỗ chết.

Cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ càng kéo dài càng gay go quyết liệt. Mùa xuân đang đến, các giao thông hào bắt đầu lầy lội. Cuộc sống trong giao thông hào ngày càng khó khăn. Trong cán bộ và chiến sĩ có một số đã xuất hiện tinh thần mỏi mệt ngại kéo dài cuộc chiến, muốn trở lại phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh để rút sớm về hậu phương. Có đơn vị đèo trận địa khá ỉ ạch, nhiều báo cáo về tình hình địch không chính xác, nhiều mệnh lệnh không được chấp hành nghiêm chỉnh. Đó là những hiện tượng tiêu cực bắt đầu chớm nở. Trước tình hình đó, sau khi nghe báo cáo, Bộ Chính trị trung ương Đảng ra chỉ thị cần tiến hành một cuộc đấu tranh tư tưởng để khắc phục tư tưởng hủi khuynh tiêu cực, đề cao tinh tích cực cách mạng để đưa chiến dịch đến toàn thắng. Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Đảng ủy mặt trận đã triển khai cuộc đấu tranh tư tưởng trong cán bộ chỉ huy cho đến từng chiến sĩ ở các chiến hào. Mọi người

nhận thức được rằng tuy quân ta khó khăn, nhưng địch còn khó khăn gấp bội, thương binh địch nằm rên siết trong các hầm hào vì máy bay địch không hạ cánh để di tản được, binh lính địch đang mất tinh thần vì cảm thấy đang bị bao vây cô lập, quân ta đang ở thế thắng, chỉ cần kiên trì chiến đấu là đạt được mục đích. Cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực ngay tại mặt trận đã giành thắng lợi. Bộ đội ta lại có khí thế mới chuẩn bị cho đợt tấn công thứ ba là đợt tấn công cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận định: đó là một trong những thành tích lớn nhất của công tác chính trị tư tưởng trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta.

*

* *

Cuối cùng quân ta đã chiến thắng, quân Pháp đã thất bại ở Điện Biên Phủ. Đó là một sự thật lịch sử. Giới cầm quyền Pháp, các tướng tá Pháp đã chủ quan không đánh giá đầy đủ sức mạnh tiềm tàng của con người Việt Nam được nhân lên gấp bội nhờ truyền thống yêu nước, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự chỉ huy sáng tạo của các tướng lĩnh ở mặt trận. Tuy vậy, trên thế giới cũng có một số chính khách không muốn thừa nhận thực tế lịch sử đó. Họ muốn làm giảm nhẹ tầm vóc to lớn của chiến thắng và muốn tìm nguyên nhân thắng lợi ở Điện Biên Phủ của Việt Nam là do nhân tố

khách quan bên ngoài. Ở Pháp có một số giới cho rằng Pháp sở dĩ thất bại là do sự viện trợ to lớn và ồ ạt về vũ khí và đạn dược của Trung Quốc cho Việt Nam. Thật ra, Trung Quốc có viện trợ vũ khí đạn dược cho Việt Nam trong trận Điện Biên Phủ, nhưng như trên đã trình bày, tỷ lệ số lượng viện trợ đó so với tổng số đã sử dụng ở mặt trận không lớn lắm và không thể đóng vai trò quyết định. Rất tiếc là trong vài năm trở lại đây, có một số bài đăng trong các tạp chí xuất bản ở Trung Quốc của một số tác giả trẻ lại cho là nhờ cố vấn Trung Quốc giúp Việt Nam thay đổi phương châm tác chiến từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc, Việt Nam mới thắng lợi. Một số lại cho là trước sự đe dọa bom nguyên tử của Mỹ, các cấp chỉ huy Việt Nam ở Điện Biên Phủ đã hoảng sợ và muốn rút lui bỏ cuộc, nhưng nhờ có sự góp ý của cố vấn Trung Quốc, Việt Nam mới kiên trì cuộc chiến cho đến thắng lợi. Những luận điệu nêu trên đều không có thật trong lịch sử. Đó là những điều hoàn toàn bịa đặt. Các cán bộ đã từng chỉ huy ở Điện Biên Phủ đều nhận thức rất rõ vì sao chúng ta đã thắng lợi và đều tự hào về chiến công hiển hách đó. Truyền thống Điện Biên Phủ đã được phát huy sau này trong cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.



DE CASTRIES VÀ DẢI BĂNG TANG CỦA THỰC DÂN PHÁP

Đại tá
TRẦN THANH CÀNG*
*Nguyên giảng viên Học viện
Phòng không*

Thượng tuần tháng 5.1954, trong căn hầm sở chỉ huy hiện đại Điện Biên Phủ có một người Pháp cháu 7 đời của Thống chế quý tộc Thượng thư Bộ Hải quân De Castries hồi 1787. Đó là vị tướng quân có cái tên dài 42 chữ rất trang trọng “Christian Marie Ferdinand De L Croix De Castries”, sinh ngày 11.8.1902.

Một con người dáng cao cao, gầy, gân guốc, đôi mắt u buồn, tựa lưng vào vách hầm ẩm ướt, soãi dài chân tay đau đớn thở ra, rồi đứng dậy lê gót dày từng bước. Bỗng, giận dữ,

uất ức, thốt ra những lời cộc lốc: “Thế là hết! Có trời đến đây mà đổi phó... Chúng móc lon lên áo tao rồi bảo: Hãy dũng cảm lên! Chiến đấu vì danh dự nước Pháp... để rồi “chôn xác” tao ở đây... Đồ bịp bợm! Chúa sẽ trừng phạt chúng mày!”. Ông mơ hồ liên tưởng đến một sở chỉ huy hiện đại nào đó ở Berlin... Hittle và người vợ... khi quân đội Nga dồn đến chỗ chết.

Đột nhiên... tướng quân lảo lại chiếc bàn... lạnh lùng đặt bàn tay lên khẩu rulô... Các sĩ quan tham mưu rợn tóc gáy, lẹ làng bước đến đứng vây quanh ông. Một viên sĩ quan đột nhiên thốt lên đồng thanh: “Thưa Tướng quân, Kitô nghiêm cấm chúng ta!”. Chẳng ai nhắc ai, tất cả họ giơ tay lên làm dấu thánh và cầu khẩn... De Castries bàng hoàng rút tay lại cùng làm dấu thánh rồi thảm thĩ: “Ừ!... Nếu ta chết thì hàng ngàn binh lính của ta càng bị nghiền nát nhanh chóng hơn!”.

Mọi người giãn ra. De Castries ngã lưng ra chiếc băng-ca, nhắm nghiền đôi mắt, tâm hồn lảng lảng bay lượn trong mơ hồ. Ông hồi tưởng một thời trai trẻ tâm tiếng vang lừng về một vận động viên đua ngựa tầm cỡ, từng đăng quang chức vô địch quốc gia và thế giới. Là vận động viên điền kinh, hai lần vô địch thế giới năm 1933, 1935 về nhảy cao và nhảy xa. Từng trong đội quân xung kích chống phát xít Đức, tháng 6 năm 1960 đã cùng 60 binh sĩ chiến đấu suốt 3 ngày chống lại cả tiểu đoàn Đức cho tới khi bị thương và hết đạn...

Trong cơn nguy khốn, con người ta thường hoài niệm quá khứ.

...Từ năm 1946, De Castries đã sang Đông Dương chỉ huy các đơn vị cơ giới. Năm 1951 được làm chỉ huy trưởng khu nam đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1952 là đại tá chỉ huy binh đoàn cơ động.

Đến đây những giờ phút lịch sử vinh quang tại Thái Bình Dương lại tái hiện: tướng Navarre cùng trung tướng Cogy - hiện thân của nước Pháp, đến giao nhiệm vụ vào sau ngày 29.11.1953, khi đã đến kiểm tra thận trọng và đánh giá được mức độ “bất khả xâm phạm” của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ban đầu De Castries thoáng e ngại: “Thưa



De Castries cùng các sĩ quan kiểm tra tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Đại tướng và Trung tướng, tôi thuộc kỵ binh không quen bộ binh, tiến công không quen phòng ngự"... Navarre mềm mại vỗ vai, tươi cười khuyên bảo: "Ngài Phó tổng thống Mỹ mới biết De Castries qua quan sát chiến dịch Hải Âu tại Ninh Bình. Còn tôi, hiểu về đại tá từ lúc còn là thượng sĩ. Ở Bộ Tổng tham mưu khi đánh giá cứ điểm Điện Biên Phủ là một cái bẫy cực kỳ quan trọng, nơi lôi kéo, giam chân, tiêu diệt chủ lực của Việt Minh; đồng thời, chúng tôi đã đánh giá đại tá bằng một công thức "DÙNG CẢM + SÁNG TẠO = DE CASTRIES". Đại tá là một tài năng của Quân đội, của nước Pháp, trên tài các đại tá khác, thậm chí trên một số thiếu tướng hiện ở Đông Dương và nước Pháp. Điện Biên Phủ, như đại tá biết, rồi cũng sẽ lặp lại chiến thuật "đầu nhọn đuôi dài" xông lên hùng hục với bộc phá lựu đạn, súng trường và tiểu liên... Những nòng pháo cũ kỹ, ít ỏi của Việt Minh chỉ là tro bụi sau loạt mưa pháo đầu tiên của đại tá mà thôi. Sở trường trận mạc cùng với tài thiên biến vạn hóa của đại tá, bên cạnh "thần pháo binh" Pirrot và "đại tá mãnh hổ" André Lalande, sẽ chà nát, đốn ngã, đánh gục những khối thịt cuồng nhiệt kia. Chúng tôi hoàn toàn yên tâm khi đã biết chọn mặt gửi vàng. Đại tá chắc chắn sẽ mang lại niềm vinh quang cho đại tá, làm rạng rỡ quân kỳ của quân đội Pháp, làm hãnh diện Tổ quốc và đồng minh của chúng ta!".

Nhận thấy niềm kiêu hãnh lớn lao khi được tiếp xúc với hai vị tướng lĩnh cao cấp tột đỉnh ở Đông Dương, De Castries đã khoan khoái dãn thân vào con đường danh vọng Điện

Biên Phủ. Chức vụ Tư lệnh khu Tây Bắc (chức vụ của một danh tướng) cùng chức Chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm khổng lồ đã biến thành chất men hỗn hợp làm cho De Castries say sưa đến ngây ngất.

De Castries tổ chức kiểm tra nhiều lần và đặt nhiều giả định, tình huống kẻ địch tiên công. Ông nhận ra đây là một hệ thống phòng thủ vững chắc, liên hoàn, dày đặc, có khả năng phát huy sức mạnh tổng hợp của cả vũ lẫn con người. De Castries còn thầm cảm ơn tướng Navarre và xúc động trước việc bàn giao của tướng Gilles không được ở lại để chào đón chiến thắng trên căn cứ này.

Trên tờ Thế giới (Le Monde), theo ông Robert Guiland thì niềm lạc quan của De Castries trước giờ tấn công của Việt Minh vào ngày 13.2.54 được mô tả như sau: Làm cho Việt Minh tiến xuống khu lòng chảo, đó là ước mơ của đại tá De Castries và toàn bộ ban tham mưu. Họ xuống là chết với chúng ta. Đụng độ có lẽ căng đây, nhưng ta sẽ chặn họ lại. Và cuối cùng chúng ta có được cái ta đang cần, đó là một mục tiêu, một mục tiêu tập trung mà chúng ta có thể “quạt cho toi bời”. De Castries ngạo mạn thả truyền đơn xuống Điện Biên Phủ, thách thức Việt Minh tấn công. Nội dung như sau: “Gửi Ngài Đại tướng Võ Nguyên Giáp! Nghe tin ngài mang nhiều sư đoàn lên đây để giao chiến và đem quân vào ăn tết trong Điện Biên, chúng tôi sẵn sàng tiếp đón ngài. Ký tên: Đại tá De Castries”.

Nhưng sau hơn 40 phút miên man với quá khứ, một

quá khứ vinh quang cứ mờ dần, định hướng được tâm hồn về với hiện tại, De Castries lắm lắm những vấn đề thiết thực hơn: Ôi! Tất cả đổ vỡ tan tành! Kể từ cái ngày 13.3, cái ngày thật kinh hoàng quái ác. Việt Minh đã nổ súng tấn công, Him Lam đã bị giáng những loạt pháo đầu tiên. Trung tá Gau-cheo tử thương. Chỉ sau một ngày cứ điểm Độc Lập thất thủ, đại tá “thần pháo binh” Pirrot tự sát. Tự sát chỉ vì không làm nổi cái việc mà ông đã lỡ mồm huênh hoang: “Bịt họng pháo Việt Minh ngay từ đầu”. Ngược lại, trận địa pháo binh của ông, trong khoảnh khắc đã bị đập nát. Pirrot chết, De Castries như bị tê liệt nửa người, như bị chặt đứt một cánh tay phải. Bị tấn công dữ dội, tiểu đoàn 3 Thái đã sợ hãi bỏ trốn khỏi trận địa...

Mưa lớn, giao thông hào sục lở, nước hồ xi tràn lên mặt đất. Thuốc men, lương thực, quần áo và cả súng đạn cũng thiếu thốn. Các tham số chiến đấu đều tụt xuống nhanh một cách thảm hại. Máy bay bốc cháy, lửa ngồn ngộn. Quân Việt Minh nháp nhô vây hãm. Hàng tiếp tế được thả trên cao bị Việt Minh áp sát chia phần...

Cuộc chiến đấu càng về sau quân Pháp càng bị thất bại. Các cứ điểm mang tên các cô gái yêu kiều của nước Pháp cứ mất dần, mất dần mặc dù De Castries và ban tham mưu của ông đã vắt đến kiệt óc và hao tổn quá nhiều sức lực.

Khoảng cuối nửa tháng tư, một vụ xì-căng-đan bùng nổ trong dư luận của Pháp, nguyên do là tờ Le Monde đã đăng lại một bức điện. Bức điện viết: “Trong cuộc nói chuyện với

vợ qua vô tuyến, Chỉ huy trưởng tập đoàn Điện Biên Phủ có ý định từ chức nếu sắp tới không được thăng cấp tướng”. Một tờ tạp chí ở Pháp viết: “Toàn nước Pháp đòi trao cấp tướng cho ông ta và chiến tích của ông viết thêm một trang sử vàng vào gia phả của dòng họ”. Ở Hà Nội, người ta truyền miệng lời bà De Castries từng nói về ngôi sao lúc đó chưa chắc chắn: “Một củ cà rốt mà người ta dử trước mũi của De Castries. Kể từ bao giờ, một đại tá chỉ huy trưởng một căn cứ cỡ như Điện Biên Phủ lại cần củ cà rốt gì trước mũi để tiến lên? Vậy những người khác họ đòi hỏi gì?...”. Những chuyện bên lề đó dù có xảy ra hay không nhưng việc phong quân hàm vẫn là chuyện có thật. Sắc lệnh ngày 23.4 được đăng trên công báo. Đại tá De Castries thăng lên thiếu tướng.

Người ta không thể vượt qua vòng vây để trao sắc lệnh và ngôi sao trực tiếp nên có chuyện đàm tiếu trên cả nước Pháp về việc thả ngôi sao cấp tướng cho De Castries lại lạc sang phòng tuyến của Việt Minh.

Ngày 25.4, trên công báo đăng quyết định số 18 tuyên dương trước toàn quân đội, quân đoàn trú ở Điện Biên Phủ bao gồm việc thưởng huân chương chiến công hình chữ thập T.O.E với nhánh lá cọ: “Từ nhiều tuần qua, dưới quyền chỉ huy của đại tá De Castries, các lực lượng của Liên hiệp Pháp đồn trú tại Điện Biên Phủ ngày đêm đã đẩy lùi những đợt tiến công quyết liệt của kẻ địch đông hơn về số lượng. Sự hy sinh anh hùng của các tử sĩ và sự bám trụ bền bỉ xứng đáng được toàn thể giới tự do cảm phục, nước Pháp tự hào và biết

ơn. Lòng dũng cảm của họ là tấm gương mãi mãi đáng tuyên dương”.

Nhưng trong những ngày cuối chiến dịch thì “...sự bám trụ bền bỉ xứng đáng được toàn thể giới tự do cảm phục, nước Pháp tự hào và biết ơn” đó thật quá mỏng manh với quân đồn trú Điện Biên Phủ:

Các giao thông hào của Việt Minh như những chùm dây thông lọng cứ siết chặt vào tâm điểm của các căn cứ. Nhìn các sợi dây báo tử đó, các vị chỉ huy đều rợn tóc gáy.

Ngày 5 tháng 5, các giao thông hào của Việt Minh đâm thẳng vào Sở chỉ huy chỉ còn cách 500m. De Castries triệu tập Bộ Tham mưu tại Sở chỉ huy Junon để thực hiện một nghi thức hào hiệp cuối cùng: Trao tặng cho trung úy Geneviève de Galard Terrobe - nữ y tá duy nhất ở cứ điểm - huân chương Bắc Đẩu bội tinh và huy chương chiến công. Phía Việt Minh, ông Giáp đã đưa loại súng phóng tên lửa của Nga (Stalin Organ) ra trận. Mỗi lần bắn 8 quả đạn, được phóng ra dữ dội. Kiểm tra mức tàn phá, De Castries hốt hoảng, buồn bã báo cáo ngay với Bộ Tư lệnh: “Chúng tôi có thể sớm bị kết liễu”.

22 giờ, tiếng kèn đồng vang lên inh ỏi, 4 trung đoàn Việt Minh tiến đến chiếm các tiền đồn ở Eliane, tràn luôn lên đồi trọc (Bald Head).

7 giờ sáng ngày 7.5, De Castries cố gắng điều khiển 3 cuộc phản kích nhưng vô vọng.

12 giờ, Việt Minh tấn công 3 căn cứ cuối cùng ở bờ tây

sông Nam-Youm (Nậm Rốm). Trước khi cuộc chiến đấu kết thúc, căn cứ Isabelle bị tấn công. Ở đây, liên đoàn 13 lính Lê dương ở Đông Dương này sẽ chết với cứ điểm Isabelle. Người chỉ huy - “đại tá mãnh hổ” André Lalande - từng tốt nghiệp học viện quân sự Saint Cyr, là cựu chiến binh ở Narvik el Alamein-Ý và vùng Vesges La Lande, là mẫu chỉ huy cứng rắn được lính Lê dương biệt danh là “ông ưa đánh trận”. La Lande đã nóng ruột không chờ Việt Minh tới. Ông tin chắc bằm vào 1.500 quân Lê dương ở Đông Dương này từng được tuyên dương công trạng lần thứ 22. 1 giờ 15 phút ông chủ động xua quân lui theo chiến hào hướng thẳng về phía Việt Minh đang đẩy đủ xung lực. Việt Minh chặn đánh quyết liệt. Súng nổ ran chừng nửa giờ rồi im bặt. Số lính Lê dương còn sống sót rất hiếm hoi đã tìm lối thoát về biên giới Lào. Từ căn cứ Isabelle gọi lên máy bay: “Cuộc vượt thoát thất bại. Chúng tôi phải cắt đứt liên lạc với các anh. Bắt đầu phá hủy mọi thứ”.

16 giờ, Việt Minh xung phong vào khu trung tâm. De Castries gọi điện khẩn khoản:

- Tình hình rất nghiêm trọng, quân Việt Minh đã chiếm khắp nơi. Tôi cảm thấy kết cục đang gần kề.

Cogny từ Hà Nội:

- Tôi nghe rõ. Anh hãy chiến đấu đến cùng. Không có vấn đề kéo cờ trắng... sau khi chiến đấu ngoan cường.

De Castries nhả nhủ lại:

- Vị trí trung tâm sắp bị tràn ngập! Xin vĩnh biệt trung

tướng. Vĩnh biệt các chiến hữu!

Nhưng người ta lại nghe được De Castries hứa với vợ ngay sau đó:

- Em thân yêu, anh sẽ trở về bên em!

Làn sóng chân động phát ra dữ dội từ cứ điểm Isabelle nổ tung đài phát thanh của Việt Minh đang reo vui: “Toàn bộ quân địch cố trốn thoát đã bị diệt gọn”.

Mọi trận đánh đều ngưng.

De Castries ghê rợn mỗi lúc nhìn thấy hệ thống chiến hào của Việt Minh cứ như những con giun bò đều đều trên bản đồ chỉ huy. Ông cảm giác như một bó dây thông lọng cứ siết chặt, siết chặt dần vào cổ mình. Ghê rợn hơn cả là tiếng



Vợ tướng De Castries
gọi điện cho chồng

nổ long trời của 1.000 tấn thuốc nổ ngằm dưới đồi A1, cạnh đằng sau sở chỉ huy của ông. Ông cảm thấy cả quả đất đang rung mình.

Bóng chiều đổ xuống nhanh. Tiếng súng AK rất gần... gần như sét đánh bên tai... Chuông điện thoại lại réo: “- Cogny! Cogny đây! Có thủ... có thủ... không có chuyện đầu hàng!...”.

De Castries bực tức, mở mắt to nhìn thẳng vào máy, đứng lên đánh nét mặt lại, hạ lệnh cho sĩ quan thông tin: “Báo ngay cho các đơn vị chuẩn bị đầu hàng!”. Rồi hạ lệnh phá hủy tất cả.

Khi chạm mặt người lính Việt Minh đầu tiên lăm lăm vũ khí xóc tới, hai tay ông giơ lên đầu hàng: “Xin đừng bắn tôi!”.

De Castreis đi đến đâu, lỗ nhỏ từ mọi góc ngách binh lính kéo theo lũ lượt... cờ trắng, nhuộm trắng mặt đất Điện Biên Phủ.

Lần đầu tiên trong cuộc đời binh nghiệp, De Castries chống lệnh cấp trên, ra lệnh cho cả mình phải đầu hàng. Đúng hơn, De Castries đã đại diện cho cả đội quân tinh nhuệ của nước Pháp, lính thuộc địa và ngụy quân, đại diện cho cả Navarre, Cogny lẫn dòng họ quý tộc dính líu dai dẳng tới cuộc chiến tranh xâm lược đã đầu hàng. Đầu hàng trước sức mạnh đặc thù, sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

De Castries còn nhận ra rằng, giữa thế kỷ 20 Việt Nam

đã làm chói lọi Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ đã thành điểm tựa làm tan vỡ hệ thống thuộc địa cùng với chế độ thực dân kiểu cũ. Điện Biên Phủ còn làm xuất hiện một cụm danh từ ghép Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh trên toàn thế giới.

De Castries hiểu sâu sắc hơn ai hết rằng Việt Nam thắng, Pháp^{*} thua, là “đại nghĩa thắng hung tàn”. Sau khi thăm Văn Miếu - Hà Nội, người đại công dân Pháp càng thấm thía hơn về một nền văn hiến ngàn năm của Việt Nam. Tại Điện Biên Phủ, ông đã thừa nhận: “Nước Pháp có sai lầm trong vấn đề Việt Nam!”.

Kể từ ngày 7.5.1954, Điện Biên Phủ đã trở thành một đài băng tang của thực dân Pháp.

* (Tác giả là người không tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ)



BẢO VỆ
SỞ CHỈ HUY
“TỔNG HÀNH DINH”
TRONG CHIẾN DỊCH
ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đại tá ĐỖ HẢI

Nguyên Lữ đoàn phó Chính trị

Lữ đoàn 144

Thăm thoát đã 50 năm trôi qua, Sở chỉ huy - “Tổng hành dinh” trong chiến dịch Điện Biên Phủ đã được xếp vào di tích lịch sử quốc gia, con đường hầm vào phòng họp đã được tái tạo lại cho du khách tham quan. Trông lòng tôi 50 năm qua vẫn nhớ mãi những bàn tay chai sần, bóng rợp của đồng đội và những chiếc xẻng hình trăng khuyết...

Năm 1973, Chủ tịch Cuba Fidel Castro sang thăm Việt Nam, giữa lúc đất nước còn đang chiến tranh. Chủ tịch đã đi thăm Bảo tàng Quân đội. Tại đây ông chăm chú xem sa bàn

chiến dịch Điện Biên Phủ cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông bỗng hỏi:

- Thưa Đại tướng, lúc đó Đại tướng ở chỗ nào?

Đại tướng Võ Nguyên Giáp lấy chiếc gậy dài chỉ vào một vị trí cách cánh đồng Mường Thanh chừng 3km và nói:

- Lúc đó Sở Chỉ huy chiến dịch ở đây.

Chủ tịch Fidel nói vui:

- Chiến thắng là công chung của mọi người, nhưng vai trò cá nhân cũng hết sức quan trọng, nhất là vai trò Sở Chỉ huy chiến dịch. Thế mà ở đây thiếu Sở Chỉ huy trên sa bàn.

Ý kiến của Chủ tịch Fidel đã được Tổng cục Chính trị tiếp thu. Trung tướng Phạm Ngọc Mậu chỉ thị cho bảo tàng và tôi lên ngay Điện Biên Phủ tìm lại vị trí Sở Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, để bổ sung vào sa bàn.

Chúng tôi đi theo con đường Tuần Giáo lên Điện Biên Phủ, qua các chỉ huy sở trước đó, đến cây số 62 rẽ vào Mường Phăng, cây cối um tùm khiến tôi không nhận ra được Sở Chỉ huy năm xưa.

Khi hỏi dân bản thì đồng bào cười và nói:

- Ở đây ai cũng biết hầm Đại tướng, dân bản còn truyền câu ca rằng: “Ai muốn lấy vợ Mường Phăng thì phải biết hầm Đại tướng...”.

Chúng tôi mừng quá, quên cả đường xa mệt nhọc, vội phăm phăm theo dân bản vượt đèo lội suối đi chừng 2km để tìm hầm. Đến chân một dãy núi cao, lau sậy um tùm, dân bản vạch ra một miệng hầm và nói: “Đây là hầm Đại tướng,

hàng năm thường có một toán bộ đội đến đây vào ngày 7.5 để thăm viếng”. Đứng trước cảnh rừng núi ngút ngàn, trong lòng tôi trào dâng bao kỷ niệm của gần 20 năm trước nơi này. Tôi kêu lên:

- Bà con nhầm rồi, đây là hầm Đại tướng Trung Quốc Vi Quốc Thanh, cô vẫn cho ta hỏi đó, còn hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp phía bên quả núi nhỏ kia. Cho tôi một số anh em cùng tôi để bới cửa hầm.

Chỉ một loáng, anh em công binh đã tìm được miệng hầm theo hướng tay tôi chỉ. Tôi bảo các chiến sĩ:

- Các đồng chí chịu khó chui vào trong đó, cách 20m sẽ có một phòng họp và sẽ có chiếc đèn bão năm xưa ở đó.

Các chiến sĩ bò vào trong. Thời gian đã làm đất đá lấp đi phần nào đường hầm. Khi các chiến sĩ chui ra cầm chiếc đèn bão đã gỉ vì năm tháng, tôi không cầm được nước mắt nhớ tới đồng đội tôi ngày ấy...

...Tôi sinh năm 1926, quê ở Thanh Trì, Hà Nội. Tôi tham gia chiến khu Đông Triều đánh Nhật, đánh phỉ, đánh Pháp từ tháng 4.1945. Năm 1947, giặc Pháp nhảy dù đánh lên Việt Bắc thì tiểu đoàn 59 Liên khu 3 của chúng tôi được điều lên Việt Bắc để bảo vệ ATK (An toàn khu). Từ năm đó tôi trở thành người lính cảnh vệ của Bộ Tổng tham mưu, trải qua từ binh nhất, tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng và cuối cùng là lữ đoàn phó chính trị. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi chỉ huy 120 chiến sĩ đại đội 245, tiểu đoàn (lữ đoàn) 144, trung đoàn 246, có

nhiệm vụ bảo vệ Sở Chỉ huy chiến dịch, theo hướng phát triển do ban tác chiến quyết định. Chúng tôi hành quân bộ từ Thái Nguyên lên Tuần Giáo vào Điện Biên. Trên người chúng tôi lĩnh kinh trăm thứ: gạo cuốn ruột tượng quanh người, sau lưng ba lô quần áo, trên cổ cuốn chiếu, chăn và mỗi người kèm theo cuốc hoặc xẻng, trên đầu đội mũ nan tự đan. Càng đến gần mặt trận, đường càng khó đi, nhiều đoạn đường hẹp, dốc cao, uốn khúc theo sườn núi, đặc biệt là qua các đèo cao, với hàng chục kilômét đường nằm chênh vênh bên vực thẳm: đèo Lũng Lô dài 9km, đèo Cò Nòi dài 17km và dài nhất là đèo Pha Đin 28km. Máy bay Pháp hàng ngày lùng sục và ném bom chặn những con đường khả nghi. Có những lúc công binh không cho chúng tôi đi qua các quả bom nổ chậm nằm chình ịch trên đường, họ bảo:

- Bom nổ, các anh chết thì ai chịu trách nhiệm?

Chúng tôi trả lời:

- Thế chúng tôi không hoàn thành nhiệm vụ thì ai chịu trách nhiệm đây?

Có những lúc vượt qua bom được vài chục mét thì bom phát nổ, chỉ một vài người bị thương nhẹ, thật hú hồn. Cái chết rình rập quanh chúng tôi bằng nhiều cách. Dịch quân đảo trên đầu, chúng còn thả biệt kích truy tìm ra, chúng tôi đã bắt được 2 tên ở Mộc Châu. Qua rừng sâu, hổ rình mồi, trong đêm tối, chúng tôi phải hành quân co cụm đội hình để đề phòng. Sốt rét ác tính đe dọa tính mạng hàng ngày, thuốc ký ninh thiếu, nhiều khi phải hòa một viên thuốc cho ba bốn

người uống, đã có đồng chí vì sốt rét ác tính mà ra đi mãi mãi... Nhưng tất cả không ngăn đường bàn chân người chiến sĩ cảnh vệ, lực lượng trung thành của Đảng. Đại đội chúng tôi đa phần là chiến sĩ bản cổ nông, người dân tộc, trình độ học vấn có hạn, nhưng họ một lòng theo cách mạng.

Ròng rã nhiều tháng trời, qua nhiều chặng, chúng tôi đã đến cây số 62, lỏi vào bản Mường Phăng, nơi dự định đặt Sở Chỉ huy chiến dịch. Địa điểm này chỉ cách cánh đồng Mường Thanh, cứ điểm trung tâm của địch khoảng trên 3km đường chim bay, nằm trong tầm đạn pháo của địch, do đó công tác



Sở chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Mường Phăng
(tranh của họa sĩ Trần Đạm)

bảo vệ phải hết sức nghiêm ngặt. Vừa hành quân đến nơi chúng tôi đã xắn tay áo vào đào hơn 1km đường giao thông hào để sẵn sàng đánh biệt kích nhảy dù. Lúc này phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” của chiến dịch đã được chuyển thành “đánh chắc, thắng chắc”. Tư tưởng bộ đội có phần chưa thông, nhưng Bộ Chỉ huy đã kịp thời tổ chức chỉnh huấn. Do thay đổi chiến thuật đánh, pháo ta kéo vào lại kéo ra. Các chiến sĩ công binh dồn đi mở đường cho pháo ta vào trận địa, vì vậy việc đào hầm cho Bộ Chỉ huy chiến dịch do đại đội cảnh vệ chúng tôi đảm nhiệm. Lúc đó tôi có được học hành hơn anh em một chút nên cũng có một số kiến thức áp dụng trong việc đào hầm vào núi. Thêm nữa tôi phát huy dân chủ, bàn bạc cùng anh em. Thật may trong đại đội có đồng chí Đinh Văn Điền, trước đây là thợ mỏ, nên đồng chí đóng góp nhiều kinh nghiệm đào hầm than. Không có ni-vô (để xác định mặt phẳng nằm ngang), chúng tôi phải lấy ống nước cất cho giọt dầu vào, rồi để trong ống nửa làm ni-vô. Không có thước, chúng tôi phải lấy dây rừng nối nhau lại để khoan tròn đo núi tìm đường kính. Chúng tôi chia làm hai bên đào để làm hầm thông qua núi. Cứ 5m một, chúng tôi lại chống cây rừng và kê đòn tay đỡ trần hầm. Bằng cuộc xẻng, trí thông minh và lòng quyết tâm, chúng tôi đào thủng quả núi, chỉ có điều khi gặp nhau người trên, kẻ dưới. Thế là chúng tôi khoét ra thành một hầm rộng làm nơi hội họp của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Chúng tôi chia nhau làm liên tục 3 ca một ngày. Lúc đó chúng tôi mới càng thấm

thía câu “Có công mài sắt có ngày nên kim”. Bàn tay chúng tôi phồng rộp, rồi đông thành chai sần, chiếc xẻng ngày đầu sáng loáng to như chiếc quạt nan mà đến ngày xong công trình thì mòn vẹt đi như mảnh trăng khuyết. Tôi, chính trị viên Nguyễn Bảo, đại đội phó Tường thay nhau động viên anh em hăng hái làm việc. 28 ngày đêm vất vả, chiếc hầm cho Sở Chỉ huy - “Tổng hành dinh” hoàn tất. Một đường hầm dùng cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi vào phòng họp tương đối bằng phẳng, còn một đường khác dành cho Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái vào phòng họp phải có bậc thang đi xuống. Đường đi rộng chừng 90cm, cao 1,7m. Phòng họp rộng chừng hơn chục mét vuông, được kê 2 hàng ghế với một chiếc bàn để trải bản đồ và rất mát vì nhờ hai đường hầm thông gió. Trong hầm để sẵn chiếc đèn bão để Bộ Chỉ huy dùng khi hội họp. Anh Hoàng Văn Thái đến xem hầm rất hài lòng:

- Hầm đào khéo quá, thế này thì bom đạn chẳng làm gì được. Có bị sập một cửa hầm vẫn có thể thoát ra cửa hậu. Có câu nào là kỹ sư không?

Tôi báo cáo:

- Báo cáo thủ trưởng, chỉ có em mới học hết cartifica (tiểu học) thôi ạ! Còn anh em đa phần bắt đầu học chữ.

Tổng tham mưu trưởng khen ngợi và giao nhiệm vụ cho chúng tôi đào tiếp hầm cho Đại tướng Vi Quốc Thanh, trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc sang giúp ta đánh giặc. Chúng tôi lại hăm hở vào công việc. Vì hầm của Đại tướng Vi Quốc

Thanh trong dãy núi lớn hơn, cho nên chúng tôi chỉ đào vào sâu 20m, sau đó khoét một lỗ hồng lên sườn núi vừa để thông hơi, vừa để sẵn một chiếc thang để phòng khi sập hầm thì đại tướng có thể trèo thoát qua đường đó. Sau đó chúng tôi còn đào thêm hầm cho đồng chí Lê Liêm là chủ nhiệm chính trị mặt trận ở ven suối. Càng về sau kinh nghiệm càng nhiều nên việc đào không còn vất vả như ban đầu.

Hàng ngày chúng tôi chia nhau ra canh gác xung quanh Sở Chỉ huy, lòng sục biệt kích, thám báo, nguy trang đường và phối hợp giúp đỡ Ban 4, cơ quan hậu cần Sở Chỉ huy để vận chuyển lương thực, thực phẩm vào. Mỗi vọng gác có một chiếc mõ, khi có máy bay địch ở xa, thì gõ 3 tiếng để ai có đun nấu gì thì khẩn trương dập lửa. Nếu máy bay vào gần thì mõ gõ liên hồi, lúc đó tất cả Bộ Chỉ huy phải xuống hầm làm việc. Thật kỳ lạ, mặt trận chỉ cách chúng tôi vài cây số, nhưng suốt chiến dịch ở đây hoàn toàn yên ắng. Kẻ thù không phát hiện được Sở Chỉ huy chiến dịch, vì hàng ngày chúng tôi đi nguy trang Sở Chỉ huy, trồng các cây vào khu trồng, trồng cỏ trên các lối mòn, cây nào bị héo thì phải thay ngay. Chúng tôi ra suối bắt cá cải thiện, hoặc cử anh em vào bản Mường Phăng làm dân vận, có khi chỉ một bánh thuốc Lào đổi được cả con lợn. Anh em còn vét vũng ở suối để tích nước ăn. Buổi tối thỉnh thoảng được xem phim. Chỉ có một lần một chiếc máy bay Pháp bay ngang qua, thả một “quả bom to” xuống. Cả Sở Chỉ huy báo động, mọi người xuống hầm hết. Chờ mãi không thấy tiếng nổ, tôi bò ra gần xem là loại bom

gì thì đọc được hàng chữ tiếng Pháp trên thân “quả bom”: Thùng dầu phụ. Lúc đó tôi mới thở phào, rồi gọi anh em ra khênh thùng dầu phụ về cửa ra làm máng đựng nước. Nhiều anh còn dùng mảnh thùng làm lược kỷ niệm...

Sau đợt đi công tác năm 1973, Bảo tàng Quân đội đã đáp thêm Sở Chỉ huy - “Tổng hành dinh” chiến dịch Điện Biên Phủ trên sa bàn.

Đoàn Hoài Trung (*ghi*)



NHỮNG CHIẾC ĐÒN GÁNH VÀ CHIẾC XE ĐẠP THỎ RA TRẬN

Trung tá

LƯU TRỌNG LÂN

Nguyên Đại đội phó thuộc

Trung đoàn Pháo cao xạ 367,

Phó phòng Tác huấn Quân chủng

Phòng không Không quân

Chấp nhận cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ với phương châm “đánh chắc tiến chắc”, quân dân ta đồng thời chấp nhận một thử thách cực kỳ lớn lao, đó là vấn đề tiếp tế.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập “Hội đồng cung cấp mặt trận”, tức “Hội đồng chi viện tiền tuyến”, do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch. Các Liên khu, các tỉnh cũng thành lập Hội đồng cung cấp của địa phương mình.

Trong một lần họp với Hội đồng cung cấp Trung ương, Bác Hồ chỉ thị:

- Bất kể trong điều kiện khó khăn nào cũng phải bảo đảm cho bộ đội ăn no đánh thắng. Không làm được như thế là chúng ta thiếu nghĩa vụ đối với bộ đội, là có tội đối với Tổ quốc.

Thực hiện lời căn dặn của Bác, các địa phương khẩn trương bắt tay vào việc động viên sức mạnh to lớn của toàn dân phục vụ chiến trường. Khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến! Tất cả để chiến thắng!” nhanh chóng biến thành tình cảm,



Tác giả vinh dự được gặp Bác Hồ kính yêu

thành quyết tâm của mỗi người dân hậu phương.

Thế rồi trên những nẻo đường hướng về mặt trận, ngày đêm hối hả những dòng người, những đoàn xe nối tiếp nhau. Ở đó diễn ra một khung cảnh nhộn nhịp khác thường. Ở giữa lòng đường là những chiếc xe ô tô tải kiểu Mô-lô-tô-va (Molotoba) của Liên Xô, tung bụi mù mịt. Xe ô tô đi qua, các đoàn xe đạp thồ lập tức tranh thủ tiến ra mặt đường, băng băng đi tới. Hai bên đường là hàng đoàn dân công nam nữ của các tỉnh Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Yên Bái, Hòa Bình... gồng gánh trên vai, nối đuôi nhau đi về phía chiến trường.

Xa xa trên các dòng sông, như sông Hồng, sông Mã có những đoàn thuyền chở đầy lương thực, thực phẩm rẽ sóng, ngược dòng đi lên. Đặc biệt trên dòng sông Nậm Na đoạn phía bắc thị trấn Lai Châu, có nhiều thác dữ, những chiếc thuyền, chiếc mảng mà người chèo thuyền, chống mảng hầu hết là gái, dũng cảm vượt thác ghềnh thẳng hướng Điện Biên. Tuyến Nậm Na dài 95 ki-lô-mét, có 102 thác dữ. Đoạn khó khăn nhất được giao cho một đại đội nữ dân công huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đảm trách.

Hướng về tiền phương năm ấy còn có một khối lượng thực phẩm “tự hành”, nghĩa là những món ăn tự nó đi tới nơi người sử dụng. Đó là những đàn bò, đàn trâu hàng ngàn con, chia thành từng tốp nhỏ, có người áp tải, cũng leo đèo vượt dốc, cũng lội suối, vượt sông, từng bầy từng bầy chậm chạp di chuyển, cuối cùng cũng đi đến nơi đến chốn, góp

phần cung cấp cho bộ đội có được những bữa ăn tươi.

Tất cả dồn cho mặt trận. Mỗi con người, mỗi chiếc xe, một gánh gạo, đến một hộp thuốc kháng sinh, một gói thuốc Lào Vinh Bảo, một lá thư¹ của người em gái yêu... tất cả đều mang nặng nghĩa tình hậu phương sâu sắc.

Ngồi trong chiến hào nóng bỏng, được ăn một mâm cơm ngon, một bát canh ngọt, được đọc những dòng thư của các mẹ, các chị, các em từ quê hương xa xôi, có khi từ vùng tạm chiếm gửi đến, các chiến sĩ như được tiếp thêm sức mạnh bởi nguồn động viên cổ vũ lớn lao của hậu phương.

Ngay tại hỏa tuyến, lớp lớp dân công sát cánh cùng bộ đội, dũng cảm băng mình qua khói lửa, tiếp đạn cứu thương. Trên đường đưa thương binh về hậu tuyến, chị em dân công đã săn sóc bằng tất cả tấm lòng như đối với người anh em ruột thịt...

Để cứu chữa thương binh, nhất là thương binh nặng, cần phải có những thầy thuốc giỏi. Hậu phương đã kịp gửi những đoàn cán bộ y tế, trong đó có bác sĩ Vũ Đình Tung, Bộ trưởng Bộ Thương binh, bác sĩ Tôn Thất Tùng, nhà phẫu thuật nổi tiếng với đôi bàn tay vàng, cùng nhiều cán bộ giảng dạy, sinh viên, học sinh của trường Y Quân đội lên tăng cường cho tiền tuyến.

Cùng bộ đội hành quân còn có đông đảo văn nghệ sĩ, những nhà báo, nhà văn, các nhạc sĩ, họa sĩ, các nghệ sĩ điện

1. Hàng vạn lá thư từ hậu phương đã được chuyển tới mặt trận.

ảnh, nhiếp ảnh và văn công. Bài hát “Đâu có giặc là ta cứ đi” của Đỗ Nhuận xuất hiện trên đường hành quân ra mặt trận, bài “Hò kéo pháo” của Hoàng Vân ra đời trong những ngày pháo ta vượt đỉnh Pu Pha Sông, cùng những trang báo, những bài bình luận nóng hổi tính thời sự, đã gây niềm phấn chấn và làm sôi lòng chiến sĩ. Và có những bức tranh, những tấm hình và những thước phim vô cùng quý báu để lại cho đời, cho mai sau.

Những hình ảnh kể trên là những hình ảnh có thật, cực kỳ sinh động, lại có vẻ nên thơ:

*“... Và những chị những anh,
ngày đêm ra tiền tuyến,
Mây tầng mây, gió lớn mưa to
Đèo Pha Đin chị gánh anh thô,
Đèo Lũng Lô, anh hò chị hát...”*

(Trích “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên” - Tố Hữu)

Ai đó có tâm hồn lãng mạn, qua những dòng trên đây, chắc sẽ cảm thấy việc tiếp tế cho mặt trận xem ra cũng nhẹ nhàng, nhưng thực tế không phải vậy. Nếu ở trên trận địa, các chiến sĩ ta “máu trộn bùn non, đầu nung lửa sắt” thì trên các tuyến đường vận chuyển, các chiến sĩ công binh, cao xạ, thanh niên xung phong và dân công cũng: “Dù bom đạn, xương tan thịt nát, không sờn lòng, không tiếc tuổi xanh” (cùng bài thơ trên của Tố Hữu).

Vì vậy chúng ta cần đi sâu thêm, hiểu rõ thêm những khó khăn mà quân dân ta đã phải vượt qua, những nỗ lực

mà quân dân ta đã thực hiện trong quá trình huy động sức mạnh to lớn của hậu phương, cũng như trong việc vận chuyển hàng trăm ngàn tấn vật chất đến tay người chiến sĩ.

Khi dành trọn một đêm thức trắng để tư duy và hạ quyết tâm thay đổi cách đánh, chắc Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã lo nghĩ nhiều đến vấn đề tiếp tế. Ngay trong cuộc họp Đảng ủy mặt trận sáng ngày 26 tháng 1 năm 1954 ở hang Thẩm Púa, cho đến trước giờ giải lao, đa số ý kiến vẫn còn nghiêng về “tốc chiến” với nhiều lý do, trong đó có một lý do hết sức quan trọng, đó là vấn đề tiếp tế cho cuộc chiến đấu, khi chiến dịch sẽ phải kéo dài và mùa mưa sắp đến.

Mãi đến cuối cuộc họp, sau khi nghe Đại tướng chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận phân tích tình hình và nhắc lại ý kiến của Bác Hồ lúc Người giao nhiệm vụ cho ông: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”, tập thể Đảng ủy mới đi đến nhất trí thông qua quyết tâm thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”.

Điều gì đã làm cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định quyết tâm của mình, mặc dầu ông nhìn thấy rất rõ những khó khăn chật chồng trước mặt: Việc huy động lương thực thực phẩm và huy động lực lượng vận chuyển ở hậu phương không phải là chuyện dễ; đường vận chuyển quá xa, lại liên tục bị máy bay địch ngăn chặn phương tiện vận chuyển hầu hết là thô sơ, trong khi nhu cầu phục vụ lại quá

lớn, trong nhiều tháng trời?

Một nhà báo quân đội Pháp, tướng Y-vơ-Gra (Yves Gras), trong cuốn “Lịch sử chiến tranh Đông Dương” đã viết: “Tướng Giáp quan niệm và tin tưởng rằng cả dân tộc ông sẽ tìm ra giải pháp cho công việc hậu cần của chiến dịch to lớn này. Chính giải pháp ấy đã làm thất bại mọi toan tính, và dự kiến của Navarre”. Chúng ta có thể coi đây là câu trả lời thích đáng cho câu hỏi nêu trên.

Đúng vậy! Cả dân tộc ta, từ những hậu phương xa xôi trong các vùng tạm bị chiếm ở đồng bằng Bắc Bộ, đến cả những hậu phương rộng lớn ở các vùng tự do (Liên khu IV, Liên khu V, Việt Bắc)¹ cho đến những hậu phương gần như các tỉnh Sơn La, Lai Châu còn nghèo nàn của Tây Bắc, đều đã dốc hết sức mình cho tiền tuyến.

Có những con số mới nghe như là chuyện lạ, đã làm cho ngay cả những người trong cuộc cũng không thể nào ngờ:

* Đường tiếp viện từ hậu phương ra tiền tuyến dài từ 200 đến 700 ki-lô-mét qua biết bao đèo cao suối thẳm. Trên những con đường đó bộ đội và dân công ta di chuyển chủ yếu bằng *đôi chân*.

* Cứ một ki-lô-gam gạo đưa được đến đích bằng dân công gánh bộ, phải tốn khoảng 20 đến 24 ki-lô-gam cho một

1. Liên khu V phục vụ chiến trường bắc Tây Nguyên, nam Liên khu IV phục vụ chiến trường Trung, Hạ Lào, còn lại từ bắc Liên khu IV trở ra phục vụ chiến trường Điện Biên Phủ.

dân công ăn dọc đường.

Chỉ riêng phục vụ cho chiến trường Điện Biên Phủ, các địa phương đã huy động được:

- . 25.000 tấn¹. Riêng tỉnh Thanh Hóa huy động 9.000 tấn

- . 261.000 dân công.

- . 21.000 chiếc xe đạp thồ.

- . 260.000 thuyền (thuyền gỗ và thuyền nan). Riêng Thanh Hóa: 956 chiếc.

- . 17.000 con ngựa thồ, (những con số trên trích từ tạp chí Lịch sử Quân sự số tháng 3 năm 1984).

Ngoài ra còn có 628 xe ô tô vận tải kiểu Mô-lô-tô-va do Liên Xô viện trợ, cùng một ít xe GMC kiểu Mỹ, chiến lợi phẩm trong các chiến dịch trước.

Riêng số đạn pháo:

- 11.715 viên, chiến lợi phẩm tích lũy từ chiến dịch Biên Giới năm 1950.

- 440 viên, chiến lợi phẩm nóng hổi từ chiến thắng Khăm He (Trung Lào) tháng 12 năm 1953, vượt quãng đường dài 1.105 ki-lô-mét lên tới Điện Biên.

- 5.000 viên, do các chiến sĩ bộ binh thu được từ những chiếc dù, gửi tặng pháo binh trong quá trình chiến

1. Tính cả số lượng huy động cho cả Điện Biên Phủ, bắc Tây Nguyên và Trung, Hạ Lào là: 40.000 tấn. Ngoài ra, chúng ta còn được nước bạn Trung Hoa chi viện 1.700 tấn gạo từ tỉnh Vân Nam gửi đến.

dịch ¹ (các số liệu trên trích từ bài “Công tác tiếp viện lên Điện Biên Phủ” của thiếu tướng Nguyễn An, trong tập kỷ yếu của cuộc Hội thảo khoa học về chiến thắng Điện Biên Phủ họp tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 4.1994).

Trên đây không phải là những con số khô khan làm mỗi mắt người đọc, mà là những con số nặng ân tình, thể hiện tấm lòng của nhân dân cả nước đối với bộ đội ngoài mặt trận. Làm sao hiểu nổi bà con trong các vùng tạm bị chiếm, ngoài việc gửi con em đi dân công, đi bộ đội, còn gửi hàng vạn chiếc xe đạp kiểu Pơ-giô (Peugeot), kiểu Xtéc-ling (Sterling), cùng nhiều tấn thuốc men quý hiếm, y cụ, đường sữa... ra vùng tự do cho Chính phủ Cụ Hồ.

Chính Navarre, về sau đã thừa nhận (trong cuốn “Đông Dương hấp hối”): “Trong vùng quân ta kiểm soát, Việt Minh vẫn có một uy quyền bí mật. Họ tuyển người, thu thuế, quyên góp tiền bạc. Từ đó, họ chở đi nhiều gạo, muối, vải và cả những chiếc xe đạp có tác dụng rất cao trong việc vận chuyển”.

Làm sao hình dung nổi số lượng vật chất được huy động nhiều đến thế, trong khi đời sống của đồng bào ta còn nhiều cơ cực. Huyện Tuần Giáo, cách Điện Biên Phủ

1. Ngoài số đạn trên, ta còn được Trung Quốc chi viện 3.600 viên đạn pháo 105. Sau đó bạn còn “vét kho” giúp ta thêm 7.400 viên nhưng không đưa tới kịp trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc.

80 ki-lô-mét, đã đóng góp 1.270 tấn gạo ¹.

Xúc động biết bao khi được nhìn tận mắt những đoàn dân công, đa số là nữ, dài nằng dăm mưa, chịu cái rét run người trong sương khuya giá buốt của mùa đông Tây Bắc, với đôi chân không mỏi, trên vai là những chiếc đòn gánh, hai đầu trĩu nặng những hạt gạo nghĩa tình của hậu phương. Khâm phục biết bao những chiếc sĩ lái xe đạp thồ, mỗi chiếc chở nặng binh quân 180 ki-lô-gam (cá biệt có anh Cao Văn Ty ở Thanh Hóa thồ được 320 ki-lô-gam, anh Ma Văn Thắng ở Phú Thọ thồ tới 352 ki-lô-gam) vượt suối băng đèo, vượt bom thù chặn lối, vận chuyển mọi nhu cầu thiết yếu cho bộ đội ở chiến trường xa.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong hồi ức “Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử” đánh giá: “Xe thồ đã trở thành binh chủng vận tải quan trọng thứ hai, đứng sau xe cơ giới” ².

Hàng chục vạn chiếc đòn gánh dẻo dai, sản xuất từ những cây tre của các làng quê Việt Nam, hàng chục vạn chiếc xe đạp thồ huy động được từ các vùng tự do và vùng tạm chiếm, đến đây bỗng trở thành vũ khí, cùng con người ra trận, góp phần làm nên chiến thắng.

Giuyon Roa, tác giả cuốn “Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp” đã viết: “Không phải sự viện trợ từ bên

1. Sau chiến dịch, Hội đồng cung cấp đã dùng một phần gạo chưa sử dụng hết thanh toán lại cho bà con các dân tộc.

2. Sức vận tải của 16 chiếc xe đạp thồ ngang với 1 xe ô tô tải 3 tấn.



Xe đạp thồ chở gạo lên tiền tuyến

ngoài đã đánh bại tướng Navarre, mà chính là những chiếc xe đạp Pơ-giô, thồ nặng 200-300 ki-lô-gam được đẩy bằng sức người, những con người ăn chưa đủ no và nằm ngủ ngay trên mặt đất, trải bằng một tấm ni lông. Cái đã đánh bại tướng Navarre không phải là phương tiện, mà là sự thông minh và ý chí của đối phương”.

Giữa tháng 10 năm 1953, tướng Navarre đã từng lên tiếng chê bai Việt Minh vận chuyển chủ yếu bằng bọn “cu-li” gánh bộ, hoặc khá hơn, bằng những chiếc xe tải, chạy trên những con đường rất xấu, liên tục bị cắt đứt bởi không quân Pháp...

thì giờ đây ông ta đã nhìn nhận ngược lại, khi ông ta viết trong “Đông Dương hấp hối”: “Chúng ta phải thừa nhận những cố gắng lớn lao (grand effort) của nhân dân Việt Nam trong việc chi viện cho quân đội của họ. Chúng ta khâm phục khả năng của Bộ Chỉ huy và Chính phủ đối phương đã biết cách làm gì để đạt được hiệu quả cao trong vấn đề tiếp tế”.

Thế là cuối cùng, viên Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đã mặc nhiên thừa nhận họ đã thua ta trong lĩnh vực này. Thực tế chứng minh: những đoàn máy bay vận tải hùng hậu của Pháp, được Mỹ tích cực chi viện, đã thua những chiếc đòn gánh, những chiếc xe đạp thô sơ của các đoàn dân công Việt Nam.

Và đúng như tướng Êly, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, 10 năm sau đó đã nhận ra rằng: “Một lần nữa, kỹ thuật lại bị thua cuộc bởi những con người có tâm hồn và một lòng tin”¹.

1. Êly, “Đông Dương trong cơn lốc” - Paris - 1960.



HAI LẦN ĐÁNH A1

Đại tá TRẦN THỀ ĐỀ
Nguyên chính trị viên đại đội

Đầu tháng giêng năm 1954, đại đội tôi (C16) và các đơn vị bạn cùng trong đội hình của Trung đoàn 174 đại đoàn 316 đã nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, chờ lệnh tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Mỗi chúng tôi từ cán bộ đến chiến sĩ ai cũng mang trên mình một cái bánh chưng và ít cục lương khô đủ ăn trong một ngày rưỡi. Chiến sĩ Lê Văn Tổ, dáng nhỏ bé, nặng độ 37 kg, có nước da ngăm đen, người Hải Dương chính công, luôn có nụ cười

tươi, nhanh nhẩu thay mặt một số anh em chạy đến hỏi tôi: “Thủ trưởng ơi! Đánh nhanh thắng nhanh liên tục trong 3 ngày, vậy còn ngày rưỡi nữa lấy đâu để ăn?”. Nhìn chú lính nhỏ mền yêu, tôi đáp: “Thế cậu không nhớ trước giờ xuất phát đại đội đã phổ biến chủ trương của trên là khi đánh vào trung tâm Mường Thanh sẽ lấy lương thực của địch để cung cấp cho ta, cậu quên rồi hả?”. Tôi vừa dứt lời thì có lệnh có trên: “Bí mật rút quân về vị trí tập kết, hoãn cuộc tiến công”. Toàn đại đội đang trong không khí hào hứng phấn khởi bỗng dưng lặng xuống ỉu xiu.

Trở về vị trí tập kết, tiểu đoàn trưởng 249 Vũ Hòe quán triệt chủ trương mới của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Trước đây ta chủ trương “đánh nhanh thắng nhanh”, nay do tình hình địch có nhiều thay đổi, chúng đã được củng cố và tăng cường về nhiều mặt, nên ta phải chuyển sang phương châm “đánh chắc tiến chắc” để bảo đảm tính chủ động và chắc thắng.

Đón chờ lệnh mới, trong những ngày giáp tết, Điện Biên giá lạnh, lại đóng quân trên quả đồi rừng rậm rạp, tôi bỗng nhớ gia đình, nhớ hậu phương da diết, đêm đó thao thức không sao ngủ được. Tôi sang hầm chiến sĩ y tá cũng cùng tâm trạng. Hai anh em chúng tôi cùng cậu văn thư và liên lạc của đại đội bảo nhau làm thơ cho khuây khỏa. Trời rét căm căm, chúng tôi thêm thuốc không sao viết được, cả 4 người tìm khắp mọi nơi mới kiếm được một điều thuốc Lào, anh em chia nhau không đủ cho mỗi người một hơi. Đồng chí Hoan y tá, có biệt danh là Hoan lác (anh bị hiếng) giỏi viết

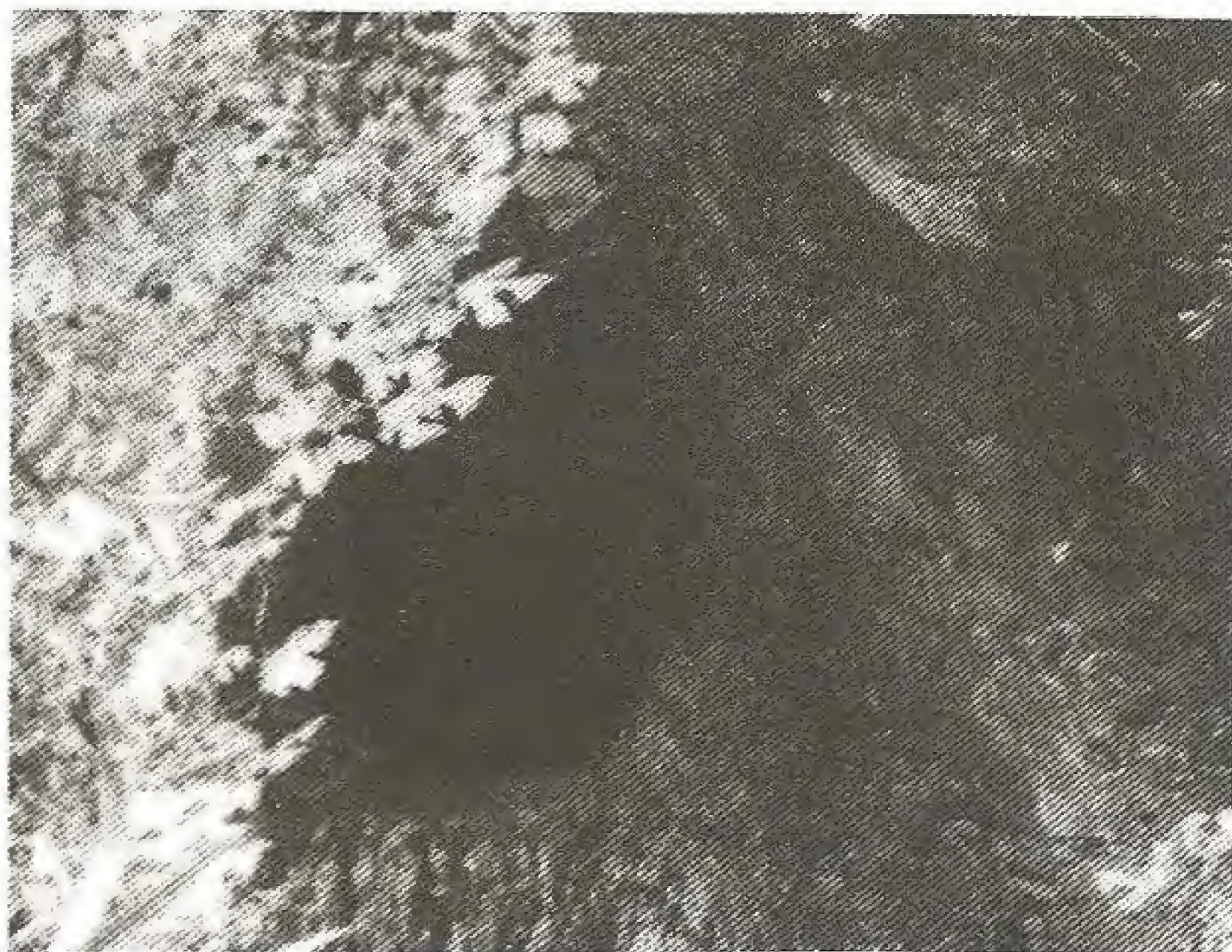
báo làm thơ thềm thuốc đến nỗi phải lấy lá rừng khô quân lại châm lửa phì phèo mới ra được mấy câu thơ:

*“Ôm ấp trong tay chiếc điều cà
Thuốc Lào cạn kiệt thể lá cây
Khói là trước mặt âm lòng lính
Khoan khoái đợi chờ lệnh đánh Tây”.*

Trong khó khăn thiếu thốn, chia sẻ với nhau từng hơi thuốc mới thấy thấm thìa câu nói: hạt muối cần đôi hạt cơm xẻ nửa.

Bước vào nhiệm vụ làm đường kéo pháo, xây dựng trận địa tiền công, cả Trung đoàn 174 chúng tôi ai nấy đều hăng say lao vào trận đánh mới - đào hào xây dựng trận địa. Trên 60 ngày đêm liên tục, chiếc xẻng, chiếc cuốc trong tay chúng tôi cùng các chiến sĩ của trung đoàn đã hoàn thành trên 15km đường giao thông hào, gần 6.000 hầm hố và trận địa hỏa lực dưới bom đạn địch thường xuyên bắn phá, mưa dầm gió rét, ruồi vàng, muỗi, vắt tấn công, bệnh tật ồm ồm đau. Một số đồng đội chúng tôi đã phải bỏ nhiệm vụ ra đi vì bom đạn, vì sốt rét. Để thực hiện phương châm “đánh chắc tiến chắc”, Trung đoàn 174 được đại đoàn phân công đảm nhiệm đánh A1 (trước đây chủ trương đánh nhanh thắng nhanh do trung đoàn 98 đảm nhận). Đại đoàn cân nhắc thấy Trung đoàn 174 có nhiều thành tích và kinh nghiệm đánh địch trong công sự vững chắc, là đơn vị đã từng chiến thắng với trận Đông Khê nổi tiếng ở chiến dịch Biên Giới năm 1950, tiêu diệt địch ở cứ điểm boong ke La-ri-vê thuộc tiểu khu Phù Lỗ

huyện Kim Anh vào đầu tháng 12 năm 1951 với 6 lô cốt nhỏ bao bọc lô cốt mẹ do đại đội Âu Phi tăng cường chiếm đóng. A1 là cứ điểm mạnh nhất trong các cứ điểm trên các ngọn đồi phía đông của tập đoàn Điện Biên Phủ. A1 có công sự vững chắc được Pháp xây dựng từ trước năm 1940, năm 1945 Nhật xây sửa thêm, nay chúng cải tạo thành cao điểm phòng ngự kiên cố, có tiểu đoàn lính Maroc và Lê dương đảm nhiệm, xây dựng thành 3 tuyến có hỏa lực mạnh. Ngoài đồn có 3 lớp dây thép gai dày 100 mét xen giữa những bãi mìn để ngăn chặn quân ta đột phá. Chiếm được A1, ta có



Cửa đường ngầm để đưa quả bộc phá ngàn cân vào dưới lòng đồi A1

thể uy hiếp phong tỏa mạnh mẽ khu trung tâm, thắt chặt vòng vây, khống chế vùng trời, thu hẹp phạm vi tiếp tế của địch bằng máy bay thả dù. A1 còn là lợi thế để quân ta làm bàn đạp vượt qua cầu Mường Thanh, nhanh chóng tiến tới khu chỉ huy sở của tướng De Castries.

Từ vị trí tập kết đến sát chân đồi A1 cách nhau vài cây số, đơn vị chúng tôi đã có con đường hào hoàn chỉnh, sâu lút đầu người, được ngụy trang kín đáo. Anh em trong đơn vị sẵn sàng chờ lệnh xông lên. Đây là thời gian chờ đợi nao nức hồi hộp. Niềm tin và hy vọng về chiến thắng Điện Biên bao phủ lên đơn vị chúng tôi. Trước giờ súng nổ, tôi gặp chính trị viên đại đội Trần Đạm thuộc Tiểu đoàn 251 (cùng trung đoàn) là bạn thân, sinh ra và lớn lên ở Thành Nam, rất mê văn nghệ và đá bóng, đã cùng nhau vài giờ liền phơi nắng, đá bóng bên bờ sông Chu thuộc Thọ Xuân, Thanh Hóa (nơi đóng quân trước lúc lên Điện Biên). Anh có tài vẽ, mỗi tờ báo tường của đơn vị bao giờ cũng có một, hai bức tranh vui của anh. Chúng tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng, thăm hỏi sức khỏe và trao đổi với nhau về tình hình đơn vị, công tác chuẩn bị chiến đấu của đơn vị mình. Trước lúc chia tay, hai anh em chúng tôi còn nói vui với nhau: Chiến thắng kỳ này sẽ trở lại Thọ Xuân, Thanh Hóa, nơi nhân dân đã từng nuôi dưỡng mình trước ngày ra trận để lấy vợ nhé! Chuyện đó không ngờ sau hơn 3 năm lại là sự thật. Đám cưới rất đơn giản: vài buồng cau, một hai cân thuốc lá sợi, ít bánh chè lam, vài cân kẹo lạc cùng nước chè xanh. Tồn kém cả thầy 6,

7 chục đồng lúc đó. Vậy mà vẫn đông như hội, vui như tết. Hiện nay hai anh em chúng tôi đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Anh là một họa sĩ. Đầu năm 2002 anh đã tham gia triển lãm ở Hà Nội có những bức tranh Quốc họa nổi tiếng. Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Đại tướng Võ Nguyên Giáp khen và lấy làm tự hào về một chiến sĩ Điện Biên như anh.

Ngày tiến công đã đến, giờ nổ súng đã cận kề. Đại đội tôi (C16) và Đại đội 17 do đồng chí Hải Bằng là đại đội trưởng (nay là trung tướng) thuộc Tiểu đoàn 249 đơn vị chủ công của Trung đoàn 174 do đồng chí Lê Sơn tiểu đoàn phó trực tiếp chỉ huy đã sẵn sàng. Lê Sơn, người dân tộc Tày, quê ở tỉnh Lạng Sơn, nhanh nhẩu, tháo vát, rất vui tính nói chuyện với anh em hay có điệu bộ lắc lắc cái đầu. Đồng chí có đặc điểm nổi bật là nhận bất cứ nhiệm vụ gì cấp trên giao cho cũng vui vẻ biểu lộ quyết tâm cao. Chả thế mà trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An (sau này là Thượng tướng Tư lệnh Quân đoàn 2) thường nói: mỗi lần giao nhiệm vụ cho Lê Sơn là thấy thoải mái yên tâm tin tưởng.

18 giờ 30 ngày 3 tháng 3, lệnh tiến công bắt đầu. Ít phút sau, các chiến sĩ bộc phá của ta đã mở xong cửa. Trong đội hình đầu nhọn đuôi dài, đại đội chúng tôi nhanh chóng tiến lên. Do nổ súng sau các hướng khác nửa tiếng đồng hồ, yếu tố bí mật bất ngờ đã không còn nữa nên bị pháo địch bắn ngăn chặn. Đại đội 17 đi đầu đã nhanh chóng vượt qua lửa đạn đánh chiếm lô cốt đầu cầu, chiếm các đoạn hào, quần

nhau với địch trên đồi A1. Pháo địch tại Mường Thanh, Hồng Cúm chỉ viện cho A1 rất dữ dội kéo dài liên tục, đại đội chúng tôi không tiến lên được, phơi mình trên mặt đất. Một trung đội trưởng và một số chiến sĩ của đơn vị tôi bị thương phải ở lại phía sau. Hơn 1 tiếng đồng hồ, lợi dụng lúc pháo địch vừa dứt tiếng, đại đội tôi nhanh chóng băng qua hàng rào dây kẽm gai tiến vào A1. Từ các ngách giao thông hào trong đồn địch chúng tôi đánh thốc lên đỉnh đồi mở hai đợt xung phong nhưng không thể tiến lên được. Địch ở trên cao bắn xả xuống quyết liệt, chiến sĩ này ngã xuống, chiến sĩ kia tiếp tục xông lên bám lấy từng đoạn hào để cố thủ tiến lên.

Mờ sáng ngày 31 tháng 3, từ hướng Mường Thanh, địch dùng xe tăng cùng bộ binh phản kích. Các chiến sĩ C16, C17 anh dũng bám chắc trận địa dùng tiểu liên lựu đạn đánh trả. Ta và địch quân nhau hơn hai giờ quyết liệt, xác địch chồng chất lên nhau, phía ta lúc này sức tấn công đã giảm, số thương vong cũng nhiều. Đại đội 16 xóc lại còn hơn 1 trung đội, chúng tôi phải lùi về một đoạn hào chiếm được của địch để cố thủ. Đạn và lựu đạn của nhiều chiến sĩ đã hết, chưa tiếp ứng kịp. Đồng chí Hải Bằng, Đại đội trưởng Đại đội 17 lấy khẩu AK của chiến sĩ hy sinh trực tiếp đấu súng với địch như một chiến sĩ thực thụ. Tôi động viên số anh em y tá liên lạc văn thư đại đội đi kiểm súng đạn, lựu đạn của số chiến sĩ bị thương vong để tiếp tế cho lực lượng chiến đấu ở phía trước. Khoảng 16 giờ chúng tôi nhận lệnh

tổ chức phòng ngự tại chỗ. Đại đội 316 (có lúc gọi là 16) lui về vị trí tập kết để chân chính củng cố, bổ sung lực lượng. Bộ phận nhỏ của trung đoàn đảm nhiệm nhiệm vụ chốt chặt phần đồi A1 đã chiếm được.

Đêm 31 tháng 3, theo lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch Trung đoàn 102 thuộc Đại đoàn 308 thể Trung đoàn 174 làm nhiệm vụ chủ yếu tiếp tục tấn công A1. Cả đêm 31 tháng 3 đến ngày 1 tháng 4, Trung đoàn 102 vẫn không tiêu diệt được A1. Sáng ngày 1 tháng 4, địch chia làm hai hướng phản kích. Ở cánh phải chúng bị Trung đoàn 102 chặn lại. Bên cánh trái, địch cho xe tăng mở đường đánh xuống trận địa của Trung đoàn 174. Các chiến sĩ của Trung đoàn 174 dùng tiểu liên, lựu đạn chia cắt bộ binh địch, yểm trợ cho hai chiến sĩ mang ba-zo-ca ra bắn cháy xe tăng địch. Bị mất chỗ dựa, chúng hoảng hốt tháo chạy. Hơn 8 giờ, Đại đội 316 do đồng chí Nhượng làm đại đội trưởng, tôi làm chính trị viên được lệnh tiến lên A1 lần thứ hai, tăng cường lực lượng chiến đấu cho trung đoàn. Chúng tôi tiến theo giao thông hào, một mạch vượt qua lửa đạn, nhanh chóng có mặt ở A1, chiếm lĩnh trận địa, chia làm 3 mũi cùng các đơn vị trong Trung đoàn 174 ngăn chặn địch từ trên đỉnh đồi đánh xuống. Địch đông, hỏa lực mạnh, lại có máy bay, pháo binh nhiều đợt bắn phá dữ dội và điên cuồng nhưng đều bị quân ta ngăn chặn. Cánh của C16 dạt sang phải, tôi gặp đồng chí chỉ huy của đơn vị bạn chưa từng quen biết, có nước da ngăm đen, người tầm thước, có vẻ từng trải. Tôi đoán ở nơi đầu

sóng ngọn gió, quyết liệt thể này cao lắm tiểu đoàn trưởng là cùng. Vừa thấy tôi, đồng chí ấy chỉ sang phải hô lớn: Đồng chí cho anh em giữ vững đoạn hào có ụ súng kia!

Cuộc chiến đấu giằng co giữa ta và địch cho đến chiều, cả hai bên đều không tiến thêm được chút nào.

Từ đêm ngày 1 tháng 4 đến sáng ngày 3 tháng 4, trên đồi A1 diễn ra nhiều đợt phản kích quyết liệt. Pháo binh, máy bay địch bắn phá dữ dội. Cán bộ chiến sĩ hai Trung đoàn 102 và 174 sát cánh bên nhau chiến đấu vô cùng dũng cảm, tiêu diệt được nhiều địch. Từ ngày 4 tháng 4 mỗi bên giữ được nửa đồi A1. Kết thúc đợt tiến công thứ hai, toàn mặt trận khẩn trương chuẩn bị đợt tấn công thứ 3 để kết liễu số phận tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Sau ngày giải phóng Điện Biên tôi cứ băn khoăn về người chỉ huy gan dạ sâu sạt cùng vào sinh ra tử với chiến sĩ ở thời điểm gay go quyết liệt ấy là ai, cấp bậc, chức vụ là gì? Với tôi, anh là một hình ảnh đẹp của người chỉ huy chiến đấu gan dạ mà tôi mong gặp lại để bày tỏ lòng khâm phục. 4 năm sau, năm 1958 tình cờ chúng tôi gặp nhau ở trường Sĩ quan Lục quân do đồng chí Lê Trọng Tấn là hiệu trưởng, đồng chí Lê Quang Hòa là chính ủy. Lúc đó tôi mới biết người chỉ huy ra lệnh cho tôi trên đồi A1 là trung đoàn trưởng Hùng Sinh, ngoài dự đoán của tôi lúc gặp anh trên đồi A1. Anh làm trưởng phòng huấn luyện, tôi là cán bộ tuyên huấn nhà trường, chúng tôi bỗng chốc trở nên thân thiết. Sau mỗi lần nói thời

sự cho học viên xong, lúc ra về tôi thường ghé thăm anh. Lần nào chúng tôi cũng nhắc đến kỷ niệm A1 - Điện Biên. Nhiều lần anh vỗ vai tôi và nói: Cậu nên nhớ nếu không có phương châm “đánh chắc tiến chắc” ra đời thì chúng mình làm gì còn sống đến ngày hôm nay! Lời nói của anh như khẳng định với tôi một vấn đề vô cùng quan trọng mà không bao giờ được quên.

ĐẠI ĐỘI TÔI
TRONG 31
NGÀY ĐÊM
GIỮ ĐỒI C1



Thiếu tướng
ĐỖ VĂN PHÚC

*Nguyên đại đội trưởng Đại đội 56,
Trung đoàn 98, Đại đoàn 316
Tù viên Quân sự tại Liên bang Nga*

Trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, với trận đánh mở màn tiêu diệt cứ điểm Him Lam, sau 4 ngày chiến đấu, quân ta đã kết thúc thắng lợi đợt một tiến công.

Đợt tiến công thứ hai mới là đợt dài ngày, gay go, ác liệt nhất. Trong đợt tiến công này, trung đoàn 98 thuộc Đại đoàn 316 trong đó có đại đội “bộ binh pháo” của chúng tôi được giao nhiệm vụ đánh cứ điểm C1. C1 là cứ điểm trọng

yêu cùng với A1 và C2 nằm sát gần nhau, địch tổ chức thành khu phòng ngự then chốt ở cửa ngõ phía Đông khu trung tâm Mường Thanh.

Tham gia đánh cứ điểm này, đại đội “bộ binh pháo” tức là pháo nhỏ đi cùng bộ binh của chúng tôi có 1 trung đội với 3 khẩu pháo không giật ĐKZ 57 ly và 3 trung đội với 9 khẩu cối 81 ly. Với hỏa lực đó, 3 khẩu pháo không giật đã được điều đến phối thuộc với tiểu đoàn bộ binh chủ công. Còn 9 khẩu cối 81 ly đã tổ chức thành trận địa hỏa lực bố trí trên hướng tiến công chủ yếu của trung đoàn cách cứ điểm C1 350 mét. Trận địa bố trí gần, phạm vi quan sát rộng, nên từ đây với thế mạnh của loại pháo cối 81 ly đi sát bộ binh, chúng tôi có thể trực tiếp chi viện hỏa lực cho trung đoàn đánh C1, đánh C2 và khi cần có thể hiệp đồng chi viện hỏa lực cho đơn vị bạn chiến đấu ở A1 và làm các nhiệm vụ chiến đấu khác.

17 giờ ngày 30 tháng 3 năm 1954, giai đoạn tiến công thứ hai của chiến dịch bắt đầu. Pháo binh ta bất thần bắn mạnh vào sở chỉ huy De Castries, các cứ điểm A1, C1, D1 và đồi E, các trận địa pháo binh và quân cơ động của địch. Trên đồi C1 cùng với 30 trái đạn lựu pháo 105 ly của Mặt trận và hàng trăm quả đạn cối 81 ly của đại đội tôi và cối 60 ly của tiểu đoàn bộ binh đã giáng đòn sấm sét đánh dập đầu quân địch, tạo điều kiện cho bộ binh của Trung đoàn 98 nhanh chóng mở đột phá khẩu, xung phong tràn vào đánh địch, tiêu diệt và bắt sống 140 tên thuộc tiểu đoàn 1 lính Maroc,

chiếm được cứ điểm này sớm hơn 45 phút so với thời gian mà trung đoàn trưởng Vũ Lăng đã hứa với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau khi hoàn toàn làm chủ C1, trung đoàn lệnh cho các đơn vị nhanh chóng củng cố lại lực lượng, cải tạo và đào mới công sự, chuẩn bị mọi mặt đề phòng địch phản kích từ C2 vượt qua “yên ngựa” đánh chiếm lại C1.

Trong khi đó ở A1 cuộc chiến đấu giữa ta và địch vẫn đang diễn ra rất gay go ác liệt. Ngày 9 tháng 4 năm 1954, được lực lượng nhảy dù tăng cường, có pháo binh, xe tăng và máy bay yểm hộ, địch tiến hành phản kích lớn từ C2 ngược qua “yên ngựa” đánh sang nhằm chiếm lại C1 để bảo vệ sườn bên trái của A1, khôi phục lại khu phòng ngự then chốt của chúng ở cửa ngõ phía Đông khu trung tâm Mường Thanh. Do dự kiến trước được tình huống đó nên trung đoàn đã có phương án chủ động đánh trả địch ngay từ đầu rất quyết liệt. Riêng hỏa lực súng cối 81 ly của đại đội chúng tôi phải hoàn thành 2 nhiệm vụ: Một mặt phải bắn tập trung mãnh liệt vào khu “yên ngựa” phá vỡ đội hình phản kích của địch, cùng với hỏa lực các loại của pháo binh, bộ binh tạo thành một lá chắn lửa trước tiền duyên phòng ngự của ta và đã diệt được nhiều sinh lực địch, bẻ gãy các đợt xung phong của chúng. Mặt khác phải sẵn sàng khi có lệnh hoặc yêu cầu của bộ binh, kịp thời di chuyển hỏa lực bắn vào cột cờ trên đỉnh đồi C1 chế áp, tiêu diệt địch khi chúng đột nhập vào tung thâm phòng ngự của ta.

Nhiệm vụ thứ hai này là nan giải nhất đối với chúng tôi.

Nan giải bởi phải làm sao căn diệt được địch mà không sát thương quân ta khi cả ta và địch đều rất gần nhau, khi ở đây ta đông người, địa hình hẹp, giao thông hào chật và nông không cho phép chúng tôi đặt cả chân và bàn cối bắn theo bài bản.

Khó khăn thế, nhưng lại không thể thiếu hỏa lực pháo cối theo lệnh của trung đoàn, trong lúc tại trận địa cơ bản chưa khắc phục được trở ngại trên.

Chính trong lúc đó, cách “bắn ôm nòng” của chúng tôi đã phát huy được tối đa tính ưu việt của hỏa lực cầu vòng diệt địch ở địa hình có nhiều “góc chết”. Bằng cách này, tôi đã cho 2 khẩu 81 ly lên C1 bỏ hết bàn và chân lại để một pháo thủ vai đỡ và tay ôm lấy nòng và một pháo thủ khác bắn với góc gần 90 độ phóng đạn vào đội hình địch. Kết quả là đạn nổ đều ở cự ly rất gần, cách bộ binh ta chỉ khoảng trên dưới 100 mét. Ngay trong ngày đầu đánh địch phản kích và một vài ngày sau đó, với cách bắn “ôm nòng” đánh địch trên đồi C1 rất có hiệu quả.

Bằng cách “ôm nòng” trên, sau hai ngày khi trận địa cơ bản đã phát huy được hết thế mạnh, đại đội “bộ binh pháo” chúng tôi cùng với lựu pháo đã kịp thời chi viện rất có hiệu quả cho bộ binh tiêu diệt nhiều sinh lực địch và đánh bại nhiều cuộc phản kích của chúng vào cứ điểm C1 mà ta đã làm chủ.

Trong những ngày đầu đánh địch phản kích, cũng đã có lần địch vào được tung thâm phòng ngự của ta và chiếm lại

được Cột cờ trên đỉnh đồi C1. Trong những trường hợp như vậy, nhiều trận đánh giáp lá cà xảy ra rất ác liệt. Ta và địch quần nhau giành giật từng tấc đất, từng ụ súng, từng mét chiến hào. Có lúc bộ binh yêu cầu súng cối của chúng tôi bắn ngay vào Cột cờ, nơi đó địch bố trí một khẩu đại liên rất lợi hại, và Cột cờ cũng là cái mốc phân chia giới hạn: Địch chiếm một nửa đồi phía cao, ta chiếm một nửa đồi phía thấp, và cũng là một vật chuẩn để chỉ thị mục tiêu hoặc yêu cầu của hỏa lực pháo binh, súng cối. Đây là một yêu cầu rất cấp bách và rất khắt khe. Theo lệnh của trung đoàn, đại đội chúng tôi vừa phải bảo đảm chế áp tiêu diệt địch ở khu vực Cột cờ, vừa phải bảo đảm an toàn tối thiểu cho bộ binh. Đại đội dùng 3 khẩu bắn tiếp tục vào “yên ngựa”, còn tập trung 6 khẩu 81 ly bắn tập trung đồng loạt cả 6 khẩu, sau đó bắn từng khẩu một từ Cột cờ lên phía cao cứ điểm để duy trì lúc nào cũng có tiếng nổ cối 81 để chế áp và tiêu diệt địch. Sau loạt đạn đầu và những đợt bắn tiếp theo, nhờ có quan sát mắt hiệu chỉnh nên đại bộ phận đạn rơi trúng mục tiêu và bảo đảm an toàn cho bộ binh ta. Sở dĩ chúng tôi làm được như vậy là do ở cự ly gần 350 mét sai số tản mát của súng cối nhỏ hơn so với của lực pháo. Vả lại Cột cờ là một vật chuẩn đã qua nhiều lần bắn thử và bắn thật nên chúng tôi có phần tử rất chính xác và rất “tinh mật” cả về cự ly và về hướng.

Trong thời gian chiến đấu, có lần trung đoàn trưởng Vũ Lăng xuống trận địa đại đội để động viên bộ đội và kiểm tra tình hình chiến đấu của đơn vị. Ngay sau khi đi kiểm tra

từng khẩu đội, khi về đài quan sát, trung đoàn trưởng lệnh cho đại đội bắn thử một phát vào “yên ngựa”. Sau khẩu lệnh xạ kích của tôi chưa đầy một phút, từ trên C1 báo về đạn rơi đúng mục tiêu Y1 (yên ngựa 1) nhưng trên mặt “yên ngựa” chỉ thấy một ít khói mỏng bay là là mặt đất. Lúc này, trung đoàn trưởng có vẻ hơi khó chịu, không vui, nhưng đồng chí vẫn cố ghìm được cái tính “nóng như lửa” của mình. Đồng chí hỏi tôi: Sao? Đạn rơi chính xác không? Tôi đáp: Dạ, báo cáo anh đạn đã rơi đúng mục tiêu, nhưng đây là mục tiêu “yên ngựa 1” nằm thấp ở sườn trái phía Bắc “yên ngựa” mà địch thường lợi dụng để phản kích ta. Còn trên mặt “yên ngựa” chúng tôi đánh số là Y2. Căn cứ vào đó, đại đội tính toán phần tử chính xác căn cứ vào kết quả nhiều lần bắn thật để khi địch phản kích hoặc bộ binh yêu cầu là bắn được ngay. Để kiểm tra báo cáo của tôi, trung đoàn trưởng lệnh cho bắn tiếp 2 quả vào Y2. Và cũng chỉ sau khoảng 40 giây, lần lượt 2 quả đạn cối đã nổ trên bề mặt “yên ngựa”. Một đám khói đen to cuốn theo bụi đất đã che lấp một phần nhỏ “yên ngựa”. Trung đoàn trưởng cười và rất vui, còn tôi thở phào nhẹ nhõm. Một cán bộ trung đội đứng gần đó đã xin phép trung đoàn trưởng đọc câu thơ do anh em đơn vị tự sáng tác:

“Súng cối cấu tạo nhẹ nhàng

Bắn nhanh, chính xác ngang hàng pháo binh”.

Trung đoàn trưởng lại cười, biểu dương khen ngợi và dặn dò động viên chúng tôi chuẩn bị mọi mặt để có thể phải

đánh địch phản kích lâu dài giữ đồi C1. Trước khi về sở chỉ huy trung đoàn, trung đoàn trưởng nói: Từ nay trở đi, khi đánh địch phản kích, đại đội trưởng được quyền quyết định số lượng đạn cối bắn vào “yên ngựa” và Cột cờ mà không phải chờ lệnh của trung đoàn, để mất thời cơ hỏa lực. Nhưng phải hết sức tiết kiệm đạn và không được đụng đến cơ số đạn dự bị nếu không có lệnh của trung đoàn.

Việc tiết kiệm đạn pháo là rất nghiêm ngặt. Bộ chỉ huy Mặt trận quy định rất cụ thể: Cục trưởng Cục Tác chiến Mặt trận được phép ra lệnh bắn 10 viên, Đại đoàn trưởng 3 viên... Đạn cối 81 ly của đại đội tôi là do cấp trên cấp. Nhưng trong đợt tiến công này có đến gần 30% số đạn của đại đội là do chúng tôi hoặc do đơn vị bạn đoạt được từ những chiếc dù đạn của địch thả lặc vào trận địa của ta. Có lẽ nắm chắc được vấn đề này nên trung đoàn trưởng mới “nói” tay như vậy.

Trong 31 ngày đêm, cuộc chiến đấu trên đồi C1 diễn ra rất gay go, ác liệt, liên tục không kể ngày đêm. Cho đến trước ngày 1 tháng 5 năm 1954, ta và địch vẫn chỉ dừng lại ở vị trí lấy Cột cờ làm mốc: Địch chiếm một nửa đồi phía cao, ta chiếm một nửa đồi phía thấp. Số phận của C1, A1, C2 và toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ chỉ được định đoạt trong giai đoạn tiến công thứ ba từ ngày 1.5.1954 đến 7.5.1954 khi lá cờ “Quyết Chiến Quyết Thắng” của Bác Hồ muôn vàn kính yêu trao cho Quân đội ta tung bay trên nóc hầm De Castries, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

ĐIỆN BIÊN PHỦ HÀO QUANG RỌI SÁNG ĐỜI TÔI

Trung tướng LÊ NAM PHONG

Nguyên Đại đội trưởng Đại đội 213 Tiểu đoàn 23 Trung đoàn 88 Sư đoàn 308,

Tư lệnh Quân đoàn 1,

Hiệu trưởng trường Sĩ quan Lục quân 2

Năm nay toàn Đảng cùng quân đội và nhân dân ta tung bừng chào mừng Lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử. Chiến công oai hùng đó là dấu ấn oanh liệt vẻ vang của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ vì sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc tự do và thống nhất tổ quốc. Chiến thắng Điện Biên Phủ mang ý nghĩa cực kỳ trọng đại về mọi mặt: chính trị, quân sự, ngoại giao, đã đẩy cách mạng Việt Nam lên một bước cao

trào dưới sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đối với tôi, Điện Biên Phủ là trường học quân sự lớn nhất của cả một đời binh nghiệp - chính trị. Trên chiến trường sôi động cam go đầy máu lửa này, bao chiến sĩ và đồng đội của tôi đã cùng dâng cao ý chí kiên cường bất khuất, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, đã xông lên tiêu diệt quân thù, đạp bằng mọi chông gai và vượt qua lửa đạn suốt 55 năm ngày đêm mặt đối mặt với quân thù trong trận công kiên lớn nhất của lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo có truyền



Trận chiến đấu ác liệt trên dãy đồi phía Đông

thống yêu nước, 17 tuổi tôi đã trở thành người lính Vệ quốc đoàn, được Đảng dìu dắt, giáo dục trong quá trình chiến đấu, đã tham gia nhiều chiến dịch từ 1947-1952 như chiến dịch Thu Đông 1947, Biên Giới 1950, Hòa Bình 1951; và được vinh dự tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ trong phiên chế của đại đoàn quân tiên phong với vai trò chỉ huy đại đội quân tiên kích thuộc Tiểu đoàn 322 Trung đoàn bộ binh anh hùng 88 của Sư đoàn 308.

Năm mươi năm đã qua nhưng mọi hình ảnh và diễn biến ở chiến trường Điện Biên Phủ năm xưa vẫn đọng lại trong tâm trí tôi rất rõ nét.

Từ đợt tiến công thứ nhất ta chủ trương tiêu diệt ba trung tâm đề kháng Bản Kéo, Him Lam, Độc Lập. Đại đội của tôi có nhiệm vụ thọc sâu cùng các đơn vị bạn vào công kích cứ điểm trên đồi Độc Lập theo những đường hào tiếp cận đồn địch.

Tôi còn nhớ, chiều ngày 15.3.1954 từ dưới công sự và đường hầm tôi đang kiểm tra lại vị trí xuất phát và động viên chiến sĩ chuẩn bị cho cuộc tiến công mang tính quyết định để mở màn chiến dịch thì được lệnh của trung đoàn trưởng: “Đại đội đã sẵn sàng chưa?”. Tôi trả lời tất cả đã sẵn sàng xuất kích. Và ngay sau đó, một trận đối pháo cấp tập của quân ta đánh đúng vào đồn địch, trời đất rung chuyển, trận địa mịt mù khói lửa. Pháo 105 đã rớt ngay đúng đồn Độc Lập.

Tôi dẫn đầu đại đội xông lên sau khi đột phá dọn đường

qua bãi mìn và kẽm gai của Đại đội 211 cùng với đồng chí Ngọc Doãn thuộc Trung đoàn 165 Sư 312.

Quân địch dựa vào lô cốt chống trả quyết liệt ở cứ điểm số 3 trong khi đại đội chủ công của Trung đoàn 165 đang quần nhau dữ dội với địch.

Sau khi đã trở thành cán bộ chỉ huy cao cấp, trong nhiều chiến dịch trực tiếp tham gia và chỉ huy nhiều trận đánh Mỹ-ngụy, khi gặp những tình huống đánh công kiên, tiến công công sự phòng ngự cố thủ, tôi nhớ lại kinh nghiệm những trận đánh trên đồi Độc Lập năm 1954, tôi nhớ cả trận Tù Vũ 1951, trận đồn Pheo trong Đông Xuân 1952-1953, lấy đó làm kinh nghiệm để cân nhắc, tính toán trước khi mở màn trận công kích; các tình huống ở Điện Biên Phủ tái diễn lại hình ảnh trong tư duy tác chiến của tôi sau này, đặc biệt là trong chiến dịch Nguyễn Huệ 1972 trải qua 100 ngày đêm đối mặt với quân thù trên mặt trận Bình Long - Phước Long. Đường số 13 quyết tử! Đứng đối mặt quân thù trong gian nguy thử thách, trong khó khăn cam go bao giờ tôi cũng nhớ lại Điện Biên Phủ, hình ảnh các trận đánh ở mặt trận Điện Biên Phủ thôi thúc quyết tâm và giữ vững lòng tin, ý chí quyết chiến quyết thắng trong tôi. Đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, khi đánh chiếm Phước Long và Định Quán, thì kinh nghiệm và lịch sử như được lặp lại trong tư tưởng và trí tuệ của tôi, tôi cảm giác mình đang giải quyết các cứ điểm, tiêu diệt các lô cốt, hầm cố thủ của giặc Mỹ - ngụy như ngày xưa đánh giặc Pháp trên chiến trường Bắc Bộ, ở Nà Sản, ở

Tu Vũ, ở Điện Biên Phủ.

Trở lại kỷ niệm sâu sắc trong đợt tiên công giặc ở Điện Biên Phủ tiêu diệt đồi Độc Lập do hai Trung đoàn 165 Sư 312 và Trung đoàn 88 Sư 308. Tất cả nằm dưới quyền chỉ huy của đoàn trưởng Vương Thừa Vũ.

Chuẩn bị cho trận đánh, đơn vị của tôi được lệnh đột phá từ phía Đông Bắc đồng thời mở cửa vụ hồi ở hướng Tây. Đúng 16 giờ 45 ngày 15.3.1954; sau khi bộ đội nổ súng, tôi dẫn đơn vị xung kích lên mở hàng rào.

Đến 3 giờ 30 sáng có lệnh tiên công, bộc phá đã hoàn thành nhiệm vụ - xung kích ào ạt tiến vào tung thâm. Trận địa sáng rực dưới ánh sáng của bãi mìn mà quân ta đã bắn trúng. Một không khí vô cùng sôi động, không gian sáng chói màu lửa, vô cùng hoành tráng, các mũi nhọn xung kích ào ạt tiến vào tung thâm, các tiểu đội của các đồng chí Trần Ngọc Doãn và Mai Văn Các dẫn đầu đại đội tôi, người trước ngã người sau tiến lên, đại đội Tô Văn của trung đoàn tôi do tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Ty dùng bộc phá mở được hàng rào cuối cùng.

Hai mũi xung kích của trung đoàn 165 và 88 giành giật từng tấc đất u súng với binh lính tiểu đoàn Lê dương Algerie thiện chiến.

16 giờ 30 sáng ngày 16 tháng 3 lá cờ "Quyết chiến - Quyết thắng" của tiểu đội xung kích được cắm trên đỉnh đồi Độc Lập. Ta xóa sổ tiểu đoàn Bắc Phi và diệt 483 tên địch, bắt sống 200 tên. Đó là hai ngày đầu tôi được sống

trong khung cảnh hào hùng của chiến trận và oanh liệt lập chiến công.

Trong thời gian chuẩn bị xây dựng trận địa bao vây và tấn công, tôi được tham gia xây dựng trận địa ở mặt trận phía Tây Mường Thanh, tổ chức lại đường hào từ Nam đồi Độc Lập qua Bản Kéo, chuẩn bị trận địa tiến công cứ điểm Huguette trong trung tâm đề kháng của sân bay 311A. Bộ đội ta vừa qua những ngày đêm máu lửa trong thử thách gian nan lại hăng hái, dũng cảm bền bỉ vượt qua lạnh lẽo giá rét, thâm đêm đào trận địa xuyên qua đất đá và ruộng lầy, đóng cọc chèn phá giữa vùng đường hào dưới những đêm mưa xối xả. Càng nhớ lại tôi càng thấm thía cái dũng khí can trường của người chiến sĩ quân đội cách mạng ta, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đúc kết để giáo dục, khuyến khích cổ vũ chúng ta: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với Dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng...”.

Đó là cốt lõi của ý chí cách mạng kiên cường được hun đúc bằng lòng yêu nước thiêng liêng và sâu sắc của cả dân tộc!

Chính trong những ngày đêm khó khăn, gian khổ, thiếu thốn đó, chúng tôi - những cán bộ, chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ được nghe thư của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, đó là một nguồn động viên, cổ vũ tinh thần to lớn đối với bộ đội ta. Nhận thức được ý nghĩa đó, tôi cùng cả đại đội xung kích tổ chức “đọc thư của Đại tướng” cho từng

tiểu đội, trung đội.

Sau khi nghe thư Đại tướng, được sự cổ vũ và phân tích lợi ích sống còn của việc làm trận địa, bộ đội ta rất phấn khởi, hăng say đẩy lùi sự mệt nhọc làm tốt nhiệm vụ, đào chiến hào chuẩn bị tổng công kích.

Như vậy quân ta đã chính thức chấp nhận sự thách thức từ lâu của kẻ thù! Và hình thái chiến tranh trận địa lần đầu tiên xuất hiện ở Điện Biên Phủ. Lịch sử của đội quân viễn chinh xâm lược và lịch sử của một quân đội cách mạng non trẻ, trên một bình diện chiến tranh rộng lớn và cục diện chính trị đối nghịch đã gặp nhau ở cánh đồng Mường Thanh, nơi sẽ diễn ra trận tác chiến sinh tử, quyết định số phận cho chủ nghĩa thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương, đây cũng là lần đầu quân ta chọn hình thức tác chiến bằng trận địa bao vây và tiến công.

*

* *

Đối với tôi, việc được tham gia chiến đấu, trải qua thực tiễn chiến trường Điện Biên Phủ là một bài học vô cùng bổ ích và quan trọng, vì những cách đánh giặc thuở ấy là kinh nghiệm quý báu cho tôi sau khi trưởng thành, làm người chỉ huy trên các chiến trường miền Đông Nam Bộ, nơi mà sau này tôi tham gia tổ chức chỉ đạo nhiều trận đánh trong nhiều chiến dịch đã phải linh hoạt áp dụng các kế sách như bao vây

và tiên công, phòng ngự trận địa và tiên công, linh hoạt trong hành tiến đánh tiêu diệt điểm và cụm cứ điểm, tiên công tiêu diệt phòng ngự cố thủ và kiên cố...

Có thể nói mặt trận Điện Biên Phủ, cách đánh giặc ở Điện Biên Phủ của quân đội ta thời chống Pháp được lặp lại, linh hoạt, biến hóa vô cùng, có hiệu quả tác chiến cao, trong đoạn 'đường nối tiếp' của cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai những năm 1959-1975.

Thật may mắn cho tôi, một chiến sĩ cách mạng ở quân ngũ 50 năm và ba phần tư cuộc đời của tôi có mặt trên các chiến trường, cái dấu ấn sâu sắc nhất, in đậm trong ký ức của tôi vẫn là Điện Biên Phủ, một Điện Biên Phủ oai hùng, lừng lẫy chiến công, muôn vàn hy sinh và làm cho những người lính Cụ Hồ như tôi trưởng thành, tiến bộ.

Sau này vào những năm giữa thập niên 50, tôi được Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương cho đi học ở các học viện quân sự cao cấp. Bao giờ khi tiếp thu bài giảng về lý luận quân sự và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, tổ chức chiến dịch thực hành chiến dịch tôi cũng tâm niệm là phải ôn lại thực tiễn chiến đấu trên chiến trường Điện Biên Phủ để thấu hiểu được phần đúc kết sâu xa của lý luận.

Khi nghiên cứu về nghệ thuật, khoa học quân sự cách mạng Việt Nam bao giờ tôi cũng lấy bài học Điện Biên Phủ làm trung tâm so sánh và đối chiếu ứng dụng để hiểu rõ vì sao chiến thắng Điện Biên Phủ đưa học thuyết quân sự cách mạng Việt Nam lên một tầm vóc mới về các mặt chất và

lượng, về sức mạnh của chiến tranh nhân dân.

*

* *

Sau những ngày khẩn trương làm chiến hào, đường hầm, công sự, chúng tôi nhận lệnh chuẩn bị xiết chặt vòng lửa và cắt đứt sân bay Mường Thanh.

Bộ đội rất phấn khởi, tinh thần chiến sĩ cán bộ dâng cao với ý chí quyết chiến, quyết thắng. Đại đoàn 308 là đơn vị được giao nhiệm vụ công kích cứ điểm 206 và 311A, 311B thuộc trung tâm đề kháng Claudine. Như vậy đơn vị tôi phải đưa trận địa tiếp cận sở chỉ huy của De Castries và sẽ được trực tiếp tham gia tổng công kích vào sào huyết giác.

Ngày 8.4.1954, khi được nghe phổ biến chủ trương tác chiến mới, các cán bộ chiến sĩ vô cùng phấn khởi, hào hứng và hoan hỉ, hứa quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ...

Cùng lúc đó bộ đội lại được nghe thư kêu chiến sĩ Điện Biên Phủ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Phát huy cao độ tinh thần diệt địch, nỗ lực thi đua đánh tĩa quân địch ở Điện Biên Phủ". Toàn mặt trận giống lên một phong trào thi đua đánh tĩa quân giặc, rất sôi nổi, rất quyết tâm!

Một kỷ niệm tôi không thể nào quên trong đợt tiến công sân bay Mường Thanh, vào đầu cuộc tiến công khoảng ngày 20.4.1954, Đại đội 211 của tôi, nhờ được sự đoàn kết chiến đấu, hỗ trợ tác chiến của Đại đội 213 đã khôi phục được trận

địa và giữ vững trận địa. Bởi vì lúc đó trên chiến hào trư quân, Đại đội 213 do chính trị viên Hữu Hiệp và đại đội trưởng Mai Viết Thiêng chỉ huy vừa về tới hào giao thông trư quân thì súng cối và pháo 105 của địch bắn tới tấp vào trận địa của đại đội tôi, đồng thời các cỡ súng cối, trọng pháo địch cũng đồng loạt bắn ác liệt vào sau lưng đội hình của Đại đội 211 do tôi chỉ huy. Tiểu đoàn kịp thời ra lệnh cho Đại đội 213 tổ chức đợt phản công xung phong, dùng một tiểu đội xông lên đánh giáp lá cà với địch trên đường hào rất hẹp. Rồi nhờ có kế hoạch hợp đồng, tiểu đoàn đã gọi kịp pháo 105 và hỏa lực súng cối của trung đoàn chi viện.

Hai giờ sau, Đại đội 213 khôi phục trận địa, tiến lên yểm trợ cho đại đội tôi đánh phản xung phong lần thứ hai, khôi phục xong, địch lại chiếm mất một đoạn chiến hào. Đồng chí Nguyễn Quốc Trị duyệt qua phương án kiểm chế địch ở hai mũi phụ, tập trung phản xung phong chiếm lại đoạn hào đã mất.

Đứng trước tình thế nhạy cảm và khẩn trương lúc đó, tôi tuy có chút bình tĩnh nhưng vẫn hồi hộp. Khi đại đội trưởng Mai Viết Thiêng nhận lệnh đi và “quyết chiếm lại đoạn hào đã mất”, những phút giây nóng bỏng đó thường in sâu vào người cán bộ và chiến sĩ có mặt trực tiếp. Khi thấy chính trị viên đại đội và nhiều người khác hùng dũng không chút ngần ngại cầm súng lao vút ra sân bay. Tổ chiến đấu của Phan Văn Diện gồm trung liên, tiểu liên và súng trường quét ngã rạ quân giặc từ vị trí 206 xuống, các anh đã dũng cảm

diệt địch bảo vệ sườn trái cho đại đội tôi phối hợp đánh phản xung phong.

Rõ ràng, trên chiến trường việc phối hợp đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức, có chỉ đạo sát sao bao giờ cũng là yêu cầu cần thiết, là một yếu tố có tác động thành bại của trận chiến. Về sau khi đánh giặc bao giờ tôi cũng căn dặn các cán bộ chỉ huy cấp đại đội, tiểu đoàn lưu ý, vì với tôi đó là bài học được đồng đội đổi bằng xương máu. Chỉ sau đợt phản xung phong thứ 3 của Đại đội chủ công 213 đã đẩy quân ta và quân địch tới cự ly 10m, khoảng cách ấy là ranh giới của khu vực “Hoãn xung”...

Đại đoàn phải ra lệnh không được nóng vội, hấp tấp, và chờ đến 17 giờ 30 sẽ có pháo bắn, ta tổ chức một cuộc xung phong quyết định sống mái với quân thù.

Khi loạt đạn 105 nổ cùng súng cối là lúc quân ta chiếm lại trận địa và trung kích địch vào các cứ điểm 208 và phía Nam sân bay.

Đêm hôm đó, trên sân bay diễn ra quang cảnh rộn rã, tập nập của một đại công trường khẩn trương xây dựng thêm trận địa.

Giờ phút hào hùng, những khoảnh khắc lịch sử vinh quang và thời điểm quân ta đánh bại hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngày 7.5.1954 chính là ánh hào quang tỏa sáng cho cả cuộc đời chiến trận của tôi!

Khi Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tổng công kích vào lúc chập tối, trước đó quân địch đã rối loạn, hết khả năng đề

kháng và có thể chúng phải đầu hàng.

Trước tình thế đó, lúc 3 giờ chiều các đại đoàn được lệnh lập tức mở cuộc tổng công kích vào Mường Thanh. Quân ta từ ba phía đánh thẳng vào khu trung tâm, F312 từ phía Đông tiến qua cầu Mường Thanh, F308 từ phía Tây mở đường qua sân bay, và từ phía Nam mở đường vào LiLi, hướng về sở chỉ huy De Castries, quân địch chống trả lẻ tẻ.

Tôi được vinh dự tiến quân trong cánh quân này, vừa tiến công vừa bao vây chặt quân thù, nhất định không để cho một tên nào chạy thoát.

Đúng 5 giờ 30 chiều ngày 7.5.1954, toàn bộ quân địch ở khu trung tâm đầu hàng. Ta bắt được De Castries.

*

* *

Năm mươi năm đã qua, bây giờ hình dung lại quang cảnh buổi chiều hôm ấy mà lòng tôi vẫn còn bồi hồi, xúc động. Buổi chiều lịch sử của quân ta và buổi chiều định mệnh của quân thù! Sau này, văn học và phim ảnh có miêu tả lại khúc khải hoàn ca hùng tráng ấy, nhưng chỉ có những người trong trận, những chiến sĩ cõng vết ngừ hăm ngày ấy mới thấm thía hết cái giá trị thiêng liêng và cái ý nghĩa sâu sắc rộng lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ! Chính những người trong cuộc mới nhận thức được đúng bằng mồ hôi, xương máu, thế nào là chiến tranh và cái giá phải trả vì mục tiêu tối

thượng thiêng liêng của sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân quân đội ta giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho tổ quốc là vô cùng to lớn cực kỳ sâu nặng, vinh quang và cũng nhiều hy sinh tổn thất.

Trong cuộc đời chiến trận tôi đã chứng kiến biết bao kỳ tích anh hùng, những tấm gương hy sinh anh dũng, từng ở bên cạnh các đồng đội, chiến sĩ đã vĩnh viễn từ giã cõi đời này vì sự nghiệp quang vinh của tổ quốc, họ nằm lại bên đồi Him Lam, đồi Độc Lập, Hồng Cúm, trên cánh đồng Mường Thanh đầy máu lửa. Và sau này tham gia chỉ huy chiến dịch nhiều trận đánh lớn, lại nhiều lần nữa chứng kiến những cán bộ chiến sĩ, đồng bào các dân tộc, các mẹ già, em trẻ hy sinh cho sự nghiệp vĩ đại của dân tộc ta. Hình ảnh hai người anh hùng ở hai chiến trường khác nhau còn lại mãi trong tôi qua một quãng thời gian dài 30 năm sau Điện Biên Phủ đó là Nguyễn Văn Ty, Nguyễn Văn Hoan, người cầm cờ quyết thắng lên sở chỉ huy tiểu khu Phước Long (dẫn đầu trung đội đánh chiếm núi Ông Phạt và hy sinh trong trận chiến đầu giải phóng chi khu phòng ngự thép của giặc ở Định Quán 18.3.1975). Cả hai người anh hùng ấy, ở vào thời điểm hy sinh anh dũng, lập nên chiến công tuyệt vời cho tổ quốc, đứng xa cách nhau đúng 31 năm.

Hàng năm đến ngày kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ tôi lại tìm kiếm thăm hỏi tâm sự cùng đồng đội, cán bộ chiến sĩ năm xưa, nay đều là lớp người “thất thập” còn lại, phần lớn đều đã trưởng thành, trở thành tướng lĩnh thao lược, dày

dạn kinh nghiệm trận mạc của quân đội chúng ta. Phần lớn các đồng chí ấy cũng như tôi, đều là những cán bộ chiến sĩ qua chiến đấu và qua diu dặt của quân đội, của Đảng mà trưởng thành, những người đi qua chặng đường đánh tiêu diệt đồn từ Thu Đông 1947 đến chiến dịch Biên Giới.

*

* *

Trên chiến trường, những kỷ niệm và ấn tượng của người lính về quá trình chiến đấu thường diễn lại trong tư duy và ký ức của họ, khi gặp nguy khốn khó khăn, tư tưởng và tình cảm của họ sẽ được phân định khi đứng trước mũi súng kẻ thù, lúc đó lòng yêu nước, ý chí quyết tâm, son sắt và tự hào giúp họ có lòng tin, lòng dũng cảm xả thân chiến đấu. Công việc chuẩn bị tư tưởng mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch phải là điều kiện quan trọng nhất. Lúc đánh Phước Long, tôi suy nghĩ về kỷ niệm năm xưa trên đồi A1, trên đồi Độc Lập, nghĩ tới những hầm ngầm cố thủ, lô cốt và boong ke hỏa lực trên các cứ điểm ở Điện Biên Phủ, vì vậy đợt tiến công đó chúng tôi giành toàn thắng. Khi đánh chi khu Định Quán, tôi nhớ đến cuộc đánh công kiên đồn Tu Vũ năm xưa; khi gặp khó khăn trên chiến trường Xuân Lộc trong chiến dịch lịch sử năm 1975, tôi suy nghĩ liên tưởng đến việc kéo pháo và kéo xe, nghĩ tới việc đại đoàn quân tiên phong rời Điện Biên Phủ “tạm thời” tiến quân sang Thượng Lào. Nhờ vậy mới có kẻ

sách giải tỏa bế tắc, rút quân ra vòng ngoài tổ chức bao vây, tiến công hành tiến và ngăn chặn diệt viện, cô lập khu trung tâm đề kháng Xuân Lộc, nơi do đế quốc Mỹ tổ chức phòng thủ khác nào một dạng tập đoàn cứ điểm. Nhưng không gian của nó rộng lớn hơn, hỏa lực chi diện và phương tiện cơ động cũng hiện đại hơn. Thời gian lịch sử cách xa, địa hình chiến thắng và đặc điểm địa lý khác nhau, thế mà áp dụng lối tiêu diệt từng cứ điểm nhỏ tiến lên tiêu diệt căn cứ điểm lớn để cuối cùng bao vây khu trung tâm đề kháng Xuân Lộc, lập nên chiến thắng lịch sử của quân đoàn 4 năm 1975, mở cửa ngõ Đông-Bắc cho đại quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Trong thâm tâm tôi trận đánh Định Quán năm 1975 và trận đánh đồi Độc Lập năm xưa, hoặc trận đánh đồn Tu Vũ năm 1951 có cái gì phẳng phát như nhau, gần giống nhau... Có sự khác biệt là khi tiến công Tu Vũ tôi chỉ mới là một cán bộ đại đội, đến Điện Biên Phủ tôi mới là đại đội trưởng xung kích và vào lúc đánh giặc ở miền Đông Nam Bộ, Phước Long, Định Quán, Xuân Lộc, tôi đã là sư đoàn trưởng. Nhưng trong các trận công đồn, diệt địch tôi vẫn muốn xông pha cùng đồng đội, đi với từng đơn vị nhỏ, để cùng cán bộ chiến sĩ bàn cách đánh giặc, diệt thù sao cho có hiệu quả, để cùng chia sẻ ngọt bùi, gian khổ với đồng đội.

Những lúc chỉ huy quân đội đánh giặc gặp trở ngại, khó khăn, dù nguy hiểm đến bao nhiêu chúng tôi vẫn cảm thấy nếu biết cách đánh thì có thể thắng giặc. Những ngày gian

lao nhất trên chiến dịch đường 13 lịch sử, đối mặt với quân thù, được trang bị cực kỳ hiện đại, được yểm trợ hỏa lực máy bay, phi pháo, xe tăng thiết giáp tối đa, chúng tôi trụ vững hơn 100 ngày đêm đối mặt với quân thù trong hàng trăm trận đánh, trận địa, công kiên, tiến công hành tiến, rồi tổ chức phòng thủ để tiến công và cuối cùng giống như ở Điện Biên Phủ chúng tôi đã vượt qua mọi thử thách mà sức con người trước bom đạn, vũ khí tưởng chừng không chịu đựng nổi. Cuối cùng quân ta vẫn thắng, thắng lớn, thắng oanh liệt và giòn giã.

Đó chính là bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu mà chiến dịch Điện Biên Phủ để lại cho quân đội ta.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là “Cây cột mốc bằng vàng” (lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh) trong lịch sử đấu tranh giành độc lập - tự do cho tổ quốc của nhân dân ta.

Nó không chỉ là chiến công vang dội, oanh liệt chấn động địa cầu, làm nức lòng các dân tộc đang bị áp bức nô lệ trên toàn thế giới từ Á Phi đến Mỹ La tinh. “Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ” đã chứng minh sức mạnh và ý nghĩa lịch sử mang tính thời đại của tư tưởng vận dụng sự đoàn kết, ý chí và lòng yêu nước của toàn dân tộc để tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở thời đại chủ nghĩa đế quốc.

Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh - người công dân vĩ đại và là lãnh tụ thiên tài, lỗi lạc muôn vàn kính yêu của dân tộc ta đã nhìn thấy được sức mạnh to lớn, tiềm ẩn trong lòng toàn thể đồng bào mình, đã tin tưởng và quyết chí phát cao ngọn

cờ tự lực tự cường, “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

Trong bản chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (năm 1944), Bác Hồ có viết: “Kháng chiến của chúng ta là kháng chiến của toàn dân, vũ trang toàn dân”. Đó chính là tư tưởng chủ đạo của Người để tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng vào thời kỳ trứng nước của quân đội chúng ta.

Người chủ trương Đoàn kết toàn dân, xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang rồi khởi nghĩa từng phần, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng nên một nước độc lập - tự do - dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á trong thế kỷ 20.



Trận chiến đấu ác liệt trên dãy đồi phía Đông

Sau Cách mạng Tháng 8, đế quốc Pháp muốn giành lại toàn bộ Đông Dương làm thuộc địa. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại chèo chống con thuyền cách mạng trong bão biển và sóng gió, đã quyết tâm kêu gọi đồng bào đứng lên chiến đấu. Người nói: "...Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất quyết không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào chúng ta phải đứng lên!". Rồi cuộc kháng chiến toàn dân với đường lối toàn dân, toàn diện và trường kỳ. Đảng ta vận dụng hình thái chiến tranh "triệt để vận dụng du kích chiến" đồng thời vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Quân đội ta cũng từ đó dần dần được trưởng thành, chiến tranh nhân dân đã tạo ra thế trận 3 thứ quân theo đúng ý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ 34 chiến sĩ năm 1944 đến Điện Biên Phủ chỉ trong thời gian 10 năm, chúng ta đã có một đội quân chính qui lên đến 300.000 người và hàng triệu dân quân du kích.

Ngày nay, những nhà nghiên cứu lịch sử đặc biệt là phân nghiên cứu lịch sử quân đội đang ngày càng tìm thấy được những tác nhân và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống lý luận và thực tiễn về nghệ thuật quân sự Việt Nam, về những đặc trưng và đặc thù trong tư tưởng của Người khi chỉ đạo chiến tranh.

Có thể nói chiến thắng Điện Biên Phủ là một chứng minh sáng chói về luận điểm "tất thắng" của tư tưởng chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ của Người! Nó nằm trong toàn bộ di sản tư tưởng quý báu mà Người để lại cho quân đội ta, nhân dân ta.

TỪ ĐỔI ĐỘC LẬP ĐẾN DINH ĐỘC LẬP

Trung tướng LÊ NAM PHONG

Đông Xuân năm 1954 bộ đội ta tiến quân vào Tây Bắc mở màn chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đập tan tập đoàn cứ điểm của giặc, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Những cán bộ, chiến sĩ can trường, anh dũng của đội quân cách mạng anh hùng vẻ vang ấy lại tiến bước vào mùa xuân 1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, một lần nữa đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ cầm đầu, để giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước.

Lớp người có vinh dự tham gia cả hai cuộc chiến tranh

vệ quốc của dân tộc, được dự phần chiến đấu trong cả hai chiến dịch lịch sử ấy, nay đều đã là người cao tuổi, tôi may mắn còn được đứng trong hàng ngũ đó.

50 mùa xuân đã qua, hồi tưởng về những kỷ niệm sôi động sâu sắc ở mặt trận Điện Biên Phủ nơi ghi tạc dấu ấn không thể phai mờ trong cuộc đời chiến đấu oai hùng, gian khó của các chiến sĩ vệ quốc đoàn với ý chí quyết chiến, quyết thắng đã hiến dâng trọn vẹn đời mình vì sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho tổ quốc, lòng tôi cứ lâng lâng khó tả.

Ngày 15.3.1954, tôi cùng đại đội được phân công tiên đánh, chiếm lĩnh đồi Độc Lập sau những ngày cơm vắt, ngủ hầm, bao vây lấn chiếm.

Cả đại đội đều cạo trọc đầu để xung trận, thề quyết chiến, quyết thắng, đập tan đồn giặc. Sau những loạt đạn pháo, quân ta bắn cấp tập, gầm vang đồi núi, cả đại đội chia thành từng mũi ào ạt xốc tới, trống reo “xung phong” hò vang trời đất, chúng tôi đánh thọc sâu vào sào huyệt giặc, cùng các đơn vị bạn triệt hạ, chiếm lĩnh đồi Độc Lập. Trong khói lửa bom đạn mật mù, cảnh tượng vô cùng sôi sục, được chứng kiến những hành động gan dạ, anh hùng, với tinh thần quật cường, ý chí quyết chiến của cả đại đội dao nhọn, tôi vô cùng phấn kích. Ngày nay mỗi khi nghĩ đến Điện Biên Phủ, cảnh tượng của giờ phút đánh chiếm đồi Độc Lập lại hiện hiện trước mắt tôi, thiêng liêng và sinh động.

Các chiến sĩ, đồng đội của tôi ngày ấy có người đã hy

sinh, họ đã công hiến máu xương cho Tổ quốc! Họ cùng lứa tuổi phơi phới thanh xuân, sức trẻ tràn đầy nhiệt huyết, gồm nhiều dân tộc, tôn giáo, thành phần khác nhau. Cũng có nhiều đồng chí ngày nay đã trở thành sĩ quan, cán bộ chỉ huy cao cấp, là tướng lĩnh trong quân đội... như các đồng chí Vũ Thước, Đại Đồng, Bùi Nam Hà trung đoàn trưởng, hay như anh thanh niên Nguyễn Quốc Ân, những người chỉ huy và bạn chiến đấu của tôi nay vẫn còn sống.

Đại đội đầu trọc, danh xưng ấy đã trở thành một huyền thoại để bộ đội chiến sĩ lưu nhớ kỷ niệm Điện Biên Phủ. Vì vậy sau này trong chiến tranh chống Mỹ diệt ngụy, tôi cũng được chia hưởng danh thơm. Các cán bộ chiến sĩ và đồng bào ở mặt trận miền Đông Nam Bộ thường gọi tôi là “Đại đội Đầu Trọc”.

Nhớ mấy năm trước, nhân được gặp gỡ chuyện trò cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, khi đồng chí ghi tặng tôi cuốn sách “Điện Biên Phủ”, Đại tướng thân mật, trìu mến hỏi:

“Hỏi đánh Điện Biên Phủ nghe nói Nam Phong cùng cả đại đội cạo trọc đầu thề quyết thắng?”.

Rồi đồng chí cười rất thân thiết đôn hậu, tôi xúc động ghi nhận tình cảm và sự quan tâm quý báu ấy. Trong tâm tưởng càng nhớ nhiều đến kỷ niệm về những ngày tháng được tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ nơi đã nở rộ trăm ngàn tấm gương anh hùng và sự hy sinh tuyệt vời của các anh hùng liệt sĩ, cũng chính là lò lửa cách mạng đã tôi luyện ý chí, hun đúc

lập trường, gieo trồng những hạt giống trong lực lượng vũ trang của quân đội ta, để từ đó trưởng thành, bước tới cuộc đổ sức quyết liệt với quân thù, đánh thắng Mỹ - ngụy trên các mặt trận, khắp các chiến trường ở miền Nam những năm sáu.

Những tấm gương điển hình về tinh thần hy sinh chiến đấu, xả thân vì nước của chiến sĩ Điện Biên Phủ được Đảng vun đắp nhân lên gấp trăm ngàn lần, có biết bao anh hùng liệt sĩ sau này đã nối bước Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn... làm vang danh sử sách của một đội quân cách mạng oai hùng bách chiến bách thắng.

Năm nay ta lại kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 29 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng, ôn lại những sự kiện lịch sử quan trọng trên chiến trường mà bản thân tôi được tham dự từ khi quân ta đánh sụp đổ cuộc chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy năm 1965, cho đến ngày 30.4.1975 kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tôi luôn nhớ đến những ngày tháng gian khổ, khốc liệt cùng đồng đội, chiến sĩ đối mặt với quân thù hung hãn trên các chiến trường miền Đông Nam Bộ. Những ngày tháng đánh tan các cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, với các cuộc hành quân An-ton-bo-rơ, cuộc càn Xê-đa-phôn rồi Gian-xơn-Xi-ty, đánh tan một đội quân đông tới 40 vạn tên được trang bị hàng nghìn máy bay, xe tăng, pháo lớn...

Tiếp đến chiến dịch Nguyễn Huệ, cả Sư đoàn 7 chốt giữ đường 13 hơn 100 ngày đêm, lập lên bức tường thép lưng danh, giữ vững chốt "Tàu Ô, Xóm Ruộng" được ghi vào lịch

sử quân đội. Trong vòng hơn ba tháng, chiến sĩ ta đã đập tan các cuộc phản kích quy mô của địch. Đánh bại các Sư đoàn (21, 25, 5) bộ binh, hai lữ đoàn dù (1, 3...), ba liên đoàn biệt động (3, 4, 5) và hai trung đoàn thiết giáp nguy (3, 9...), chiến sĩ quân đội ta đã nêu cao khí phách anh hùng, quyết thắng trong những ngày tháng gian khổ đó. Bất chấp tổn thất và hy sinh, đã có lúc có tiểu đoàn chỉ còn vài chục tay súng, có những khi có chốt suy yếu chỉ còn 53 chiến sĩ, đạn pháo chỉ viên hạn chế, chỉ dùng khi tình thế khẩn cấp, nguy nan... Tuy vậy, Sư đoàn 7 anh hùng vẫn duy trì chốt chặn và đánh ngăn chặn 800 trận, diệt và bắt 8.400 tên địch, bắn rơi máy bay, 200 xe quân sự (có 128 xe bọc thép).

Phát huy truyền thống kiên cường bất khuất đó, cả đoàn chúng tôi lại cùng bộ đội Quân đoàn 4 và Quân đoàn miền Đông Nam Bộ tiếp bước vào các trận chiến Đông Xuân 1975, mở đầu giải phóng Phước Long, tạo nên cục diện mới trên chiến trường. Ngày 20.10.1974 lực lượng Trung đoàn 141 - Sư đoàn 7 do đồng chí Lê Dương Liễu và chính ủy Nguyễn Ngọc Danh tiến đánh Đồng Xoài, trung đoàn phó Bế Ích Quan chỉ huy mũi tiến công đánh chiếm Sở Chỉ huy địch, bộ đội ta bắt sống toàn bộ ban chỉ huy quân sự giặc, giải phóng Đồng Xoài.

Sau chiếm Đồng Xoài - Bù Đăng 4 ngày, rạng sáng 31.12.1974 quân ta tiến công chi khu Quân đoàn 7, thần tốc tiến đánh thị xã Phước Long.

Đây là trận chiến cực kỳ quyết liệt, sau 25 ngày đêm liên

tục chiến đấu, Sư đoàn 7 Quân đoàn 4 và lực lượng bộ đội địa phương đã chiến thắng.

9 giờ 30 phút ngày 6.1.1975 Trung đoàn 141, Trung đoàn 12, Sư đoàn 7 chiếm lĩnh dinh tỉnh trưởng ngụy, chiến sĩ Nguyễn Văn Hoan cầm lá cờ quyết thắng lên nóc dinh tỉnh trưởng. Anh lại cùng chúng tôi bước vào trận chiến Định Quán. Ngày 18.3.1975, Nguyễn Văn Hoan anh dũng hy sinh vào giờ cuối ở núi đá Ông Phật, ngay ngày quân ta giải phóng Định Quán.

Mãi mãi tôi khắc sâu hình ảnh yêu thương vào lòng, mãi mãi không thể nào quên tinh thần chiến đấu anh dũng vô song, và tấm gương hy sinh tuyệt vời dũng cảm của người chiến sĩ ấy.

Giải phóng Phước Long là một sự kiện quan trọng trong lịch sử chiến tranh cách mạng, vì đây là lần đầu tiên ở miền Nam, quân ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh lớn ở ngay cửa ngõ Sài Gòn, nơi có nhiều vị trí chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy.

Trên đà thắng lợi mới và trên cục diện mới của chiến trường, Sư đoàn 7 chúng tôi cùng các quân đoàn vững tiến vào mùa xuân toàn thắng 1975.

Giải phóng xong Phước Long, Định Quán trong khi đại quân ta đang chuẩn bị công kích Long Khánh - Xuân Lộc, sư đoàn 7 chúng tôi được tăng cường hỏa lực, một tiểu đoàn xe thiết giáp, 80 xe cơ giới mở đường lên hướng Bắc đường 20, tiến công giải phóng thị xã Lâm Đồng.

Đường 20 từ Lâm Đồng về Túc Trưng được mở hành lang chiến lược để cơ động lực lượng, sẵn sàng làm bàn đạp để quân ta tiến công vào Sài Gòn từ hướng Đông Bắc.

Cùng các binh đoàn, quân đoàn, các binh chủng hợp thành, sư đoàn chúng tôi lại được vinh dự tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tiến quân giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Để đến ngày 30.4.1975, sau chặng đường chiến đấu dài 21 năm, các chiến sĩ Điện Biên năm xưa, những người từng vào sinh ra tử ở Mường Thanh, Him Lam, Hồng Cúm, trên đồi Độc Lập đã thẳng tiến vào dinh Độc Lập, sào huyệt cuối cùng của chủ nghĩa thực dân xâm lược.

Lịch sử như có nhiều điều trùng hợp, ngày 7.5.1954 giải phóng Điện Biên Phủ thì ngày 7.5.1975 sau 21 năm tròn, Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định ra mắt đồng bào, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Người vinh dự cắm cờ lên dinh Độc Lập ngày 30.4.1975 cũng là một chiến sĩ Điện Biên Phủ năm xưa.

ĐÁNH TRẬN HIM LAM

Đại tá, Nhà văn VĂN PHAN

Sáng hôm ấy chúng tôi đi đào hầm trục vè. Dọc đường gặp một con nai bị sa xuống giao thông hào què chân. Thế là đang lúc kham khổ, bỗng dưng có thịt tươi chém. Anh em cười nói, vui như hôm nào làm thịt bò ở Phú Thọ... Đang mổ thịt, chúng tôi nhận được lệnh:

- Tiểu đội đồng chí Dũng chuẩn bị đi công tác.

Trước hầm, cả tiểu đội quây quần quanh anh Dũng. Tôi mân mê tí thịt nai dính tay, đứng chăm chú nghe.

Tiếng tiểu đội trưởng bé và thấp:

- Tiểu đội ta ghép vào “bê” một, sang phối hợp chiến đấu cùng đơn vị bạn. Các đồng chí chuẩn bị, mười phút nữa lên đường.

Nhân vật trong bài viết
của nhà văn Văn Phan
(thời trẻ)



Tôi đang ngây ngất vì nhiệm vụ mới, bỗng anh Dũng gọi tôi nói:

- Bây giờ đồng chí làm tổ trưởng tổ đạn. Đồng chí Cảnh không đi được. Bổ sung thêm đồng chí Lan tân binh...

Một nhiệm vụ nặng nề đến với tôi thật bất ngờ. Đây là lần đầu tiên tôi được chiến đấu, chính bản thân còn lo ngay ngáy, làm thế nào diu dắt được anh em khác nữa?

- Tôi không thể làm được đâu anh ạ!

- Đồng chí đừng ngại, tôi sẽ giúp đỡ đồng chí. Đồng chí

là tân binh nhưng đã được qua thử thách trong thời gian chuẩn bị. Trên rất tin đồng chí. Giao nhiệm vụ là trung đội, chi ủy đã thảo luận kỹ. Đồng chí cố gắng lên.

*

* *

Sáng sớm chúng tôi được dẫn về chỗ đóng quân của đơn vị bạn. Chúng tôi rất ngạc nhiên thấy đường hào ở đây sâu, chạy quanh núi như mạng nhện. Những hầm ở không lát nắp mà đào hầm ếch vào vách núi, vừa chắc vừa đẹp. Hào giao thông có nhiều ngõ ngách như một thành phố ngầm. Không hiểu họ chuẩn bị từ bao giờ mà nơi ăn chôn ở đầy đủ, chu đáo như thế.

Đây thuộc trung đoàn 141 đã nổi tiếng đánh công kiên với những trận Đông Khê, Phủ Thông lưng lầy. Trận này họ là chủ công. Được chiến đấu cùng họ, chúng tôi rất mừng.

Chúng tôi được phổ biến qua nhiệm vụ. Quân ta sẽ nổ súng tiêu diệt đồn Him Lam, một trong hai cái nanh nhọn của thằng địch ở Điện Biên.

Đơn vị bạn nhường cho chúng tôi mấy khu hầm rất tốt, có dất giường kê cao ráo, ngủ sướng như ở hậu phương.

Chúng tôi yên tâm chờ ngày 10 tháng 3 nổ súng.

Suốt ngày máy bay giặc Pháp cứ như chuồn chuồn báo bão. Phía tiền tiêu súng nổ luôn luôn. Thừa thớt có những cán thương binh về, kèm theo những mẩu chuyện lý thú: ta

đuổi cho địch chạy tơi bời mỗi khi chúng mò ra lấp hào giao thông của ta mới đào. Nhưng cũng có người thấy thương binh, máu me... thì thoáng vẻ lo sợ...

Trong hầm, tôi, Ngoạn và Lan ngồi đan cáng tre. Thấy mặt Ngoạn nằng nặng, tôi gợi chuyện:

- Đêm mai là choảng đây. Ta được ở phía điểm, bố trí trên đồi, giọt thẳng vào giặc, tha hồ thú nhé.

Tôi vẽ cả bản đồ cho cậu ta xem. Nhưng tôi vui vẻ bao nhiêu thì cậu ta lo lắng bấy nhiêu. Cuối cùng cậu ta buông thông một câu làm tôi cụt hứng:

- Ừ. Chơi thì chơi, cần cóc gì! Tiên sư nó, chết thôi! - Anh chàng dao động.

Tôi muốn tìm lời động viên, giải thích cho Ngoạn. Nhưng thường ngày Ngoạn vẫn khoe cái “seo dân tộc”, cho mình là cự binh đối với tôi. Tôi lại mới thay Ngoạn làm tổ trưởng nên ngại không muốn nói.

Buổi chiều đó, Ngoạn phải ở nhà giúp anh nuôi không được đi đào trận địa. Còn chúng tôi luôn đường hào độ hơn ba cây số đến gần đồn Him Lam đào hầm pháo.

*

* *

13 tháng 3 năm 1954.

Buổi sáng nghe phổ biến kế hoạch trận đánh: 4 giờ chiều nổ súng. Trọng pháo ta sẽ bắn mãnh liệt. Trong khi đó bộ

đội nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa bắn vào đồn giặc...

Một giờ chiều tôi thay quần áo. Hôm đó tôi tắm gội sạch sẽ, mặc bộ quần áo vải ngoại màu xanh nhạt, từ khi phát tới nay tôi mới mặc lần thứ hai, nếp gấp phẳng như là. Ống tay áo xắn quá khuỷu, thắt lưng chặt, ống quần cài khuy như đi ghệt. Đôi dép cao su “vạn dặm” đen bóng. Chiếc mũ nan bọc vải, mắc thêm lưới buộc những mảnh dù loang như lá cây. Tôi rất vừa ý về lối mặc khỏe, gọn của mình... Tôi thích thú lấy gương ra soi. Chao ôi, tóc tôi dài quá, tóc mai dài ngang vành tai. Giá ở nhà thì Thịnh đã cắt cho rồi đây; đi thế này cậu ấy không mang kéo. Mặt tôi có gầy đi và đen sạm nhưng vẫn tươi vui. Nhìn cặp mắt mình, tôi nhớ Linh hay bảo tôi: “Mắt nhìn thẳng không nhấp nháy”. Bây giờ mắt tôi thâm quầng và to ra, trông có vẻ dữ. Anh Dũng thấy tôi soi gương, đến sau lưng nói:

- Trông cậu hôm nay diện quá! Cậu mà ra đường các cô dân công đi vấp núi ngã chết thôi!

Tôi cười:

- Anh xem tôi mặc đã đúng kiểu chưa?

Anh Dũng vui vẻ sửa cho tôi.

Tôi đi xem lại vác đạn của anh em trong tổ. Tất cả đã cẩn thận gọn gàng. Tôi động viên Lan, cố ý để cả Ngoạn nghe nữa:

- Cứ mặc xác nó bắn. Đừng nghĩ đến sợ thì chả việc gì đâu. Có hào giao thông sâu không chết đâu mà lo. Được đánh trận đầu, lại là trận mở màn chiến dịch lịch sử; đời

lính thật không có gì sượng bắng...

Lan bắt chước tôi, vui vẻ lấy bộ quần áo tân binh màu xanh lá cây còn thẫm ra mặc. Tôi giúp Lan thắt lưng và kéo áo cho bùng ra như anh Dũng đã sửa cho tôi.

Một lúc sau, già nửa đơn vị đã mặc quần áo mới, nét mặt tươi vui. Không khí đơn vị nhộn hân lên. Anh em quần lấy nhau như ruột thịt. Anh Lâm cảm động nói:

- Các cậu ra trận mà làm như duyệt binh mừng thắng lợi không bắng!

Thật thế, chúng tôi vui mừng vì bao lâu phải cần rắng chịu đựng, bây giờ ngày mong đợi đã đến. Được đánh thắng vào mặt quân thù thế này có chết cũng thơm xương!

Tất nhiên cũng có người trong bụng còn lo lắng, sợ hãi nhưng không khí sôi nổi chung làm họ ít nhiều phấn chấn.

Hai giờ rưỡi. Trung đội ĐKZ xuất kích.

Ra đến đường trục chính, gặp các đơn vị bộ binh. Mặt người nào cũng có một vẻ trang trọng khác thường.

Một tiểu đội xung kích đi thẳng lên. Đồng chí đi đầu cầm lá cờ đỏ cuộn gọn, ngực đeo tiểu liên và thủ pháo. Họ là tiểu đội đầu cầu. Họ bước đều chân lặng lẽ nhưng nét mặt vẫn toát ra vẻ bùng bùng rạo rục. Một đồng chí trẻ măng, má hồng mồm mĩm, luôn liếc chung quanh và nheo mắt tinh nghịch cười với tôi.

Lệnh truyền: "Đẹp cho xung kích đi".

Những người lính nai nịt gọn gàng lặng lặng tiến lên. Ban đầu tôi còn chăm chú theo dõi từng nét mặt, từng khẩu

tiểu liên mang chéo trên ngực, lựu đạn, thủ pháo dắt quanh thắt lưng. Sau, tôi không nhìn kịp nữa, chỉ thấy những khuôn người tầm thước nối bước nhau đều đặn. Tôi ngây ngất, những bóng người trước mặt chập chờn, mắt tôi như ngợp nước...

Xung kích đi hết, chúng tôi tiến lên. Chân pháo, nòng, đạn... toàn tiểu đội bước gấp gấp...

Trong chiến hào, từ phía sau chuyển lên thư của Đại tướng Tổng Tư lệnh kêu gọi kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ... Vui mừng khôn kể xiết. Càng nghe càng thấm thía. Từng lời từng chữ kết vào máu, chui vào thớ thịt, kích thích lòng hăng hái. Dũng khí bốc lên những cặp mắt sáng ngời. Cảm động căng quả tim. Hai mắt rung rung nước, tôi chớp chớp liên mấy cái... Một cái gì như luồng điện, gai gai từ mũi rồi chạy khắp thân thể... Chúng tôi muốn lao lên ngay, thấy mình khỏe mạnh, to lớn lên nhiều trước quân thù.

Trên đầu chúng tôi hai máy bay địch nhào tới. Quen thói hung hăng, chúng lòng lộn, quay cuồng tuôn bom đạn xuống. Bộ đội phòng không của ta tiếp nó ngay. Tiếng trọng liên của ta nghe khô gọn.

Rồi đúng 16 giờ, đại bác ta gầm vang.

Thật sung sướng thỏa lòng, bỏ những ngày vất vả chờ đợi. Tiếng đạn đại bác ta vèo vèo vượt qua đầu bộ binh nổ rầm rầm trong đồn giặc.

Chúng tôi chạy lên. Tuy giao thông hào hẹp, vác đạn

cồng kèn, chân tôi vẫn thoăn thoắt, luôn giữ vững khoảng cách.

Máy bay địch càng điên cuồng bắn phá. Trọng liên 12 ly 7, 12 ly 8 của ta chắc gần đứt lại. Bỗng có tiếng nổ lạ tai. Đùng! Đùng! Đùng! Đùng! Đùng!... Cứ năm tiếng một, đều và gọn. Sau đó nghe nổ lộp bộp trên cao... Khắp chiến hào ta dậy lên tiếng reo:

- Cao pháo ta lên tiếng rồi, anh em ơi!

Những tiếng reo mừng bật lên như lò xo. Tôi chưa hiểu gì cũng kêu văng lên như thế. Trái tim tôi muốn phá lồng ngực. Mấy lâu chịu lép một bề, mặc chúng nó làm mưa làm gió, bây giờ thì biết tay nhau nhé!

Tôi vươn hẳn lên thành hào ngó xem: lần đầu tiên được thấy cao xạ pháo, chú ta đang quét tháo. Những cụm khói trắng như hoa nở vẩy lấy máy bay trên trời. Bọn máy bay Pháp ươn hèn cụp đuôi chuồn lên cao.

Sung sướng lắm. Chúng tôi vươn thẳng người chạy vút trong hào, không thèm tránh máy bay như mọi khi. Bỗng có tiếng rống bất thần từ trên cao dội xuống như tiếng kêu thê thảm của con bò già khuyu gối. Khắp mặt đất dậy lên tiếng reo:

- Máy bay trúng đạn rồi!

- Tiên sư mày, đã chết chưa!

Tôi ngẩn cổ nhìn bầu trời nhưng không thấy gì, cây rừng và đồi cao che mắt. Vẫn tiếp tục lao lên phía trước.

Qua đồi cháy. Chỉ còn cách trận địa pháo của mình

chừng một cây số. Nghe tiếng đạn ta rít trên đầu gần quá. Tôi nhìn phía chân đồi, chỗ trận địa súng cối. Các pháo thủ đang bỏ đạn vào nòng pháo, những tia khói trắng phụt lên.

“ĐKZ chiếm lĩnh trận địa”.

Được lệnh, chúng tôi ba chân bốn cẳng lao lên vùn vụt. Cách trận địa 500m lại có tin nhanh:

- Toàn thể giới đã biết chúng ta nổ súng vào Điện Biên Phủ!

Lòng càng nao nức. Người lính trưởng mình lớn lên bên rừng núi. Lệnh trung đội:

- Lên miệng hào chạy cho nhanh.

Anh Dũng đứng như trụ đồng trên miệng hào, cầm tay từng người trong tiểu đội kéo lên. Cầm tay tôi, anh động viên:

- Không sợ gì cả. Có pháo của ta yểm trợ!

Trong nháy mắt, hai luồng mắt đối thẳng vào nhau. Tôi thấy mình đã hứa danh dự với anh và được tiếp thêm sức mạnh.

Từng người một kế tiếp nhau phốc lên miệng hào, rồi băng xuống ruộng. Bỗng có lệnh: “Các khẩu đội để tổ đạn ở lại”. Tôi hoảng hốt kêu lên:

- Anh Dũng cho tôi lên... Tôi chưa được đánh bao giờ...

- Lười tôi liú lại, kêu không thành tiếng.

- Cho Tùng lên - Tiếng anh Kiên, trung đội trưởng.

Anh Dũng đang ngán ngừ, liền ra lệnh:

- Tổ đạn, đồng chí Nghi và đồng chí Ngoạn theo pháo.

Tôi lập tức vượt hào, bám sát tổ pháo chạy miết. Đôi dép cao su của tôi xéo lên cỏ cháy, nghe rào rào...

ĐKZ và đại liên dàn thành hai hàng vượt đồi chiếm lĩnh trận địa.

Những quả đạn súng cối địch nổ tung khói trắng và đất đá quanh người nhưng không ai thêm để ý. Chỉ biết lao lên thật nhanh và theo dõi pháo ta rền vang át giọng chúng nó. Lên đỉnh đồi, đạn địch rơi dày hơn, nghe rõ cả tiếng rít vi vu vi vu ghê người của đại liên.

Ngoạn đã lên đến tột cùng của sự sợ hãi, mặt cắt không còn một giọt máu. Hắn ta nằm ý ngay giữa cái rãnh nông choèn cản đường tiến. Tôi bồi rôi hét to:

- Tiến lên chứ!

- Tôi lạy... Tôi nghĩ tí đã! - Cái mặt hắn thiếu não quá; nhưng tôi vẫn hét:

- Nghĩ à? Bám sát tổ pháo đi!

- Nó bắn rất quá...

Tôi tức nghẹn cổ. Tổ pháo đã tới công sự rồi mà vác đạn còn nằm đây! Tôi trợn mắt, hét:

- Tiên sư mày! Không chịu tiến phải không?

(Tôi không hiểu tại sao mình lại mở mồm chửi như vậy. Có lẽ bao nhiêu lo lắng, căm tức và khinh bỉ nó tự đáy lòng bùng ra đột ngột. Sau này tôi ân hận mãi).

Sau câu chửi khắc nghiệt đó, Ngoạn cúi mặt, đứng dậy chạy lên...

Tôi nhảy vào công sự thì khẩu ĐKZ đã bắc xong, đang

lấy đường ngắm. Tôi mở đạn nhanh, lau sạch và chuyển lên. Khẩu đội tôi nổ phát đầu tiên.

Tôi nhô người, nhìn sang đồn giặc kêu lên:

- Trúng rồi! Nổ tung lỗ châu mai, các đồng chí ơi!

Đội Him Lam chìm trong bể lửa mù mịt... Phía đột phá khẩu, bộc phá liên tiếp nổ, tung lên từng đụn khói đen sì.

Tiếng anh Kiên truyền đi:

- Khẩu đội một bắn gãy cột cờ rồi.

Bọn pháo trong đồn bắn ra thưa dần. Nhưng có lệnh của đại đội:

- Đào công sự sâu thêm để đề phòng địch bắn trả.

Một lúc sau, quả nhiên tiếng đạn đại bác từ Mường Thanh xé gió rít lên ghê rợn. Chúng bắn chặn xung quanh Him Lam thành một hàng rào lửa khói.

Chúng tôi tiếp tục bắn một lúc thì hai quả pháo hiệu xanh đỏ bay vọt lên trời. Tiếng thét xung phong của xung kích nghe rất rõ...

Ngừng bắn, chúng tôi trở nên rồi rã. Hoàng hôn xuống. Trời xanh đã pha màu tím nhạt. Gió mát mang đầy mùi thuốc đạn khét lẹt. Vàng trắng thập thò sau đồi phía Đông...

Trong giây lát, tôi ngây ngất sung sướng nghĩ tới hậu phương. Mẹ và các em tôi có biết tôi đang làm gì không? Linh có tưởng tượng được không? Hay họ đang lo tắm giặt, vui đùa với hoàng hôn êm đềm bên sông La? Tôi muốn sao truyền được tin chiến thắng thật nhanh về nhà.

Pháo địch tới tập bắn tới.

Tôi nuốt nước bọt và nhận thấy mồm mình đắng ngọt. Nhưng chúng tôi phớt hết, nhô lên bờ hào nhìn về phía đồn giặc. Thịnh bỗng reo lên:

- Cờ đỏ kia rồi!
- Địch và diện gặp nhau rồi.

Tiếng reo hò vang dậy. Tuy kêu lên, tiếng ngập trong cái cười sung sướng:

- Ô hô! Tù binh ra hàng rồi.

Chúng tôi háo hức chồm lên bờ hào nhìn. Dưới ánh trăng và pháo sáng, trông rõ đoàn tù binh lũ lượt giơ tay quá đầu đi ra.

Đạn đại bác địch vẫn nổ trên trận địa ta không ngớt. Anh Dũng bảo tôi:

- Nghi chạy xuống chuyển đạn và báo tin chiến thắng.

Tôi “vâng”, nhảy lên miệng hào chạy về phía sau. Đạn địch nổ râm ran nhưng tôi không còn để ý đến gì hết. Còn gì sung sướng bằng được truyền tin chiến thắng cho những người đứng sau? Tôi chạy thoăn thoắt... Tiếng anh Dũng đuổi theo:

- Cẩn thận, Nghi!... Nó bắn nhiều... nằm xuống!

Tôi cứ lao thẳng. Đạn nổ trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái... Tôi đường hào tôi kêu to:

- Các đồng chí ơi! Chiến thắng rồi! Ta bắn trúng lắm... Tù binh ra hàng hàng đoàn.

Không nghe hết những tiếng hỏi tíu tít, tôi nói không kịp thở:

- Nhanh lên, đạn đâu đưa đây? Mình còn phải lên ngay chứ.

Tôi vác đạn chạy lên. Đạn địch vẫn vi vu và nổ liên tiếp. Nhảy tọt vào hầm pháo, tôi báo cáo:

- Báo cáo, có đạn!

Anh Dũng cười âu yếm:

- Cừ lắm! Mở đạn sẵn đi.

Càng hăng, tôi mở đạn càng gọn.

Tiếng anh Lâm nói to: “Tham mưu trưởng lên thăm, tuyên dương toàn trung đội ta tiêu diệt được nhiều hỏa lực địch, bảo vệ bộ binh. Đồng chí đã bắt tay khen khẩu đội một”.

Chúng tôi sướng rơn. Vinh dự biết mấy khi được tuyên dương ngay tại trận.

Miệng đắng và khát xé họng. Tôi sờ bì-đông. Nước hết hẳn. Tôi đặt phích bì-đông xuống đất. Anh Dũng trông thấy liền đưa cho tôi ngụm nước cuối cùng của anh. Tôi cảm động đến không nuốt trôi ngụm nước.

Ánh trắng vắng vặc. Khói xám vẫn phủ kín Him Lam.

ĐKZ rút ra.

Chúng tôi vui mừng vì toàn trung đội không ai việc gì. Đường ra, gặp bộ binh dự bị. Họ nhìn chúng tôi thêm thương ra mặt. Bọn tôi càng khoái. Nhìn những chiếc cang không lều đèo theo sau, họ nói: “Cang thất nghiệp thì tốt quá nhỉ”.

Chúng tôi đi được gần một cây số thì có lệnh:

- “ĐKZ quay lại trận địa, bố trí như cũ”.

Chúng tôi quay lại ngay, hồi hộp.

Lần này không “bỏ ăn” như lần trước. Pháo địch bắn chặn quanh Him Lam rất dữ dội. Trận địa của chúng tôi nhiều chỗ bị đạn đại bác cày lên. Các khẩu đội về vị trí chiến đấu nhưng đạn địch không cho góc đầu lên.

Anh Lâm bình tĩnh chỉ mục tiêu cho từng khẩu đội. Té ra ta mới tiêu diệt được hai mồm đồi Tây-Nam và Đông-Bắc, còn mồm đồi thứ ba phía Tây-Bắc địch vẫn cố thủ.

Liên lạc chạy đâu mất. Anh Lâm giao tôi mang mệnh lệnh tới các khẩu đội. Đường hào nhiều chỗ sứt, tôi chạy nhô lên mặt đất. Anh Lâm luôn gào tôi:

- Cẩn thận khéo bị thương... Cẩn thận kia! Chú ý mà tránh...

Tôi chạy đi chạy lại, pháo bắn tới thì nằm bẹp xuống hào. Có lúc hàng loạt đạn nổ liên tiếp, tôi phải bò như thằn lằn từng thước, đất sỏi phủ đầy người.

Trao mệnh lệnh xong, tôi về cạnh anh Lâm. Trong đồn Him Lam, các cỡ súng lớn bé lại nổ ran. Pháo sáng và ánh trắng thi nhau rọi sáng trận địa nhưng không lọt được khói đen. Đại bác hai bên vẫn ương ngạnh đối đáp nhau...

Anh Lâm đứng nói chuyện với tôi và Tuy:

- Hôm nay quân ta chiến đấu dũng cảm lắm. Nhiều cậu là tân binh nhưng chiến đấu rất cừ.

Tôi nói:

- Phấn khởi quá, tôi thấy mình cứng cáp nhiều.

Anh Lâm nói:

- Cứ dững cãm lên. Có dễ chết đâu. Mình đánh nhau từ năm 1946 đến nay, qua trăm trận mà chưa hề bị thương. Khó “ăn” đạn lắm chứ.

Đứng nói chuyện với đại đội phó, tôi thấy mình dày dạn như đã chiến đấu nhiều, không còn lo lắng. Tôi rất phục và yêu mến người cán bộ dững cãm này. Anh là nông dân cùng huyện với tôi. Cái xã quê anh trước kia nổi tiếng là quê mùa cục mịch...

Tôi say sưa với chiến thắng, hỏi anh:

- Cứ đà này độ hai tuần có xong toàn bộ Điện Biên Phủ không?

Anh Lâm cười, đáp:

- Còn tùy chứ - anh lơ đãng nói tiếp - Tùy tình hình diễn biến và thương vong của mình nhiều hay ít. Có thể tháng rưỡi, hai tháng.

Tôi nhũn mày. Một tháng, hai tháng? Lâu quá! Tôi chỉ mong lúc đó thư tôi đến quê hương nhanh hơn tin chiến thắng.

Anh Lâm chạy lên khẩu trên. Một loạt đạn đại bác nổ tới tấp, cạnh đường hào. Đất, khói mù trời trùm lên đầu chúng tôi. Tuy hỏi to:

- Có ai làm sao không?

- Không hề gì.

Chúng tôi yên tâm... Bỗng có tiếng kêu khác thường:

- Nghi đâu? Gọi cẳng nhanh lên.

Tôi giật nảy người. Ai bị thương? Tôi không dám hình

dung những khuôn mặt đồng đội...

Đạn địch nổ chặn ở sườn đồi, hát tôi ngã xuống. Tôi vùng dậy. Nhưng hồ đạn lại làm tôi hụt chân ngã dúi dúi xiêu vẹo nhưng tôi vẫn chạy nhanh. Tôi nóng lòng muốn biết người bị thương là ai...

Trời ơi! Anh Lâm bị thương!

Một mảnh đạn lớn cắm vào đầu, anh không nói được nữa. Chỉ còn tiếng khịt khịt ở cái mũi khó thở...

Không ngờ trước đây mấy phút anh đã nói với tôi những lời cuối cùng của đời anh!

Anh vừa vui vẻ hồn nhiên là thế... Anh nói chuyện thản nhiên như ở hậu phương bình yên. Cái cười còn tươi trước mặt tôi... Bảy năm chiến đấu, hơn trăm trận chưa hề bị thương... Bây giờ thế là hết!

Toàn đơn vị chỉ một người bị thương, lại là thủ trưởng.

Đường về vui vẻ trong không khí thắng lợi chung. Nhưng nghĩ tới anh Lâm, người đại đội phó dũng cảm, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi. Thương tiếc tâm tức trong lòng muốn bật ra tiếng khóc.

*

* *

Sáng hôm sau trở về, chúng tôi đi giữa ban ngày, trên đường cái. Chim rừng riu rít. Nước suối rì rào. Hoa lá đọng sương tươi thắm. Trong ký ức nóng hổi, hình ảnh cuộc chiến

đâu đêm qua sôi lên rõ nét. Đi bên cạnh tôi, Ngoạn mấy lần tránh cặp mắt tôi. Tôi muốn làm lạnh với Ngoạn bằng cặp mắt, nụ cười thân ái. Nhưng Ngoạn cúi gầm mặt. Không hiểu anh giận tôi, anh buồn vì tôi qua chưa sống xứng đáng, hay lo lắng vì trận đánh đêm nay?

Trên vai tôi còn bốn quả đạn nữa, gạo không còn nên rất nhẹ. Càng đi, nói chuyện càng vui, chân bước càng dẻo.

Bên cạnh tôi có hai người lạ cùng đi. Người đi trước đã đứng tuổi, tóc lốm đốm hoa râm, quân phục bạc màu, mũ không quân hiệu. Người đi sau là bộ đội mạng ba lô và đeo tiểu liên. Gắn mặt trận thế này ông kia không phải là bộ đội, dân công, vậy là loại người nào? Tôi thắc mắc vì ý thức cảnh giác. Liếc nhìn cán bộ của mình, thấy họ thản nhiên, tôi đoán ông ấy là cán bộ địa phương nên lại nói chuyện tràn cung mây. Chuyện chiến thắng, có gì mà phải giữ? Đức và Thịnh cũng sinh chuyện lắm. Chúng tôi nói cười thỏa thích. Đêm qua ai ở quanh đây mà chả nghe tiếng súng. Nhìn chúng tôi, tất hiểu ngay là những người nổ súng đêm qua.

“Ông cán bộ” kia thỉnh thoảng liếc nhìn tôi, môi thoáng nụ cười ý nhị. Có lẽ cái trẻ măng tân binh hay cái vui của tôi thu hút ông. Ông ta đi sát tôi, thân mật hỏi:

- Các đồng chí đánh nhau đêm qua phải không?

Tôi đặc chỉ đáp gọn:

- Vâng!

- Các đồng chí ở pháo bắn thẳng chắc thích lắm nhỉ? Quân ta chiến đâu có dưng cam không?

- Ô! Còn phải nói! Bộc phá mở đường chưa tan khói đã thấy xung kích trong đồn rồi...

Ông ấy cười, nhìn tôi từ đầu đến chân, lại nói:

- Đồng chí vác đạn có lẽ nặng nhỉ.

Tôi mỉm cười. Ông ta tiếp:

- Mỗi quả mấy cân?

- Hơn bốn cân. Ra trận vác sáu quả.

- Đồng chí cho tôi vác thử một tí?

Tôi không ngần ngại, đưa ngay. Ông ta vác gọn lên vai. Cả hai cùng cười, ông ta nói:

- Cho tôi vác giúp một đoạn cũng được chứ?

Tôi càng vui vẻ và gần gũi ông ta. Cất được mười sáu cân trên vai, hai tay thoải mái, tôi như được chấp thêm cánh.

“Ông cán bộ” nói chuyện rất cởi mở. Té ra ông ta là người Nghệ An, ở cách nhà tôi chưa đầy hai mươi cây số, bên kia sông Lam.

Đi được sáu, bảy cây số, đến đường rẽ, ông ta trả đạn. Chúng tôi chia tay.

Trung đội trưởng nói với tôi đó là đồng chí Chính ủy một đơn vị bạn. Tôi sững sốt nhìn lại, nhưng “ông ta” đi đã khuất...

Về đến đơn vị đã năm giờ chiều. Mới đi xa mấy ngày mà chỗ ở cũ đã thay đổi hẳn, chẳng kém gì đơn vị bạn. Những đường hào trục chạy từ ngoài xa vào vừa sâu vừa rộng. Hào giao thông chẳng chịt khắp nơi... Thế mới biết những bộ

phận ở nhà đã có một kỳ công lao động.

Trận địa pháo 105 đang dồn từng đồng vỏ đạn, cái xám xịt, cái vàng ánh long lanh. Đêm qua ở đây bắn nhiều vào Him Lam và Mường Thanh. Chúng tôi kể chuyện chiến đấu cho các đồng chí ở nhà nghe, lòng vui như nắng chiều rực rỡ dọi ngang rừng cây.

Chúng tôi không về nhà nữa mà đi thẳng ra chiến hào xuất phát đánh đối Độc Lập.

*

* *

Người kể cho tôi câu chuyện chiến đấu ở chiến trường Điện Biên Phủ của anh trong đó có phần được trích trên đây là Phan Văn Nghi. Anh sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước cách mạng, quê ở làng Đông Thái, xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1950, mới 16 tuổi anh đã xung phong nhập ngũ và được tuyển vào khóa 6 trường Lục quân Trần Quốc Tuấn. Sau khi nhập học anh lại được đi đào tạo sĩ quan dài hạn ở nước ngoài. Nhưng rồi những chặng đường rừng Việt Bắc, những năm đánh Pháp vô cùng gian khổ thiếu thốn cùng với bệnh sốt rét đã quật ngã anh. Chưa tới biên giới, anh đã phải nằm lại ở viện quân y dã chiến. Hậu quả của sốt rét thiếu thuốc chữa đã để lại cho anh căn bệnh đau gan tưởng như khó bề qua khỏi.

Xuất ngũ trở về quê, vừa chữa bệnh vừa theo học tiếp ở

trường cấp 3 Phan Đình Phùng, sau gần hai năm anh mới phục hồi sức khỏe.

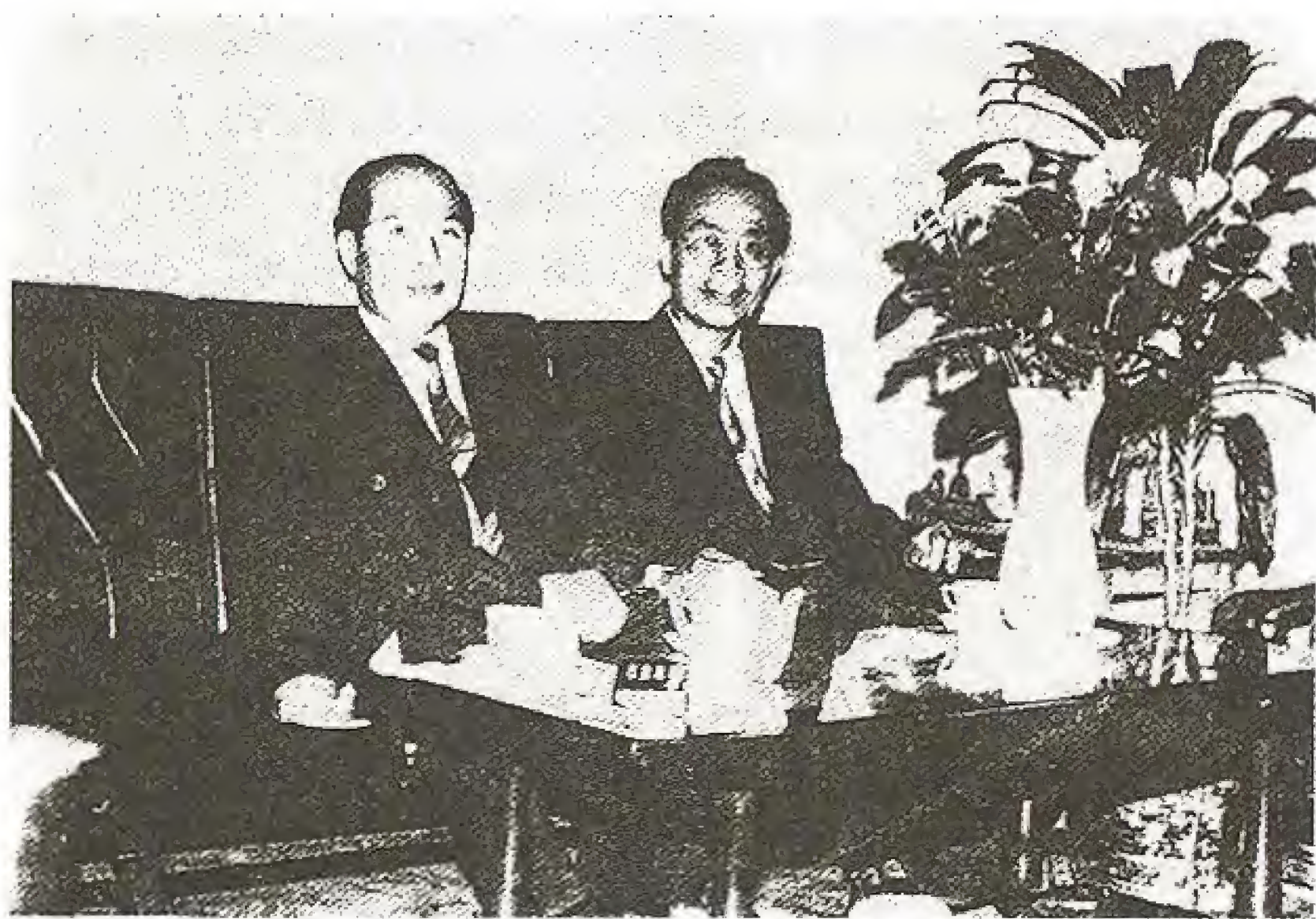
Cuối năm 1952 anh lại được gọi nhập ngũ. Lần thứ hai xếp bút nghiên, anh được biên chế vào Đại đoàn 312. Chỉ một thời gian ngắn vừa huấn luyện vừa hành quân, với tư cách là pháo thủ DKZ anh cùng đơn vị bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau những ngày gian khổ làm đường, kéo pháo, xây dựng trận địa rồi đánh trận mở đầu công phá Him Lam, anh còn tiếp tục cùng đồng đội trong Đại đoàn chiến thắng đánh liên tiếp hết trận này đến trận khác cho tới ngày 7 tháng 5 năm 1954 quân ta bắt sống tướng De Castries giải phóng Điện Biên. Suốt cả chiến dịch ác liệt, anh đã luôn tiến lên hàng đầu, tuy có hai lần bị thương nhưng chưa phải rời trận địa. Cùng Điện Biên anh đã lớn lên. Chiến trận tôi luyện đã giúp anh trưởng thành.

Miền Bắc được giải phóng, quân đội đã đào tạo anh thành một kỹ sư giao thông, một chuyên gia giỏi về xây dựng sân bay trên miền Bắc. Anh thuộc lớp kỹ sư đầu tiên tham gia thiết kế và thi công các sân bay lớn như sân bay Nội Bài, sân bay Sao Vàng (Thanh Hóa), cải tạo nâng cấp sân bay Gia Lâm, Vinh, Cát Bi, Điện Biên Phủ...

Trong cuộc chiến đấu vĩ đại của quân và dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ, anh luôn cùng đồng đội bám trụ ở các sân bay, nơi thường xuyên là trọng điểm đánh phá ác liệt bậc nhất

của máy bay giặc Mỹ. Những công việc như nguy trang đường băng đánh lừa giặc lái Mỹ, hàn gắn kịp thời những đường băng, những cơ sở hạ tầng bị tàn phá để không quân ta cất cánh kịp thời, xây dựng hầm chỉ huy và trú ẩn của quân chủng, làm nhà cất giấu máy bay an toàn và cả những sân bay dã chiến bí mật để không quân ta xuất kích bất ngờ đánh B52, đánh tàu chiến Mỹ ở vùng tuyến lửa Khu Bốn... là một cuộc chiến đấu lớn. Anh đã cùng đồng đội hàng ngày hàng đêm vượt bao gian khổ hiểm nguy đối mặt với lực lượng không quân hiện đại của giặc Mỹ suốt hàng chục năm trời.



Tác giả và nhân vật trong bài

Những trận bom dữ dội của F111 ào vào đánh úp sân bay Cát Bi lúc nửa đêm về sáng, những trận rải thảm của B52 biến sân bay Sao Vàng thành “mặt trăng”, chuyện bom vùi, hầm sập và biết bao lần cận kề cái chết, nay đã thành kỷ niệm để làm sôi nổi câu chuyện bên bàn trà của những lần họp mặt cựu chiến binh.

Sau ngày đại thắng, đất nước thống nhất các anh lại bắt tay hàn gắn các vết thương chiến tranh. Công cuộc tiếp quản và cải tạo các sân bay trong Nam, ngoài Bắc để Tổ quốc bước vào đổi mới, hội nhập với thế giới, lại là những bài ca lao động nối tiếp những trang hào hùng của người chiến sĩ. Có thể nói, bằng trí thông minh và óc sáng tạo, nhanh chóng nắm bắt và làm chủ kỹ thuật hiện đại, dù thời chiến hay thời bình, anh đã luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ với tinh thần dũng cảm tuyệt vời của người chiến sĩ Điện Biên.

Rời quân ngũ với cấp hàm Đại tá, Viện trưởng Viện thiết kế hàng không, ông Phan Văn Nghi đã có một đời binh nghiệp rục rịch, luôn xứng đáng là “Bộ đội Cụ Hồ”!

VỠ MỘNG LÀM PHI CÔNG, CHÚNG TÔI TRỞ THÀNH CHIẾN BINH PHÁO CAO XẠ

Trung tá LƯU TRỌNG LÂN

Vào một ngày cuối đông năm 1952, một chiếc xe hơi kiểu Mô-lô-tô-va phủ vải bạt, chở một đoàn cán bộ từ căn cứ địa Việt Bắc chạy lên hướng biên giới Cao Bằng. Trong xe có 33 người, tuổi từ 20 đến 25, hầu hết là cán bộ trung đội và đại đội, được lựa chọn trong toàn quân, sau một thời gian rèn luyện thể lực, học thêm văn hóa và ngoại ngữ, hôm nay bí mật lên đường sang nước bạn Trung Quốc để học lái máy bay chiến đấu. Tôi là một trong số 33 “phi công tương lai” đó.

Qua nước bạn, trong khi chờ đợi đi Thẩm Dương (Đông Bắc Trung Quốc), nơi có trường đào tạo phi công phản lực, chúng tôi dừng lại ở Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây.

Thời gian chậm chạp trôi qua. Hơn một tháng đợi chờ làm chúng tôi vô cùng sốt ruột. Bỗng một hôm (15.1.1953) chúng tôi được triệu tập về Biện sự xứ¹ Việt Nam tại Nam Ninh. Ở đây chúng tôi được thông báo: “Các đồng chí sẽ được gặp đồng chí Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, ở “nhà” mới sang”. Chưa biết sẽ có chuyện gì nên chúng tôi ai cũng hồi hộp.

Nhiều anh em chưa hề gặp mặt anh Thanh bao giờ. Riêng tôi may mắn được gặp anh hai lần. Lần thứ nhất, hồi Cách mạng Tháng Tám, khi nghe anh nói chuyện với đồng bào Huế ở gần cầu Tràng Tiền, đúng hơn là nghe một bài diễn thuyết hùng hồn và vô cùng hấp dẫn. Lần thứ hai vào năm 1948, khi anh Thanh ghé qua cơ quan Huyện ủy Bồ Trách, Quảng Bình, trước khi vượt Ba Rền vào Trị Thiên.

Đền với chúng tôi, anh Thanh vui vẻ bắt tay mọi người, hỏi thăm sức khỏe rồi bằng giọng nói miền Trung sôi nổi, anh đi thẳng vào vấn đề: “Do yêu cầu của cuộc kháng chiến, quân đội ta phải xây dựng gấp một trung đoàn pháo cao xạ, vũ khí do Liên Xô giúp, để sớm về nước tham gia chiến đấu. Tổng Quân ủy² đã quyết định chuyển tất cả các đồng chí

1. Cơ quan ngoại giao có chức năng tương đương lãnh sự quán.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong quân đội, về sau đổi tên là Quân ủy trung ương.

sang học pháo cao xạ”.

Tin đến đột ngột quá! Chúng tôi ai nấy lặng người đi. Tuổi trẻ sung sức khát khao lái máy bay bay lượn trên bầu trời tổ quốc, như những câu hát rạo rực lòng người của nhạc sĩ Văn Cao, giờ đây lệnh mới làm cho chúng tôi sững sờ, hụt hẫng. Hình ảnh lãng mạn của những “cánh chim ngang trời” vụt biến mất.

Hiểu rõ tâm trạng của chúng tôi, anh Thanh nói thêm: “Đây là ý kiến của Bác Hồ, của Bộ Chính trị. Các đồng chí đều là cán bộ, đảng viên. Hãy vui vẻ chấp hành chỉ thị của



Kéo pháo 105 ly vượt đỉnh Pu-Pha-Sông

Đảng, của Quân đội. Sắp tới sẽ có một đoàn cán bộ do đồng chí Nguyễn Quang Bích dẫn đầu đến Nam Ninh. Đoàn của các đồng chí sẽ sát nhập vào đoàn đồng chí Bích để cùng đi Thẩm Dương, nơi có trường Pháo binh giải phóng quân Trung Quốc, để học pháo cao xạ 37 ly. Ở “nhà” sẽ thành lập đầy đủ biên chế một trung đoàn (nhưng thiếu cán bộ), sẽ gửi sang sau. Chính các đồng chí sẽ là giáo viên, sau đó là cán bộ chỉ huy đơn vị”. Rồi anh Thanh giải thích thêm: “Học lái máy bay chiến đấu mất 4 đến 5 năm, học pháo cao xạ chỉ cần 3 đến 4 tháng. Tổng Quân ủy mong các đồng chí học tập cho tốt, nhanh chóng làm chủ vũ khí mới, để sớm về nước chiến đấu với không quân Pháp hiện đang làm chủ bầu trời đất nước ta...”.

- Thế nào? Các đồng chí thông cả rồi chứ?

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh lên tiếng hỏi. Vài tiếng đáp vâng, dạ rụt rè, lí nhí. Trong không khí có vẻ nặng nề ấy, tôi mạnh dạn đứng lên:

- Báo cáo đồng chí, thông rồi ạ!

Anh Thanh hỏi lại:

- Có chắc không?

Tôi thưa:

- Dạ chắc ạ!

Thật tình trong thâm tâm, tôi không tự dối lòng mình chút nào, dù rất luyến tiếc vì không được trở thành phi công lái máy bay chiến đấu phản lực, ước mơ bay bổng bấy lâu không đạt, nhưng trước yêu cầu của cuộc kháng chiến,

trước chỉ thị của Đảng, của Bác Hồ, lẽ nào chúng tôi lại không thông. Tiếp theo ý kiến của tôi, vài anh em khác cũng đứng lên thừa với đồng chí Nguyễn Chí Thanh những lời tương tự.

Tôi hôm ấy, Bùi Văn Phú, bạn thân thiết của tôi, kéo tôi ra thì thầm: “Trước khi bọn ta rời Việt Bắc, một hôm có việc ra Quán Vuông¹, tình cờ mình gặp cậu bạn trước kia cùng ở Đại đoàn 308, sau về Cục Tác chiến, tiết lộ:

- Vừa qua, chiến dịch Tây Bắc ta thắng rất to, nhưng trong đợt ba, “húc” vào Nà Sản, quân ta bị thương vong nhiều do phi pháo địch, nên chiến dịch phải kết thúc.

Hồi ấy nhận thức còn non nớt, dẫu sao qua chuyện kể của Bùi Văn Phú đối chiếu với chỉ thị của đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, tôi đã hiểu được lý do vì sao chúng tôi phải từ bỏ nhiệm vụ học làm phi công để chuyển sang làm nhiệm vụ học bắn máy bay.

*

* *

Đến nay 50 năm đã trôi qua, bạn Bùi Văn Phú của tôi đã yên nghỉ trong lòng đất nghĩa trang Điện Biên Phủ², nhưng

1. Quán Vuông: một địa điểm thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bùi Văn Phú, đại đội phó đại đội cao xạ 827, đã hy sinh trong đợt một chiến dịch Điện Biên Phủ ở phía bắc đồi Độc Lập ngày 17.3.1954.

với nhiều tư liệu lịch sử lần lượt được công bố, tôi muốn cùng các bạn chiến đấu phòng không ôn lại và phân tích câu chuyện mà Bùi Văn Phú đã kể cho tôi nghe hồi ấy.

Bắt đầu chiến dịch Đông Xuân 1952-1953, ngày 14 tháng 10 năm 1952 quân đội ta mở màn chiến dịch Tây Bắc, với khí thế tiến công dũng mãnh, sau 10 ngày đêm của đợt một, các Đại đoàn 308, 312, 316 của ta đã diệt hàng ngàn quân địch, giải phóng cả vùng tả ngạn sông Đà từ Vạn Yên đến Quỳnh Như, làm chủ đoạn đường 13 từ Âu Lâu đến Nghĩa Lộ.

Đợt hai chiến dịch bắt đầu từ 17 tháng 11, quân ta vượt sông Đà và bằng những trận đánh xuất sắc, trong một tuần lễ đã diệt gọn hàng loạt vị trí Bản Hoa, Mường Lùm, Ba Lay, Mộc Châu, Luân Châu, Sơn La, Thuận Châu, Tuần Giáo và Điện Biên Phủ. Bọn địch ở những vị trí còn lại hoảng hốt bỏ đồn tháo chạy về Lai Châu và Nà Sản. Phòng tuyến địch trên cao nguyên Châu Mộc phía hữu ngạn sông Đà bị đập tan. Phần lớn địa bàn tỉnh Sơn La, một phần tỉnh Lai Châu đã được giải phóng, còn lại thị xã Lai Châu và một số cứ điểm nhỏ xung quanh, cùng Nà Sản, một tập đoàn cứ điểm mạnh do tướng Xa-lăng dựng lên, nằm chắn ngang đường 41 (nay là đường số 6).

Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định mở đợt 3, từ đêm 30 tháng 11. Mục tiêu của đợt này là tập trung toàn bộ lực lượng tiêu diệt Nà Sản. Theo kế hoạch, lúc đầu ta đánh các điểm tựa vòng ngoài, từ đó khống chế sân bay, các trận địa

pháo binh địch, tạo thời cơ đánh vào bên trong rồi từ đó trong đánh ra, ngoài đánh vào, tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm.

Thế nhưng, khi tiến công mấy cứ điểm vòng ngoài (Pú Hồng, Bản Vây, Nà Si) quân ta đã gặp khó khăn lớn. Ban đêm, máy bay của địch thả đèn dù rực sáng giúp quân Pháp dễ dàng phát hiện lực lượng tiến công. Ban ngày hàng trăm máy bay khu trục (F6F, F8F), phóng pháo (B26) ồ ạt ném bom, phối hợp cùng hỏa lực pháo binh mặt đất, với uy thế áp đảo dồn dập nã đạn vào đội hình quân ta. Ngày 1 tháng



Đại đội 815, đơn vị Pháo cao xạ 37 ly, lập công đầu chiến dịch bắn rơi tại chỗ 1 máy bay trinh sát địch ngày 14.3.1954

12, không quân địch đã cho 90 lần chiếc máy bay chiến đấu đến ném bom, không quân vận tải thì từng đợt, từng đợt thả dù tiếp tế và tăng quân. Chỉ trong ngày 2 tháng 12, địch thả dù cho Nà Sản hai tiểu đoàn lính tăng viện.

Hầu hết máy bay địch đều bay ở độ cao trên tầm bắn có hiệu quả của trọng liên 12,7 ly, là loại súng máy phòng không có tầm bắn cao nhất mà chúng ta có thời bấy giờ. Các xạ thủ 12,7 ly của ta bắn khá nhiều đạn mà không có máy bay rơi. Chỉ có 3 máy bay bị pháo mặt đất (75 ly) của ta bắn hỏng trên đường băng. Việc yểm hộ cho bộ binh ta vì thế gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, vì không bảo đảm đánh thắng, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã quyết định đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản, đồng thời cho kết thúc chiến dịch Tây Bắc vào ngày 2 tháng 12 năm 1952.

Trong tác phẩm “Đường tới Điện Biên Phủ”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã phân tích: “Vì đâu các trận đánh của ta vào cứ điểm ở Nà Sản không thành công? Nguyên nhân chính là do những cứ điểm này nằm trong một hệ thống phòng ngự cấu trúc chặt chẽ của tập đoàn cứ điểm, trong khi quân ta chưa có khả năng hạn chế được sức mạnh của máy bay và pháo địch. Người Pháp coi đây là một chiến lược ngăn chặn mới. Muốn đánh bại chiến lược này, chúng ta phải có thời gian”.

Trong hồi ký của Đại tướng Hoàng Văn Thái đăng trên báo Quân Đội Nhân Dân nhân kỷ niệm 30 năm chiến

thắng Điện Biên Phủ cũng có đoạn nói: “Cuối chiến dịch Tây Bắc, một số trận ta đánh vào Nà Sản đã không thành công, chứng tỏ bộ đội ta chưa đủ trình độ tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm, một phương thức bố trí phòng ngự chi viện lẫn nhau rất chặt chẽ, có ưu thế hơn hẳn ta về hỏa lực pháo binh và không quân ¹. Rõ ràng bài toán tiến công tập đoàn cứ điểm được đặt ra từ chiến dịch Hòa Bình đến lúc đó đối với chúng ta vẫn còn là một thử thách lớn... Để mở đường đưa cuộc kháng chiến của ta đi lên, chúng ta phải có các đơn vị *trọng pháo* và *cao pháo*, phải khẩn trương huấn luyện nâng cao trình độ của bộ đội về cách đánh công kiên vào hệ thống phòng ngự kiểu tập đoàn cứ điểm, trên những địa hình trống trải, cả đêm lẫn ngày, dưới sự khống chế mạnh của phi pháo địch...”.

Vậy có thể kết luận trong việc tiến công tập đoàn cứ điểm, pháo binh và không quân địch là hai đối tượng, hai trở ngại lớn mà quân đội ta phải kiên quyết vượt qua.

Chấp hành quyết định của Đại tướng Tổng tư lệnh ký ngày 1 tháng 4 năm 1953, Trung đoàn 367, trung đoàn pháo cao xạ đầu tiên của quân đội ta đã ra đời ².

1. Trong trận Pú Hồng đêm 30 tháng 11, tỷ lệ đầu pháo giữa ta và địch là 2.24. Trọng pháo 105 và cao pháo 37 ly ta chưa có. Còn về không quân bên ta chỉ là con số “không”.

2. Trung đoàn trọng pháo 105 ly (phiên hiệu trung đoàn 45) đã thành lập trước Trung đoàn 367 hơn một năm, đang ở giai đoạn tiếp tục huấn luyện.

Bởi vì thiếu cán bộ, Tổng quân ủy đã quyết định chuyển 33 cán bộ chúng tôi từ nhiệm vụ học lái máy bay sang nhiệm vụ học pháo cao xạ như trên đã nói.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung đoàn pháo cao xạ 367 đã cùng các đơn vị phòng không bạn (súng máy 12,7 ly) hoàn thành tốt nhiệm vụ yểm trợ bộ binh, pháo binh trong quá trình tiến công và bao vây, đặc biệt trong nhiệm vụ không chế vùng trời, siết chặt, tiến tới cắt đứt chiếc cầu hàng không tiếp tế, tăng viện duy nhất của địch, góp phần rất quan trọng vào chiến thắng chung.

Sau ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, ôn lại chuyện cũ “vỡ mộng làm phi công”, chúng tôi ai nấy đều cảm thấy chủ trương của cấp trên lúc đó thật là đúng đắn.

KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

PHẠM THỊ TUYẾT

*Nguyên bác sĩ - Trưởng ban Quân y
Văn phòng Tổng cục Hậu cần*



Năm 1950 tôi tròn 15 tuổi, vào bộ đội học và đánh máy ở Ban Chính trị Cục Dân quân. Năm 1951, tôi sang Cục Vận tải học y tá ở Hợp Thành. Khi ra trường ở lại Cục, rồi lên Trạm xá đoàn Khí xa Cao Bằng, phục vụ các đoàn xe vận tải. Đến năm 1953, tôi được đi phục vụ chiến dịch Thượng Lào giải phóng Sầm Nưa, ở binh trạm 27 vận tải, đóng quân ở rừng me Suốt Rút.

Sau chiến dịch, chúng tôi về tổng kết và học tập chỉnh quân chỉnh trị. Lần học tập này là một cuộc cách mạng chỉnh trị tư tưởng, nâng cao quan điểm lập trường giai cấp vô sản, mỗi đồng chí phải thành khẩn kiểm điểm, tự mình quyết tâm rèn luyện để tiến bộ và đáp ứng với nhiệm vụ mới của cuộc cách mạng.

Học tập xong tôi lại vinh dự được sang Cục Quân y cùng đoàn quân y sĩ khóa 5 lên đường đi phục vụ chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Cả đoàn có một mình tôi là nữ.

Với tuổi 18, tôi phân khởi khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để tiếp tục lên đường ra tiền tuyến. Chúng tôi bắt tay vào học tập nội quy, chính sách, kỷ luật chiến trường, chuẩn bị quân tư trang, cuốc xẻng, túi thuốc để hành quân đường dài.

Dọc đường hành quân, nào dân công, nào bộ đội, các quân binh chủng như dòng thác người nối đuôi nhau ra trận, tuy không quen biết nhưng tay bắt mặt mừng, cùng nhau cười đùa hò reo vang dội cả tuyến đường, làm quên đi nỗi vất vả, mệt nhọc và ác liệt của bom đạn. Suốt những đêm dài hành quân, ai ai cũng mong mau chóng đến nơi để được phục vụ chiến dịch.

Đến cây số 59 (trạm chuyển thương Cục Quân y), tôi được phân công ở đó cùng đồng đội để tiếp nhận thương binh từ hỏa tuyến đưa về. Nhìn thấy anh em thương binh đau đớn, chúng tôi phục vụ ngày đêm quên mình, không biết mệt, không có khái niệm giờ ăn, giờ nghỉ, hàng ngày khẩn trương điều trị thay băng, chọn lọc, phân loại. Anh em

khinh thương thì được điều trị mau chóng để trả về đơn vị tiếp tục chiến đấu, anh em trung trọng thương thì được điều trị tạm ổn định rồi chuyển về tuyến sau để tiếp tục nhận thương binh mới.

Hàng ngày, tin chiến thắng dồn dập đưa về. Ta càng thắng, lớn thì số thương binh về càng đông. Có lúc lán trại không đủ cho anh em nằm, chăm lo ăn uống có khi không kịp, thực phẩm thì thiếu thốn, chúng tôi phải cùng chị em dân công lên rừng hái rau tàu bay, rau sắng, rau dớn về nấu cải thiện cho anh em ăn. Thỉnh thoảng, chúng tôi còn nhận được quà chiến lợi phẩm của mặt trận gửi về: nào bánh quy, thịt hộp, nào kẹo và các gói bột cam, bột chanh pha cho anh em, họ rất thích. Tuy chiến dịch ác liệt và bận rộn nhưng các anh ở tuyến trên vẫn không quên anh em thương binh cùng các đồng chí phục vụ ở tuyến sau. Thật là cảm động!

Trong số anh em thương binh, có anh bị hoại thư phải cắt cụt chân. Có một số thương binh vì bị kích động quá mức, đang nằm bồng vùng dậy bỏ chạy lên rừng, xuống suối với tư thế nằm hô (xung phong bắn, bắn). Chúng tôi phải đuổi theo bắt, có khi hàng buổi mới dẫn được anh em về lán.

Ngoài thương binh của ta, có một lần chúng tôi nhận hai cô gái diêm do bọn Pháp cho lên máy bay đưa lên Điện Biên Phủ để phục vụ bọn lính. Là tù hàng binh, tuy rất ghét nhưng vẫn phải phục vụ chúng chu đáo theo chính sách nhân đạo của Đảng ta đối với tù hàng binh.

Chiều ngày 7.5.1954, tiếng vang từ các dải rừng lan tỏa

kết hợp tin điện về quân ta đã toàn thắng, chúng tôi cùng anh em thương binh vui mừng khôn xiết, hò reo vang dội cả các lán thương binh. Cảm động vô cùng và không bao giờ quên được hình ảnh các đồng chí thương binh còn rất trẻ, mười tám, đôi mươi, vết thương còn đau lắm, nhưng anh em nằm giong cả hai chân, hai tay, đập vào nhau và hô vang: “Ta chiến thắng! Hoan hô chiến dịch đã toàn thắng!”. Họ quên cả sự đau đớn vì quá vui mừng về chiến thắng mà bản thân họ đã góp phần xương máu làm nên.

Khi tổng kết đơn vị, đơn vị chúng tôi được khen



Tiểu đội nữ quân y tham gia duyệt binh sau chiến dịch Điện Biên Phủ đón Bác về thủ đô năm 1954

thưởng vì thành tích phục vụ xuất sắc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Riêng bản thân tôi được vinh dự được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam vào tháng 10.1954 do bác sĩ Nguyễn Văn Ích và bác sĩ Nguyễn Thị Bích Hiền giới thiệu.

Hoàn thành xong nhiệm vụ, một số nữ chúng tôi được cử đi tập trung luyện tập để duyệt binh đón Bác về thủ đô. Lúc đầu tập ở sân bay Kim Đái - Sơn Tây sau chuyển về tập ở sân bay Bạch Mai - Hà Nội.

Tôi nhớ mãi lần được Bác Hồ đến thăm.

Giữa một buổi trưa hè nóng bức, mọi người đang ăn cơm thì được tin Bác đến. Ai nấy đều bỏ cơm chạy ủa ra, đồng chí Quang Trung hô: các đơn vị tập hợp để nghe Bác nói chuyện! Nhưng chỉ có đại đội chiến sĩ thi đua của anh Thận là xếp hàng nghiêm chỉnh, còn lại đều ủa ra vây quanh lấy Bác. Đồng chí Quang Trung hét to: “Các đồng chí có thương Bác không? Phải giữ an toàn cho Bác chứ”. Tuy vậy, với niềm vui bất ngờ được gặp Bác, với tình cảm thiêng liêng của những tâm hồn non trẻ, ai cũng muốn len vào gần Bác hơn, được nhìn Bác rõ hơn và được nghe Bác nói chuyện như một người Chạ lâu ngày gặp lại!

Vì để giữ an toàn cho Bác, các đồng chí cảnh vệ đã khéo đưa Bác ra cổng, đồng chí Quang Trung nói to: “Các đồng chí xem kia, Bác đã ra cổng rồi!”. Bao con mắt thất vọng luyện tiếc nhìn ra cổng và thấy Bác đứng trên xe cảnh vệ vẫy

tay cười. Mọi người đành quay về với bao nỗi niềm thương nhớ Bác!

Xong nhiệm vụ, đơn vị chúng tôi lại được lệnh hành quân về Thanh Hóa phục vụ cán bộ miền Nam ra tập kết, đơn vị do bác sĩ Bạch Quốc Tuyên làm đội trưởng, gọi tên là Đội điều trị 9 Cục Quân y.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, kể từ ngày tôi ở trong quân ngũ từng ấy thời gian gắn bó với đồng đội đã để lại trong tôi những kỷ ức không thể nào quên!



“CUỘC CHẠY VIỆT DÃ QUÁI ĐẢN”

*(Chuyện kể của đồng chí
TRẦN MINH HỒNG,
Nguyên Trung đội trưởng, cán sự
chính trị Đại đội 399, Tiểu đoàn 89,
Trung đoàn 36, Đại đoàn 308)*

Trong tập “Kết thúc những ảo tưởng” khi nói về cuộc truy kích của lực lượng Việt Minh phối hợp với quân Pathét Lào dọc phòng tuyến sông Nậm Hu trước khi quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhà báo Pháp Robert Guillain đã có một nhận xét thú vị: “Đây là một cuộc chạy việt dã quái đản xuyên qua rừng rậm, vượt lên trên sức của bất kỳ đội quân nào!”. Tôi may mắn tham gia sự kiện đó - một cuộc hành quân dài 200 km nhằm

cắt đứt hành lang Điện Biên Phủ và Luang Prabang mà địch mới thiết lập, hoàn thành thế bao vây cô lập tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngày ấy, một ngày cuối tháng 1 năm 1954, đơn vị chúng tôi đang giấu mình trong những cánh rừng phía tây Mường Thanh, chuẩn bị cho trận tiến công “tốc chiến tốc thắng” tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Mọi việc chuẩn bị sắp hoàn tất cho giờ G nổ súng thì bỗng nhiên, ngày 26 tháng 1, chúng tôi linh cảm có điều gì khác lạ. Buổi chiều có lệnh thay đổi, bỏ lại tất cả những thứ không cần thiết, trang bị thật gọn nhẹ, khẩn trương chuẩn bị hành quân. Anh em băn khoăn không hiểu vì sao?

Chúng tôi, mỗi người với khẩu súng và một số cơ đạn trên vai, thắt cái “ruột tượng” đựng hai ngày gạo rang vào lưng rồi gấp rút lên đường. Xuyên rừng chiều, cả Đại đoàn 308 chia thành hai cánh quân, vượt biên giới sang đất bạn Lào. Tiểu đoàn 89 chúng tôi được “lãnh ấn” tiên phong đi đầu đội hình Trung đoàn 36 tiến về hướng Nậm Bạc - Luang Prabang.

Nửa đêm hôm đó, trong lúc chúng tôi đang bị bỡ ngỡ lội suối gần biên giới thì được tin địch ở đồn tiền tiêu Nga Na Song trên đất bạn vừa rút chạy. Thế là bắt đầu cuộc truy đuổi, lúc đi lúc chạy, đơn vị nào khỏe được phép vượt lên trước, đơn vị đi đầu gặp địch là đánh, đơn vị sau nếu không cần yểm trợ chiến đấu thì cứ vượt qua tiến lên trước, tiếp tục bám đuổi địch.

Quân địch ở Nga Na Soong rút chạy trước chúng tôi gần mười tiếng đồng hồ nhưng đến trưa hôm sau - ngày 27 tháng 1 - đã bị chúng tôi đuổi kịp. Chúng không ngờ quân ta “thần tốc” đến thế nên gặp là hoảng loạn, chống cự yếu ớt. Đại đội đi trước nổ súng, địch bỏ chạy tán mác. Đại đội 399 chúng tôi vượt lên dẫn đầu đội hình tiểu đoàn, băng qua hiện trường ngồn ngồn chiến lợi phẩm. Đây là một nguồn cung cấp bánh quy, đồ hộp bổ sung vào cái túi lương thực đường trường. Dù đi thêm hàng trăm cây số đường rừng hoang vắng, chúng tôi không phải lo lắng vì khẩu phần hai ngày gạo rang vẫn còn bên lưng.

Rừng Lào về mùa khô xơ xác cây lá. Những rừng xăng lẻ, rừng khộp, nứa, vầu đại ngàn tiếp nối, nhiều đoạn đường rừng vất nhiều vô kể, chúng vươn đầu ngo ngoáy dưới chân bước, tua tủa như những bàn chông. Lại có ngày hành quân toàn qua đồi trọc, hết triền núi này đến triền núi khác, thi thoảng mới gặp một con suối với những bản Mèo và những nương lúa, nương thuốc phiện. Nhiều anh em chúng tôi lần đầu nhìn thấy loại cây thuốc phiện chết người này với những bông hoa trắng, tím, hồng, trông thật quyến rũ.

Trải qua tám ngày đêm xuyên rừng vượt núi truy kích địch, các đại đội trong Tiểu đoàn 89 luân phiên nhau dẫn đầu đội hình trung đoàn, trên đường truy kích đã đụng độ với địch gần mười trận, tiêu diệt, bắt sống và làm tan rã hàng trăm tên địch.

Đến chiều ngày 2 tháng 2, chúng tôi tới Nậm Bạc. Thật

mát mắt khi nhìn thấy màu xanh của lúa trải ra giữa một thung lũng phì nhiêu. Có một khu đồn lớn và sân bay địch, xung quanh những bản làng trù phú san sát những ngôi nhà sàn bên hàng dừa xanh. Một con sông nhỏ uốn lượn bên những thửa ruộng bậc thang. Anh em chúng tôi băng rừng vượt núi, vừa hành quân vừa tác chiến, đến đây chưa kịp thở thì tiểu đoàn Nguyễn Liệu chớp thời cơ ra lệnh nổ súng tấn công, địch hốt hoảng rút chạy, bỏ lại nguyên vẹn kho tàng.

Giải phóng xong Nậm Bạc, Đại đội 399 nhận ngay lệnh lên đường. Đại đội trưởng Nguyễn Hữu Hành phổ biến nhiệm vụ mới, đốc thúc anh em ăn vội bữa cơm chiều, bổ sung thêm món chiến lợi phẩm lương khô “hảo hạng” lại tiếp tục hành quân.

Rời thung lũng Nậm Bạc, chúng tôi hướng tới Nậm Ngà. Đang đà chiến thắng, cán bộ chiến sĩ hào hức, quên cả mệt nhọc, hăng hái lên đường. Trừ Trung đội 1 ở lại Nậm Bạc tham gia thu dọn chiến trường, đại đội chúng tôi còn bảy mươi tay súng. Đi cùng còn có hai cán bộ cấp phó tiểu đoàn 89 và trung đoàn phó Ngô Ngọc Dương, phó chính ủy trung đoàn Phạm Hồng Cư trực tiếp xuống đốc chiến, luôn có mặt trong đội hình đơn vị dẫn đầu.

TRẬN “TAO NGỘ CHIẾN” NGÃ BA NẬM NGÀ

Rời khỏi thung lũng Nậm Bạc, trời đã tối mịt. Đường càng đi càng khó; chúng tôi mò mẫm bám theo nhau. Đom đóm lập lòe bay trên đội hình hành quân như trêu đùa, anh

em quờ tay bắt, xiết lên ba lô, hoặc cài sẵn miếng gỗ mục phát sáng để dễ nhận ra nhau. Càng về khuya, đôi mắt càng díp lại mà đôi chân cứ bước như một cái máy; ngại nhất là lúc đội hình dồn lại, người đi trước mỗi khi di chuyển chủ động lay gọi người đi sau. Cái tuổi mười tám, đôi mươi của chúng tôi được thử sức.

Nửa đêm có lệnh dừng lại. Hai trung đội của Hoàng Như Phan và Phạm Thế Trung đi trước và sau đội hình cắt cử người canh gác, còn chúng tôi đặt ba lô xuống, lựa thể nằm là ngủ thiếp đi ngay; đâu ngờ rằng có một cánh quân địch đông tới sáu, bảy trăm tên trên đường thảo chạy từ Mường Sài về Nậm Ngà, đang trú quân gần đây, hướng hành quân của chúng đâm thẳng vào đội hình chúng tôi đang nằm. Mãi đến sáng ra nhìn lại, tôi mới biết đây là một ngã ba, nơi con đường rừng chúng tôi đang đi men theo một con suối khá rộng gặp nhánh đường rừng từ Mường Sài tới, hợp lại đi thẳng về hướng Nậm Ngà. Mặt đường lồi lõm vết chân trâu, vậy mà đêm qua đặt lưng xuống, chúng tôi đã đánh một giấc ngon lành.

Khi chúng tôi được báo thức thì mặt trời đã ló dạng trên cao nhưng sương mù vẫn còn phủ trắng, cách mười thước không nhìn rõ mặt người. Tôi vươn vai đứng lên mà chân như chực khụy xuống, găng gượng lò dò từng bước, một lát sau mới quen dần. Xuống suối, tôi vục mặt trong dòng nước mát, rửa các kẽ chân suốt ngày ngâm trong đôi giày ba-ta sũng nước đã lở loét, trắng bệch.

Ít phút sau, có lệnh chuẩn bị hành quân. Tôi vừa choàng khẩu tiểu liên K50 lên người đã giật nảy mình khi nghe tiếng đạn K50 nổ vang từ phía Trung đội 2 và tiếng hét “có địch”. Bất giác chúng tôi như một phản ứng dây chuyền, tất cả đều kêu to “có địch” và cắt rừng ào ạt lao về phía có tiếng súng. Đang mong gặp địch nên anh em rất phấn khích, các loại súng thi nhau nhả đạn. Địch bắn trả, đạn đạn chéo trên đầu, cành lá gãy đổ, những thân cây bị xé toạc ném vung vãi. Một trận “tao ngộ chiến” diễn ra ác liệt. Thì ra tiểu đoàn ngự Thái số một (1er BAT) tăng cường lực lượng đồn trú từ phía Mường Sài kéo về Nậm Ngà, tới qua chúng dừng lại trú quân cách đây chừng một cây số. Sáng ra, địch hành quân sớm, bộ phận đi đầu có tổ “xích hầu” sục sạo với trung đại liên yểm trợ vừa ra khỏi khúc quanh bìa rừng thì vấp phải trạm cảnh giới của ta. Tiểu đội phó Thúy, người đứng gác cuối cùng vừa được lệnh rút về hành quân thì trông thấy địch. Giây phút bàng hoàng, ngơ ngác nhìn nhau, Thúy định thần trước, anh kêu lên “có địch” rồi quét luôn một loạt K50 quật ngã chúng, giành thế chủ động cho ta. Địch bị tấn công phủ đầu quyết liệt, hốt hoảng tưởng sa vào trận địa phục kích, lúng túng bắn trả, yểm trợ nhau tháo chạy. Bị quân ta ráo riết truy kích, cả tiểu đoàn địch trong tư thế hành quân chiến đấu, với quân số và hỏa lực mạnh, vẫn bị tan vỡ từng mảng, chỉ còn không đầy hai trăm tên lui về đến chỗ trú quân đêm qua, lợi dụng công sự sẵn có, chúng dừng lại để thu thập tàn quân. Lực lượng của ta vốn mỏng, chỉ bằng một

phần mười lực lượng địch, lại rải ra tác chiến đuổi địch suốt trên một cây số, đến đây chỉ còn khoảng bốn mươi tay súng, cũng không thể tiến thêm được nữa, hai bên chiếm hai ngọn đồi cách nhau chừng hơn trăm mét, ở giữa là một cái lõm hình yên ngựa.

Tôi đang đôn đốc anh em đào công sự thì phó chính ủy trung đoàn Hồng Cư đến hạ lệnh tôi quay về phía sau thay chính trị viên đại đội Tân để giải quyết “hậu chiến”. Quãng đường dài hơn một cây số ngổn ngang súng đạn của địch tháo chạy vứt bỏ và hàng trăm tên địch tan tác còn lẫn quất quanh đây. Khẩu K50 của tôi đã bắn nhiều nên tôi nhặt thêm một khẩu tiểu liên Thompson còn đầy đạn choàng lên người. Càng gần tới ngã ba nơi chạm trán giữa ta và địch, quang cảnh chiến trường càng bẽ bộn ngổn ngang, càng thấy nhiều xác địch rải rác đó đây. Một tên da trắng bị trúng đạn vào đầu, nằm úp xấp ven đường, nó bị thương đã gần một tiếng đồng hồ rồi mà vẫn còn sống, vẫn rên rỉ. Tại khúc quanh đường rừng nơi bắt đầu trận đánh, một tên lính da trắng khác bị đạn trúng chân, chắc là sĩ quan chỉ huy đơn vị đi đầu vì nó đã lột lon, bỏ áo cởi trần ngồi ngay giữa đường đi. Nhìn cái thế ngồi của nó khi trúng đạn, mặt quay về phía quân ta, cái bộ ngực lông lá và nhất là cặp mắt xanh lè cứ giương lên nhìn, tôi đột ngột giận sôi lên, chỉ vào mặt nó, bắt dẹp vào bên đường, quên bẵng đi nó đang bị thương. Đáng ra nói “Vas t'en” thì tôi buộc miệng nói “Allez” rồi chỉ tay vào bên đường tiếp “ici”. Về mặt tôi có lẽ “dữ” nên tôi thấy

nó tái mặt đi và vội vàng lê lết vào ngay chỗ tay tôi chỉ.

Gặp anh Tấn đang tát bật chỉ huy thu dọn chiến trường, tôi nhận bàn giao và tiếp tục công việc của anh, với một tiểu đội trong tay, phải thu gom chăm sóc hơn một chục thương binh tử sĩ của ta, tiếp tục truy bắt cai quản đám đông tù binh địch đã tới hơn sáu mươi tên. Ngoài ra, còn trên bốn mươi người dân ở tỉnh Phú Thọ bị địch càn quét bắt làm tù nhân nhà binh người Bắc kỳ (chúng gọi họ là PMT - prisonniers militaires Tonkinois), đưa sang Lào, buộc đi theo tiểu đoàn 1er BAT làm phu khuân vác. Tôi động viên và sử dụng ngay họ vào việc tỏa đi khắp rừng tìm kiếm cho bằng hết thương binh tử sĩ của ta có thể còn sót lại.

Lúc này, xảy ra một chuyện: khi đồng chí Dược, y tá đại đội, bảo hai bác PMT đã đứng tuổi, trông hiền lành đứng đắn, khiêng chuyển một cáng thương binh của ta, tôi thấy hai bác này lại tỏ ra trù trừ ngần ngại. Bực mình, tôi trách mắng thì hai bác òa lên khóc. Họ trật áo cho tôi xem, hai vai của họ sưng tấy lên đỏ hồng như hai khối u nhọt động máu sắp vỡ. Hai bác kể: Bọn địch coi PMT như những con lừa con ngựa, trút mọi thứ bắt mang vác. Hôm qua có mấy PMT kiệt sức quy xuống bị chúng bắn bỏ xác bên đường. Hai bác nghẹn ngào nói trong nước mắt: “Đêm qua chúng em trần trọc không ngủ được, đoán chắc rằng hôm nay sẽ là ngày cuối của cuộc đời vì không thể cố gắng kéo lê được thân xác “ngựa thồ” thêm nữa. Đến giờ giao thừa, mọi người ngồi dậy ôm nhau khóc, trấn trối những lời sau cùng để ai còn sống

sót về kể lại cho gia đình vợ con quê nhà. May nhờ ơn cứu tử của bộ đội...”.

“Giao thừa” - “Giờ giao thừa”... nghe hai bác PMT nói, chúng tôi mới biết đêm qua là đêm cuối cùng của năm Quý Ty, trận đánh sáng nay đúng vào sáng mừng một tết Giáp Ngọ, một trận đánh thắng to đón mùa xuân mới. Trận đánh đầu xuân này được Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuốn “Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử” (trang 131) nhận xét là “trận đánh lớn nhất trên đường truy kích” trên đất bạn Lào mùa xuân năm 1954.

Hải Tân (ghi)



TÌNH NGHĨA SÂU ĐẬM TRÊN TUYÊN ĐƯỜNG VẬN TẢI CHIẾN DỊCH

Thiếu tướng

ĐẶNG HUYỀN PHƯƠNG

*Nguyên Phó Chủ nhiệm-Tham mưu
trưởng Tổng cục Hậu cần*

Những ai đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ - kể cả chiến đấu ở tuyến trước và phục vụ ở tuyến sau - ắt sẽ không bao giờ quên những kỷ niệm sâu sắc, những hình ảnh đẹp đẽ, tình nghĩa quân dân, tình nghĩa đồng đội đã cùng nhau dồn sức, dồn lực, cùng nhau quyết chí, quyết tâm, quyết chiến, quyết thắng vượt mọi khó khăn gian khổ ác liệt trong bom đạn để góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Là người được trên giao nhiệm vụ phụ trách một đơn vị vận tải cơ giới phục vụ chiến dịch nên trong tôi đã lưu lại nhiều kỷ niệm sâu sắc, tình nghĩa trên trận tuyến này. Vận tải là một trong những mặt công tác khó khăn, vất vả, gian khổ, nguy hiểm nhất của hậu cần lúc đó. Suốt đêm ròng rã căng thẳng trên đường, vừa phải đối phó với mọi thủ đoạn đánh phá ác liệt của địch, vừa phải khắc phục mọi sự cố trên đường. Máy bay địch thường xuyên lùng sục bắn phá, ném bom, xả đạn xuống đường mà đường thì nhỏ hẹp, đèo cao, suối sâu, cua gấp, tầm nhìn của lái xe thì rất hạn chế, do ánh sáng bằng đèn gầm (chỉ có một đèn lắp dưới gầm xe phía trước, ánh sáng không hắt lên trên để máy bay địch không phát hiện được). Vì vậy độ chiếu sáng ra phía trước trên mặt đường chỉ được vài ba chục mét, nên lái và phụ xe phải tập trung mọi nỗ lực (cả tinh thần, tư tưởng và kỹ thuật) để bảo đảm an toàn cho xe, vừa tránh được bom đạn, vừa vượt qua được những đoạn đường chật hẹp, bị sụt lở, lầy lội... Khi trời hơi hửng sáng chúng tôi liền phải tìm chỗ giấu xe, giấu hàng và nguy trang kín đáo rồi mới yên tâm ngả lưng chợp mắt giây lát, lại vội vàng phải dậy chuẩn bị xe để tôi còn đi tiếp lên tuyến trước.

Có biết bao những kỷ niệm sâu sắc về Điện Biên Phủ, tuy đã 50 năm rồi nhưng vẫn lưu lại trong ký ức tôi. Trong một bài viết không thể kể hết được nên tôi chỉ xin được hồi tưởng lại hai câu chuyện tình nghĩa rất sâu đậm về quan hệ quân ô dân, quan hệ cấp trên ô cấp dưới mà tôi được trực tiếp tiếp xúc và xử lý.

CUỘC LIÊN HOAN BẤT NGỜ CHIỀU HÔM ẤY

Suốt cả đêm căng thẳng, mệt mỏi, chúng tôi phải tranh chấp từng đoạn đường với con “đầm già” (loại máy bay trinh sát cánh quạt của Pháp hồi đó mà cánh lính nhà ta hay gọi thế). Hễ nó lượn khuất sang bên kia đèo, thì chúng tôi lại tranh thủ vù ga chạy được một đoạn, nếu nó lượn vòng lại thì xe phải tắt máy, tắt đèn, đứng chờ nó lượn sang vòng khác mới đi tiếp. Khi gặp đoạn đường bị bom đạn làm sụp lở hoặc đường đèo quá hẹp, chúng tôi phải chờ cho xe bên kia đèo sang hết, xe mình mới đi tiếp được. Suốt đêm căng thẳng, vất vả mà cũng chỉ đi được khoảng năm chục km trên tuyến đường trọng điểm này.

Chuyến xe ấy, đơn vị chúng tôi vận chuyển xăng, vì vậy khi trời hửng sáng, xe đến chỗ giấu, lại phải hạ 12-13 phuy xăng trên xe xuống phân tán cất giấu ở các hốc đá, ngách đất, bên bìa rừng và nguy trang chu đáo cho xe và hàng, mới yên tâm nghỉ ngơi, chợp mắt, thư giãn được. Trong lúc mơ màng, tôi bỗng nghe có tiếng quát tháo âm ỉ từ mấy chiếc xe giấu ngoài bìa rừng:

- Đoàn xe nào đây? Ai lái xe này? Ai chỉ huy?

Chỉ nghe tiếng quát tháo, không nghe tiếng trả lời đáp lại. Chắc anh em mình sợ nên không dám lên tiếng chẳng? Tôi nghĩ vậy và nhồm dậy nhìn về phía có tiếng quát. Đúng là ông Đinh Đức Thiện¹ Cục trưởng Cục Vận tải rồi. Ông ta đang đi

1. Sau này đồng chí được phong quân hàm Thượng tướng - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng phụ trách hậu cần, kỹ thuật và công nghiệp quốc phòng. Đồng chí đã vĩnh viễn ra đi từ đầu năm 1987.

về phía tôi, vừa đi vừa quát tiếp:

- Chúng nó đâu cả rồi, dậy nguy trang lại mau hay để máy bay đến ném bom đốt trụi cả khu rừng này?

Chuyến này đến lượt đơn vị mình “ăn kỷ luật” đây. Tôi thăm nghĩ thể và sẵn sàng chống đỡ những lời quát tháo của ông. Ông đi thẳng đến trước mặt tôi hỏi: - Ai lái xe này?

Với cặp mắt ngờ ngợ nhìn tôi, (chắc ông nhớ lại đã gặp tôi khi tôi về nhận công tác ở Cục Vận tải, hồi 5.1950 chẳng?).

Tôi trả lời ông:

- Báo cáo, tôi lái xe này ạ!

Ông có vẻ giận dữ, cau có nhìn tôi hỏi lại:

- Tinh thần yêu xe như con, quý xăng như máu để đâu mà nguy trang xe thể này à? Đi từ xa đã nhìn rõ cả mấy bánh xe.

Tôi bình tĩnh chống chế lại:

- Máy bay trên trời nhìn xuống thì thấy thế nào được cả bánh xe như đồng chí đi bộ từ ngoài nhìn thẳng vào ạ.

Tôi tưởng lý lẽ của tôi được ông chấp nhận, nhưng không ngờ lại làm ông giận dữ thêm, bực tức thêm, nên ông lại quát tiếp:

- Lại còn cãi à! Có đi nguy trang lại ngay không hay muốn ăn kỷ luật? Ai chỉ huy đơn vị này thì bảo nó đúng 13h30 chiều nay vào binh trạm, kiểm điểm và nhận kỷ luật.

Ông nói xong rồi bực bội bỏ đi ngay, khiến tôi không

kip báo cáo giải trình gì thêm nữa. Tôi biết ông từ hôm đầu tiên về Cục nhận công tác! Tinh tinh ông nóng nảy thế thôi nhưng ông là một người cấp trên có trách nhiệm. Ông nhắc nhở như vậy là đúng, không thể ngụy trang sơ sài coi thường máy bay địch được.

Khi nghe tiếng quát tháo âm ỉ, anh em lái-phụ xe của đơn vị cũng đã tỉnh dậy và chứng kiến cuộc đối thoại ngắn ngủi căng thẳng giữa tôi với ông - người vốn nổi tiếng nóng như lửa mà hầu hết lái xe đều biết đến...

Thế rồi, mọi người đều tự động đi ngụy trang lại xe, hàng. Cả đơn vị ái ngại cho tôi về việc chiều nay phải vào binh trạm, kiểm điểm và nhận kỷ luật.

Anh em đều đồng thanh:

- Nếu có kỷ luật thì chúng tôi cùng chịu.

Tôi vô cùng cảm động. Tình nghĩa đồng chí, đồng đội ngọt bùi, đắng cay cùng chia sẻ, thật ấm cúng và thiêng liêng! Tôi là chỉ huy đơn vị, nếu có khuyết điểm đến mức phải kỷ luật thì tôi sẵn sàng gánh chịu... Nghĩ vậy, tôi gật đầu thâm cảm ơn anh em rồi nhắc nhở mọi người lần sau phải cất giấu, ngụy trang xe và xăng chu đáo hơn.

Buổi chiều, cả đơn vị vừa tranh thủ kiểm tra sửa chữa xe chuẩn bị để tối đi tiếp, vừa bồn chồn chờ đợi tôi vào binh trạm để kiểm điểm, nhận kỷ luật.

Đúng 13h30, tôi vào đến binh trạm bộ. Lúc này, tôi được biết thêm, đồng chí Cục trưởng và một số cán bộ của Cục đi kiểm tra công tác trên toàn tuyến, hôm nay đến tuyến

binh trạm này. Cán bộ hậu cần, cán bộ vận tải các đơn vị đều về dự họp đông đủ. Chiều nay, đơn vị mình sẽ được “bêu danh” giữa chôn “ba quân” này đây! Tôi nghĩ vậy và lặng lẽ đi vào phòng họp. Không ngờ, vừa nhìn thấy tôi, ông lại quát tiếp:

- Cán bộ chỉ huy đâu mà lái xe phải đi họp thay?

- Báo cáo: Tôi là chỉ huy đơn vị vận tải mà sáng nay đồng chí đến kiểm tra đây ạ!

Ông bị bất ngờ về câu trả lời trên, hỏi lại:

- Đồng chí là lái xe cơ mà?

- Vâng, vì chiều qua khi đoàn xe chuẩn bị lên đường thì nhận được thông báo đồng chí nào là chiến sĩ thi đua năm 1953 thì quay về Cục họp tổng kết. Vì đơn vị không có lái xe dự bị, nên tôi phải trực tiếp lái thay xe cho đồng chí chiến sĩ thi đua được về Cục họp ạ!

Ông nhìn kỹ tôi một lần nữa và hỏi:

- Ai để các đồng chí đói mà gầy gò, hốc hác, xanh xao thế này?

Nghe giọng nói và cử chỉ lúc này của ông, tôi biết ông đang xúc động. Thái độ ân cần của ông lúc này khác hẳn với sáng nay, khi ông đến kiểm tra đơn vị. Tôi trình bày:

- Báo cáo! Chúng tôi đã thức suốt đêm trên đường hàng tháng nay rồi. Ban đêm thì căng thẳng vì đường đèo dốc chật hẹp khó đi, trên trời thì máy bay địch thường xuyên gầm rú, lừng sục, mà đáng lo nhất là đơn vị chúng tôi chở xăng, nếu một xe nào trúng đạn thì có thể cháy cả đoàn xe. Ban ngày

thì chỉ chớp mắt được một lúc lại dậy chuẩn bị tôi đi tiếp, và lại máy bay cứ bay vè vè trên đầu, nằm không yên, nên cả đơn vị vừa căng thẳng mệt mỏi, vừa thiếu ngủ hàng tháng nay ă!

Ý kiến trình bày của tôi đã làm cho ông trầm hẳn đi. Khuôn mặt lúc giãn ra lúc nhú lại. Vốn tính tình nóng nảy mà lúc này ông chỉ ngồi yên nghe tôi báo cáo. Nghe xong, ông không còn nóng giận như hồi sáng mà chỉ ân cần dặn dò tôi phải chăm sóc sức khỏe anh em, chiến dịch còn dài ngày, nên nhắc nhở anh em phải ngủ yên xe và hàng chu đáo. Nói rồi ông ra lệnh cho chỉ huy binh trạm bắt con lợn to nhất trong chuồng, cho người khiêng ra đơn vị để bồi dưỡng cho anh em lái-phụ xe.

Tôi thật sự ngạc nhiên và bất ngờ trước cử chỉ tình nghĩa đó của ông. Sáng nay, ông còn giận dữ quát tháo âm ỉ mà bây giờ lại nhẹ nhàng bảo ban tôi và còn ra lệnh cho binh trạm bồi dưỡng cho đơn vị chúng tôi cả con lợn to nhất trong chuồng.

Một chỉ huy cấp trên thật đáng trân trọng, đối với công việc thì dứt khoát, nghiêm túc nhưng đối với quan hệ cấp trên - cấp dưới thì nhân ái, nghĩa tình.

Tôi vừa đi vừa miên man suy nghĩ cho đến khi về đến đơn vị. Lúc này, anh em đang chuẩn bị xe mà lòng thì sốt ruột đợi tôi đi họp về. Từ xa, có đồng chí đã nhìn thấy hai người khiêng một con lợn khá nặng đang vác vác đi sau tôi.

Chuyện gì lạ thế này? Cả đơn vị xì xào bàn tán về việc tôi

vào bình trạm nhận kỷ luật mà sao bây giờ lại thấy tôi đi họp về có cả người khiêng lợn đi theo tôi? Anh em chạy lại vây quanh tôi và hỏi họp chờ đợi. Tôi thông báo:

- Chúng ta nhận kỷ luật con lợn.

Mọi người chưa hết ngạc nhiên, tôi nói tiếp:

- Giao cho các đồng chí quản lý, anh nuôi kỷ luật con lợn ngay chiều nay. Ai chuẩn bị xong xe rồi thì đến giúp anh nuôi một tay. Bây giờ đã 15h30 rồi, cần khẩn trương kỷ luật con lợn xong trước 17h để còn kịp lên đường đi tiếp vào tuyến trước.

Ôi! Thật bất ngờ, cả đơn vị reo lên sung sướng. Tôi nhắc nhở và uốn nắn đôi lời:

- Này! Đừng có tưởng là cứ nguy trang sơ sai để được nhận kỷ luật con lợn nữa đâu, đến lúc đó là kỷ luật con người đây!

Có tiếng nói to đáp lại:

- Vâng! lần sau chúng tôi nguy trang tốt hơn để được nhận kỷ luật con lợn to hơn ạ!

Cả đơn vị cười xòa vui vẻ, mỗi người một việc khẩn trương chuẩn bị để tối lên đường vào tuyến trước.

Thế rồi, cuộc liên hoan chiều hôm ấy của đơn vị, với gần hai chục người - vừa chớp nhoáng, vừa bất ngờ. Tuy không có chuyện cụng ly, cụng cốc và lầu lung như ngày nay, chỉ có cá khô kho mặn, rau rừng như thường lệ và có thêm món thịt luộc với lòng lợn chấm nước muối, nhưng thật vô cùng xúc động, đầy ấp tình nghĩa đồng chí, đồng đội trên tuyến

đường vận tải trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm ấy. Mãi mãi vẫn sâu lắng trong tôi!

TIẾNG HÒ ĐẨY XE TRÊN ĐÈO PHA - ĐIN

Vào một đêm giữa tháng ba năm 1954, khi trung đội xe vận tải chúng tôi qua khỏi đỉnh đèo Pha - Đin thì gặp ngay biển báo: “ Ở phía trước còn có bom nổ chậm” và một cái ba-ri-e chắn ngang đường. Tình hình thật căng thẳng, bức xúc. Nếu chờ đợi thì biết bao giờ bom mới nổ, và khi bom nổ rồi thì đường bị hỏng, cả đoàn xe ùn lại sẽ là mục tiêu đánh phá của không quân địch, hàng trên xe sẽ không chuyển kịp lên phía trước. Lời dạy của Bác: “Yêu xe như con, quý xăng như máu” đã thành tâm tư, tình cảm rất thiêng liêng trong mỗi người chúng tôi. Không thể để “con mình” tổn thương, “máu mình” bị chảy. Thoáng nghĩ vậy, nên với trách nhiệm là trung đội trưởng, từ trên xe đi đầu, tôi liền nhảy xuống và chạy đến gặp đồng chí gác ba-ri-e để tìm cách thuyết phục. Ba-ri-e được mở ra, tôi liền ra hiệu cho các xe khẩn trương vượt qua. Đến xe cuối cùng thì đồng chí lái xe lúng túng đi trật vệt đường nên xe bị sa lầy. Tình huống thật nguy hiểm, thời gian đang nhích dần đến giờ bom nổ. Phải có cách gì giải quyết thật khẩn trương mới thoát nạn, mới bảo đảm an toàn cho xe và hàng chở trên xe. Không thể chậm trễ được nữa, tôi liền chạy ngược lại chỗ chị em dân công đang bị chặn lại bên kia ba-ri-e để yêu cầu ứng cứu. Lập tức, hơn chục cô dân công lao thẳng ra, xúm vào đẩy xe. Thật hồn

nhiên và vô tư, một câu hò được cất lên:

“Chúng em là gái gửi thô (hò lơ)

Gặp anh (là anh) bộ đội (bộ đội cụ Hồ) lái xe (hò dô ta này).

Câu hò như tiếp thêm sức mạnh đẩy xe vượt lên được một vòng bánh xe. Lại một câu hò tiếp:

“Thương anh nguy hiểm chẳng nề (hò lơ)

Đánh xong (là xong) giặc Pháp, nhớ về (là về) thăm em (hò dô ta này)”.

Lập tức, chiếc xe chồm lên vượt qua khỏi bãi lầy. Ôi! Sức mạnh của ý chí, quyết tâm, của tinh thần đoàn kết quân ô thật tuyệt vời làm sao! Tôi chỉ kịp nghĩ vậy, vội nói lời cảm ơn và lời chào tạm biệt để cho xe tiếp tục lên đường. Đoàn xe rô ga vượt ra khỏi khu vực nguy hiểm, các cô cũng nhanh chóng chạy ngược về chỗ cũ.

Đoàn xe vừa chạy được một đoạn thì bỗng “ầm”, một tiếng vang động cả núi rừng. May quá, hơn chục cô dân công cùng cả đoàn xe chúng tôi đều an toàn, thoát khỏi khu vực bom nổ để tiếp tục lên đường phục vụ chiến dịch.

Đến nay đã hơn 50 năm rồi mà lời hẹn ước “đánh xong giặc Pháp nhớ về thăm em” vẫn chưa thực hiện được, vì lúc đó quá vội, các anh không kịp hỏi họ tên, quê quán các em nên không biết để tìm về thăm các em năm ấy được. Còn bây giờ, chúng tôi đã qua độ tuổi “thất thập cổ lai hy” cả rồi, chỉ xin được cùng “các cụ” gợi nhớ lại tiếng hò đẩy xe trên đỉnh đèo Pha - Đin năm ấy.

MỘT MỆNH LỆNH NGẮN GỌN CÓ TÍNH QUYẾT ĐỊNH

NGUYỄN HẢI

Tôi được quyết định làm Đặc phái viên của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng Tư lệnh trực tiếp chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Thế trận chiến dịch lúc bấy giờ ở Điện Biên Phủ sau khi Đại đoàn 312 và Đại đoàn 308 đánh tiêu diệt hai cứ điểm Him Lam và Độc Lập, hai cứ điểm mạnh nhất án ngữ con đường vào khu trung tâm tập đoàn cứ điểm ở Mường Thanh địch phải rút lui khỏi đồn ở Bản Kéo. Đại đoàn 308 tiến hành bao vây phía tây Mường Thanh, phía đông Đại đoàn 312 và 316 đã đánh chiếm một số cứ điểm dãy đồi phía

đông: đồi Đ, C...; nơi đang tranh chấp giữa địch và ta, nhất là ở đồi A1 giành giết từng thước đất rất gay go quyết liệt. A1 là cứ điểm mạnh và trọng yếu để bảo vệ sở chỉ huy Mường Thanh. Trung đoàn 9, Đại đoàn 304 bao vây chia cắt cụm đồn Hồng Cúm cô lập với trung tâm Mường Thanh. Các đơn vị pháo binh 105, cao xạ 37 bố trí xen kẽ với đội hình bộ binh yểm trợ đặc lực cho bộ binh chiến đấu. Vòng vây ngày càng khép kín, có hệ thống giao thông hào nhiều tuyến với trận địa hỏa lực và cách đánh lấn của ta làm địch khiếp sợ, quân ta mặt đối mặt bám sát tiến dần như thắt cổ họng địch. Ở Mường Thanh thương binh rất nhiều, địch không còn chỗ chứa nên rất nguy khốn. Chúng tính toán không thể tổ chức đường máu chạy thoát qua Lào nên tìm cách chống trả quyết liệt, chỉ còn mong vào đường hàng không thả dù tiếp tế nhưng bị quân ta chiếm được nhiều. Do đó chúng ý thức được sự thất bại đã cận kề.

Sở chỉ huy chiến dịch ở Mường Phăng khi tôi đến nhận nhiệm vụ gặp đồng chí Trần Văn Quang - Cục trưởng Cục Tác chiến bảo tôi lên gặp anh Văn nhận chỉ thị. Khi gặp Đại tướng, nhìn anh hình như đang bị sốt, mắt đỏ thiếu ngủ nhưng anh rất tỉnh táo. Mời tôi ngồi, hai người nhìn bản đồ và anh nói với tôi rất ngắn gọn, rành mạch: "Phái đoàn ta đang đàm phán ở Geneve với Pháp, Thủ tướng Pháp Măng-dit-frăng yêu cầu là cho Pháp hạ cánh ở sân bay lấy thương binh. Cậu xuống bàn với anh Vương Thừa Vũ, anh Song Hào đánh chiếm nhanh cứ điểm 206 trên sân bay (chỉ trên bản đồ) địch đang bảo vệ. Ta làm chủ được sân bay tạo điều

kiện tốt cho phái đoàn ta đàm phán". "Thưa anh rõ, tôi đi ngay". Trên đường xuống Đại đoàn 308, tôi nghĩ phải làm một việc đã rồi đánh chiếm nhanh 206, Pháp không thể đấu tranh với ta xin lấy thương binh (tất nhiên có cả tiếp tế). Tôi xuống 308 có nhiều thuận lợi, nguyên là Tham mưu trưởng đại đoàn nên bàn bạc với các anh cũng dễ dàng nhất trí. Nhưng làm sao phải ra được tận chân đồn 206 quan sát xem cửa đã mở vào đồn được bao nhiêu mét và tổ chức cách đánh. Từ Sở chỉ huy đại đoàn, tôi và anh Vương Thừa Vũ đi theo giao thông hào độ 30-40 phút đến chiến hào 1 cách đồn địch vài trăm mét, rồi theo cái "râu tôm" (đào lẩn vào sát chân đồn địch). Trời tối đen không xem gì được, tôi mới nói với đồng chí Ngọc Dương Tiểu đoàn trưởng 70, Trung đoàn 36 bắn cho mấy phát pháo sáng nên chúng tôi thấy rất rõ: đã phá được hàng rào dây thép gai, phá nát một lô cốt (tôi nghĩ trong bụng: có thể hạ quyết tâm tấn công được rồi), xem xong chúng tôi rút lui, địch phát hiện bắn vu vơ. Trên đường về chúng tôi trao đổi cách đánh và rất vui, nghe tiếng gọi nhau thay phiên trực chiến đấu và tiếng hát thì thầm ở các hầm bên cạnh lại càng vui thêm. Về lại Sở chỉ huy bàn kế hoạch tấn công, trong Bộ Tư lệnh các anh đều nhất trí hạ quyết tâm và cách đánh ngày N nổ súng, chỉ vài ba hôm diệt cho được vị trí 206 sớm để Phái đoàn ta nói chuyện với Thủ tướng Pháp khi "việc đã rồi", ta đã làm chủ được sân bay. Khi nổ súng, địch trong đồn cứ tưởng như ta đánh lẩn, lui dần vào trong, quân ta đã vào sâu được phần đồn, thừa thắng đánh mạnh thọc sâu diệt và bắt sống toàn bộ. Giải

quyết xong ta làm chủ hoàn toàn sân bay, tổ chức trận tuyến phòng ngự kết hợp với đơn vị Đại đoàn 312 ở phía Đông tiến vào sân bay chia cắt địch cùng tổ chức trận tuyến phòng ngự vững chắc để đánh phản kích. De Castries thăm dòn biết mất sân bay, nên huy động toàn bộ lực lượng cơ động bộ binh, pháo binh, xe tăng phản kích nhưng liên tục thất bại, bị ta đánh lui. Mất sân bay làm rung chuyển các trận địa của địch, trung tâm Mường Thanh mất hết khả năng chiến đấu, phòng thủ; nhiều vị trí đã chuẩn bị cờ trắng. Các đơn vị quân ta bám trụ đánh lấn các vị trí còn đang tranh chấp, nhất là đội A1 trọng yếu bảo vệ cho Sở chỉ huy De Castries. Trung đoàn 174 đang chiếm giữ một phần đồn tấn công chiếm lại toàn đội A1 không khó khăn gì. Trung tâm Mường Thanh có dấu hiệu địch đốt phá kho tàng.

Thời cơ tổng tấn công đã đến, Tổng tư lệnh phát lệnh tấn công diệt và bắt sống toàn bộ. Trên trời máy bay địch bị cao xạ 37 bắn rơi, phi công nhảy dù ra. Dưới mặt đất một đơn vị của Đại đoàn 312 được sự yểm trợ của pháo binh 105 thọc sâu thần tốc tiến vào cắm cờ đỏ sao vàng trên hầm Sở chỉ huy của De Castries, tiếp đó cờ trắng đầu hàng nổi lên như những đợt sóng trông rất ngoạn mục.

Tất cả và tất cả chiến sĩ chiến đấu trên mặt trận Điện Biên Phủ, dân công, thanh niên xung phong phục vụ cho chiến dịch suốt 57 ngày đêm đã hoàn thành nhiệm vụ. Khúc khai hoàn ca “Chiến thắng Điện Biên bộ đội ta tiến quân trở về giữa mùa hoa nở...” của cổ nhạc sĩ Đỗ Nhuận ra đời. Toàn đất nước mừng vui chiến thắng.



HOÀI NIỆM VỀ NHỮNG CÁI TẾT

Đại tá

TRẦN THỊNH TÂN

Nguyên Cục trưởng Cục quân trang,

Tổng cục Hậu cần

Cả cuộc đời binh nghiệp, tôi đã được đón nhiều cái Tết ở nhiều nơi, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau mà mỗi khi nhớ lại, tôi không thể không nhắc đến, đó là những cái Tết thời kỳ đầu quân ngũ của tôi. Thời kỳ đó, mỗi cái Tết qua đi đánh dấu sự trưởng thành, về suy nghĩ, về nhận thức và cả những hành động trong một môi trường tập thể quân đội cách mạng, của một sự phấn đấu không mệt mỏi của tuổi đôi mươi hăng hái năng nổ không sợ gian nguy, có

lúc mang đậm nét mộng mơ.

Còn nhớ lần tham gia chiến dịch Hòa Bình đông xuân 1951-1952 sau khi tiêu diệt điểm cao 400 và 600 ở Ba Vì, đơn vị chúng tôi về đóng quân ở Phú Thọ cũng cố chờ lệnh. Đơn vị tôi đóng trên các triền đồi toàn cọ pha cây tạp quanh làng Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, cách cứ điểm Trung Hà của địch không xa lắm, tại đây chúng tôi được bổ sung quân số trang bị và chuẩn bị đón tết Nhâm Thìn 1952. Năm ấy theo chủ trương của đại đoàn, các đơn vị cần tổ chức cho anh em ăn tết thật vui vẻ mặt tinh thần, lấy đại đội làm cơ sở. Đại đoàn sẽ chấm điểm thi đua, xem lán trại của đơn vị nào đẹp, nhiều bài bích báo hay, văn nghệ có nhiều tiết mục hấp dẫn. Trước không khí nhộn nhịp hồ hởi ấy, lính trẻ chúng tôi đã cùng nhau phát huy trí tuệ, cùng với bàn tay lao động của các “nghệ nhân” từ bốn phương làm những lán trại hoành tráng bằng tranh, tre, nứa, lá... đón một cái tết chiến thắng hòa bình, xua tan những gian khổ, căng thẳng, nằm rừng, lội suối, phục kích chiến đấu trong những ngày qua. Đúng vậy, lán trại mỗi đại đội một kiểu, có đơn vị bố trí chữ điền, có đơn vị theo chữ nhật, chữ nhân, tùy theo thế đồi, có đường vào vị trí chiến đấu, có hầm trú ẩn, có công trình vệ sinh sạch sẽ, sân chơi bóng chuyền, có bảng thông tin bích báo... Tất cả đều nằm dưới tán cọ, bí mật che mắt máy bay địch mà vẫn giữ vẻ cô tịch thủy mặc ẩn hiện xinh xắn của từng cái lán. Về vật chất, ngày tết mỗi cán bộ chiến sĩ được tặng thêm một cân gạo qui đổi, đặc biệt những ngày

này chúng tôi có bánh chè lam, quả đặc sản từ hậu phương Thanh Hóa gửi ra. Đoàn đại biểu nhân dân tỉnh Yên Bái, tỉnh đỡ đầu Trung đoàn 165 mà hồi đó chúng tôi thường gọi là “mẹ nuôi” đến thăm ủng hộ bò, lợn, bánh chưng, bánh dày. Thật cảm động, tình quân dân chứa chan ý nghĩa, hy vọng sẽ có một cái tết đậm đà quyền mùi quê hương.

Cũng không ngờ, chiều 30 tết, trong lúc thi đấu bóng chuyền đang sôi nổi dưới tán cọ thì một chiếc Dakota nghiêng ngó bay qua, bỗng quay vòng lại, một dây bom chừng ba trái toạ độ thả vào làng Cổ Tiết nơi các “thợ nấu” đang trở tài chuẩn bị cho buổi liên hoan “thịnh soạn” tất niên. May mà các thợ nấu toàn là lính thiện chiến nên khi phát hiện chiếc Dakota quay vòng lại họ đã vọt ra tìm nơi trú ẩn nên không có ai việc gì, duy chỉ có thực phẩm, bò, lợn tung tóe, vài ngôi nhà dân bốc cháy. Té ra Cổ Tiết là làng trắng không dân mà địch đã nắm được, nay lại xuất hiện đám khói thui bò nên tung vài chuông, quả là một bài học xương máu để đời. Vậy là mọi chương trình của đơn vị tôi bị đảo lộn hết, tiểu đoàn được lệnh báo động chuyển quân, chỉ để số ít vào làng nhặt nhanh thu gom thực phẩm vương vãi và nổi niêu. Chúng tôi gồng gánh hành quân về Tứ Mỹ để lại một hệ thống lán trại trống rỗng không tiếc nuôi. Đúng là nước sông công lính, đời lính chiến nay đây mai đó là chuyện thường tình.

Đêm đó tại Tứ Mỹ, tiểu đoàn tổ chức đêm liên hoan văn nghệ dưới hình thức lửa trại để đón giao thừa, lại được bà con sở tại ủy lạo và cùng tham gia chương trình, làm cho

không khí đoàn kết quân dân phấn chấn hẳn lên. Đêm 30 tối mịt, giá lạnh, sương mù bao phủ dày đặc cả một vùng đồi cũng không ngăn nổi sự ồn ào vui nhộn. Những “cô gái” quan họ do linh ta đóng giả cũng lòe loẹt son phấn tạo nên không khí tươi mát của đêm giao thừa. Sự căng thẳng, mệt mỏi của trận bom ban chiều dường như cũng nhanh chóng bị lãng quên, thay vào đó là sự bình phẩm xầm xì “cô” này xinh, vai nọ đóng tốt hát hay, thu hút khá đông sự cổ vũ của bà con địa phương và nhóm vừa là khán giả vừa là diễn viên. Buổi liên hoan lửa trại của bộ đội và nhân dân thường được hình thành chỉ trong giây lát chuẩn bị, nói lên ý thức kháng chiến chống xâm lược của bà con luôn sẵn sàng giúp đỡ bộ đội một cách vui vẻ ở mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh. Cái tết Nhâm Thìn năm ấy tuy vật chất chẳng có gì đáng kể nhưng về tinh thần thì đêm liên hoan lửa trại cùng bà con Tứ Mỹ đêm giao thừa đậm tình sâu lắng, lạc quan yêu đời.

Đêm ấy, sau khi thu xếp chỗ nghỉ cho bộ đội ổn định, trung đội trưởng và tôi mới có dịp tâm sự thâu đêm. Chỉ một bánh chè Lam Thanh Hóa và một nửa cái bánh chưng cắt nhỏ, vài miếng thịt bò kho nhặt lại ban chiều đủ để hai anh em nhâm nhi. Nguyễn Chuông, trung đội trưởng (sau này là Sư trưởng và Thiếu tướng Tư lệnh phó Quân khu 2) hỏi tôi:

- Cậu năm nay bao nhiêu tuổi?
- Tròn hai mươi - tôi trả lời.
- Còn trẻ quá mà đã cán bộ trung đội, mình năm nay hai

lắm, đã có gia đình, chưa có con, gia đình mong lắm, tết này là tết thứ năm xa nhà, tiếng là quê ở Phú Thọ, thường đứng chân trong tỉnh, nhưng không có dịp nào tranh thủ thăm nhà, thỉnh thoảng có được tin. Lần hành quân đánh Lai Động, Thu Cúc, đơn vị tạm trú ở Đồn Vàng, nghe tin có dân công huyện nhà ở gần bên, mình xin phép tranh thủ sang hỏi thăm tình hình, không ngờ lại gặp bà xã trong đám này, mọi người riu rít thông cảm thu xếp một góc lán để bọn mình tâm sự, từ đó cũng hơn một năm rồi mà chưa có tin mừng gì.

Tôi hiểu trung đội trưởng của tôi qua sự giới thiệu của Chính trị viên Đại đội 950 lúc bảy giờ. Vì vậy khi được bổ sung về làm phó cho anh, tôi hoàn toàn mãn nguyện tin tưởng. Thật vậy, anh hơn tôi năm tuổi và cũng gần ấy năm quân ngũ, trưởng thành từ chiến sĩ, lăn lộn cùng đơn vị trên chiến trường biên giới Lao-Hà-Yên, mệnh danh là trung đoàn “thành đồng biên giới”. Một con người cương trực, giàu kinh nghiệm chiến đấu lại rất tinh cảm, học văn không cao, chưa qua đào tạo trường lớp nhưng ăn nói lưu loát, nhận xét các vấn đề có sức thuyết phục. Sau này tôi có dịp đọc cuốn tiểu thuyết dài đầu tay của anh mang tựa đề “Đi tới mọi chân trời” do Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân phát hành mới hay được khả năng bẩm sinh của nhà văn không chuyên này.

Đêm đó ngoài những điều bộc bạch riêng tư của hai người. Anh đã mở cho tôi một tầm nhìn, một hoài bão mới là phải phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Lao động Việt.

Nam mới là lý tưởng trọn vẹn của tuổi trẻ, anh đã biến buổi tâm sự để tuyên truyền cho tôi mục đích, tôn chỉ và nhiệm vụ phải phấn đấu vào Đảng. Bài học đầu đời về quan điểm mà anh đã mộc mạc truyền bá, tôi ghi nhớ từng lời. Bài học đêm giao thừa ấy ân trọng và đáng giá, thật không thừa. Hồi đó, vào Đảng không chỉ muốn là được, mà phải có một sự phấn đấu, tự rèn luyện đạo đức, bản thân phải tự xác định được một động cơ đúng đắn vững vàng, không phải vào Đảng để hưởng thụ, mà là gánh vác thêm trách nhiệm đối với Đảng với nhân dân. Nghĩ vậy mà miệt mài phấn đấu trên cương vị của mình... Hai đồng chí được phân công của chi bộ đã chủ động đến với tôi, họ tuyên truyền và thử thách quần chúng cảm tình với Đảng. Lúc này Đảng đã ra công khai rồi, không còn úp mở như thời kỳ tôi học ở trường lục quân năm 1950.

Tết Quý Ty năm 1953 nhằm vào ngày 14.2.1953, sau khi kết thúc chiến dịch giải phóng Tây Bắc, đại đội tôi được bố trí ở Bản Phương, huyện Mường La, cách cụm cứ điểm Nà Sản không xa lắm về hướng Bắc. Tại mặt trận này chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ đồng bào vùng mới giải phóng ăn tết, tuần tra phục kích các toán thám báo biệt kích thăm dò lực lượng ta. Tại đây, tối ngày 11.2.1953, nhằm ngày kỷ niệm thành lập Đảng lần thứ 23 (trước đây ta chưa thống nhất nên còn có ngày 6.1, sau này mới là ngày 3.2), trên một chiếc nhà sàn xinh xắn nép mình bên dải núi đá hùng vĩ của Bản Phương tỉnh Sơn La, đại đội 964 đã tổ chức kết nạp Đảng cho tôi. Trước Quốc kỳ và Đảng kỳ tôi đã tuyên thệ xin gia

nhập Đảng có sự chứng kiến của hai đảng viên chính thức mà trong đó một đồng chí là trung đội trưởng và một đồng chí là tiểu đội trưởng. Tôi được kết nạp trước tết ba ngày, năm ấy chúng tôi vẫn nhận được quà của “mẹ nuôi” Yên Bái đều đặn. Tết Tây Bắc vui, ném “còn” với đồng bào Thái, uống rượu cần, ngôn ngữ tuy chưa thông thạo khi tiếp xúc, nhưng qua những cử chỉ thân thiện, niềm nở, giúp dân thật lòng, làm tốt và thực hiện nghiêm túc 8 điều mệnh lệnh của Bác Hồ khi vào giải phóng Tây Bắc thì có gì mà dân không tin yêu, bộ đội cần gì mà dân lại không giúp.

Tết Quý Ty đến với tôi thật phấn khởi vì đã thực hiện được ước mơ của tuổi trẻ, vượt qua nhiều thử thách, trưởng thành từ trong lửa đạn. Tuy nhiên nhiều gian nan còn chờ phía trước.

Những ngày tháng tiếp theo với cương vị là chỉ huy một trung đội, là đảng viên dự bị, tôi tiếp tục tham gia chiến dịch Thượng Lào xuân hè 1953, truy kích đến Sầm Nứa, cùng với bạn đập tan ngụy quyền huyện Xăm Tổ, xây dựng chính quyền cách mạng. Chiến dịch kết thúc, đơn vị trở về đóng quân tại Thanh Sơn, Phú Thọ tiếp tục nhiệm vụ rèn cán chỉnh quân, củng cố lực lượng.

Có thể nói cuộc chỉnh huấn chính trị, quân sự hè thu 1953 của toàn quân mà tôi được tham dự là một cuộc cách mạng thật sự về mặt tư tưởng, nhận thức, là một cuộc vận động giáo dục lớn nhất của quân đội ta. Chỉnh huấn kì này cũng là một thử thách, mỗi cán bộ chiến sĩ đều phải tự giác

thành khẩn kiểm điểm, phải tự mình quyết tâm cải tạo để tiến bộ. Qua cuộc chỉnh huấn, nhận thức tư tưởng được nâng lên một bước mới về giác ngộ giai cấp và trình độ hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, đó là bước trưởng thành về mặt chính trị tư tưởng của tôi và cũng là yếu tố cơ bản để phân đấu thực hiện các nhiệm vụ khó khăn sau này. Không khí những ngày sau chỉnh huấn chính trị quân sự hè thu 1953 ở đơn vị chúng tôi thật sôi động, mặc dầu đã có lệnh án binh trong rừng của tỉnh Phú Thọ để chờ lệnh nhưng mọi người vẫn bứt rứt nóng lòng không yên, chỉ muốn đi chiến đấu. Với tinh thần tư tưởng phấn chấn sục sôi như vậy của bộ đội thì sự thất bại cận kề của bọn xâm lược là điều tất yếu. Tiếc thay các chính khách, các chiến lược gia quân sự phương Tây Pháp, Mỹ đã không tự lượng sức mình. Không nghiêm túc đánh giá chính xác lực lượng của đôi phương trong giai đoạn này là đang phát triển vượt bậc cả về lượng và chất. Đặc biệt về mặt chính trị tư tưởng vững vàng hơn bao giờ hết, tin tưởng sự thắng lợi tất yếu của cuộc trường kỳ kháng chiến. Đúng vậy, có những sự việc ngành tình báo của họ có kém cỏi đến đâu đi nữa cũng dễ dàng nhận biết chỉ trong chưa đầy 3 năm từ giữa 1950 đến giữa 1953 Việt Minh đã lần lượt xuất hiện 6 đại đoàn quân chủ lực tinh nhuệ hoàn chỉnh với một đội ngũ chỉ huy tài trí dày dặn kinh nghiệm tổ chức chỉ huy chiến đấu trong điều kiện độc lập cũng như phối hợp tác chiến binh chủng. Đây là chưa kể hàng chục trung đoàn và

máy bay địch, chúng tôi như được cổ vũ thêm quyết tâm làm tròn trách nhiệm nuôi quân của mình.

Cùng với bộ phận hậu cần của tiểu đoàn bộ và của các đại đội, anh em chúng tôi đã không quản gian lao vất vả, mặc cho nắng mưa, gió rét, chia nhau lên tận các bản làng xa để mua, đổi thực phẩm, hoặc len lỏi vào những cánh rừng sâu, tìm hái từng búp măng, từng bắp chuối, từng ngọn lá rau rừng. Bữa ăn của cán bộ, chiến sĩ ngoài Sở chỉ huy tiểu đoàn, cũng như của pháo thủ trên các trận địa, nhờ đó được cải thiện một đôi phần.

Nhiều lần, chính trị viên tiểu đoàn gọi điện xuống biểu dương, làm anh em chúng tôi rất phấn khởi.

Một hôm, tôi còn nhớ rõ, đó là ngày 17.4.1954, vào khoảng 8 giờ tối, tiểu đội chúng tôi nhận được một gói kẹo và một bao thuốc lá, quà của hậu phương gửi tặng các chiến sĩ Điện Biên. Đang vui vẻ chia nhau từng chiếc kẹo, từng điếu thuốc, thì chúng tôi nhận được lệnh của tiểu đoàn: đồng chí Lâm (tức là tôi) và đồng chí Tiệp, tiểu đội phó, mang theo một tiểu liên, lên ngay sở chỉ huy tiểu đoàn. Cuộc “liên hoan” do đó tạm dừng lại.

Tiểu đoàn trưởng Trịnh Duy Hậu thường ngày rất nghiêm, nhưng tối nay, vừa thấy chúng tôi anh đã tươi cười:

- Giao cho cánh tiếp lương các cậu một nhiệm vụ đặc biệt, xuống Đại đội 828 nhận một tù binh Pháp, đưa về chỗ trú quân canh giữ cẩn thận. Chờ khi nào có người của trạm tiếp nhận tù hàng binh đến thì bàn giao cho họ.

Hai chúng tôi liền lao nhanh xuống trận địa, áp giải người

Đảng Cộng sản Việt Nam) và được tính tuổi Đảng từ năm ấy. Đây cũng chính là động lực động viên tôi nỗ lực hoàn thành mọi nhiệm vụ suốt quá trình chiến dịch.

Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ sẽ mãi mãi gắn liền kỷ ức năm mươi năm tuổi đảng của tôi.

Vinh quang và tự hào thay, là anh bộ đội Cụ Hồ của những năm tháng hào hùng lịch sử dân tộc.

KỶ NIỆM VỀ NỬA ĐIỀU THUỐC LÁ

VŨ NGỌC LÂM

Hồi chiến dịch Điện Biên Phủ tôi đảm nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng tiểu đội tiếp lương của Tiểu đoàn 394, thuộc Trung đoàn pháo cao xạ 367.

Trong hoàn cảnh quyết liệt do bom đạn địch, lại thêm thời gian chiến dịch kéo dài, việc tiếp tế lương thực, thực phẩm từ hậu phương lên mặt trận gặp rất nhiều khó khăn. Thực phẩm rất khan hiếm.

Là bộ phận chuyên lo khâu ăn uống cho bộ đội, chúng tôi ngày đêm lo lắng làm sao hoàn thành được nhiệm vụ. Nghĩ đến anh em ngoài trận địa sống kham khổ, trong mưa bom bão đạn vẫn ngẩng cao đầu chiến đấu, bắn rơi nhiều

Người tù binh liền khom người đứng lên:

- Merci capitaine! (Cám ơn ngài quan ba!), rồi ngồi xuống, mắt liếc nhìn sang anh chiến sĩ đang cầm súng đứng gác.

Thấy thái độ của chúng tôi vui vẻ, cởi mở, anh ta có vẻ yên tâm, nét mặt không lo âu, tư lự như trước. Lát sau anh ta cởi chiếc đồng hồ đeo tay, chia ra phía tôi. Tôi lắc đầu, xua tay:

- Non (Không!)

Tôi bảo một chiến sĩ lấy chăn cho anh ta đắp, ngủ. Còn anh em chúng tôi suốt đêm hôm đó và cả ngày hôm sau luân phiên nhau canh gác, không rời người tù binh một phút.

Thỉnh thoảng đi qua, tôi dừng lại, trò chuyện với anh ta đôi ba câu bằng tiếng Pháp, vốn liếng ngoại ngữ ít ỏi của tôi. Đến xế chiều, một cán bộ và một chiến sĩ của trạm tiếp nhận tù hàng binh do Mặt trận phái xuống, đến nhận anh ta, đưa về phía sau. Khi chia tay chúng tôi, anh ta nắm tay tôi thật chặt, đôi mắt anh nhìn thẳng vào mắt tôi, rung rung...

*

* *

50 năm trôi qua, tưởng rằng nhiều chuyện đã đi vào quên lãng. Tình cờ mới gần đây, đến nhà một người bạn chiến đấu cũ, tôi được đọc một tờ báo đã nhàu nát, tờ “Cựu Chiến Binh Việt Nam”, số tháng 5 năm 1992, có bài viết về một người lính Pháp, gốc Đức, tên là Rôn-phơ Rô-len, từng

tù binh Pháp về chỗ trú quân của chúng tôi ở một góc rừng.

Lúc này, máy bay địch đến ném bom và thả dù. Bom với đạn pháo nổ ầm ầm, rung chuyển mặt đất. Trên trời từng loạt đạn pháo cao xạ của tiểu đoàn chúng tôi vút lên như pháo hoa. Người tù binh có vẻ sợ hãi, đôi vai rung lên. Chúng tôi nhường cho anh ta một căn hầm. Một chiến sĩ mang cơm và thịt trâu kho đến cho anh ta. Anh ta nói lời cảm ơn rồi xúc ăn ngấu nghiến.

Đợt ném bom qua đi, không gian trở lại yên tĩnh. Cả tiểu đội chúng tôi lên miệng hầm, bắt đầu cuộc “liên hoan”, vui vẻ nhai kẹo và hút thuốc. Đêm nay lại đúng là đêm rằm tháng hai âm lịch, tuy không đèn nhưng nhờ trăng sáng nên chúng tôi vẫn nhìn rõ mặt nhau. Niềm vui hiện rõ trên khuôn mặt mỗi người.

Bất giác tôi nhìn sang người tù binh, bất gặp ánh mắt của anh ta đang nhìn chăm chăm vào điếu thuốc lá trên miệng tôi. Anh ta nuốt nước bọt có vẻ thèm thuồng lắm. Đôi môi anh ta chúm lại một cách khổ sở. Tôi vội bẻ đôi điếu thuốc đang hút, đến đưa cho anh ta một nửa. Anh ta liền ngồi thẳng lên, đưa cả hai tay ra đón, áp úng nói hai tiếng “méc-xi” (cảm ơn) rồi đưa lên miệng hút ngon lành. Nhìn anh ta rít thuốc và nhả khói, tôi có cảm giác như đã lâu lắm anh ta không được hút thuốc lá.

Anh Tiệp đùa vui, giới thiệu:

- C'est monsieur capitaine! (Đây là ngài quan ba!)¹.

1. Capitaine: quan ba, tức đại úy.

là tù binh ở Điện Biên Phủ, vừa qua trong chuyến du lịch Việt Nam, trở lại chiến trường xưa.

Rôn-phơ Rô-len kể cho phóng viên báo Cựu Chiến Binh nội dung văn tắt:

“Giữa tháng 4 năm 1954 trong lúc những trận đánh giằng co đang diễn ra ác liệt trên những ngọn đồi phía đông: Eliane 2, Eliane 1 (tức đồi A1, C1), Rôn-phơ Đô-len, chỉ huy đội biệt kích Com-măng-đô (Commando); thuộc tiểu đoàn 3, trung đoàn 3 bộ binh lê dương (3/3 REI), đóng tại Isabelle (Hong Cúm), được lệnh “sục sạo ra phía tây để thăm dò lực lượng Việt Minh”.

“Vừa ra khỏi căn cứ chưa đầy một ki-lô-mét, toàn đội biệt kích chúng tôi rơi vào ổ phục kích của đối phương. Toàn đội Com-măng-đô bị tiêu diệt, riêng tôi may mắn thoát chết, chỉ bị thương nhẹ và bị bắt làm tù binh.

“Trở lại Điện Biên Phủ lần này, tôi thăm lại Hong Cúm, đã khác xưa quá nhiều, lên thăm đồi Eliane 2, qua cầu Mường Thanh, xem hầm tướng De Castries được phục chế gần như nguyên vẹn. Tại Hong Cúm tôi đã đứng lặng hồi lâu, dành nhiều phút trầm tư về những kỷ niệm đã qua cách đây mấy chục năm...”.

Rồi Rôn-phơ Đô-len tâm sự:

“Bản thân tôi có rất nhiều thiện cảm với người dân Việt Nam và bộ đội Việt Minh. Họ có lòng yêu nước chân chính. Họ đi theo Cụ Hồ và kiên cường chiến đấu cho nền độc lập của Việt Nam. Họ đối xử nhân đạo với tù binh. Ngay lần

đầu bị bắt, tôi gặp một sĩ quan trẻ Việt Minh, nói khá thạo tiếng Pháp, đã chia cho tôi nửa điếu thuốc lá ông đang hút. Đó là mẫu thuốc lá ngon nhất đời mà tôi nhớ mãi. Cho tới nay, tôi vẫn mong gặp lại vị sĩ quan trẻ Việt Minh đã chia cho tôi nửa điếu thuốc trong một buổi tối giữa tháng tư năm ấy”.

Đọc xong đoạn báo nói trên, lòng tôi bỗng xốn xang khó tả. Kỷ niệm xưa lại hiện về. Phải chăng, Rôn-phơ Đô-len chính là người tù binh mà chúng tôi đã canh giữ tại góc rừng năm xưa ở Điện Biên Phủ?

DỪNG MƯU BẮT SỐNG 21 TÊN GIẶC

Trung tá NHU Kỳ

Ở một góc rừng Điện Biên, bên cạnh một con suối, có hai chiến sĩ quân báo trẻ tuổi của Đại đoàn 308, đang ở trong tình trạng bồn chồn.

- Này, Châu ơi! Trời đã xế chiều sao vẫn chưa thấy đội ta đi công tác trở về?

- Thì mình cũng đang sốt ruột đây, Nguyên ạ! À, kia rồi! Anh em về kia rồi!... Ô! Mà không phải! Địch đây! Toàn lính nguy! Chúng nó đang chuẩn bị lội suối sang bên này đây!

- Làm thế nào bây giờ hả Châu? - Nguyên lo lắng hỏi.

Một thoáng bắn khoản hiện lên trên gương mặt trẻ của Dương Quảng Châu. Bỗng một ý nghĩ chợt lóe lên. Châu nói dứt khoát:

- Nếu lia một băng tiểu liên rồi chạy biến vào rừng, dễ thôi! Nhưng còn bao nhiêu ba lô, quần áo, bao gạo và cả túi tài liệu, không thể để lọt vào tay địch được. Chúng nó đông, còn ta chỉ có hai người. Thôi! Bây giờ thế này... thế này... Nguyên nhé!

Hiểu ý bạn, Nguyên vội vàng chuyển toàn bộ ba lô, bao gạo và túi tài liệu giấu vào bụi rậm, rồi cầm ngang súng, đứng nấp sau một lùm cây.

Còn Dương Quảng Châu xốc tiểu liên, băng mình ra bờ suối, đúng lúc 21 tên địch đang bì bõm giữa làn nước.

“Tất cả giơ tay lên!” - Nòng súng tiểu liên “Tuyn” của Dương Quảng Châu hướng thẳng vào toán địch. Đôi mắt anh quắc lên, rực lửa:

- Toàn đại đội vây chặt, không được để tên nào chạy thoát. Tên nào nhúc nhích, bắn chết ngay!

Bị hoàn toàn bất ngờ, bọn lính địch hốt hoảng giơ tay. Theo lệnh anh, tất cả chúng lên bờ, tập hợp thành hai hàng ngang, rồi bỏ súng xuống.

Anh bỗng thét lớn:

- Toàn đại đội ở nguyên vị trí! Trung đội 1! Cử một đồng chí ra trước vũ khí địch.

- Rõ! - Từ sau lùm cây, Nguyên đáp lại thật to rồi chạy ra, mang tất cả súng địch vào bên trong. Xong đâu đấy, anh tiếp

tục cầm tiểu liên hướng nòng súng về phía đám tù binh không rời một giây.

Đến lúc này, Dương Quảng Châu bắt đầu lo. Phải làm gì nữa đây? Đội quân báo vẫn chưa về. Anh ra hiệu cho Nguyên, rồi binh tĩnh tiến ra trước hàng lính địch, đồng đặc giải thích chính sách tù, hàng binh. Binh thường Châu ít nói, sao hôm nay anh nói trơn tru thế! Bọn địch yên lặng lắng nghe, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn Nguyên đang lăm lăm khẩu súng tiểu liên.

Châu nói một lúc, hết, không còn gì để nói nữa. Sương Điện Biên xuống nhiều, trời chuyển lạnh. Châu lệnh cho đám tù binh ngồi xuống, rồi anh trèo lên một cây cao. Châu vừa đưa khăn tay vẫy vẫy bốn phía, làm như đang ra tín hiệu gì đó cho các trung đội ở xung quanh, vừa hướng mắt quan sát bóng dáng của đồng đội. Vẫn chẳng thấy gì.

Càng về đêm trời càng lạnh buốt. Bọn tù binh co ro, thu mình lại. Châu và Nguyên cũng đang rét run, mặc dầu có áo trấn thủ.

Châu bỗng nảy ra một sáng kiến và ra lệnh:

- Đồng chí Nguyên, vào trung đội 1, mượn 10 cái chăn cho mấy người này đắp tạm.

- Rõ!

Nguyên chạy vào mở ba lô lấy 10 cái chăn mang ra, 10 cái chăn: có nghĩa là ở trong kia ít nhất có 10 ông Việt Minh. Mỗi ngò vục bị xua tan, lại có chăn đắp ấm, 21 tên lính dựa vào nhau ngồi yên lặng. Còn Châu và Nguyên thì vẫn ôm

hai khẩu súng đứng ở hai phía.

Mãi đến quá nửa đêm, đội quân báo mới trở về. Nghe tiếng lao xao, Châu chạy ra báo cáo toàn bộ sự việc với đội trưởng. Mừng quá, đội trưởng khen:

- Các cậu giỏi thật!

Sau đó, đội trưởng đội quân báo đến gọi tên chỉ huy ra tranh thủ khai thác tin tức. Gần sáng anh phân công Châu¹, cùng hai chiến sĩ Thảo và Côn áp giải 21 tên tù binh, 21 “cây tư liệu sống” về Sở Chỉ huy Đại đoàn 308.

1. Sau chiến dịch, Dương Quảng Châu được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang.

NGƯỜI BẠN TRẺ



Đại úy

NGUYỄN TRÍ VIỆT

Nguyên Chính trị viên Đại đội 245

Tiểu đoàn 11 Trung đoàn 141

Sư đoàn 312 - Chủ nhiệm Chính

trị Trung đoàn 165 Sư đoàn 312

C chuyện về Điện Biên Phủ là cả một hồi ức đầy ắp trong tôi, vô cùng vinh quang và hào hùng. Là một trong ba chiến sĩ Nam Bộ tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi lại càng thấy mình thật vinh dự khi được tham gia chiến dịch này. Thế nên tôi rất muốn nói nhiều, viết nhiều về Điện Biên Phủ nhưng làm sao kể hết và viết hết được, chuyện bom đạn, chuyện đánh nhau, chuyện xe tăng, mìn

phá, chuyện với chiến sĩ, đồng đội... Tất cả, cho đến bây giờ, vẫn in đậm trong tôi. Ở đây tôi chỉ xin kể về chiến sĩ liên lạc trong đơn vị tôi năm xưa.

Trong chiến dịch Hòa Bình, tôi bắt đầu chú ý người chiến sĩ trẻ ấy trong trận tiêu diệt đồn cao đỉnh 600, núi Ba Vì, bên dòng sông Đà.

Đại đội của chúng tôi đã hai lần bám vách đá leo lên đột phá ụ súng của Pháp nhưng đều bị địch đánh bật xuống. Đợt xung phong lần thứ ba lại bắt đầu. Đại đội trưởng và tôi đang nóng lòng chờ đợi kết quả của lần đột phá này thì một chiến sĩ liên lạc trung đội vượt đạn pháo và lựu đạn của địch đang nổ ầm ầm chạy đến báo cáo cho chúng tôi biết: “Báo cáo Ban Chỉ huy, địch đã đánh bật đơn vị xuống!”.

Tôi vô cùng lo lắng và căng thẳng. Đây là một trận đánh rất quan trọng, chưa biết phải đột phá như thế nào. Tôi liền quyết định phải họp chi ủy Đảng để lấy ý kiến tập thể.

- Chân, nằm xuống! (Chân là tên đồng chí liên lạc).

Tôi chưa kịp truyền lệnh cho chiến sĩ liên lạc thì địch lại xối xả liệng lựu đạn, nghe lời, anh nằm xuống nhưng vẫn chăm chú nhìn tôi đợi lệnh như hiểu được mối lo lắng của tôi. Sau khi được lệnh đi mời trung đội trưởng là một chi ủy viên lên họp gấp, anh cấp tốc đi ngay lập tức.

Đây lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất, có thể nói là lần “độc nhất vô nhị”, chi ủy họp trong tầm lựu đạn và pháo của địch bắn dữ dội. Một cuộc họp khác thường và bất đắc dĩ.

Không giơ tay biểu quyết, mà lại là nằm hợp chứ không phải ngồi hợp vì bên trên địch liên tục liệng lựu đạn.

Hơn nửa tiếng đồng hồ, sau cuộc họp nóng bỏng ấy và nhất trí theo phương án đã định, chúng tôi cứ vòng vòng dựa sát vách đá đánh thẳng vào cổng chính của đồn.

Cho đến cuối cùng, chúng tôi cùng đơn vị bạn đã làm chủ trận địa, bắt nhiều tù binh Lê dương châu Âu, thu tất cả vũ khí. Trời sáng, tôi gặp lại chiến sĩ liên lạc, anh đang rất vui vẻ tích cực cùng đơn vị thu dọn chiến lợi phẩm. Việc giải quyết tù binh và chiến lợi phẩm rất phức tạp vì rất nhiều, nếu một hành động nhỏ không đúng nguyên tắc sẽ phá vỡ tính kỷ luật nghiêm túc của quân đội.

Trong phần chiến lợi phẩm có một thùng cam đỏ tươi, quả Nô-en của địch. Nhìn từng trái cam chín tròn trong lúc cổ khô rát sau một đêm chiến đấu quá khát nước mà thật khó lòng. Tôi nhìn anh mỉm cười, thông cảm, mong rằng anh sẽ hiểu cho tôi: kỷ luật chiến trường phải nghiêm, không được lấy chiến lợi phẩm, dù một trái cam. Anh liên lạc không đụng một trái cam nào và cũng không đề nghị tôi cho anh và các anh em khác ném một trái. Tôi thầm cảm ơn anh đã hiểu được điều đó.

Trận chiến tiếp tục, anh lại theo đơn vị, còn tôi được điều về Ban phụ trách lớp bồi dưỡng chỉ ủy viên Đảng. Hai chúng tôi mỗi người một ngã đường, cho đến khi mở chiến dịch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, anh được điều về làm liên lạc viên của đại đội. Chúng tôi lại bên nhau.

Anh luôn luôn ở bên cạnh tôi và Ban chỉ huy. Việc chuẩn bị những thứ cần thiết đi chiến dịch của chúng tôi đều do anh em liên lạc lo đầy đủ từ những thứ nhỏ nhất.

Nhớ mãi lần ấy, khi qua sông Thao ở bến Mậu A - Yên Bái, anh được đồng bào cho gói ốt hiểm, miền Bắc gọi là ốt chỉ thiên, phơi rất khô. Anh rất chu đáo, cẩn thận, biết tôi là người Nam thích ăn cay nên anh cắt đi để dành cùng với một gói thuốc lá sợi vàng. Cho đến khi kéo pháo vô, mỗi bữa ăn anh mới đưa cho tôi một trái ăn dần và mới cho hút thuốc sợi vàng. Trong lúc kéo pháo, bộ đội còn không có thuốc lá để hút... nói chi thuốc sợi vàng.

Đêm đầu tiên kéo pháo ra, đơn vị chúng tôi đóng quân ở một cánh rừng chuối, chẳng may bị địch phát hiện, pháo của địch bắn phá ầm ầm. Tôi đang nằm trên mặt đất, không biết của hầm tránh pháo ở chỗ nào, do lúc ban ngày anh em liên lạc đào hầm trú ẩn còn chúng tôi bận họp bàn công việc kéo pháo ra.

Trong ánh chớp lóe sáng và tiếng nổ xé tai, tôi chỉ loáng thoáng nghe tiếng của anh chiến sĩ liên lạc gọi tôi, sau đó anh nắm tay tôi kéo xuống hầm.

Hôm đánh Him Lam, sau khi vượt qua sông Nậm Rốm bằng cây cầu tre do công binh bắt ngầm dưới nước, đơn vị theo chiến hào tiến lên trận địa xuất phát xung phong. Chúng tôi chịu một trận pháo ác liệt chưa từng thấy. Nhiều đồng đội hy sinh ngay lúc còn ở dưới lòng chiến hào chờ lệnh xung phong.

Anh liên lạc ngồi sát bên tôi cùng quan sát hỏa điểm của

địch trên đỉnh đồi chỉ huy khu trung tâm đề kháng Him Lam. Đơn vị tiến lên, theo chiến hào, xung phong vào cứ điểm lớn mạnh nhất của cụm cứ điểm Him Lam.

Tôi gọi anh:

- Chân! Chân! Tiến lên! Mau!

Tôi quay sang lay lay. Người anh vẫn nóng hổi. Không một tiếng kêu, không một vết máu. Vẫn tư thế ngồi thẳng đứng như đang ngồi quan sát bên tôi. Khuôn mặt anh không một nét thay đổi, quá đỗi bình thản. Nhưng tim anh đã ngừng đập.

Tôi nghẹn ngào và không tin vào cảm giác của mình. Suốt này giờ anh vẫn đang ngồi bên tôi. Cho đến bây giờ, mỗi lần tôi nhớ lại, cảm giác ấy vẫn như vậy.

Anh còn quá trẻ. Chưa từng có người yêu. Có lần anh em tâm sự, anh nói với tôi: “Em hỏi thật nhé, yêu như thế nào vậy Ban chỉ huy? (Dù có một người nhưng theo thói quen anh vẫn gọi tôi là Ban chỉ huy). Mới lớn là em theo bộ đội rồi nên chưa kịp yêu. Bao giờ về hết chiến tranh em yêu cho biết!”. Nhớ lại chuyện vui này mà lòng tôi càng xót xa.

40 năm sau, tôi trở lại Điện Biên, đến nghĩa trang Him Lam tìm anh. Hàng ngàn ngôi mộ chiến sĩ khuyết danh...

50 năm sau, viết những dòng này, tôi vẫn xúc động nhớ hình ảnh hiền hòa, khản trương và chu đáo của người bạn trẻ mà tôi gắn gũi nhất trong đơn vị. Trong không khí tung bừng kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi viết bài này như tưởng nhớ đến anh và tưởng nhớ đến những đồng đội, chiến sĩ đã hy sinh trước giờ chiến thắng.

NỤ HÔN NHỚ ĐỜI

Đại tá, nhà văn HÀ BÌNH NHƯNG

Vâng, đúng là nhớ đời! Và đây lại là nụ hôn ở giữa chiến trường Điện Biên Phủ lịch sử. Nói thế, hẳn bạn sẽ nghĩ ngay: Chắc là một nụ hôn nồng nàn, cháy bỏng của đôi vợ chồng bộ đội - dân công nào đó đã bất ngờ được gặp nhau ở giữa chiến trường rực rỡ chiến công này. Phải thế đã ngọt ngào, thi vị. Nhưng không, nụ hôn ấy là “nụ hôn hết hôn” mà lúc kể lại với tôi, Thiếu tướng Đỗ Văn Phúc vẫn như đang còn vương cái cảm giác tá hỏa hồn vía và tự giễu cười: Sao dạo đó mình nhát và khờ đến thế...

Dạo đó - tướng Phúc tùm tùm cười và kể - chấp hành

quyết định rất táo bạo, quả đoán chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” của Bộ Chỉ huy Mặt trận, đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đại đội “bộ binh pháo” chúng tôi cũng như các đơn vị toàn mặt trận vừa lui ra khỏi tuyến trong tới vị trí mới ở vòng ngoài. Ở đây, các đơn vị liền bắt tay ngay vào xây dựng trận địa, tập huấn quân sự và chính trị để đáp ứng với nhu cầu “đánh chắc, tiến chắc”. Giữa lúc đang bẻ bộn biết bao công việc để mở màn chiến dịch ấy, tôi bất ngờ nhận được lệnh của chỉ huy trung đoàn:

- Theo lệnh của đại đoàn, đồng chí bàn giao ngay việc chỉ huy đại đội lại cho chính trị viên Vũ Hoài Chương, trực tiếp dẫn tổ diễn viên diễn vở Hàn Đô lên đại đoàn làm nhiệm vụ mới.

Nghe lệnh xong, tôi như người ở trong mây, không muốn tin ở tai mình:

- Sao lệnh chi lạ đời vậy? Đơn vị đang triển khai công tác chuẩn bị để bước vào chiến đấu mà lại điều mình là đại đội trưởng đi. Phải đi để được chiến đấu ở một đơn vị xung kích, mũi nhọn nào đó cho cam. Đây lại đi văn nghệ, văn gừng! Hay trên không còn tin mình nên mới “ngâm cách chức” bằng cách cho chỉ huy một “dúm” diễn viên này?...

Tôi định bộc lộ hết nỗi âm ức trên đây với Chính ủy trung đoàn và đề nghị Chính ủy xin đại đoàn cho tôi được ở lại đơn vị, nhưng không dám, bởi đây là mệnh lệnh. Mà quân lệnh vốn đã như sơn, ở mặt trận Điện Biên lúc này kỷ

luật chấp hành mệnh lệnh còn nghiêm hơn thép. Chẳng thế, phải vượt qua bao đèo cao, dốc đứng mới kéo pháo vào được trận địa. Tất cả hướng, tầm đã chỉnh sẵn, chỉ còn chờ lệnh phát hỏa. Thế mà vì thay đổi cách đánh, bỗng nhiên có lệnh “kéo pháo ra”, tất cả đều nhất nhất chấp hành, dù lúc đầu tư tưởng chưa thông. Biết rằng, đại đoàn chỉ đích danh, vì tôi đóng vai chính trong kịch Hàn Đồ và vở tự biên tự diễn này của đại đội chúng tôi đã có tác động mạnh mẽ về ý chí chiến đấu của bộ đội, được giải nhất về văn nghệ của trung đoàn. Nhưng lúc này dẫn quân lên đại đoàn, tôi lại oán hận cái giải nhất đó và đi lên chỉ vì ý thức chấp hành mệnh lệnh. Chúng tôi chỉ thật sự vui vẻ, hăng hái bắt tay ngay vào “nhiệm vụ mới” khi đồng chí Phó chính ủy đại đoàn gặp gỡ nói rõ chủ định của đại đoàn với lời động viên đầy khích lệ trước lúc ra về:

- Hãy coi đây là một đợt tiến công địch mà chiến công sẽ không nhỏ khi nó đã làm cho ý chí chiến đấu và lòng căm thù đế quốc, địa chủ của cán bộ, chiến sĩ đại đoàn thêm sục sôi bốc lên cao để rồi trút vào nòng súng.

Thì ra đại đoàn đã theo sát, thấy rõ tác động của vở kịch Hàn Đồ đối với bộ đội khi chúng tôi diễn ở trung đoàn. Trong khi bộ đội khẩn trương chuẩn bị và tập huấn cách đánh mới, đại đoàn đã chủ định cho đẩy mạnh hoạt động văn nghệ để cổ vũ ý chí chiến đấu của bộ đội. Kịch Hàn Đồ theo như Phó chính ủy nói sẽ là “cái chốt” trong các đêm diễn của đợt hoạt động này. Đây là vở diễn nói về sự bóc lột,

áp bức đến tán tận lương tâm của tên địa chủ kiêm quan lại Hàn Đồ đối với cha con ông Tuất, tá điền. Đồ đã từng bước cướp hết ruộng đất dần cuộc đời ông Tuất phải vào làm tá điền cho y. Chưa đủ, y còn dùng thủ đoạn dồn ông vào bước đường cùng để ông phải nộp Lý - cô con gái xinh đẹp duy nhất của ông - về làm “trò chơi” cho thỏa mãn máu dâm dục. Không riêng thế, y rắp tâm chiếm đoạt bằng được thân xác Lý còn vì Lý là vợ chưa cưới của Tâm, một thanh niên đã dám thóa mạ y, hiện là bộ đội đang ở chiến trường. Cha con ông Tuất phản kháng quyết liệt, Hàn Đồ đã ly gián và bức tử ông. Chính trong lúc thuộc hạ của y chưa kịp vui xác nạn nhân, y lại diễn tiếp một trò đê tiện, trơ trẽn hơn. Ấy là khi đã như con thú hãm hiếp được Lý, để che mắt mục vợ vốn rất “Hoạn Thư” của mình, y lại đường mật, âu yếm theo kiểu rất Tây đối với vợ y. Nụ hôn của y - một tên địa chủ có phẩm hàm từng giao tiếp nhiều với lũ Tây đầm - đã cháy bỏng tưởng dứt không ra... Đây là đỉnh điểm của vở diễn để sự phản nộ của khán giả căng sôi đến tột cùng. Nó chỉ bùng xuống khi một người làm thuê cho Hàn Đồ vốn là bạn của Tâm đã cứu thoát Lý ra khỏi nhà y...

Chúng tôi tự biên, tự diễn vở Hàn Đồ trong phong trào văn nghệ ở mặt trận của đại đoàn 316 được phát động đang sôi nổi lên cao. Và khi ấy ở hậu phương đang bắt đầu bước vào cuộc cải cách ruộng đất “long trời, lở đất” nhằm đánh đổ bọn địa chủ, cường hào, giành lại quyền làm chủ và ruộng đất cho dân cày. Thắng lợi từ ở hậu phương qua những bức

thư gửi lên Điện Biên Phủ đang như tiếp thêm lửa đỏ cho chiến sĩ trên chiến hào. Thế nên với những người lính mà hầu hết là nông dân, vở diễn đã rất máu thịt, mang tính hiện thực sâu sắc.

Tôi có vóc dáng ứng với vai Hàn Đổ, lại có đôi chút năng khiếu văn nghệ qua chiếc kèn Ác-mô-ni-ca thường thổi trong các cuộc vui hoặc giữa chặng đường hành quân để động viên đơn vị. Bởi thế, tuy là đại đội trưởng, tôi đã phải vừa bị bắt buộc vừa tự giác nhận vai chính. Hai vai nữ, đại đội không có con gái nên được đóng giả bằng hai chiến sĩ trai có hình hài rất ư nhi nữ. Với dàn diễn viên “cây nhà” này, chúng tôi đã diễn xuất rất tự nhiên, đúng tình tiết như kịch bản. Riêng tôi đóng vai Hàn Đổ dù có phải “ân ái” với hai phụ nữ thì cũng chỉ là “ái ân” với hai chiến sĩ trai giả dạng nên còn đỡ e sợ, cố thể hiện như đạo diễn yêu cầu. Nhưng lên diễn ở đại đoàn, ngoài việc được một đạo diễn chuyên nghiệp chỉ đạo, hai vai: vợ Hàn Đổ và cô Lý đã được thay bằng hai nữ diễn viên của văn công đại đoàn. Được sự viện trợ này, anh em trong tổ diễn viên chúng tôi hân hoan, mừng ra mặt, bởi hai vai nữ là con gái thật, lại là nữ văn công, chất lượng vở diễn chắc chắn sẽ lên mây. Nhưng với tôi, sự “viện trợ” ấy đã làm tôi e sợ đến tái người. Sợ nhất là đạo diễn bắt Hàn Đổ tức tôi lúc cưỡng đoạt con gái tá điền và lúc âu yếm vợ phải thật mùi mẫn để người xem thấy ghê tởm, căm thù cao độ Hàn Đổ qua tình tiết lạc thú của y. Nghĩa là ít nhất tôi phải nghiêng ngáu, ghi chặt cô Mai đóng

vai Lý và hôn thực sự cô Thoa đóng vai vợ Hàn Đồ đúng như nụ hôn môn trón của y với mụ Hàn.

Chuyện phải diễn như thực ấy, bây giờ đâu phải kêu gọi và đáng nói. Nhưng ngày ấy với tôi, một chàng trai vốn nhát gái, lại từ độ lớn lên chưa một lần cầm tay con gái tỏ tình thì việc phải thể hiện các “động tác” đó, thật quá sức can đảm của mình. Lại thêm nữa là khi diễn ở trung đoàn với hai vai nữ là trai đóng giả mà diễn đến đây, tôi đã bị ăn đòn nên thân, cùng với những tiếng la hét: “Đả đảo Hàn Đồ! Đả đảo địa chủ!...” Dậy trời là gạch, đất trời tấp ném lên người tôi. Bởi thế, lần diễn này, diễn thử đến lần thứ ba vẫn không đạt. Đến mức, một cán bộ của đại đoàn phải “lên dây cót” cho tôi:

- Đồng chí hãy nhớ nụ hôn này là nụ hôn vì giai cấp. Hôn để các chiến sĩ ta càng thêm căm thù Hàn Đồ, tức là căm thù giai cấp địa chủ, căm thù lũ đế quốc mà quyết chiến đấu đánh đổ bọn chúng.

Tới lúc này tôi mới mạnh dạn hơn. Nhưng cũng chỉ ôm hơi chặt Mai và áp mặt mình lâu hơn vào má mụ Hàn, tức Thoa, chứ hai môi vẫn xa không thể gần chặt như đạo diễn yêu cầu. Rồi cũng chẳng hơn được nữa trong những đêm diễn thật. Bởi không chỉ riêng tôi, cả Thoa và Mai cũng đều mắc cỡ. Nhưng mới chỉ như thế, chỉ ở mức tương đối không đúng hoàn toàn như yêu cầu của đạo diễn ấy mà đêm diễn nào tôi cũng hết hồn, bởi bị ăn đòn nên thân hơn nhiều so với khi diễn ở trung đoàn.

Chúng tôi được đại đoàn khen thưởng, được các đơn vị ghi nhận, nhiệt tình hoan nghênh vở diễn Hàn Đồ khi trên người tôi đang mang một số vết bầm. Nhưng cùng với nụ hôn không cháy bỏng, những vết bầm này đã là những kỷ niệm rất đẹp trong đời tôi khi tôi là chiến sĩ ở Điện Biên Phủ. Ở chiến trường lịch sử này, ngoài nhiệm vụ là đại đội trưởng “bộ binh pháo” cùng đồng đội suốt 31 ngày đêm chiến đấu giữ đồi C1, tôi còn là một chiến sĩ văn nghệ. Và với thứ “vũ khí” này, chúng tôi đã rất hạnh phúc khi thấy lòng căm thù và ý chí chiến đấu của đồng đội đã hưng hực sôi lên lúc xem Hàn Đồ.

Vở diễn Hàn Đồ vẫn tiếp tục bằng các diễn viên của văn công đại đoàn khi chúng tôi được lệnh về đơn vị để kịp tham gia vào đợt chiến đấu mở màn chiến dịch. Suốt 55 ngày ngày đêm chiến đấu sau đó, mỗi trận chiến đấu, trong tiếng hét “xung phong” của đồng đội, tôi đều như thấy có cả tiếng “Đả đảo Hàn Đồ! Đả đảo địa chủ!” hòa cùng.

Tướng Phúc kể tới đây lại tùm tùm cười. Tôi hiểu trong nụ cười này, anh đang thầm nói: Đạo đó mình đã 21 tuổi. Đã chỉ huy một đại đội đánh đấm ra trò. Vậy mà sao “chuyện nhỏ” đạo diễn yêu cầu đó, mình lại nhát khờ đến thế!



NHỮNG CHUYỆN NHỚ ĐỜI

Trung tá TRẦN ĐẠM

Nguyên chính trị viên

Đại đội chủ công đánh đồn A1

Giảng viên trường Trung

Cao cấp quân đội

HỒ ĐIỆN BIÊN

Chúng tôi, Sư đoàn 316 được lệnh bí mật tiến vào Điện Biên Phủ sớm nhất. Lúc này hai bên chưa đánh nhau, chỉ có tiếng máy bay địch ngày đêm thả dù xuống. Đại đội tôi tiến vào hướng không đường sá, cũng chẳng có đường mòn, rừng núi mịt mù chưa có vết chân người qua. Hành quân suốt ngày, đến đêm dựa vào sườn núi đá, có ít đất bằng cho bộ đội nghỉ. Được biết rừng này có hổ nên khi hạ lệnh nghỉ một đêm, tôi với cương vị chính trị viên đại đội - hội ý với đại

đội trưởng. Chúng tôi ngủ theo từng tiểu đội mười người, người nào quá sợ hổ hay tuổi lớn thì cho nằm sát vách núi. Cứ thế, chúng tôi mỗi người mắc một màn cá nhân để chống muỗi rừng nối đuôi nhau cho đến chiếc màn thứ mười là màn của tiểu đội trưởng, nằm ngoài cùng.

Đêm xuống, mệt quá, tất cả ngủ thiếp đi. Mờ sáng, tôi tỉnh giấc, đánh thức toàn đại đội dậy chuẩn bị hành quân. Chúng tôi phát hiện trong một tiểu đội có một đồng chí không ra xếp hàng mà cũng không dậy tháo màn, chỉ có một đầu màn bị đứt dây, mọi người tưởng đồng chí Thái đi vệ sinh nên vào tháo màn gấp hộ, khi tháo màn thì thấy có vũng máu, như vậy là hổ đã cắp đi ăn thịt. Con hổ nhảy qua 9 cái màn vào cướp người trong cùng rồi nhảy ra qua 9 cái màn, không đụng vào một cái nào, chắc là nó ngoạm vào cổ nên đồng chí ấy không kêu được tiếng nào. Trong bom đạn của chiến trường, tình yêu thương đồng đội cao lắm, chúng tôi rất đau lòng, quyết phải diệt cho được con hổ, nếu không sẽ còn những người khác sẽ là nạn nhân của nó. Chúng tôi cho một tổ trinh sát ba người lần theo vết máu tìm nơi trú ẩn của con hổ. Ba trinh sát viên đi đến gần trưa thì về và báo cáo: cách đây khoảng hai giờ đi rừng thấy một phần thi thể của đồng chí Thái ở giữa một bãi cỏ hoang, chung quanh toàn cây cao, con hổ đã ăn hết toàn bộ, trừ phần ruột. Chúng tôi lập tức thành lập tổ dũng sĩ 18 người do tôi làm trưởng, mỗi người một khẩu súng lên đường, đến chiều thì đến chỗ đồng ruột của đồng chí mình, trông thấy mà xót xa. Tôi nhận

định: tôi đến thế nào con hổ cũng lại đây để ăn hết phần còn lại, liền hạ lệnh cho anh em leo lên cây cao chung quanh, mỗi người một cây, leo lên tìm cành vững, dùng dây lưng buộc người vào cành cây để khỏi rơi xuống đất. Từ đó ngấm về đồng ruộng để dễ bắn con hổ. Mới 4 giờ chiều, từ xa, chúng tôi đã thấy con hổ chồm qua bụi lau này đến bụi lau khác, tiến về phía chúng tôi. Tôi hạ lệnh: “Con hổ đang đến, tất cả lên đạn!”. Lúc này, tôi thấy vài cây rung hơi mạnh vì một số anh em muốn tháo dây leo lên cao nữa. Tôi lại hạ lệnh: “Ở đâu ở yên đó, tránh không được di chuyển, tránh tiếng động bị lộ, con hổ sẽ không đến. Khi tôi nổ súng, lúc đó anh em mới được bắn!”.

Con hổ đã đến bãi cỏ và từ từ tiến lại gần. Lúc này có đồng chí run quá nên cây động đậy. Đột nhiên nó nhìn lên cây, tôi bắn luôn ba viên và ở các cây từ trên cao thì nhau nhả đạn vào nó. Con hổ chồm lên chồm xuống, sát tới chân tôi, rống lên dữ dội, vang động núi rừng. Trời đã đổ tối, thấy con hổ chỉ là một đốm đen to bằng con trâu phục lên im lặng.

Tôi hạ lệnh: “Con hổ chết rồi, thôi không bắn nữa! Một đồng chí xuống xem nó đã chết hẳn chưa!”. Không ai chịu xuống mà chỉ nói: “Chính trị viên ơi, nó chết giả vờ đấy!”. Giữa rừng tối đen, không có đèn pin, tôi đành phải hạ lệnh bắn cầm canh thỉnh thoảng một viên vào đốm đen chờ cho trời sáng.

Tảng sáng, chúng tôi chạy lại xem, con hổ bị nhiều vết đạn đã chết từ lâu. Anh em chặt cây và lấy dây rừng cột con

hỗ lại rồi 18 người thay phiên nhau khiêng hồ về. Cả trung đoàn được một bữa liên hoan.

THOÁT CHẾT KỲ LẠ

Giai đoạn này nhiệm vụ của chúng tôi là đào hào vây ép các cứ điểm của địch và đánh lần bắn tỉa để chuẩn bị cho cuộc tấn công mới.

Qua một đêm vừa đào hào vừa bắn tỉa ở phía đồi A1, trời sắp sáng, như thường lệ, chúng tôi rút quân về phía bên kia sườn đồi, chui vào các hầm đã đào từ trước để ngủ, đêm đến lại tiến quân ra đào hào đánh lần.

Đại đội tôi hơn 100 chiến sĩ, qua mấy đêm chiến đấu, số quân còn lại 31 người, đủ cho 16 hầm. Hầm đại liên là 3 người, còn các hầm khác đều hai người. Hầm chỉ huy chỉ còn lại chính trị viên và đại đội trưởng, và ở ngoài cùng. Mỗi hầm cách nhau 5-7m, cuối khe núi là hầm số 16. Hai bên sườn đồi dốc xuống khe, cây cối bom đạn đất đá cày xới lởm chởm.

Khoảng 8 giờ sáng, trời nắng, tôi đi kiểm tra một lượt, cửa hầm nào tôi cũng ngồi lại 2-3 phút ngắm nhìn các chiến sĩ ôm súng ngủ say sưa. Thấy nắng chiếu vào hầm, tôi lại lấy cành cây cắm che bớt nắng và nguy trang thêm. Về đến hầm của tôi thì đại đội trưởng đang say sưa trong giấc ngủ, tất cả như đang trút hết mệt nhọc. Trên trời mặc cho các loại máy bay địch quần thảo gào thét.

Tôi vừa thiu thiu ngủ thì một loạt tiếng nổ trùm lên cả



Sự kiện đối A1 (tranh của họa sĩ Trần Đạt)

đại đội, tôi như ở giữa chỗ động đất, đồi núi rung âm âm và dịch chuyển. Hàm của tôi sập, đất đá tràn vào lấp cửa hầm, tôi và đại đội trưởng mất liên lạc (đại đội trưởng nằm ngách trong, tôi nằm mé miệng hầm). May mà tôi không bị làm sao và cứ thế bới đất theo rễ cây ở cửa hầm mà chui lên. Bới tới đâu đất lại chui lên đến đó. Chừng một giờ thì tôi thấy ánh sáng và leo lên ngồi trên nóc hầm. Nhìn quang cảnh chung quanh không còn là hai sườn núi đổ xuống khe mà là một sân đá bóng khổng lồ. Tôi không nhận ra 15 cái hầm còn lại. Chừng nửa giờ sau, bộ đội phía sau lên cứu, lần lượt các hầm được đào bới. Đại đội trưởng đã bị tảng đá quá to đè lên. Anh đã vĩnh viễn ra đi. Đến hầm 3 chiến sĩ đại liên thì vẫn là dáng ôm khẩu đại liên ngủ nhưng tất cả phẳng như cái bánh đa. Đào đến tôi thì hết hầm thứ 16, tất cả đồng đội tôi đã không ai còn, duy nhất chỉ mình tôi sống sót.

Tôi đau đớn nhìn lên trời như nhìn vào khoảng không trống rỗng!

MỘT CHUYỆN KHÔNG TƯỢNG TƯỢNG NỔI

Chưa vào trận chiến chính, chúng tôi là đơn vị bao vây vòng ngoài. Hôm đó, nhiệm vụ của chúng tôi là đánh quân địch từ Điện Biên Phủ lần ra.

Trời tối lắm! Quân địch ở dưới đường và một số đồi núi xung quanh. Đơn vị tôi xuyên rừng từ trên cao đánh tạt xuống. Các loại súng của hai bên thì nhau nổ. Thỉnh thoảng có tiếng nổ lớn, chớp sáng lên thì tôi mới thoáng nhìn thấy

cây cối rồi vụt tắt. Ta và địch cái răng lược đánh xuyên lẫn nhau. Dày đặc trước mặt là những luồng đạn. Đơn giản chỉ biết hệ luồng đạn nào bắn về phía mình thì mình xả súng lại ngay nơi đó. Không thể biết rõ địch hay ta, chiến trận giáp lá cà ban đêm là thế. Gần 3-4m trong ánh chớp nhìn thấy trên lưng có lá ngụy trang là ta, nếu không là địch. Lập tức bắn!

Tất cả các luồng đạn đang cày xới lẫn nhau, tôi vẫn ôm khẩu súng phóng hết tốc độ xuyên rừng xuống đường. Trong khi lo tránh đạn lại còn lo giẫm phải rắn. Mà rắn nhiều như cây rừng. Tôi sợ rắn Điện Biên Phủ nhiều hơn sợ đạn. Chân tôi chỉ có đôi dép lốp cao su. Năm ngón chân và cả bàn chân gàn như thò ra ngoài, rắn cứ tự nhiên cắn, không sợ phải mổ nhâm vào dây rừng.

Trong bóng đêm đen kịt, tôi chạy nhăm, tưởng đất bằng, ai ngờ đó là cái hố bom. Tôi rơi hẫng xuống giữa lòng hố. Trời đất lên mây, tôi toát hết mồ hôi hột. Dưới chân tôi đầy rắn. Quá hốt hoảng tôi trườn lên miệng hố. Lại có cả trăn nữa. Khi đó, trăn và rắn vì sợ đạn bên trên nên chúng lại càng xô nhau chạy xuống hố tránh đạn, thì lại bất ngờ có người nhảy lên lưng chúng. Chúng cũng hốt hoảng nhào lên miệng hố để thoát chết như tôi.

Vừa trườn lên miệng hố, tôi vội ngối thụp xuống, mặc kệ cho đạn bắn, tôi sờ khắp chân tay. May sao không có một chỗ nào bị cắn. Hú vía!



**Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp quan sát mặt trận từ đỉnh
Sở chỉ huy Mường Phăng**

Ngôi sao thế kỷ

“Đại tướng Võ Nguyên Giáp là nhà quân sự lỗi lạc nhất trong chiến tranh cách mạng ở thời đại Hồ Chí Minh”

(Đoàn Huyền - cô Giáo sư, Thiếu tướng Tư lệnh Binh chủng Tên lửa Việt Nam)

*Trong hàng Đại tướng ông là Tướng
Ở giữa lòng dân ông - Đại nhân
Họ của ông lung linh “núi Võ”
Bí danh Người lập lánh “rừng Văn”
Quảng Bình quê lửa nung tâm thép
Hà Nội đất thiêng luyện chí hùng
Sao thế kỷ từ trong Tháng Tám
Ngàn năm sau vẫn tỏa huy hoàng.*

TRẦN THANH CẢNG



Việt Nam ra ngô gặp anh hùng (*tranh của họa sĩ Trần Đạm*)



Thiếu tướng
TRẦN VĂN GIANG
Nguyên Chuẩn Đô đốc
Chính uỷ Sư đoàn Phòng không
361 Anh hùng (Hà Nội)

Kính tặng Trung đoàn 367, Trung đoàn cao xạ đầu tiên
tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ

Suối đầu nguồn

367 của tôi! Ôi dòng suối nhỏ
Núi biếc rừng xanh mãi tận đầu nguồn
Nước chan chứa ngọt thơm dòng sữa mẹ
Nuôi đàn con Phù Đồng vượt lớn khôn

Điện Biên bẻ cánh điều nau rnap
Đim ngập bùn đen không lực Hoa Kỳ
Giữ xanh mãi bầu trời xanh đất Việt
Sao Bác Hồ chỉ dẫn lối ta đi

Hôm nay lại về thăm 367
Gặp đồng đội cũ, nhớ chiến trường xưa
Rục rờ huân chương, điệp trùng đội ngũ
Bao thế hệ con em nhịp bước dưới cờ

Thế mà đã 50 năm rồi đây nhỉ
Mái tóc bạc phơ vẫn xanh tình đồng chí
Gặp lại nhau xúc động trao tuôn
Ngàn năm ta nhớ mãi suối đầu nguồn!



HÀ HẠNH

Nguyên Trung đội phó Đội 190,

Đại đoàn 316,

Phó giám đốc Ngân hàng

Nhà nước thành phố

Hồ Chí Minh

Chùm thơ viết ở Điện Biên

Hành quân

*Hành quân cả buổi mệt nhoài
Mong đến chỗ nghỉ nằm toài ngả lưng
Bỗng đâu lòng lại lâng lâng
Gặp đoàn em gái ở lưng chừng đèo
Vội vàng ngược mắt trông theo,*

Ba lô oằn xuống như đeo nặng tình:
Hỡi cô gánh gạo xinh xinh
Thế là tiền tuyến có mình có ta
Thoáng nghe hơi thở đậm đà
Không hẹn mà gặp rừng già đến đây.

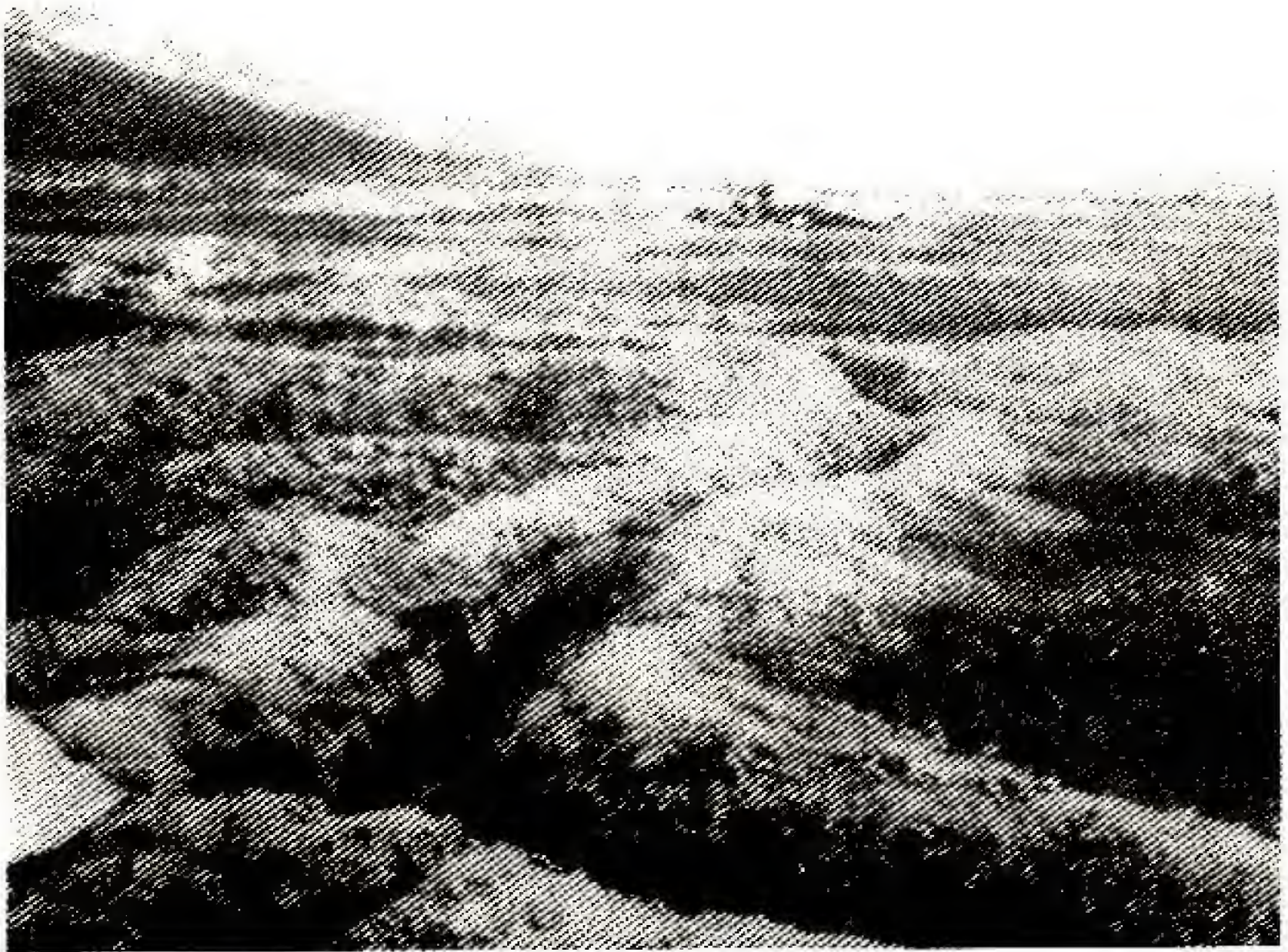
Qua đèo

*Pha - Đin dốc núi cheo leo
Sao Hôm vừa rụng, đỉnh đèo tới nơi
Như nghe từng hạt mưa rơi
Té ra nhiều giọt mồ hôi đầm đìa
Rùng mình gió lạnh trời khuya
Tiếng nai gọi bạn ven bìa rừng xa
Sương mù che phủ trắng ngà
Dân công, bộ đội ới... a... vang đèo
Hò... ới... mấy núi cũng trèo
Vì chẳng, giết giặc mấy đèo cũng qua.*

HÀ HẠNH



Bộ binh trèo đèo vượt suối hương về mặt trận



Giao thông hào ở Điện Biên Phủ

Chiến hào

*Chiến hào nước ngập bàn chân
Âm ầm pháo rót như gần đầu đây
Khói bom mờ mịt chân mây,
Cố tranh thủ chén mặc thấy quân thù
Hơi cơm ẩm quện bụi mù
Một hàng pháo sáng vi vu đỉnh đầu
Tối mò chờ đợi từ lâu
Thằng Tây phục vụ đèn xâu đây trời
Lính ta khoái chí bật cười
Ngày mai xáp trận cho xơi kẹo đồng.*

HÀ HẠNH

Khải hoàn

*Tin vui ngày bảy tháng năm
Na-va thua trận, lính hàng khắp nơi
Hò reo chiến thắng vang trời
Mừng sinh nhật Bác còn lời nào hơn
Xin dâng một bó hoa thơm
Tri âm liệt sĩ, cảm ơn bạn bè
Năm châu bốn biển hướng về
Việt Nam dân tộc, xin thề noi theo
Châu Phi phải quyết một keo
Vùng lên giải phóng, hò reo phá xiềng
Xứng danh Dân tộc Anh hùng.*

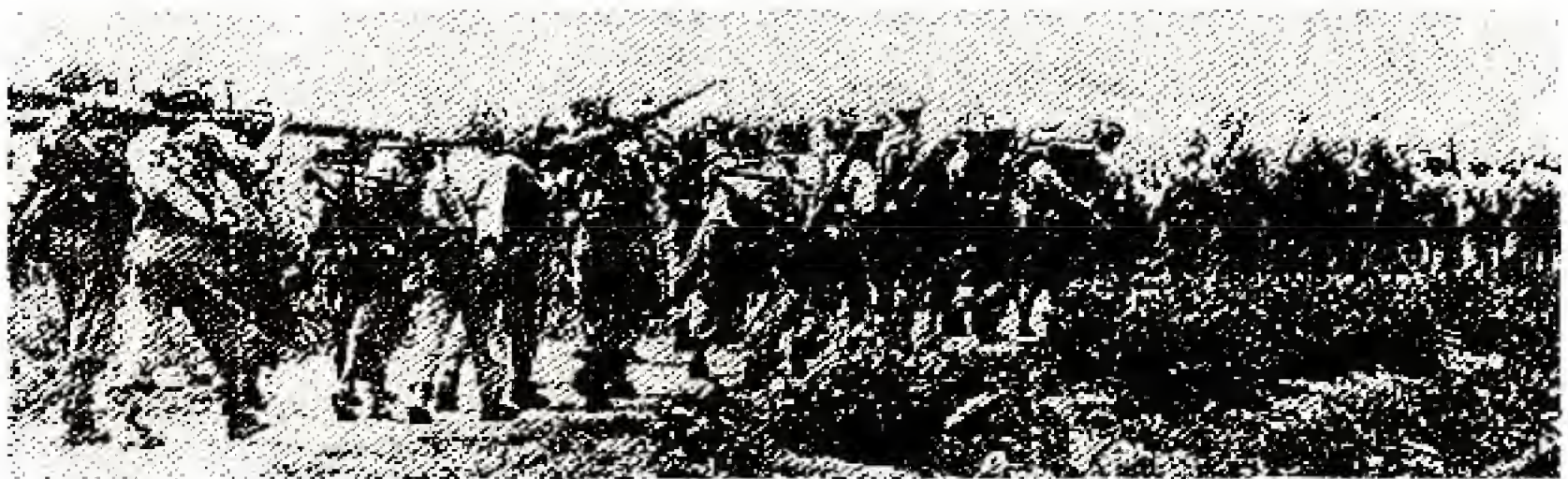
HÀ HẠNH

Ký ức chiến dịch Điện Biên

Hành quân

*Bộ đội hành quân khắp nẻo đường
Dân công rầm rộ hướng tiền phương
Trập trùng rừng núi đầy mưa nắng
Chót vót dốc đèo ấp gió sương
Mở lối pháo vào chờ đánh trận
Xẻ đường xe chạy đọ lên cương
Hầm hào từng thước bao vây địch
Đầy đủ hành trang tới chiến trường.*

HÀ HẠNH



Hành quân vào chiến dịch

Vào chiến dịch

*Điện Biên chiến dịch gọi “Trần Đình”
Cuộc chiến đầu xuân lệnh xuất quân
Chuẩn bị chiến trường đều thận trọng
Chăm lo quân bị quả tài tình
Hậu phương sản xuất tăng nhiều gạo
Tiền tuyến luyện rèn góp đủ binh
Giặc Pháp huênh hoang gào thách đánh
Quân ta giáng trả bất thành linh.*

HÀ HẠNH

Tấn công

Mở đầu chiến dịch đánh Him Lam
Bản Kéo nguy quân phải chịu hàng
Độc lập pháo rền ta tiêu diệt
Mường Thanh, Hồng Cúm phải kêu than
Đồng tâm quyết chí vây cho chặt
Hợp sức kiên trì đánh đến tan
Góp sức toàn dân cùng chiến sĩ
Điện Biên quyết thắng giặc hoàn toàn

HÀ HẠNH

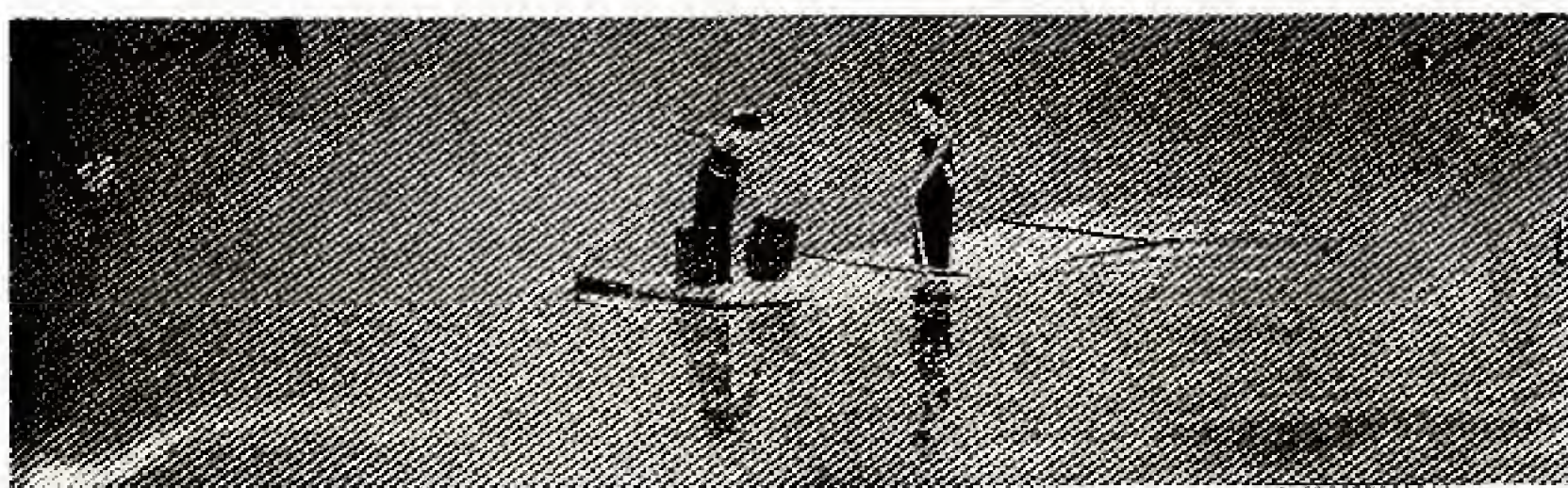


(Tranh của họa sĩ Trần Đạm)

Chiến thắng

*Ban trắng sáng ngời khắp Điện Biên
Cờ hàng giặc Pháp nổi triển miên
Anh hùng chiến sĩ xông làn đạn
Nữ kiệt dân công xáp trận tiền
Cả nước đồng lòng vào chiến tuyến
Toàn dân dốc sức tới tiền duyên
Tháng năm ngày bảy muôn cờ đỏ
Phát phối tung bừng khắp Điện Biên.*

HÀ HẠNH



Từ thủ đô, Khu III, Khu IV, Nam Bộ lên Điện Biên Phủ đều phải qua Suối Mơ (tranh của họa sĩ Trần Đạm)

Trở lại Mường Thanh

Điện Biên ơi!
Năm mươi năm đã qua rồi
Mơ màng ngỡ mới một ngày thôi
Vĩ đại quá đâu nhòa kỷ ức
Những lớp người nhất mực trung kiên

Năm rồi... trở lại Mường Thanh
Lúa vàng bát ngát trũ cảnh mừng vui
Vô vàn mái ngói hồng tươi
Xây trên vùng đất một thời đạn bom

Mường Phăng anh vẫn còn đây
Trắng nõn đỉnh đầu những vàng mây
55 ngày đêm năm ấy...
Với chúng tôi kiêu hãnh một bậc thầy.

Chia tay như hiểu lòng nhau
Người về kể ở chung câu thơ rằng
Nhớ Điện Biên, nhớ Mường Phăng
Nơi đây chiến tích vĩnh hằng thế gian
Điện Biên như cột mốc vàng
Ngàn năm còn tỏ còn vang ngút trời.

TRẦN THÈ ĐỀ

Sáng ngời Điện Biên

*Đỉnh cao Thế kỷ Hai mươi
Điện Biên chấn động đất trời đảo điên
Nét son mãi mãi thiêng liêng
Tạc vào hồng sử đẹp tên Bác Hồ
Chặng đường giữ vững cơ đồ
Điện Biên Phủ ấy... giấc mơ ngàn đời
Thực dân, Đế quốc rã rời
Tháng năm ngày bảy... sáng ngời Điện Biên.*

TRẦN THÈ ĐỀ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu . 5

Điện Biên Phủ - Chiến thắng của lòng yêu nước và tài thao lược Việt Nam . 7 * Điện Biên Phủ - Thắng lợi lịch sử và tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào . 71 * Trận tuyến tiếp viện lên Điện Biên Phủ . 86 * Trận đánh thủng chiếc “dạ dày vũ khí” của chiến trường Đông Dương . 105 * Vì sao Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ . 113 * De Castries và dải băng tang của thực dân Pháp . 126 * Bảo vệ Sở chỉ huy - “Tổng hành dinh” trong chiến dịch Điện Biên Phủ . 138 * Những chiếc đòn gánh và xe đạp thồ ra trận . 147 * Hai lần đánh A1 . 159 * Đại đội tôi trong 31 ngày đêm giữ đồi C1 . 169 * Điện Biên Phủ - Hào quang rọi sáng đời tôi . 176 * Từ đồi Độc Lập đến dinh Độc Lập . 194 * Đánh trận Him Lam . 201 * Vỡ mộng làm phi công, chúng tôi trở thành pháo binh cao xạ . 223 * Không thể nào quên . 233 * Cuộc chạy việt dã quái đản . 239 * Tình nghĩa sâu đậm trên tuyến đường vận tải chiến dịch . 248 * Một mệnh lệnh ngắn gọn có tính quyết định . 258 * Hoài niệm về những cái tết . 262 * Kỷ niệm về nửa điều thuốc lá . 272 * Dùng mưu bắt sống 21 tên giặc . 278 * Người bạn trẻ . 282 * Nụ hôn nhớ đời . 287 * Những chuyện nhớ đời . 294 * Chùm thơ . 302

ĐỒNG ĐỘI ĐIỆN BIÊN PHỦ
NGÀY ẤY, BÂY GIỜ
Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN DIỄN

Chịu trách nhiệm nội dung:

PHÙNG THIÊN TÂN

Biên tập:

NGUYỄN THỊ THU

Trình bày:

NGỌC MỸ

Bìa:

NGÔ TRỌNG HIỀN

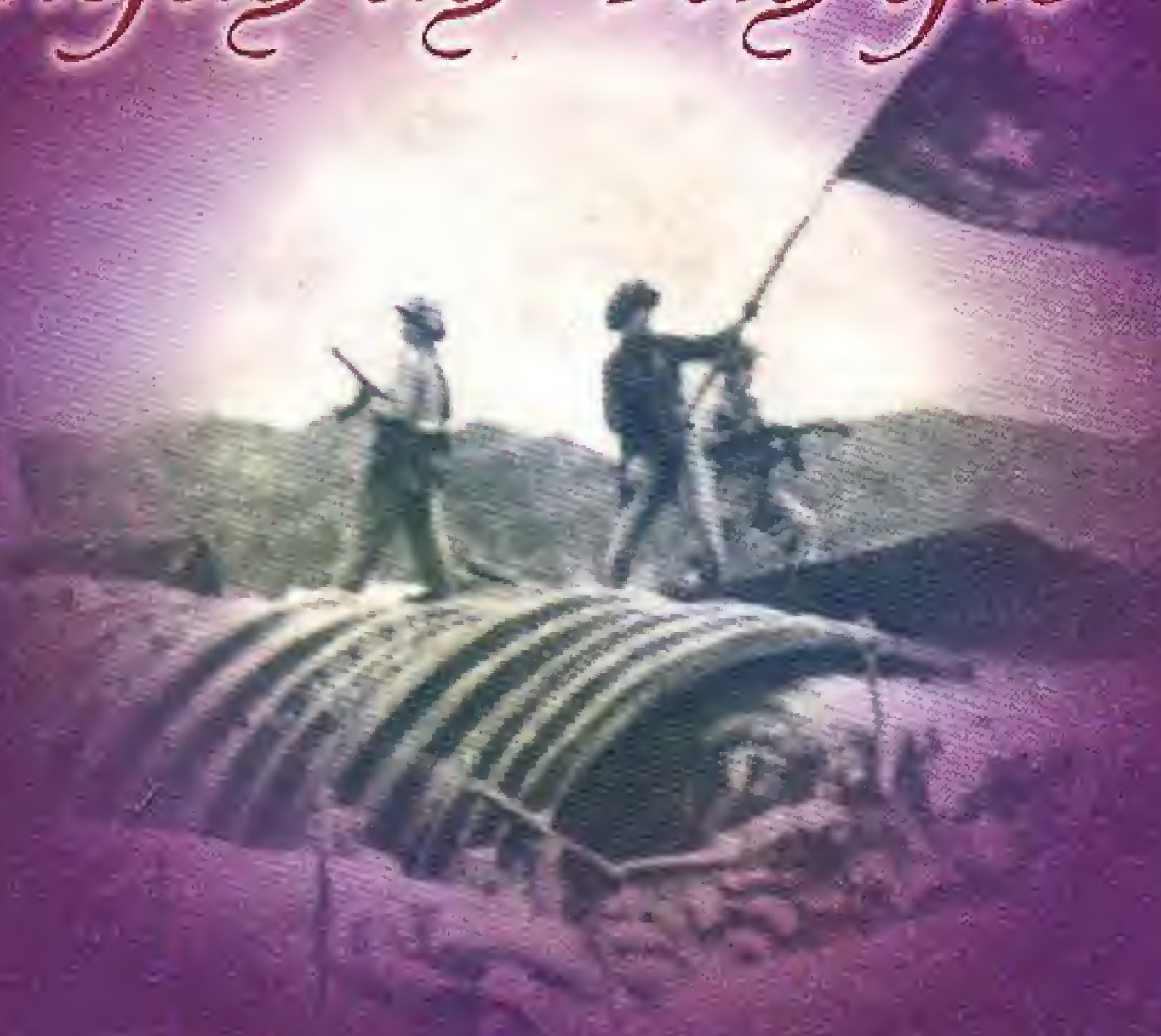
Sửa bản in:

TRANG THẢO ANH

In 1.000 cuốn khổ 14x20 cm tại Xi nghiệp in Ban VHTT Thành ủy
TP. Hồ Chí Minh. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB: 48/146 - CXB cấp
ngày 16.2.2004. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2004.

Đồng đội Điện Biên Phủ

ngày ấy - bây giờ



10142192

Giá: 38.000đ